**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 1: ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

**Chủ đề: văn bản nhật dụng**

***Ôn tập văn bản: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH*– LÊ ANH TRÀ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức: Giúp học sinh củng cố những kiến thức cơ bản về văn thuyết minh đã học ở lớp 8 và đầu học kì 1 lớp 9:

- Đặc điểm của văn bản thuyết minh.

- Các phương pháp thuyết minh.

- Yêu cầu cơ bản khi làm bài văn thuyết minh.

- Sự phong phú và đa dạng về đối tượng cần giới thiệu trong văn bản thuyết minh.

- Củng cố kiến thức về nội dung và nghệ thuật của văn bản nhật dụng: Phong cách Hồ Chí Minh

1. Kỹ năng: Rèn cho học sinh những kỹ năng cơ bản khi học và làm kiểu bài văn thuyết minh:- Khái quát hệ thống kiến thức đã học.

- Đọc – hiểu yêu cầu đề bài văn thuyết minh.

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh.

- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh.

- Vận dụng yếu tố miêu tả và một số biện pháp nghệ thuật khi làm bài văn thuyết minh.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn.

- Rèn kĩ năng học sinh trong việc vận dụng kiến thức cơ bản làm các dạng bài tập

1. Thái độ, phẩm chất: Nghiêm túc khi luyện tập thuyết minh.

- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ,yêu quê hương.

4. Năng lực:Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1+2: ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Gv gợi dẫn cho học sinh nhớ lại những kiến thức cơ bản về văn thuyết minh.  ? Thế nào là văn thuyết minh?  ? Yêu cầu của văn thuyết minh?  ? Kể tên các phương pháp thuyết minh? Lấy ví dụ.  GV: trong 1 bài văn thuyết minh, tùy từng đối tượng cụ thể, người viết vận dụng linh hoạt, kết hợp nhiều phương pháp thuyết minh phù hợp.  ? Để làm một bài văn thuyết minh, cần thực hiện theo những bước nào?  ? Kể tên các dạng bài văn thuyết minh mà em đã học?  *GV gợi ý, trình chiếu các yêu cầu cơ bản khi làm từng kiểu bài văn thuyết minh.*  *HS ghi nhanh vào vở.*  ? Yếu tố miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn thuyết minh như thế nào và có tác dụng gì?  GV lưu ý hs phân biệt văn miêu tả với văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả. | 1. **Đặc điểm của văn thuyết minh** 2. ***Khái niệm*:** Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong đời sống nhằm cung cấp tri thức về: đặc điểm, tính chất, nguyên nhân…của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.   ***2. Yêu cầu:***  - Tri thức trong văn bản thuyết minh phải khách quan, xác thực, hữu ích cho mọi người.  - Văn thuyết minh cần trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, hấp dẫn.  ***3. Phương pháp thuyết minh:***  a, Phương pháp nêu định nghĩa:  b, Phương pháp liệt kê:  c*,* Phương pháp nêu ví dụ:  d, Phương pháp dùng số liệu:  e, Phương pháp so sánh:  g, Phương pháp phân loại, phân tích:  ***II. Cách làm bài văn thuyết minh:***  ***- Bước 1:* Tìm hiểu đề**  ***+*** Xác định đối tượng thuyết minh.  + Sưu tầm, ghi chép và lựa chọn các tư liệu cho bài viết  + Lựa chọn phương pháp thuyết minh phù hợp  + Sử dụng ngôn từ chính xác, dễ hiểu để thuyết minh làm nổi bật các đặc điểm cơ bản của đối tượng.  ***- Bước 2:*** Lập dàn ý  ***- Bước 3:***Viết bài văn thuyết minh  +Viết phần mở bài**:** Mở bài có nhiều phương pháp, nhưng có thể quy vào hai phương pháp chủ yếu là mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp.  + Viết phần thân bài: Phần này thường gồm một số đoạn văn được liên kết với nhau thành một hệ thống nhằm giải đáp một số yêu cầu của đề bài  Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh nên tuân thủ theo thứ tự cấu tạo của sự vật, theo thứ tự nhận thức (*từ tổng thể đến bộ phận, từ ngoài vào* *trong, từ xa đến gần*), theo thứ tự diễn biến sự việc trong một thời gian trước - sau; hay theo thứ tự chính phụ: cái chính nói trước, cái phụ nói sau.  + Viết phần kết bài: Phần kết bài có thể nhấn mạnh một lần nữa đặc sắc của đối tượng giới thiệu- thuyết minh hoặc nêu một lời mời, một kiến nghị, hoặc một ấn tượng mạnh mẽ nhất về đối tượng đó.  ***III.Các dạng bài văn thuyết minh thường gặp.***  a, Thuyết minh là một đồ vật :Yêu cầu nêu được:  - Nguồn gốc, xuất xứ  - Cấu tạo của đối tượng  - Các đặc điểm của đối tượng  - Tính năng hoạt động  - Cách sử dụng, cách bảo quản  - Lợi ích của đối tượng  b,Thuyết minh về một loài vật: Yêu cầu nêu được:  - Nguồn gốc  - Đặc điểm  - Hình dáng  - Lợi ích  c, Thuyết minh về một thể loại văn học (ví dụ 1 thể thơ):  - Nêu một định nghĩa chung về thể thơ  - Nêu các đặc điểm của thể thơ:  + Số câu, chữ.  + Quy luật bằng trắc.  + Cách gieo vần.  + Cách ngắt nhịp.  + Cảm nhận về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ.  d, Thuyết minh là một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử:  - Vị trí địa lí.  - Những cảnh quan làm nên vẻ đẹp đặc sắc của đối tượng.  - Những truyền thống lịch sử, văn hoá gắn liền với đối tượng.  - Cách thưởng ngoạn đối tượng.  e, Thuyết minh về một đặc sản  - Nguồn gốc, ý nghĩa tên gọi món ăn, đặc sản.  - Đặc điểm riêng của món ăn, đặc sản: dáng vẻ, màu sắc, hương vị.  - Cách thức chế biến, thưởng thức.  g, Thuyết minh về một phương pháp, cách làm:  - Chuẩn bị nguyên vật liệu  - Cách chế biến/chế tạo  - Yêu cầu thành phẩm/sản phẩm  - Cách sử dụng…  ***IV. Sử dụng yếu tố miêu tả và một số biện pháp nghệ thuật trong văn thuyết minh***  a, Một số biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng khi làm bài văn thuyết minh: kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa, các hình thức vè, diễn ca…  b, Yếu tố miêu tả được sử dụng khi người viết muốn tái hiện một số đặc điểm của đối tượng thuyết minh.  c, Tác dụng: Làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh; gây hững thú cho người đọc… |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** Đọc bài ca dao sau và trả lời câu hỏi:  Con gà cục tác lá chanh  Con lợn ủn ỉn đòi hành cho tôi  Con chó khóc đứng khó ngồi  Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng giềng  a, Bài ca dao có tính chất của một văn bản thuyết mình không? Vì sao?  b, Hãy chỉ ra sự độc đáo cúa văn bản?  - Hình thức tổ chức luyện tập:hs làm việc cá nhân  - HS thực hiện  - GV gọi hs trả lời. | GV chốt kiến thức  a, Bài ca dao có tính chất của một văn bản thuyết minh vì bài ca dao đã cung cấp những tri thức khoa học về những gia vị chế biến các món ăn đối với các loại thực phẩm: lá chanh với thịt gà, hành với thịt lợn, giềng với thịt chó.  b, Văn bản thuyết minh được tổ chức dưới hình thức thơ lục bát và được xây dựng dưới dạng lời nói của các con vật với người đi chợ. Phép nhân hóa được sử dụng rất thành công trong trường hợp này. Tính cần thiết về sự kết hợp giữa thực phẩm và gia vị được diễn đạt dưới hình thức nhu cầu tự thân (lời đòi hỏi) của từng con vật.  -> Nội dung thuyết minh trở nên hấp dẫn, sinh động chứ không khô khan. Hình thức thơ lục bát khiến cho lời thuyết minh dễ thuộc, dễ nhớ; tạo sắc thái dí dỏm… |
| **Bài tập 2:** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:  *Phượng là loài cây thân gỗ, có thể cao hàng chục mét. Vỏ cây màu nâu sẫm. Lá phượng thuộc loại lá kép, trên phiến lá có nhiều lá nhỏ li ti như lá me. Hoa phượng thuộc họ dậu, mọc thành chùm. Cánh hoa mỏng, thuôn, cắm vào đài hoa xanh thẫm. Mỗi hoa có nhiều cánh xòe nở như cánh bướm, đỏ rực. Nhị hoa như những vòi nhỏ, vàng rục, xòe ra trên cánh. Hoa mọc thành chùm, các chùm gắn với nhau ở đầu cành. Mùa hè, cây phượng như mâm xôi gấc khổng lồ, đỏ rực một vùng. Quả phượng giống quả đậu to kì lạ, dài đến ba mươi phân, to khoảng năm phân. Mùa đông, quả khô lại, đung đưa theo gió.*  a, Đọan văn thuyết minh về đối tượng nào?  b, Chỉ ra các phương pháp thuyết minh được sử dụng trong đọan văn?  c, Xác định yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đọan văn? Tác dụng?  d, Ngoài những đặc điểm đã trình bày về đối tượng thuyết minh trong đoạn văn, khi giới thiệu về đối tượng này, em có thể trình bày những đặc điểm nào nữa?  e, Lập dàn ý cho đề văn giới thiệu về đối tượng ở bài tập 2.  - Hình thức tổ chức luyện tập: hs chia nhóm làm bài tập (mỗi tổ 1 nhóm, thực hiện 1 câu hỏi)  - HS thực hiện  - GV gọi hs đại diện nhóm trả lời. | - GV chốt kiến thức  a, Đoạn văn thuyết minh về cây phượng.  b, Phương pháp thuyết minh được sử dụng trong đoạn văn:  - Phương pháp nêu định nghĩa: Phượng là loại cây thân gỗ…  - Phương pháp phân tích, phân loại: giới thiệu các đặc điểm của hao phượng: vo cây, lá, hoa, quả…  - Phương pháp so sánh  c, Yếu tố miêu tả kết hợp với biện pháp so sánh: Lá phượng …như lá me, Cánh hoa…đỏ rực, nhị hoa…trên cánh, …  - Tác dụng: làm nổi bật đặc điểm của cây phượng…  d, HS có thể giới thiệu thêm một số đặc diểm khác của cây phượng như:  - Nguồn gốc, đặc diểm sinh trưởng  - Vai trò, ý nghĩa của cây phượng với con người nói chung và học trò nói riêng…  e, Dàn ý  \* Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu về cây phượng (loài cây thân thuộc với tuổi học trò, thường trồng trong sân trường, lưu giữ nhiều kỉ niệm,...).  \* Thân bài:  - Nguồn gốc: Phượng có nguồn gốc ở Madagascar. Tại Việt Nam, phượng vĩ được người Pháp du nhập vào trồng khoảng những năm cuối thế kỷ 19 tại các thành phố lớn như Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn.  **-** Đặc điểm  + Thân cây: thân gỗ, cao từ 6-12m, lớp vỏ cây xù xì, có màu nâu  + Lá cây: nhỏ như lá me, màu xanh cốm, mọc đối xứng  + Tán cây: rộng, có nhiều cành nhỏ  + Rễ cây: rễ cọc, ăn sâu xuống mặt đất  + Hoa phượng: có 5 cánh, màu đỏ lốm đốm trắng, gồm nhiều bông, nhiều chùm  + Quả: dài và cong như lưỡi liềm, có nhiều hạt  **-** Sinh trưởng  + Cây tái sinh hạt và chồi đều mạnh  + Nơi sinh sống chủ yếu: vùng nhiệt đới, cận nhiệt đới. Có thể phát triển trên mọi địa hình: ven biển, đồi núi, trung du  + Dễ trồng, mọc khỏe, phát triển nhanh, không kén đất  + Tuổi thọ không cao: khoảng 30 tuổi  **-** Công dụng, ý nghĩa  + Tán cây rộng, che bóng mát.  + Hoa nở đẹp, tăng vẻ mỹ quan cho không gian được trồng.  + Hạt rất bùi, có thể ăn được, rễ cây dùng làm thuốc, thân để lấy gỗ  + Gắn liền với người học sinh, tuổi học trò  + Đi vào thơ ca, nhạc họa  - Ý nghĩa của cây phượng:  + Gắn với nhiều kỉ niệm bên mái trường.  + Loài cây mang nhiều ý nghĩa biểu trưng, gửi gắm nhiều tình cảm của lứa tuổi học trò.  \* Khái quát cảm nghĩ của bản thân về cây phượng (loài cây ý nghĩa, chất chứa nhiều cảm xúc, nỗi niềm,....). |

**Tiết 2:*Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** Lập dàn ý cho đề bài sau:  Giới thiệu về cây lúa Việt Nam  (Y/c: có sử dụng yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật)  - Hình thức tổ chức luyện tập:hs làm việc cá nhân  - HS thực hiện  - GV gọi hs trả lời.  . | - GV chốt kiến thức  **1. Mở bài:**  Cây lúa tự giới thiệu chung về bản thân  **2. Thân bài:**  **\* Nguồn gốc:**  - Lúa là một loại cây trồng cổ có vai trò quan trọng trong đời sống và lịch sử phát triển của hàng triệu, triệu người trên Trái đất từ xa xưa đến nay…  **\* Đặc điểm:**  - Lúa là loại cây lương thực quan trọng nhất thuộc nhóm ngũ cốc.  - Lúa là cây có một lá mầm, rễ chùm, thân cỏ rỗng  - Lá lúa có phiến dài mỏng, mọc bao quanh thân  - Hoa lưỡng tính, không có bao hoa; quả có vỏ trấu bao ngoài gọi là hạt thóc.  - Khi lúa chín, cả thân, lá, quả đều ngả màu vàng  - Hạt gạo nằm bên trong vỏ trấu màu trắng…  **\* Các loại lúa:**  - Có nhiều loại: Lúa tẻ, lúa nếp. Mỗi loại lại có nhiều loại nhỏ khác nhau……………  - Căn cứ vào thời vụ gieo trồng, có: Lúa chiêm, lúa mùa, lúa xuân hè, lúa hè thu,…  - Căn cứ cách gieo trồng, có: Lúa cấy, lúa sạ, lúa trời,…  **\* Quá trình sinh trưởng:** Trải qua nhiều giai đoạn  - Từ hạt thóc – nẩy mầm – lên mạ - thành cây lúa – bén rễ - hồi xanh – rồi đẻ nhánh – làm đốt – làm đòng – trổ bông – làm hạt – nở hoa – thụ phấn – hình thành hạt chín  - Quá trình tạo hạt: Từ chín sữa chín sáp chín hoàn toàn.  **\* Ích lợi và vai trò của cây lúa:**  - Là cây lương thực chính nuôi sống con người (40% dân số thế giới coi lúa là lương thực chính). Tổ chức dinh dưỡng quốc tế gọi hạt gạo là “hạt của sự sống”. Lúa có đầy đủ các chất dinh dưỡng như tinh bột, prôtêin, lipit, xenlulôzơ, nước,…  - Gạo để xuất khẩu (Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới)  - Lúa gạo dùng để chăn nuôi  - Lúa còn chế biến ra nhiều sản phẩm như: Bánh, cốm, rượu,…  - Sản phẩm phụ từ lúa được sử dụng trong nhiều lĩnh vực:  + Tấm để sản xuất tinh bột, rượu, cồn, a-xê-tôn, phấn mịn, thuốc chữa bệnh,…  + Cám làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, trong công nghiệp dược (sản xuất B1, chữa tê phù., làm mỹ phẩm, dầu cám,…)  + Trấu dùng sản xuất men làm thức ăn gia súc, sản xuất vật liệu đóng lót hàng, độn chuồng, làm phân bón, chất đốt,…  + Rơm, rạ làm thức ăn cho gia súc, sản xuất giấy, đồ gia dụng, làm đồ thủ công mỹ nghệ, trồng nấm rơm, làm chất đốt…  - Cây lúa có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam:  + Đó là loại cây tiêu biểu của xứ sở Việt Nam, gắn với văn hoá ẩm thực, với nhiều phong tục, tập quán của người dân Việt như: Tục gói bánh chưng, bánh giầy, lễ hội xuống đồng, tục cúng cơm mới, thổi cơm thi,…  + Cây lúa đã đi vào nhiều câu ca dao tục ngữ, nhiều câu chuyện dân gian, nhiều bài thơ bài hát…  - Nhánh lúa vàng được thể hiện trên quốc huy nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nay là nước CHXHCN Việt Nam  - Bó lúa còn là biểu trưng cho tình đoàn kết hữu nghị của các dân tộc Đông Nam Á trên lá cờ Asian  **\* Cách gieo trồng chăm sóc lúa:**  - Trồng trên ruộng nước  - Chăm sóc lúa gồm nhiều công việc: Làm cỏ, sục bùn, diệt cỏ dại, kích thích ra rễ mới, tưới nước, bó phân…  **3. Kết bài:** Cảm nghĩ chung về cây lúa. |
| **Bài tập 2**  Viết phần mở bài, kết bài và 1 ý trong dàn ý em vừa lập ở bài tập 1: Giới thiệu về cây lúa Việt Nam.  - Hình thức tổ chức luyện tập:hs làm việc cá nhân  - HS thực hiện  - GV gọi hs trả lời | - GV chốt kiến thức  VD phần mở bài: Chúng tôi sinh ra, lớn lên và gắn liền với nền văn minh lúa nước sông Hồng. Nói như vậy chắc hẳn các bạn đã biết chúng tôi là ai rồi phải không. Tôi là lúa nếp cái hoa vàng, một thành viên khá quan trọng không thể thiếu trong tập thể họ hàng nhà lúa. Họ nhà lúa không chỉ là nguồn sống, đem lại những giá trị vật chất nuôi sống con người mà chúng tôi còn là người bạn tâm giao, cùng sẻ chia những vui buồn, ước vọng của người nông dân Việt Nam nữa cơ đấy.  VD đoạn văn giới thiệu về nguồn gốc của cây lúa: Không rõ họ hàng nhà lúa chúng tôi có mặt trên Trái đất từ bao giờ, nhưng nghe cha ông kể lại thì đã từ lâu, rất lâu rồi, chúng tôi đã là một loại cây lương thực cổ có vị trí quan trọng trong đời sống và lịch sử phát triển của hàng triệu, triệu người từ xa xưa đến nay. Đi khắp đất nước Việt Nam, từ Bắc vào Nam, từ miền ngược đến miền xuôi,… đâu đâu các bạn cũng có thể bắt gặp hình ảnh họ hàng nhà lúa chúng tôi trải rộng trên các cánh đồng thẳng cánh cò bay. Cây lúa chúng tôi đã góp phần tạo nên vẻ đẹp tuyệt vời vời cho đất nước:  *“Việt Nam đất nước ta ơi*  *Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn…”*  (Nguyễn Đình Thi) |

**TIẾT 3: ÔN TẬP VĂN BẢN: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

**Tiết 1: Hướng dẫn ôn tập văn bản: Phong cách Hồ Chí Minh (Lê Anh Trà)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Văn bản nhật dụng là gì?***  ***? Trong VBND đề cập tới những vấn đề nào, hãy chỉ rõ yêu cầu của những vấn đề đó?***  ***? Kể tên các văn bản nhật dụng đã học trong chương trình ngữ văn lớp 9?***  ***? Ba văn bản nhật dụng đã học nằm ở đề tài nào?***  - Quyền sống của con người: Tuyên bố thế giới về sự sống còn và quyền được bảo vệ phát triển của trẻ em.  - Bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh: Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.  - Hội nhập và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc: Phong cách Hồ Chí Minh.  **Giáo viên hướng dẫn học sinh ôn tập văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh”**  ***? Khái quát những nét chính về tác giả, xuất xứ văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh”?***  ***? Nhắc lại nôi dung chính của văn bản?***  ***-***Vốn tri thức văn hóa nhân loại sâu rộng của Hồ Chí Minh:  - Phong cách sống và làm việc của Người:  - Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh:  ***?Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh có thể sâu rộng như thế là nhờ những yếu tố nào?***  - Nhờ quá trình đi, tiếp xúc nhiều văn hóa trên thế giới.  - Khả năng tự học.  - Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng.  - Hiểu biết sâu rộng về các dân tộc và văn hóa thế giới một cách uyên thâm.  - Tiếp thu có chọn lọc.  ***? Em học tập được điều gì ở Bác qua văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà văn Lê Anh Trà?***  - Biết học hỏi, siêng năng, chăm chỉ.  - An cần ở kiệm.  - Tinh thần tự học.  - Tiếp nhận những thứ bên ngoài một cách chọn lọc.  ***? Nêu và phân tích những biện pháp nghệ thuật làm nổi bật vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh qua văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” của Lê Anh Trà?***  - Kết hợp giữa kể và bình luận. Đan xen giữa lời kể là lời bình luận một cách tự nhiên  - Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu  - Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc sự gần gũi giữa Bác với các bậc hiền triết dân tộc.  - Sử dụng nghệ thuật đối lập: vĩ nhân mà hết sức giản dị, gần gũi, am hiểu mọi nền văn hóa nhân loại mà hết sức Việt Nam. | **\* Khái niệm VBND:**  - Là những văn bản đề cập đến những vấn đề có tính cập nhật và vấn đề cơ bản của con người và cộng đồng.  **\* Đặc điểm:** Đảm bảo ba yếu tố:  - **Đề tài:** Thiên nhiên, môi trường, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.....  - **Chức năng**: Bình luận, tường thuật, miêu tả, đánh giá....về những hiện tượng của con người và xã hội.  - **Tính cập nhật**: Tính thời sự kịp thời, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày có ý nghĩa cơ bản...  **\* Các VBND đã học:**  1. Phong cách Hồ Chí Minh (Lê Anh Trà)  2. Đấu tranh cho một thế giới hòa bình (Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két)  3. Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ phát triển của trẻ em.  **A. Văn bản: Phong cách Hồ Chí Minh.**  **I. Kiến thức cơ bản.**  **1. Tác giả**: Lê Anh Trà (1927 – 1999), quê ở xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.  **2. Văn bản:**  - ***Xuất xứ:*** phần trích từ bài viết Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị, in trong tập Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam, Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990.  **3. Nội dung**  - Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại.  **4. Nghệ thuật**  - Kết hợp giữa kể chuyện, phân tích, bình luận  - Chọn lọc chi tiết tiêu biêủ và sắp xếp chúng một cách mạch lạc.  - Ngôn từ sử dụng chuẩn mực. |

**II. Luyện tập :**

**Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập đề đọc hiểu.**

**ĐỀ 1: Đọc kĩ phần trích sau đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyên thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.*

**Câu hỏi**

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

2. Tìm dẫn chứng cụ thể để chứng tỏ lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất Phương Đông của Hồ Chí Minh?

3. Nêu và phân tích các biện pháp nghệ thuật đã được tác giả sử dụng thành công để làm nổi bật vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh trong phần trích nói trên.

4. Từ nội dung đoạn văn gợi ra hãy nêu suy nghĩ của em về lối sống giản dị bằng 10 câu?

**GỢI Ý**

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

2. Đoạn văn đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho lối sống giản dị mà thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cách chọn nơi làm việc; sự giản dị trong trang phục; sự giản dị, đạm bạc trong ăn uống.

3. - Nghệ thuật đối lập (vĩ nhân mà hết sức giản dị gần gũi)

- Kết hợp giữa kể và bình luận

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu

- Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, cách dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các bậc hiền triết của dân tộc.

Mỗi biện pháp nghệ thuật phải được làm rõ qua việc chọn và phân tích các dẫn chứng tiêu biểu.

4) HS viết đoạn văn đảm bảo nội dung sau:

Giản dị là một đức tính tốt đẹp của nhân dân ta (1). Giản dị là đơn giản không xa hoa, lãng phí, không quá cầu kỳ, phức tạp, cũng như không bao giờ khoa trương (2). Lối sống giản dị không phải chỉ thể hiện qua lời nói, cách ăn mặc, việc làm mà còn thể hiện qua suy nghĩ và hành động của mọi người trong cuộc sống cũng như trong các hoàn cảnh(3). Chúng ta phải sống giản dị vì ta sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng (4). Bác Hồ là tiêu biểu của con người giản dị. Bác ăn bữa cơm chỉ có vài ba món(5).Sau khi ăn Bác luôn dọn sạch và khi ăn không để rơi hạt cơm nào (6).Hiện nay đã có nhiều người biết sống giản dị, đơn giản (7).Trong đó cũng có nhiều người vẫn chưa biết sống giản dị mà lại sống quá lãng phí, xa hoa (8). Mọi người ơi (9). Chúng nên noi theo gương Bác phải sống thật giản dị và đơn giản (10).

**ĐỀ 2*: Trong bài « phong cách Hồ Chí Minh », sau khi nhắc lại việc chủ tịch Hồ Chí Minh  đã tiếp xúc với nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới , tác giả Lê Anh Trà viết :***

*«  .. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”…*

(Trích *Ngữ Văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

**Câu hỏi :**

1. Ở phần trích trên, tác gỉa đã cho ta thấy vẻ đẹp của phong cách HCM được kết hợp hài hòa bởi những yếu tố nào? Em hiểu được điều gì về tình cảm của tác giả dành cho Người?

2. Xác định hai danh từ được sử dụng như tính từ trong phần trích dẫn, cho biết hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ ấy ?

3. Em hãy suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập và phát triển.

**GỢI Ý :**

1. Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa Quốc tế và gốc văn hóa dân tộc.

– Qua đó tác giả Lê Anh Trà thể hiện tình cảm kính trọng, ca ngợi Bác Hồ, tự hào về Người như một đại diện của một con người ưu tú Việt Nam.

2. Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, Phương Tây. Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao. Tác giả nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc Phương Đông trong con người Bác.

3. Trách nhiệm thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập:

***– Giải thích***: thời kỳ hội nhập: các nền kinh tế thế giới mở cửa, hội nhập dẫn đến sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các nước.

***– Trách nhiệm thế hệ trẻ:***

+ Gìn giữ và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; + Nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào vễ những truyền thống văn hóa tốt đẹp: truyền thống yêu nước; Uống nước nhớ nguồn; văn hóa lễ hội truyền thống; phong tục tập quán; di sản, di tích lịch sử,…

+ Tiếp tục những ảnh hưởng tích cực từ văn hóa nước ngoài đồng thời gạn lọc những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

***– Đánh giá***: đây là vấn đề quan trọng đòi hỏi ý thức và nhận thức của thế hệ trẻ cùng đồng lòng, chung tay góp sức.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 2: ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH – G. MẮC KÉT**

**SỰ SỐNG CÒN QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỀ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:HS nắm được:**

- Những nội dung và nghệ thuật cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

**-** Hệ thống kiến thức về các văn bản nhật dụng đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

**2. Kĩ năng:**

- Tiếp cận một văn bản nhật dụng.

- Tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức.

- Biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập

**3. Thái độ,phẩm chất:** Giáo dục học sinh có tình cảm yêu mến thiên nhiên, học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ, biết đấu tranh cho một thế giới hòa bình, yêu quê hương đất nước.

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hệ thống hóa, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề, tương tác, sáng tạo, thưởng thức văn học thẩm mĩ.

- Năng lực riêng: Tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: Hướng dẫn ôn tập văn bản: Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***? Chủ đề của văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?***  - Văn bản kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và sự sống trên trái đất.  ***? Nhắc lại những nét chính về tác giả, xuất xứ văn bản?***  - Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết và nhiều tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo.  - "Trăm năm cô đơn" (1967) là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng từng được giới phê bình văn học đánh giá là một trong những cuốn sách hay nhất thế giới trong những năm 60 của thế kỷ XX.  - Năm 1982, Mác-két được tặng giải thưởng Nô- ben về văn học.  ***? Khái quát về nội dung của văn bản?***  ***? Nội dung của văn bản được triển khai bằng một hệ thống luận điểm, luận cứ như thế nào?***  - Nội dung của văn bản được triển khai bằng một hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ:  + Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ, có khả năng hủy diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời.  + Cuộc chạy đua vũ trang làm mất đi khả năng cải thiện nhiều lĩnh vực: xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục… Những chi phí khổng lồ cho chạy đua vũ trang đã cho thấy tính chất phi lý của việc đó.  + Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lý trí của loài người mà còn ngược lại lý trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hóa.  + Vì vậy, tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.  ***? Nghệ thuật đặc sắc của văn bản?*** | **I. Kiến thức cơ bản.**  **1. Tác giả.**  - Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két là nhà văn Cô-lôm-bi-a, sinh năm 1928.  **2. Văn bản.**  **- Xuất xứ:** Văn bảntrích từ bài tham luận nổi tiếng của G.Mác-két tại hội nghị của các nguyên thủ của các nước thuộc châu Á, Âu, Phi, Mĩ-La-tinh vào tháng 8 năm 1986, tại Mê-hi-cô.  **3. Nội dung**  - Văn bản chỉ rõ nguy cơ khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân và cuộc chạy đua vũ trang đang đe dọa toàn thể loài người cũng như mọi sự sống trên trái đất. Vì thế nhiệm vụ của tất cả mọi người là ngăn chặn nguy cơ đó, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.    **4. Nghệ thuật**  - Hệ thống luận điểm, luận cứ toàn diện chặt chẽ.  - Chứng cứ phong phú, cụ thể từ nhiều lĩnh vực tri thức khoa học và thực tiễn.  - Sử dụng phép so sánh thích hợp, có hiệu quả.  - Kết hợp lý lẽ sắc bén với tri thức phong phú và đặc biệt là lòng nhiệt tình mạnh mẽ của tác giả. |

**II. Luyện tập:**

**ĐỀ 1. Cho đoạn văn:** *“Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí vì một cuộc sống hòa bình, công bằng. Nhưng dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”*

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**Câu hỏi**

a.“Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó” ,“việc đó” mà tác giả đề cập đến trong đoạn trích trên là việc gì? “Việc đó” đem lại hậu quả gì cho nhân loại?

b. Vì sao tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”?

c. Vấn đề G.Mác -két đưa ra trong “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” có ý nghĩa như thế nào trong tình hình hiện nay. Viết đoạn văn ngắn (8-10 câu) trình bày ý kiến của em.

**\* GỢI Ý.**

a. “Việc đó” là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên toàn trái đất.

\* Hậu quả: Hiểm hoạ chung của nhân loại, huỷ duyệt sự sống trên trái đất.

b. Tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích” vì: - Bài viết trên đã chỉ ra hậu quả khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân; kêu gọi mọi người cùng lên án.

- Việc mọi người họp bàn, lên tiếng đưa ra lời kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân sẽ góp phần tích cực để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, mang lại hòa bình, môi trường sống an toàn cho thế giới.

C. Học sinh viết thành đoạn văn thể hiện vấn đề nêu trong bài viết có tính cấp thiết đối với đời sống xã hội và con người hiện nay nó cũng là vấn đề đã có ý nghĩa lâu dài chứ không phải chỉ là nhất thời, đó là nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn hiện hữu và mọi người cần đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

Cụ thể đảm bảo một số ý chính sau :

- Trong những năm qua thế giới có những đáng kể để làm giảm nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Chẳng hạn :

- Các hiệp ước cấm thử, cấm phổ biến vũ khí hạt nhân đã được nhiều nước kí kết, hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược giữa Mĩ và Liên Xô (nay là nước Nga). Nhưng hoàn toàn không có nghĩa là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đã không còn hoặc lùi xa.

- Kho vũ khí hạt nhân vẫn tồn tại và ngày càng được cải tiến.

- Chiến tranh và xung đột vẫn liên tục nổ ra nhiều nơi trên thế giới. Vì vậy thông điệp của G.Mác -két vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tiếp tục thức tỉnh và kêu gọi mọi người đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

**ĐỀ 2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.**

*“Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước nhũng lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này ”.*

(“Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” – G.G. Mác- két).

**Câu hỏi**

a. G.G. Mác- két đã lên án điều gì trong văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

b. Gạch chân dưới các trạng ngữ trong đoạn văn trên.Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng trong đoạn văn có tác dụng gì?

c. Lấy chủ đề “*Khát vọng hòa bình*”, em hãy triển khai thành một đoạn văn diễn dịch dài khoảng 10 đến 12 câu.

**\* GỢI Ý:**

a. Mác – két lên án việc các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí hạt nhân.

b. Gạch chân dưới các trạng ngữ : Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước nhũng lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này.

- Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng để nhấn mạnh mục đích của đề xuất mở nhà

băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại sau thảm họa hạt nhân; Tăng sức lên án, tố cáo chạy

đua vũ trang, sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân.

***C. Viết đoạn văn đảm bảo nội dung sau :***

***- Giải thích:*** Hòa bình là sự bình an vui vẻ, không có chiến tranh, xung đột hay đổ máu. Khát vọng hòa bình là mong muốn vươn tới cuộc sống vui vẻ, an lành, được tôn trọng bình đẳng, tự do và hạnh phúc.

***- Bàn luận:***

+ Khát vọng hòa bình là biểu tượng của sự bình yên, là khát vọng chung của mỗi người và của toàn nhân loại.

+ Hòa bình giúp mỗi người biết yêu thương nhau, giúp mỗi dân tộc có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc bền lâu.

+ Hòa bình tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh gây mâu thuẫn căng thẳng; là điều kiện để hợp tác và phát triển…

+ Trái với khát vọng hòa bình là những toan tính ích kỉ hẹp hòi, những hành động chạy đua vũ trang, gây đổ máu và chiến tranh, chúng ta cần quyết liệt lên án những hành vi đó.

+ Dân tộc ta đã phải trải qua bao nhiêu đau thương mất mát trong chiến tranh chống

giặc ngoại xâm để bảo vệ hòa bình nên hiểu rất rõ giá trị, tầm quan trọng của khát

vọng hòa bình.

***- Phê phán:*** Phê phán những hành vi gây chiến tranh, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của mỗi người mỗi dân tộc.

***- Bài học nhận thức và hành động:***

+ Cần biết trân trọng, giữ gìn và thể hiện khát vọng hòa bình ở mọi lúc, mọi nơi; biết sống thân thiện, chan hòa nhân ái với những người xung quanh.

+ Là học sinh, cần ra sức học tập, nâng cao hiểu biết, giải quyết xung đột bằng sự lắng nghe, thấu hiểu, đối thoại chân tình thẳng thắn.. tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hòa bình và công lý

**ĐỀ 3: Một văn bản trong chương trình Ngữ văn 9 có viết:**

*“Trong thời đại hoàng kim này của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó”. (Ngữ văn 9 – tập 1)*

**Câu hỏi**

1. Câu văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

*2.“Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là việc gì?

3. Tại sao tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp”*ấy? Em hiểu thế nào về thái độ của tác giả về sự việc trên?

4. Đất nước chúng ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh đầy khốc liệt và đau thương. Ngày nay, chiến tranh đã đi qua, thế hệ thanh niên đang được sống trong hòa bình. Bằng hiểu biết về văn bản trên và kiến thức xã hội, em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

**GỢI Ý:**   
1. Câu văn trên trích từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” Tác giả là G. Mác-két.

*2.“Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là chiến tranh hạt nhân.

3.Tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện phá”*ấy vì biện pháp hạt nhân mà con người phát minh ra là hiểm họa khôn lường và nó ảnh hưởng, đe dọa trực tiếp tới cuộc sống hòa bình của toàn thế giới.

Tác giả thế hiện thái độ phản đối gay gắt đối với vấn đề này.

4. + Giải thích khái niệm “hòa bình”: là sự bình đẳng, tự do, không có bạo động, không có chiến tranh và những xung đột về quân sự.

+ Ý nghĩa của cuộc sống hòa bình:

-Để dành được hòa bình, thế hệ cha anh đi trước – các anh hùng thương binh liệt sĩ đã chiến đấu hết mình, hi sinh xương máu.

-Trạng thái đối lập của hòa bình là chiến tranh. Sống trong chiến tranh, con người sẽ đối diện với những thảm họa về mất mát, đau thương.

-Sống trong hòa bình, con người sẽ được tận hưởng không khí của độc lập, tự do, yên bình và hạnh phúc.

+ Lật lại vấn đề: Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số tín đồ, đảng phái luôn sử dụng những chiêu trò công kích, kích thích, chống phá, gây ra bạo lực vũ trang,…

+ Bài học nhận thức và hành động:

-Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hòa bình.

-Cần tránh xa những thế lực gây ảnh hưởng đến nền hòa bình, đồng thời giữ gìn, bảo vệ hòa bình.

**Bài tập 4. Vấn đề G.Mác - két đưa ra trong “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” có ý nghĩa như thế nào trong tình hình hiện nay?**

Học sinh viết thành đoạn văn hoàn chỉnh thể hiện vấn đề nêu trong bài viết có tính cấp thiết đối với đời sống xã hội và con người hiện nay nó cũng là vấn đề đã có ý nghĩa lâu dài chứ không phải chỉ là nhất thời, đó là nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn hiện hữu và mọi người cần đấu tranh cho một thế giới hòa bình. Cụ thể đảm bảo một số ý chính sau:

- Trong những năm qua thế giới có những đáng kể để làm giảm nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Chẳng hạn:

+ Các hiệp ước cấm thử, cấm phổ biến vũ khí hạt nhân đã được nhiều nước kí kết, hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược giữa Mĩ và Liên Xô (nay là nước Nga). Nhưng hoàn toàn không có nghĩa là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đã không còn hoặc lùi xa.

+ Kho vũ khí hạt nhân vẫn tồn tại và ngày càng được cải tiến.

- Chiến tranh và xung đột vẫn liên tục nổ ra nhiều nơi trên thế giới.Vì vậy thông điệp của G.Mác -két vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tiếp tục thức tỉnh và kêu gọi mọi người đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

**Tiết 2+3: Hướng dẫn ôn tập văn bản: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***?Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản?***  - Hội nghị diễn ra trong bối cảnh mấy mươi năm cuối thế kỷ XX, khoa học kỹ thuật phát triển, kinh tế tăng trưởng, tính cộng đồng, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng. Đó là những điều kiện thuận lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Song bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn, nhiều vấn đề cấp bách được đặt ra: sự phân hóa rõ rệt về mức sống giữa các nước về giàu nghèo, tình trạng chiến tranh và bạo lực ở nhiều nơi trên thế giới, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị tàn tật, bị bóc lột và nguy cơ thất học ngày càng nhiều.  ***? Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản?*** | **I. Kiến thức cơ bản**  ***1. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm***  - Văn bản trích phần đầu bản “Tuyên bố” của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại trụ sở Liên Hợp quốc, Niu oóc ngày 30/9/1990, trong cuốn “Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em” (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997).    **2. Văn bản**  ***a. Nội dung***  - Văn bản gồm 17 mục: chia 3 phần  + Phần “Sự thách thức”: Nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm hoạ của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay.  + Phần “Cơ hội”: Khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em.  +Phần “Nhiệm vụ”: Xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn, phát triển của trẻ em. Những nhiệm vụ này được nêu lên một cách hợp lý và tính cấp bách trên cơ sở tình trạng, điều kiện thực tế.  🢡 Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu. Bản “Tuyên bố” của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em ngày 30/9/1990 đã khẳng định điều đó và cam kết thực hiện những nhiệm vụ có tính toàn diện vì sự sống còn, phát triển của trẻ em, vì tương lai của toàn nhân loại.  ***b. Nghệ thuật***  - Văn bản có bố cục chặt chẽ, hợp lí. Bản thân các tiêu đề đã nói lên điều đó.  - Sau hai mục đầu khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới, khẩn thiết kêu gọi toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này, 15 mục còn lại được bố cục thành 3 phần. Mỗi phần được đặt tiêu đề rõ ràng, thể hiện tính chặt chẽ, hợp lí của văn bản. Phần “Sự thách thức” tuy ngắn gọn nhưng đủ và cụ thể. Phần “Nhiệm vụ”, các nhiệm vụ nêu ra vừa cụ thể, vừa toàn diện bao quát trên mọi lĩnh vực (y tế, giáo dục, xã hội), mọi đối tượng (trẻ em bị tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trai, gái) và mọi cấp độ (gia đình, xã hội, quốc gia, cộng đồng quốc tế). |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  **Bài tập 1. *Tại sao vấn đề chăm sóc, bảo vệ trẻ em ngày càng trở nên cấp bách, được cộng đồng quốc tế quan tâm đến thế? Đọc phần “Sự thách thức của Bản tuyên bố” em hiểu như thế nào về tình trạng khổ cực của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay?***    **Bài tập 2. *Em có nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này ?*** | **II. Luyện tập:**  **Bài tập 1.**  - Vai trò của trẻ em đối với tương lai của một dân tộc, đối với toàn nhân loại.  - Thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay :  + Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh, và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ A-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.  + Chịu đựng những thảm hoạ của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh mù chữ, môi trường xuống cấp.  + Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.  **Bài tập 2.**  - Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến tương lai của một đất nước của toàn nhân loại.  - Qua những chủ trương, chính sách, qua những hành động cụ thể đối với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em mà ta nhận ra trình độ văn minh của một xã hội.  - Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang được cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng với các chủ trương, nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể toàn diện. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học: Ôn tập nội dung kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà: Hoàn thiện các bài tập sau:

**Cho đoạn trích:**

“*Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rông tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.”*

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

**Câu hỏi**

a. Xét về mục đích nói, những câu “*Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rông tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới*.” thuộc kiểu câu gì?

Nêu tác dụng của kiểu câu đó trong việc thể hiện nội dung đoạn văn?

b. Chỉ ra biện pháp tu từ có trong đoạn trích trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

c. Từ chúng trong đoạn văn trên dùng để chỉ ai? Tại sao tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ?

d. “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc”. Vậy trong thực tế hiện nay, trẻ em đang đứng trước những nguy cơ nào?

e. Em có nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này?

**\* GỢI Ý**

a. Câu cầu khiến.

b. Biện pháp tu từ: Lặp lại cấu trúc câu

- T/d: Tạo giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát.

+ Nhấn mạnh những quyền mà trẻ em được hưởng, khẳng định trẻ em cần được

bảo vệ và phát triển.

c. Từ chúng dùng để chỉ Tất cả trẻ em trên thế giới

- Nghĩa là: chúng phải được sống trong môi trường hòa bình, luôn có sự tương trợ, giúp đỡ lan nhau trên mọi lĩnh vực; không có hiềm khích, không có chiến tranh. Đó là điều kiện tốt để cho trẻ em phát triển cả về thể chất và tâm hồn.

d. Nguy cơ: đói nghèo, mù chữ, bị bạo hành gia đình, xâm hại, bóc lột.

e- Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến tương lai của một đất nước của toàn nhân loại.

- Qua những chủ trương, chính sách, qua những hành động cụ thể đối với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em mà ta nhận ra trình độ văn minh của một xã hội.

- Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang được cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng với các chủ trương, nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể toàn diện.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 3: Chủ đề: Văn thuyết minh**

***Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh***

***Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh***

**I. Môc tiªu cÇn ®¹t**

***1. Kiến thức***

- Biết vận dụng một số biện pháp nghệ thuật vào tạo lập văn bản thuyết minh cụ thể.

- Nắm được cách sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

- Những yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.

- Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.

***2. Kĩ năng***

- Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

***3. Thái độ, tình cảm***

- Học sinh có ý thức khi sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh.

**4. Các năng lực cần hình thành cho hs.**

- giao tiếp TV, hợp tác,tự quản bản thân

**II. ChuÈn bÞ cña thÇy vµ trß**

- GV : Đọc tư liệu, soạn bài.

- HS : Ôn bài theo hướng dẫn.

**III. Tæ chøc c¸c ho¹t ®éng d¹y - häc**

1.æn ®Þnh líp :

2. KiÓm tra bµi cò :

3. Néi dung bµi míi:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **?** ***Bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng có cấu tạo ntn?***  -> Giới thiệu: lịch sử, cấu tạo, chủng loại, công dụng của đồ dùng.  ***? Nhắc lại các bước làm bài văn thuyết minh?***   * B1: lựa chọn đề tài. Em chọn thuyết minhvề đồ dùng nào? Vì sao? * B2: Xác định đối tượng thuyết minh   ( Em sẽ đưa vào bài làm những tri thức cụ thể nào vể thứ đồ dùng mà em muốn thuyết minh?   * B3: Vận dụng các biện pháp nghệ thuật   (em vận dụng các biện pháp NT nào trong bài văn thuyết minh)   * B4: Xây dựng dàn ý chi tiết * B5: Tự kiểm tra   ***? Khi viết bài văn thuyết minh cần vận dụng một số biện pháp nghệ thuật vào tạo lập văn bản thuyết minh cần chú ý ntn?***  + xác định đối tượng cầnthuyết minh  + Xét xem có sử dụng các yếu tố NT vào bài viết được không ?  + Lập dàn ý chi tiết  + Tập viết từng phần, cả bài.  ***? T/d của các biện pháp nghệ thuật khi sử dụng trong bài văn thuyết minh?*** *(ghi nhớ sgk T13)* | **I. Ôn lý thuyết:** |

**C. Hoạt động luyện tập**

***- Mục tiêu*** : HS vận dụng kiến thức vào bài tập thực hành.

***- Phương pháp*** : Vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, ...

***- Thời gian*** : 20 phút

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đề bài: Thuyết minh về Cái quạt***  ***? Em sẽ đưa vào bài viết những tri thức nào về thứ đồ dùng mà em muốn thuyết minh?***  ***? Để giới thiệu một chiếc quạt người thuyết minh cần làm rõ vấn đề gì? (xem dàn ý)***  - Cho một số học sinh ở nhóm 1 trình bày dàn ý, chi tiết, dự kiến cách sử dụng yếu tố nghệ thuật trong bài thuyết minh.  - Giáo viên nhận xét chung, hướng dẫn lập dàn ý, gợi ý cách sử dụng biện pháp nghệ thuật sao cho đạt hiệu quả.  \* Lưu ý: Nên sử dụng biện pháp nghệ thuật: tự thuật, nhân hoá, so sánh…  Liên hệ:  - Ngày xưa quạt giấy còn là một sản phẩm mỹ thuật (Người ta vẽ tranh, đề thơ lên quạt, dùng quạt tặng nhau làm vật kỉ niệm.)  - Quạt ở nông thôn..., quạt kéo ở các nhà quan ngày trước.... | **II. Luyện tập:**  **Đề bài**: ***Thuyết minh về cái quạt***  **Lập dàn ý:**  **1*. Mở bài*** : Giới thiệu chung về chiếc quạt.  **2*. Thân bài:***  + Quạt là một loại dụng cụ ntn?  + Quạt gồm những loại nào?  + Các loại quạt khác nhau có cấu tạo khác nhau ntn?  + Quạt có những công cụ gì?  + Cách bảo quản ra sao?  **3***.* ***Kết bài***: Cảm nghĩ chung về cái quạt trong đời sống hiện đại.  **Câu 3**: Câu tục ngữ “ Lời nói gói vàng” và câu “ Lời nói chẳng mất tiền mua – Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” có phải mâu thuẩn nhau không ? Dựa vào phương châm hội thoại em hãy lý giải điều đó.  *Gợi ý: -* Khẳng định không mâu thuẫn.  - Giải thích:+ Lời nói gói vàng là sự so sánh giá trị của lời nói (gói vàng). đó là khi ta phát huy được hiệu quả lời nói trong giao tiếp, làm thỏa mãn người nghe*.*  + Lời nói ……Vừa lòng nhau: Không có nghĩa là lời nói không có giá trị, mà là tài sản chung của cộng đồng xã hội. Khi giao tiếp chúng ta sử dụng, lựa chọn sao cho phù hợp để lời nói phát huy được hiệu quả trong giao tiếp |

|  |  |
| --- | --- |
| ***? Đề bài yêu cầu trình bày vấn đề gì ?***  - Thuyết minh về con vật này trong sự gắn bó thân thiết với người nông dân với nghề nông ở Việt nam.  ***? Như vậy , để giải quyết yêu cầu này cần trình bày những ý gì ?***  **\* C¸c ý lín :**  - Thuyết minh về đặc điểm của loài vật (Hình dáng )  - Con trâu với công việc đồng áng : lµ søc kÐo ®Ó cµy, bõa, kÐo xe, trở lóa ....  - Con trâu trong lễ hội đình đám.  - Con trâu với công việc cung cấp thực phẩm ; sõng tr©u dïng ®Ó lµm ®å mü nghÖ.  - Con tr©u lµ nguån tµi s¶n lín cña ng­êi n«ng d©n ViÖt Nam.  - Con tr©u ®èi víi tuæi th¬.  ***? Có thể sd ý nào trong bài thuyết minh khoa học ?***  - Cã thÓ sö dông tri thøc nãi vÒ søc kÐo cña tr©u.  ***? Hãy lập dàn ý cho đề bài trên ?***  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo bố cục 3 phần  - Yêu cầu hs xem lại phần bài đã chuẩn bị ở nhà .  - Yêu cầu HS trình bày phần mở bài.  - Nhận xét, bổ sung  VD : Bao đời hình ảnh con trâu lầm lũi kéo cày trên đồng ruộng là hình ảnh rất quen thuộc, gần gũi đối với người nông dân Việt Nam. Vì thế, có lúc con trâu đã trở thành người bạn tâm tình của người nông dân :*Trâu ơi ta bảo trâu này*  *Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta...* | **I. TÌM HIỂU ĐỀ, TÌM Ý, LẬP DÀN Ý**  **Đề bài** : ***Con trâu ở làng quê Việt Nam***  **1. Tìm hiểu đề, tìm ý**  - Thể loại : Thuyết minh  - Đối tượng : Con trâu  **2. Lập dàn ý**  **a. Mở bài :**Giíi thiÖu chung vÒ con tr©u trªn ®ång ruéng ViÖt Nam.  **b. Thân bài :**  - Con tr©u trong nghÒ lµm ruéng : lµ søc kÐo cµy, bõa, kÐo xe....  - Con tr©u trong lÔ héi, ®×nh ®¸m.  - Con tr©u lµ tµi s¶n lín nhÊt.  - Con tr©u trong viÖc cung cÊp thùc phÈm vµ chÕ tạo ®å mÜ nghÖ.  - Con tr©u ®èi víi tuæi th¬.  **c. Kết bài :** Con tr©u  trong t×nh c¶m cña ng­êi nông d©n. |
| ***\* H­íng dÉn häc sinh viÕt phÇn th©n bµi :***  ***? Nếu phải viết đoạn văn cho phần này thì em sẽ viết ntn? Có thể xen yếu tố miêu tả vào được không ?***  - Ngoµi viÖc cµy bõa hµng ngµy tr©u cßn xuÊt hiÖn trong c¸c lÔ héi truyÒn thèng “Chäi tr©u” - mét nÐt ®ẹp v¨n ho¸ cña dt ta. Cø mçi n¨m vµo ®Çu th¸ng 3, ë §å S¬n l¹i tæ chøc héi chäi tr©u ®Ó t×m con tr©u khoÎ nhÊt. Nh÷ng chó tr©u méng to khoÎ, ch¾c nÞch, da bãng nhÉy, ®en m­ît, sõng nhän vµ cong,...sÏ ®­îc ®em ®Õn héi thi. Trong nh÷ng tiÕng hß reo, trèng cê vang dËy nh÷ng chó tr©u sÏ ®­îc ®¸nh sè vµo l­ng vµ tõng cÆp tr©u sÏ ®­îc dÉn ra tr­êng ®Êu.  ***? Em sẽ viết gì cho đoạn văn này ? Em sẽ sử dg yếu tố miêu tả như thế nào ?***  Kh«ng ai sinh ra vµ lín lªn ë c¸c lµng quª VN mµ l¹i kh«ng cã tuæi th¬ g¾n bã víi con tr©u. Thuë nhá, ®­a c¬m cho cha ®i cµy, m¶i mª ng¾m nh×n con tr©u ®­îc th¶ láng ®ang say x­a gÆm cá mét c¸ch ngon lµnh. Lín lªn mét chót, nghÔu nghÖn c­ìi lªn l­ng tr©u trong nh÷ng buæi chiÒu ®i ch¨n tr©u. ThËt thó vÞ biÕt bao, nÕu b¹n ®em theo mét cuèn s¸ch, mét c©y s¸o .....  Thó vÞ biÕt bao! Con tr©u hiÒn lµnh, ngoan ngo·n ®· ®Ó l¹i trong kÝ øc tuæi th¬ mçi ng­êi bao nhiªu kØ niÖm ngät ngµo ! | **II. LUYỆN TẬP**  **- V**iÕt ®o¹n më bµi cã néi dung thuyÕt minh vµ miªu t¶.  - Viết đoạn thân bài  ***1. Giíi thiÖu con tr©u trong mét sè lÔ héi.***  ***2. Giíi thiÖu con tr©u víi tuæi th¬ ë n«ng th«n***  ***3. Con trâu trong nghÒ lµm ruéng***  ***4. Con tr©u trong viÖc cung cÊp thùc phÈm vµ chÕ tạo ®å mÜ nghÖ.*** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 4: Chủ đề: CÁC HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP**

***(Các phương châm hội thoại; Xưng hô trong hội thoại;***

***Cách dẫn trực tiếp, gián tiếp)***

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:*** Giúp HS củng cố, ôn tập lại nội dung kiến thức, vận dụng kiến thức vào làm các bài tập về Các phương châm hội thoại; Xưng hô trong hội thoại; Cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.

***2. Kỹ năng:*** Tiếp tục rèn luyện kĩ năng phát hiện, nhận diện và sử dụng các phương châm hội thoại; Xưng hô trong hội thoại; Cách dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp giao tiếp cụ thể.

***3. Thái độ, phẩm chất:*** Luôn có ý thức tích cực, chủ động và tự giác rèn luyện các kĩ năng cơ bản đối với môn học, nhất là nói và viết cho đúng, cho hay.

***4. Năng lực***

- Năng lực tự học;

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong học tập;

- Năng lực giao tiếp;

- Năng lực hợp tác trong học tập và làm việc;

- Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực giao tiếp tiếng việt

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: *ôn tập lý thuyết***

***A. Kiến thức cơ bản***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 1: Gv hướng dẫn HS khái quát lại nội dung kiến thức Các phương châm hội thoại đã học:  **1. Phương châm về lượng.**  - HS tự nêu VD.  **2. Phương châm về chất.**  - HS tự nêu VD.  **3. Phương châm quan hệ.**  - Ví dụ:  Hương: -*Huệ ơi đi học nào!*  Huệ: - *Năm phút nữa mẹ tớ mới về.*  -> Câu trả lời của Huệ nghĩa là: “Năm phút nữa (mẹ về) mình mới có thể đi học được”. Như vậy nghĩa tường minh câu nói của Huệ không cùng đề tài với câu nói của Hương nhưng nghĩa hàm ẩn mà Huệ muốn trả lời Hương lại cùng để tài với câu nói của Hương.  **4. Phương châm cách thức.**  - Ví dụ:  *Mẹ hỏi con:*  *- Hôm nay con ăn cơm thế nào?*  *- Chả ngon lắm mẹ ạ.*  ->Câu trả lời của con là một câu mơ hồ gây ra sự khó hiểu. Vì có thể hiểu là không ngon miệng lắm, cũng có thể hiểu là chả (nem) ngon lắm.  **5. Phương châm lịch sự.**  - HS tự nêu VD.  **6. Quan hệ trong phương châm hội thoại:**  a. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp:  - Tình huống giao tiếp bao giờ cũng liên quan đến phương châm hội thoại. Khi giao tiếp, người nói phải căn cứ vào đối tượng giao tiếp, thời gian giao tiếp, địa điểm giao tiếp, mục đích giao tiếp để có phương án hội thoại tối ưu. Nói cách khác, mọi phương châm hội thoại đều phải phù hợp với tình huống giao tiếp.  - Ví dụ: Khi đến chơi một nhà nào đó nếu có người đang ngủ thì không thể gọi người ta dậy để chào được.  b. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại: | **I. Các phương châm hội thoại**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các phương châm hội thoại** | | | | | | PC về lượng | PC về chất | PC quan hệ | PC cách thức | PC lịch sự |   1. PC về lượng: Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.  2. PC về chất: Khi GT đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.  3. PC quan hệ: Khi GT, cần nói đúng vào đề tài GT, tránh nói lạc đề.  4. PC cách thức: Khi GT cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ.  5. PC lịch sự: Khi giao tiếp cần tế nhị, tôn trọng người khác.  **6. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại:**  - Trong các trường hợp thông thường, người giao tiếp cần phải tuân thủ các phương châm hội thoại. Tuy nhiên, trong một số tình huống giao tiếp, người nói không tuân thủ hoàn toàn các phương châm hội thoại. Các trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại thường do các nguyên nhân sau đây:  + Người nói vô ý, thiếu văn hóa giao tiếp.  + Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.  + Người nói muốn gây sự chú ý, muốn người nghe hiểu câu nói theo một nghĩa hàm ẩn nào đó |
| ***2. Xưng hô trong hội thoại:***  - Từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt có các từ chỉ quan hệ gia đình, một số từ chỉ nghề nghiệp.  - Hệ thống từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.  - Người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp. | **II.Xưng hô trong hội thoại** |
| - HS nhắc lại khái niệm cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, nêu ví dụ.  - Cách chuyển lời dẫn từ trực tiếp sang gián tiếp.  ***1. Cách dẫn trực tiếp.***  - Ví dụ: *Bấy giờ bà mẹ tôi với vui lòng, nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở đây”. (Mẹ hiền dạy con)*  ***2. Cách dẫn gián tiếp.***  - Dẫn gián tiếp là nhắc lại lời hay ý của người khác hoặc nhân vật theo kiểu thuật lại, không giữ nguyên văn.  - Trong lời dẫn gián tiếp ta có thể và cần thay đổi một số từ ngữ như từ xưng hô, từ chỉ thời gian, địa điểm. Đây là cách “biên tập lại” lời hay ý của người khác nên không đặt trong ngoặc kép.  - Khi chuyển từ lời trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp, ta cần chú ý các bước sau đây:  + Bỏ dấy hai chấm và dấu ngoặc kép.  + Chuyển chủ ngữ ở lời dẫn trực tiếp sang một ngôi thích hợp (thường cả đại từ ngôi thứ 3).  + Thay đổi các từ định vị thời gian cho thích hợp.  - Lời dẫn gián tiếp thường chỉ giữ lại nội dung, còn cấu trúc ngữ pháp, từ ngữ có thể thay đổi so với lời dẫn trực tiếp. | **III. Cách dẫn trực tiếp- cách dẫn gián tiếp**  - Cách dẫn trực tiếp: Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép, sau dấu hai chấm.  - Cách dẫn gián tiếp: thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép. |

**Tiết 2: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động cá nhân  - HS thực hiện  **Bài tập 1:** *Trong trường hợp sau, câu trả lời của cô Hà có vi phạm phương châm quan hệ không? Vì sao?*  Cô Hà là giáo viên và là hàng xóm thân quen của bà Ngân. Thấy cô Hà xách cặp đi qua cổng, bà Ngân đon đả: *Cô Hà đi dạy học à?* Cô Hà đáp: *Chào bà.*  Đáp xong cô Hà đi thẳng.Cả hai người không tỏ vẻ băn khoăn gì. | **B. Luyện tập:**  **Bài tập 1**  Câu trả lời là lời chào xã giao – nếu trả lời sẽ bị coi là thừa vì thế câu trả lời không vi phạm phương châm hội thoại quan hệ. |
| **Bài tập 2:** *Vận dụng phương châm hội thoại để phân tích lỗi và chữa lại cho đúng (nếu có) đối với các trường hợp sau:*  a. Với cương vị là quyền Giám đốc xí nghiệp, tôi cảm ơn các đồng chí.  b. Thấy bạn đến chậm, Hà liền nói: *- Cậu có họ hàng với rùa phải không?* | **Bài tập 2:**  a. Vi phạm PCHT về lượng và lịch sự (Quyền thì không nói là cương vị)  ->Chữa: thay trạng ngữ bằng thay mặt Giám đốc hoặc thay mặt anh em trong XN.  b. Vi phạm PC lịch sự -> Chữa: nhanh lên cậu, muộn lắm rồi. |
| **Bài tập 3:** *Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Hãy chữa lại cho đúng.*  a. Đêm hôm qua cầu gãy.  b. Họp xong bạn nhớ đi ra cửa trước.  c. Lớp tớ, hai người mua 5 quyển sách.  d. Người ta định đoạt lương của tôi anh ạ. | **Bài tập 3:**  -Các câu đều vi phạm PC cách thức vì gây ra cách hiểu mơ hồ.  a. Đêm hôm qua, cầu bị gãy.  b. Họp xong, bạn nhớ đi bằng cửa trước.  c. Lớp tớ, hai ngườì mỗi người mua năm quyển sách.  d. Người ta định cắt lương của tôi anh ạ. |
| **Bài tập 4:** *Trong giao tiếp, phép tu từ nào thường được sử dụng để đảm bảo phương châm lịch sự? Cho ví dụ và phân tích ví dụ.* | - Đó là phép tu từ nói giảm nói tránh, nói quá.  VD: *Bác đi di chúc giục lòng ta.*  + Phép ẩn dụ:  *Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng*  *Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?*  -> Lời tỏ tình kín đáo tế nhị và lịch sự. |
| **Bài tập 5:** *Cách trả lời của người bán hàng đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao?*  Một khách mua hàng hỏi người bán:  - *Hàng này có tốt không anh?*  - *Mốt mới đấy! Mua đi! Dùng rồi sẽ biết anh ạ.* | **Bài tập 5:**  -> Vi phạm PCCT đó là cách nói nửa vời, mục đích để bán hàng. |
| **Bài tập 6:** *Tìm nhưng câu thành ngữ, tục ngữ liên quan đến việc vi phạm phương châm cách thức?* | **Bài tập 6:**  Dây cà ra dây muống  Đồng quang sang đồng rậm  Nói ấm a ấm ở  Nói cây cà sang cây kê |
| **Bài tập 7:**  *Nghe nồi cơm sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua - nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:*  *- Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái! - Nó cũng lại nói trống.*  *Tôi lên tiếng mở đường cho nó:*  *- Cháu phải gọi "ba chắt nước giúp con", phải nói như vậy.*  *Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:*  *- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!*  (Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng)  a. Xác định câu nói vi phạm phương châm hội thoại và cho biết câu đó vi phạm phương châm HT nào?  b. Những câu "*nói trống*" của bé Thu thể hiện thái độ gì? Tại sao bé Thu có thái độ như vậy. | **Bài tập 7:**  a. Câu nói "*Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái!*" đã vi phạm phương châm hội thoại lịch sự.  b. Những câu "*nói trống*" của bé Thu đã thể hiện rõ thái độ không thiện cảm với ông Sáu. Bé Thu có thái độ như vậy vì không tin ông Sáu là cha mình**.** |

**Tiết 3: luyện tập (tiếp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** *Chuyển các lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau sang lời dẫn gián tiếp:*  a. Nhân vật ông giáo trong truyện “Lão Hạc” thầm hứa sẽ nói với người con trai của lão Hạc rằng: “Đây là cái vườn ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn, cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào”.  b. Chiều hôm qua Hoàng tâm sự với tôi: “Hôm nay mình phải cố chạy cho đủ tiền gửi cho con”.  c. Nam đã hứa với tôi như đinh đóng cột: “Tối mai tôi sẽ gặp các bạn ở bến Nhà Rồng”. | **Bài tập 1:**  a. Nhân vật ông giáo trong truyện “Lão Hạc” thầm hứa sẽ nói với người con trai của lão Hạc rằng đây là cái vườn ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn, cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào.  b. Chiều hôm qua Hoàng tâm sự với tôi là mình phải cố chạy cho đủ tiền gửi cho con trong hôm nay.  c. Nam đã hứa với tôi như đinh đóng cột rằng tối mai tôi sẽ gặp các bạn ở bến Nhà Rồng. |
| **Bài tập 2:** *Chuyển các lời dẫn trực tiếp sau đây thành lời dẫn gián tiếp có thay đổi cấu trúc ngữ pháp nhưng nội dung cơ bản và nghĩa biểu hiện vẫn không thay đổi.*  a. Trong báo cáo chính trị tại Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.  b. Ở bài “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn khẳng định : “Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào không có!”. | **Bài tập 2:**  a.Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng, đó là lời chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ trong báo cáo chính trị tại Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.  b. Ở bài “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn khẳng định rằng từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào không có!. |
| **Bài tập 3:** Viết một đoạn văn khoảng 8-12 câu có sử dụng câu “Sách là người bạn tốt của con người” làm lời dẫn trực tiếp. | - Viết đoạn văn quy nạp hoặc diễn dịch, đúng số câu quy định.  - Đoạn văn đảm bảo một số nội dung sau:  + Sách là kho tàng tri thức của nhân loại.  + Đọc sách sẽ mang đến cho con người những hiểu biết cần thiết về mọi mặt đời sống.  + Đọc sách là một hình thức giải trí, thư giãn tuyệt vời.  + Đọc sách làm giàu thêm đời sống tâm hồn con người …  + Sách sẽ là người bạn đồng hành chung thuỷ của con người.  - Sử dụng câu đã cho làm lời dẫn gián tiếp:  + Ví dụ: Để nhấn mạnh tầm quan trọng của sách đối với con người, có ý kiến cho rằng sách là người bạn tốt và thân thiết nhất của con người. Thật vậy, … |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

GV chiếu sơ đồ tư duy khái quát lại nội dung kiến thức vừa học về Các phương châm hội thoại; xưng hô trong hội thoại; Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

**Bài tập về nhà:**

Viết một đoạn văn khoảng 8-12 câu với chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn có sử dụng cách dẫn trực tiếp.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 5:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương

- Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến .

- Tìm hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm : nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật, sự sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kì ảo với những tình tiết có thực tạo nên vẻ đẹp riêng của loại truyện truyền kì .

2. Kỹ năng:

- Rèn kĩ năng cảm thụ tác phẩm văn học.  
- Tóm tắt tác phẩm tự sự và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

3. Thái độ, phẩm chất:

Giáo dục tinh thần tôn trọng, yêu thương con người, nhất là phụ nữ. Đồng thời phê phán những bất công trong xã hội.

4. Năng lực:

- Giúp Hs phát huy năng lực đọc- hiểu văn bản tự sự, năng lực giao tiếp và hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (25 phút)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| - Gv yêu cầu Hs trình bày những hiểu biết của các em về tác giả.  - Gv yêu cầu Hs nêu ngắn gọn về:  + Xuất xứ.  + Thể loại.  + Nhan đề.  + Đại ý.  - Gv giảng và chốt kiến thức và yêu cầu Hs ghi lại. | | **I. Tác giả, tác phẩm:**  ***1. Tác giả:***  **- Nguyễn Dữ** (chưa rõ năm sinh, năm mất), quê ở Hải Dương.  - Sống ở thế kỷ XVI, khi nhà Lê khủng hoảng trầm trọng.  - Chán nản trước thời cuộc, Nguyễn Dữ chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng rừng núi Thanh Hóa.  - Nguyễn Dữ là người tài cao, đức trọng và có tấm lòng nhân nghĩa rộng lớn.  ***2. Tác phẩm:***  - Xuất xứ: Là truyện thứ 16/ 20 truyện của tác phẩm “Truyền kì mạn lục”  - Thể loại:  + Truyền kì (là loại văn xuôi tự sự, có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc)  + Truyền kì mạn lục là đỉnh cao của thể loại này, từng được xem là một áng “thiên cổ kì bút”  - Nhan đề: Truyền kì mạn lục là ghi chép tản mạn những câu chuyện vẫn được lưu truyền trong nhân gian có yếu tố thần kì  - Đại ý: Đây là câu chuyện về số phận oan nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, có đức hạnh dưới chế độ phong kiến, chỉ vì một lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị nghi ngờ, bị sỉ nhục, bị đẩy đến bước đường cùng, phải tự kết liễu cuộc đời mình để giải tỏ tấm lòng trong sạch. Tác phẩm cũng thể hiện mơ ước ngàn đời của nhân dân là người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, dù chỉ là ở một thế giới huyền bí. |
| - Hs tóm tắt ngắn gọn nội dung chính.  - Gv chốt trên bảng chiếu. | **II. Tóm tắt cốt truyện:**  Vũ Nương, tên thật là Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương, là người con gái thùy mị, nết na, kết duyên cùng Trương Sinh, con nhà khá giả nhưng ít học lại đa nghi, hay ghen. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương phải đi lính. Ít lâu sau, Vũ Nương sinh con trai, đặt tên là Đản. Mẹ Trương Sinh ốm, Vũ Nương hết lòng chăm sóc. Khi bà mất, nàng lo ma chay chu tất. Năm sau, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu gọi chàng là cha mà một mực nói cha Đản thường buổi tối mới đến. Chàng nghi ngờ vợ là không chung thủy nên đánh mắng, đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm, thấy bóng cha trên vách, bé Đản gọi đó là cha. Lúc bấy giờ Trương Sinh mới tỉnh ngộ nhưng đã quá muộn. Cùng làng với Trương Sinh có người họ Phan, có lần cứu được thần rùa Linh Phi, vợ vua Nam Hải, sau bị đắm thuyền được Linh Phi trả ơn cứu mạng, rồi được khoản đãi. Trong bữa tiệc, Phan Lang nhận ra Vũ Nương, nay đã là người của thủy cung. Nghe Phan Lang kể chuyện nhà, Vũ Nương thương nhớ chồng con muốn về dương thế. Khi Phan Lang được trở về trần gian, Vũ Nương gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho Trương Sinh. Trương Sinh nghe theo, lập đàn giải oan, trên bến Hoàng Giang. Vũ Nương hiên lên giữa dòng, nhưng chỉ nói vài câu với chồng rồi biến đi mất. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **- Gv yêu cầu Hs hoàn chỉnh nội dung kiến thức vào sơ đồ tư duy**  **(Bảng chiếu)**  Phẩm chất  cao đẹp  Vũ Nương  Số phận bi thương  Gv gợi ý nhánh 1: Tác giả đặt Vũ Nương vào nhiều hoàn cảnh khác nhau. Hãy tìm hiểu hoàn cảnh và nhận xét về từng phẩm chất cao đẹp của nàng.  Gv gợi ý nhánh 2:  - Vũ Nương có số phận như thế nào? Hãy chỉ rõ?  - Nguyên nhân nào đã khiến nàng phải chịu số phận như vậy?  Gv diến giảng và chốt kiến thức trên bảng chiếu. | | **III. Tìm hiểu nhân vật Vũ Nương:**  **1. Phẩm chất:**  - Trong cuộc sống vợ chồng: cư xử đúng mực, nhường nhịn  - Khi tiễn chồng đi lính: dặn dò những lời tình nghĩa, đằm thắm, thiết tha  - Khi xa chồng:  + Thủy chung, yêu thương chồng tha thiết.  + Là người mẹ hiền, dâu thảo.  - Khi bị chồng nghi oan:  + Tìm cách cứu vãn, hàn gắn hạnh phúc gia đình.  + Đau đớn, tuyệt vọng khi bị đối xử bất công.  + Tự vẫn để bảo toàn danh dự, tiết sạch giá trong  **2. Số phận**  - Bị chồng nghi oan, bị đối xử bất công tàn nhẫn, phải tìm đến cái chết để giãi tỏ tấm lòng.  - Phải sống dưới thủy cung, xa lìa chồng con.  Nguyên nhân:  - Trực tiếp: cái bóng và lời nói ngây thơ của con trẻ  - Sâu xa:  + Trương Sinh đa nghi, thô bạo lại xử sự hồ đồ, độc đoán, phũ phàng, thiếu lòng tin, thiếu tình thương.  + Chế độ nam quyền, trọng nam khinh nữ; lại thêm cuộc hôn nhân không bình đẳng.  + chiến tranh phong kiến. |
| - Gv hỏi: Nêu ngắn gọn nội dung và nghệ thuật đặc sắc của truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”?  - Hs trả lời nhanh.  - Gv chốt KT | **IV.Tổng kết nội dung và nghệ thuật:**  **1. Nội dung:** Truyện Vừa ca ngợi vẻ đẹp của lòng vị tha, đức hạnh, vừa thể hiện số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  **2. Nghệ thuật:**  - Xây dựng được nhiều tình huống hợp lí. Dẫn dắt câu chuyện khéo léo.  - Tâm lí, tính cách nhân vật được khắc họa rõ nét.  - Ngôn ngữ nhân vật sinh động.  - Đưa vào câu chuyện nhiều yếu tố kì aỏ, hoang đường | |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Em hiểu thế nào là thể loại truyện truyền kì?**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - HS lên bảng trình bày.  - Các Hs khác ở dưới theo dõi, bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.  - Gv chốt kiến thức trên bảng chiếu. | - GV chốt kiến thức:  + Truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự, có nguồn gốc từ Trung Quốc, thịnh hành vào thời nhà Đường.  + Dựa vào cốt truyện dân gian hoặc dã sử, trên cơ sở đó hưu cấu, sắp xếp lại các tình tiết, tô đậm thêm các nhân vật.  + Có sự đan xen giữa thực và ảo, trong đó các yếu tố kì ảo, hoang đường chính là phương tiện giúp nhà văn phản ánh hiện thực và thể hiện suy nghĩ, chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời. |
| **Bài tập 2: Em hiểu thế nào về cách xưng hô của Vũ Nương với Trương Sinh?**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - HS trả lời nhanh.  - Các Hs khác ở dưới theo dõi, bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.  - Gv chốt kiến thức trên bảng chiếu. | - GV chốt kiến thức:  \* Vũ Nương xưng là “thiếp” và gọi Trương sinh là “chàng” có ý nghĩa:  + Thể hiện sự khiêm tốn, tình yêu thương và sự tôn trọng của Vũ Nương với chồng.  + Cho thấy Vũ Nương là người phụ nữ hiền thục, nết na, đức hạnh.  + Nói lên sự cách bức trong quan hệ hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh.  + Xưng là “thiếp” cũng cho thấy thân phận thấp kém, bé mọn của người phụ nữ trong xã hội xưa. |
| **Bài tập 3: Hãy trình bày ý nghĩa của chi tiết chiếc bóng trong truyện.**    - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận theo bàn  - HS thực hiện:  + Thảo luận thời gian: 5 phút  + Đại diện Hs trình bày, các bạn khác ở dưới theo dõi, nhận xét và bổ sung.  - Gv giảng và chốt kiến thức trên bảng chiếu. | - GV chốt kiến thức:  Cái bóng là một chi tiết đặc sắc, là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo.  + Chi tiết chiếc bóng xuất hiện đầu tiên thể hiện tình yêu con vô bờ cũng như cảnh ngộ của Vũ Nương.  + Là tình tiết thắt nút đẩy mâu thuẫn của truyện lên đến đỉnh điểm, gây ra sự nghi ngờ của Trương Sinh và cái chết oan khuất của Vũ Nương.  + Sự xuất hiện trở lại của chiếc bóng cũng hóa giải hàm oan cho Vũ Nương.  + Có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phong kiến và chế độ nam quyền, trọng nam khinh nữ. |

**Tiết 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **I. Bài tập trắc nghiệm:**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân,  - HS thực hiện:  + Hs đọc to yêu cầu và trả lời nhanh.  + Hs khác cho ý kiến Đ/ S- Gv chốt KT  ***1. “Chuyện người con gái Nam Xương” được viết vào thế kỉ nào?***  A. Thế kỉ XIV C. Thế kỉ XVI B. Thế kỷ XV D. Thế kỉ XVII  ***2. Truyền kì mạn lục có nghĩa là gì?***  A. Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền  B. Ghi chép tản mạn những điều có thật xảy ra trong xã hội phong kiến.  C. Ghi chép tản mạn những câu chuyện lịch sử của nước ta từ xưa đến nay.  D. Ghi chép tản mạn cuộc đời của những nhân vật kì lạ từ trước đến nay.  ***3. Nhận định nào sau đây nói đúng về truyện truyền kì?***  A. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn có thật.  B. Là những truyện kể có sự đan xen giữa những yếu tố có thật và những yếu tố hoang đường.  C. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn do tác giả tự tưởng tượng ra.  D. Là những truyện kể về các nhân vật lịch sử.  ***4. Nhân vật chính của “Chuyện người con gái Nam Xương” là ai?***  A. Trương Sinh và Phan Lang C. Vũ Nương và Trương Sinh  B. Phan Lang và Linh Phi. D. Linh Phi và mẹ Trương Sinh.  ***5. Câu văn nào khái quát được vẻ đẹp toàn diện của nhân vật Vũ Nương?***  A. Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung Tốt đẹp.  B. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn.  C. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.  D. Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu.  ***6. Câu văn nào nói lên cách xử sự của Vũ Nương trước tính hay ghen của chồng.?***  A. Đâu có sự mất nết hủ thân như lời chàng nói.  B. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết.  C. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót.  D. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa.  ***7. Câu văn sau nói về nhân vật nào?***  *“Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”.*  A. Trương Sinh C. Vũ Nương  B. Mẹ Trương Sinh D. Phan Lang  ***8. Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của câu văn trên?***  A. Nói lên sự chảy trôi của thời gian.  B. Miêu tả cảnh thiên nhiên trong nhiều thời điểm khác nhau.  C. Nỗi buồn nhớ của Vũ Nương trải dài theo năm tháng.  D. Cho thấy Trương Sinh phải đi chinh chiến ở một nơi rất xa xôi.  ***9. Nhận định nào nói đúng nhất vẻ đẹp nghệ thuật của câu văn trên?***  A. Tả thực cảnh thiên nhiên thay đổi theo từng thời điểm khác nhau.  B. Sử dụng hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để chỉ sự chảy trôi của thời gian.  C. Sử dụng cách nói cường điệu để nhấn mạnh nỗi buồn nhớ của Vũ Nương.  D. So sánh nỗi buồn nhớ của Vũ Nương trải dài đến tận góc bể chân trời.  ***10. Câu nào trong lời trăn trối của bà mẹ nói lên sự ghi nhận nhân cách và công lao của Vũ Nương đối với gia đình nhà chồng?***  A. Mẹ không phải muốn đợi chồng con về, mà không gắng ăn miếng cơm, miếng cháo đặng cùng vui sum họp  B. Một tấm thân tàn, nguy trọng sớm tối, việc sống chết thế nào không khỏi phiền đến con.  C. Chồng con nơi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn con được.  D. Sau này, trời xét lòng thành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ.  ***11. Nhận định nào nói đúng nhất về nhân vật Trương Sinh trong “Chuyện người con gái Nam Xương”?***  A. Là một người chồng hay ghen tuông đối với vợ phòng ngừa quá sức.  B. Là một người chồng độc đoán và thô bạo.  C. Là một người cha hay bênh con.  D. Là một người đa nghi, có cách xử sự hồ đồ, độc đoán, thô bạo. | - GV chốt kiến thức  **1. B**  **2. A**  **3. B**  **4. C**  **5. A**  **6. D**  **7. C**  **8. C**  **9. B**  **10. D**  **11. D** |

**II. Bài tập tự luận:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập 1:**  **Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau và nêu tác dụng?**  *“Nàng bất đắc dĩ nói:*  *- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa.”*  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện: Hs trả lời nhanh.  - Gv giảng và chốt KT | | | - GV chốt kiến thức  + Biện pháp tu từ ẩn dụ: “*bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa.”*  + Tác dụng: Diễn tả nỗi đau đớn, thất vọng tột độ của Vũ Nương khi hạnh phúc gia đình tan vỡ, tình yêu không còn, cả nỗi đau khổ chờ chồng đến thành hóa đá trước đây cũng không còn có thể làm lại được nữa. |
| **Bài tập 2: Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của Vũ nương?**  - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận nhóm theo yêu cầu:  + Nhóm 1 và 3: Cảm nhận vẻ đẹp Vũ Nương trong mỗi quan hệ với chồng, ở các tình huống khác nhau.  + Nhóm 2 và 4: Cảm nhận vẻ đẹp Vũ Nương trong mỗi quan hệ với mẹ chồng, với con thơ.  - HS thực hiện:  + Thời gian thảo luận: 7 phút. Trong quá trình thảo luận Hs ghi nhanh các ý chính của câu trả lời.  + Hết thời gian thảo luận: nhóm 1 và 4 cử đại diện lên trình bày, các nhóm còn lại theo dõi.  + Sau khi nhóm 1 và 4 trình bày xong, nhóm 2 và 3 sẽ bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.  + Hs về hoàn thành vào vở.  - GV giảng và chốt KT. | Vũ Nương xuất hiện đầu tiên trong tác phẩm qua vài nét bao quát của tác giả: “Tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”. Sau đó ông đi sâu miêu tả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật trong các mối quan hệ khác nhau, các tình huống khác nhau:  - Trước hết Vũ Nương là người phụ nữ đức hạnh, thủy chung trong tình nghĩa vợ chồng:  + Nàng “luôn giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Nàng là người vợ hiền thục, khéo léo, nết na.  + Khi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng, ước mong của nàng thật bình dị, luôn coi trọng hạnh phúc gia đình, xem thường mọi công danh phù phiếm.  + Khi xa chồng, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thổn thức, “giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt”, “tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”.  => Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.  + Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.  + Rồi những năm tháng sống ở chốn làn mây cung nước sung sướng nàng vẫn không nguôi nỗi nhớ thương chồng con, tìm cách trở về với chồng con dù chí là trong giây lát.  - Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo, một người mẹ hiền:  + Trong ba năm chồng đi chiến trận, một mình nàng vừa làm con, vừa làm cha, vừa làm mẹ để chăm sóc phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ.  + Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang, lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuôn lơn để bà vơi bớt nỗi nhớ thương con.  + Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hệt như với cha mẹ đẻ của mình.  + Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút.  + Chi tiết nàng chỉ chiếc bóng trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ: để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha.  => Nguyễn Dữ dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện. Từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp. | | |
| **Bài tập 3: Hãy nêu những giá trị của truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện: Hs trả lời nhanh.  - Gv giảng và chốt KT | - GV chốt kiến thức:  **\* Giá trị nội dung:**  - Giá trị hiện thực:  + Tác phẩm đã đề cập tới số phận bi kịch của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương.  + Tác phẩm còn phản ánh những bất công vô lí của xã hội đương thời đã chà đạp lên quyền sống, quyền làm người của người phụ nữ.  - Giá trị nhân đạo:  + Thái độ ca ngợi, tôn trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương.  + Chia sẻ, cảm thông và thấu hiểu những nỗi oan trái mà người phụ nữ phải gánh chịu.  + Đề cao triết lí nhân nghĩa ở hiền gặp lành, thể hiện ước mơ của người xưa về một xã hội công bằng, tốt đẹp qua phần kết thúc với nhiều chi tiết hoang đường kì ảo.  **\* Giá trị nghệ thuật:**  - Đây là một tác phẩm được viết theo lối truyền kì, tính chất truyền kì được thể hiện qua kết cấu hai phần: Vũ Nương ở trần gian, Vũ Nương ở thủy cung. Với kết cấu hai phần này, tác giả đã khắc họa được một cách hoàn thiện vẻ đẹp hình tượng nhân vật Vũ Nương.  - Chất hoang đường kì ảo ở cuối tác phẩm làm tăng thêm ý nghĩa phê phán đối với hiện thực: dù oan đã được giải nhưng người đã chết thì không thể sống lại được. Do đó, bài học giáo dục đối với những kẻ như Trương Sinh càng thêm sâu sắc hơn.  - Nghệ thuật tạo tính kịch trong tác phẩm mà yếu tố thắt nút và gỡ nút của tấn bi kịch ấy chỉ là câu nói của một đứa trẻ lên ba, rất bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí.  - Cách kể chuyện giàu tính kịch, kết hợp giữa hiện thực và mộng tưởng. | | |
| **Bài tập 4: So sánh nhân vật Vũ Nương với nhân vật Thị Kính trong vở chèo “Quan Âm Thị Kính”.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận theo bàn.  - HS thực hiện:  + Thời gian thảo luận: 3 phút. Trong quá trình thảo luận Hs ghi nhanh các ý chính của câu trả lời.  + Hết thời gian thảo luận: đại diện Hs lên trình bày, các Hs còn lại theo dõi. Sau đó sẽ bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.  - GV giảng và chốt KT.  - Hs về viết vào vở. | | - GV chốt kiến thức:  **\* Đề tài:** Hai tác phẩm đều viết về người phụ nữ đức hạnh mà chịu ngang trái, bất hạnh.  - Hai nhân vật xuất hiện ở hai thể loại văn học khác nhau: Một là tự sự, một là sân khấu. Tuy vậy, cả hai hình tượng đều có nét tương đồng. Cả hai người phụ nữ đều phải chịu hàm oan và cả hai tình huống gây ra ngộ nhận của người chồng đều là những chi tiết hiểu lầm đáng tiếc.  - Những định kiến hẹp hòi trong câu chuyện hôn nhân đã giáng những đòn sấm sét xuống hạnh phúc con người. Nó chà đạp lên phẩm giá, hạnh phúc của con người.  - Kết thúc cả hai tác phẩm đều là cái chết, Thị Kính thành phật còn Vũ Nương sống dưới thủy cung. Cả hai đều không còn ở cõi trần.  **\* Ý nghĩa:** Ở vở chèo “Quan Âm Thị Kính”, bức thông điệp gửi đến chúng ta là sự tu nhân tích đức, nhưng ở câu chuyện “Chuyện người con gái Nam Xương” lại là sự cảnh báo về một thứ hiểm họa mà con người phải tự ý thức đề phòng khi nền tảng xã hội tạo nên đạo lý của con người không còn bền vững nữa. | |

**Tiết 3: *Luyện tập :***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Bài tập 1:**  **- Hãy chỉ rõ những yếu tố kì ảo được tác giả Nguyễn Dữ sử dụng trong truyện.**  **- Tác giả đã đưa các yếu tố kì ảo này vào trong truyện như thế nào?**  **- Hãy trình bày ý nghĩa của yếu tố kỳ ảo hoang đường trong truyện.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận nhóm theo yêu cầu:  + Nhóm 1 và 3: thảo luận ý 1 và 2.  + Nhóm 2 và 4: thảo luận ý 1 và 3  - HS thực hiện:  + Hs thảo luận: 3 phút.  + Đại diện Hs lên bảng trình bày kết qur thảo luận.  + Các Hs khác ở dưới theo dõi, bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.  - GV chốt KT trên bảng chiếu. | | | - GV chốt kiến thức:  **\* Những yếu tố kì ảo:**  - Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.  - Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi yến tiệc và gặp Vũ Nương, người cùng làng đã chết, rồi được sứ giả của Linh Phi rẽ nước đưa về dương thế.  - Hình ảnh Vũ Nương hiện ra sau khi Trương Sinh lập đàn tràng giải nỗi oan cho nàng ở bến Hoàng Giang lung linh, huyền ảo, với “kiệu hoa… cờ tán, võng lọng rực rỡ…lúc ẩn, lúc hiện”, rồi bỗng chốc “bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.”  **\* Cách thức đưa những yếu tố kì ảo vào truyện của Nguyễn Dữ**: Xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, sự kiện lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mĩ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất.  => Cách thức này làm cho thế giới kì ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.  **\* Ý nghĩa của yếu tố kỳ ảo hoang đường:**  + Tăng sức hấp dẫn, li kì cho câu chuyện.  + Hoàn thiện thâm những nét đẹp của Vũ Nương  + Trả lại danh dự cho Vũ Nương, đồng thời tăng sức tố cáo xã hội phong kiến tàn ác bất công, đẩy con người đến đường cùng và mãi mãi không thể hưởng một hạnh phúc trọn vẹn.  + Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng.  + Thể hiện niềm cảm thương sâu sắc của tác giả đối với người phụ nữ trong xã hội xưa. | |
| **Bài tập 2: Phân tích bi kịch của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm này? Theo em những nguyên nhân nào đẩy Vũ Nương vào tình cảnh đó?**  - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận nhóm  - HS thực hiện:  + Hs thảo luận: 7 phút.  + Đại diện Hs lên bảng trình bày kết qur thảo luận.  + Các Hs khác ở dưới theo dõi, bổ sung, hoàn chỉnh câu trả lời.  - Gv diễn giảng và chốt KT. | - GV chốt kiến thức:  1. Bi kịch của Vũ Nương:  - Là nạn nhân của chế đọ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do. Cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh có phần không bình đẳng: Vũ Nương được Trương Sinh dùng trăm lạng vàng mua về.  - Là nạn nhân của chiến tranh phong kiến:  + Cuộc sống vợ chồng êm ấm, hạnh phúc chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải đi lính để lại mình Vũ Nương với mẹ già và đứa con còn chưa ra đời.  + Chiến tranh gây ra xa cách, tạo điều kiện cho sự hiểu lầm, trở thanh nguyên nhân gây bất hạnh.  - Đỉnh điểm của bi kịch là khi bị nghi oan mà không thể giải tỏa, gia đình tan vỡ, bản thân phải tìm đến cái chết:  + Nghe lời ngây thơ của con trẻ, Trương Sinh đã nghi oan cho vợ, mắng nhiếc, đánh đuổi nàng đi bất chấp lời van xin khóc lóc của nàng và lời biện bạch của hàng xóm.  + Vũ Nương đau đớn vô cùng vì tiết giá của mình bị nghi kị, bị bôi bẩn bởi chính người chồng mà mình yêu thương.  + Bế tắc, Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan ức, thoát khỏi cuộc đời đầy đau khổ, oan nghiệt.  - Cái kết thúc tưởng có hậu hóa ra cũng chỉ tô đậm thêm tính chất bi kịch trong thân phận Vũ Nương:  + Vũ Nương được sống nhưng lại là sống ở một thế giới khác.  + Vũ Nương hiện về uy nghi, rực rỡ nhưng đó chỉ là sự hiển linh trong thoáng chốc, là ảo ảnh ngắn ngủi và xa xôi.  + Nhân gian đầy oan nghiệt, khổ đau này cũng không có chốn để cho nàng dung thân.  => Tuy có những phẩm chất đáng quý nhưng Vũ Nương đã phải chịu một số phận cay đắng, oan nghiệt. Nghịch lí ấy là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công, chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của con người.  2. Nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương:  - Nguyên nhân trực tiếp:  + Cái bóng của Vũ Nương.  + Lời nói ngây thơ của con trẻ.  - Nguyên nhân sâu xa:  + Tính ghen tuông, đa nghi; cách cư xử hồ đồ, dộc đoán và thói vũ phu cuả người chồng.  + Lễ giáo phong kiến hà khắc cho người đàn ông quyền hành tối cao với gai đình mình đặc biệt la với người phụ nữ. Trương Sinh đã là một tội nhân bức tử Vũ Nương nhưng cuối cùng y vẫn vô can ngay cả khi nỗi oan khiên của Vũ Nương đã được làm sáng tỏ.  + Chiến tranh phong kiến gây nên cảnh sinh li và sau đó góp phần tạo nên cảnh tử biệt. | | | |
| **Bài tập 3: Đọc hai đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Về đến nhà, chàng la um lên cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng:*  *- Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót.Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.”*  **a. Các đoạn trích trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Thể loại gì?**  **b. Tìm và giải thích nghĩa các thành ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn trích.**  **c. Nêu nội dung của đoạn văn trên.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện: Hs trả lời nhanh.  - Hs nhận xét, bổ sung.  - Gv giảng và chốt KT | | | | - GV chốt kiến thức:  a. Tác phẩm: “Chuyện người con gái Nma Xương”, Của Nguyễn Dữ , Thể loại : Truyện truyền kì.  b.  - Thành ngữ: ngõ liễu tường hoa, tô son điểm phấn, mất nết hư thân.  - Giải thích nghĩa thành ngữ:  + Tô son điểm phấn: Trang điểm rất kĩ lưỡng để làm cho mình thêm tươi đẹp.  + Ngõ liễu tường hoa: Nơi có những chuyện quan hệ trai gái không đứng đắn.  + Mất nết hư thân: Hư hỏng về đạo đức, lối sống.  c. Câu 2. Nội dung của đoạn văn:  Lời phân trần của nàng Vũ Nương để cố hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nàng nói về:  -Thân phận mình  -Tình nghĩa vợ chồng  - Khẳng định tấm lòng chung thủy , mong chồng đừng nghi oan |
| **Bài tập 4: Chi tiết chiếc bóng trong tác phẩm xuất hiện mấy lần?Vai trò, ý nghĩa của từng chiếc bóng ấy?**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện: Hs trả lời nhanh.  - Hs nhận xét, bổ sung.  - Gv giảng và chốt KT | | - GV chốt kiến thức:  \* Chi tiết chiếc bóng xuất hiện 2 lần:  - L1: Cái bóng của Vũ Nương xuất hiện khi Trương Sinh đi lính.  - L2: Cái bóng của Trương Sinh xuất hiện khi Vũ Nương đã mất.  \* Vai trò của từng chiếc bóng:  - Bóng 1:  + Nội dung: Làm nổi bật lên vẻ đẹp của Vũ Nương: Người mẹ thương con; người vợ thủy chung, yêu chồng.  + Nghệ thuật: Làm cho câu chuyện thắt nút, đẩy kịch tính lên đến đỉnh điểm, khiến cho câu chuyện rẽ sang một hướng mới, vượt khỏi tầm kiểm soát của người tạo ra nó.  - Bóng 2:  + Nội dung: Trả lại cho Vũ Nương sự trong sạch, đưa đến bài học về sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng.  + Nghệ thuật: Cởi nút cho câu chuyện. | | |

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học:

+ Nêu một vài nét chính về tác giả Nguyễn Dữ?

+ Đại ý của truyện “Chuyện người con gái Nam xương” là gì?

+ Tóm tắt truyện “Chuyện người con gái Nam xương”.

+ Trình bày những nét đẹp phẩm chất và số phận bi kịch của Vũ Nương?

- Giao bài tập về nhà:

+ Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật Vũ Nư

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 6: CHỦ ĐỀ TRUYỆN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**(Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh, Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức** : HS được củng cố những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật của 2 văn bản: “*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”* và *“Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí”*

**2.Kĩ năng:** Vận dụng kiến thức để viết bài, tạo lập đoạn văn và văn bản.

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh có thái độ học tập tốt; Có ý thức phê phán lối sống hưởng lạc, lãng phí. lòng yêu nước tự hào dân tộc. Giáo dục ý thức trách nhiệm với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

**4. Phẩm chất - năng lực:**

- Phẩm chất : HS có phẩm chất tự tin,tự chủ, yêu thương con người, sống có trách nhiệm. Căm ghét cái xấu, có lòng trắc ẩn với con người.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực học tập, tổng hợp, năng lực thẩm mĩ, ngôn từ.

**II. Chẩn bị :**

- GV : Hệ thống kiến thức và bài tập

- Học sinh : Ôn lại kiến thức đã học

**III. PP và KT**

1.Phương pháp: Gợi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành.

2. Kĩ thuật : Thảo luận, động não,lược đồ, sơ đồ tư duy.

**VI . Tổ chức các hoạt động dạy học**

**1. Hoạt động dạy học**

*\* Ổn định lớp*:

*\* Kiểm tra bài cũ :*

*\* Khởi động : GV sử dụng PP trò chơi*

*- HS tham gia trò chơi: Ai nhanh hơn*

*Câu hỏi?*

1.Đọc câu thơ *“ Mà nay áo vải cờ đào,  
 Giúp dân dựng nước xiết bao công trình”.*

Gợi nhắc đến nhân vật văn học nào? Trong tác phẩm nào mà em đã học ở chương trình lớp 9 ?

**Đáp án:**

Câu thơ: *“ Mà nay .............công trình”.( Ai tư vãn-* Ngọc Hân)

* Gợi nhắc đến nhân vật vua Quang Trung. Trong tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái.

2. Em có thể tóm tắt những công lao lớn của vua Quang Trung đã *“giúp dân dựng nước xiết bao công trình”* ?

**Đáp án:** Công lao to lớn của Quang Trung - Nguyễn Huệ đã *“giúp dân dựng nước xiết bao công trình”* :

- Là người góp công chính trong việc đánh đổ các thế lực phong kiến thống trị: Nguyễn, Trịnh, Lê.

- Đánh tan cuộc xâm lược của quân Xiêm ở Gia Định.

- Đánh tan cuộc xâm lược của 29 vạn quân Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

- Góp phần tạo điều kiện cơ bản cho việc thống nhất lại đất nước sau gần 200 năm bị chia cắt.

- Đề ra những chính sách tiến bộ về kinh tế, văn hoá, giáo dục trong công cuộc xây dựng đất nước.

* GV dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động củng cố kiến thức về văn bản**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Yêu cầu HS nhớ lại 2 tác phẩm *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh; Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí*  Câu hỏi thảo luận.  Nhóm 1,2  Câu hỏi 1: Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm: **Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh.**  Nhóm 3,4  Câu hỏi 2: Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm: **Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí,**  Hình thức: Hoạt động nhóm  HS thực hiện  - Đại diện nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung,  - GV chốt KT cơ bản.  GV chuẩn bị giấy A3, bút dạ  Hình thức: Hoạt động nhóm vẽ sơ đồ tư duy về tác giả, tác phẩm *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh;* và  *Hồi 14 - Hoàng Lê nhất thống chí*  ( Trên giấy A3).  **Sơ đồ 1**:**Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh**  **Sơ đồ 2: Hồi thứ 14 - Hoàng lê nhất thống chí**    - HS vẽ sơ đồ tư duy  (*HS có thể lựa chon hình thức sơ đồ tư duy sao cho sinh động, đẹp và sáng tạo)*  - Đại diện các nhóm lên thuyết trình bày sản phẩm’  - Các nhóm khác phản biện.  - GV đánh gíá, chốt kiến thức chuẩn.    GV chốt kĩ năng xử lí đề và kĩ năng làm bài. | **I.Củng cố kiến thức cơ bản.**  **1. Tóm tắt tác phẩm.**  **a.Gợi ý tóm tắt “Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”**  “ Chúa Trịnh (Trịnh Sâm) vốn ăn chơi xa xỉ đã cho xây dựng nhiều cung điện, đình đài làm hao tốn rất nhiều tiền của. Mỗi tháng ba bốn lần, Trịnh Sâm ra cung Thuỵ Liên bên bờ Hồ Tây để đi chơi ngắm cảnh, binh lính, quan lại theo hầu đông đúc.  Chúa đi đến đâu, mọi thứ chim quý, thú lạ cho đến những cây cỗ thụ to lớn ... đều vơ vét sạch, sai quân lính khiêng về phủ bày biện.  Bọn hoạn quan nhờ gió bẻ măng, nửa đêm thường lẻn vào nhà dân ăn trộm cây hoa, chậu cảnh rồi buộc họ tội "đem giấu vật cung phụng" dậm doạ lấy tiền, khiến người dân phải bỏ tiền của kêu xin, hoặc phá tan vườn hoa, cây cảnh... để khỏi gặp tai hoạ”.  **b.Gợi ý tóm tắt : Hồi thứ 14:**  – Nguyễn Huệ nghe tin quân Thanh đến Thăng Long giận lắm liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay. Tướng sĩ xin Bắc Bình Vương lên ngôi để làm yên lòng người.Nguyễn Huệ cho đắp đàn trên núi tế cáo trời đất lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân hạ lệnh xuất quân.  -Đến Nghệ An, Quang Trung cho tuyển thêm hơn 1 vạn lính mở cuộc duyệt binh. Đến Tam Điệp mở tiệc khao quân, chia quân sĩ làm 5 đạo. Đúng tối 30 tết lập tức lên đường.  -Trên đường tiến quân ra Bắc, những toán quân Thanh do thám bị bắt sống. Ngày 03 tháng giêng năm Kỉ Dậu, đồn Hà Hồi bị hạ. Mờ sáng ngày 05 tiến đánh đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh đại bại. Thái thú Sầm Nghi Đống thắt cổ tự vẫn. Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt cuống cuồng chạy mất mật. Quân Thanh tranh nhau qua cầu tháo chạy rơi xuống nước nhiều không kể xiết. Vua tôi Lê Chiêu Thống dìu dắt nhau chạy trốn sang đất Bắc.  **2. Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.**  **Gợi ý:**  **Những kiến thức cơ bản phải có trong sơ đồ 1**: *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*  **1- Tác giả:** Phạm Đình Hổ (1768 – 1839)  - Ông từng là sinh đồ Quốc Tử Giám, thời Lê- Trịnh- Tây Sơn- đầu triều Nguyễn  - Ông sáng tác văn chương và nghiên cứu nhiều lĩnh vực: văn học, triết học, lịch sử, địa lý… tất cả đều bằng chữ Hán.  **2. Tác phẩm:**  ***a. Thể loại:*** Tùy bút (**Vũ trung tuỳ bút**: tuỳ bút viết trong những ngày mưa)  ***b.Hoàn cảnh***: Tác phẩm được viết đầu đời Nguyễn (đầu thế kỷ XIX)  ***c.* Giá trị của tác phẩm**  **\*. Giá trị nội dung**:  - Phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê - Trịnh.  - Phản ánh chân thực nỗi lo sợ, cơ cực của người dân đương thời.  **\*. Giá trị nghệ thuật**: Phạm Đình Hổ thành công ở thể loại tuỳ bút, sự ghi chép chân thực, sinh động, giàu chất trữ tình.  - Các chi tiết miêu tả chọn lọc, đắt giá, giàu sức thuyết phục, tả cảnh đẹp tỉ mỉ nhưng lại nhuốm màu sắc u ám, mang tính dự báo.  - Giọng điệu tác giả gần như khách quan nhưng cũng đã khéo léo thể hiện thái độ lên án bọn vua quan qua thủ pháp liệt kê.  **Gợi ý:**  **Những kiến thức cơ bản phải có trong sơ đồ 2:** *Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí*  1. **Tác giả:**  Ngô gia văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du làm quan thời Lê Chiêu Thống...  **2.Tác phẩm**:  ***a/ Nhan đề***:  -“***Hoàng Lê nhất thống chí***” (viết bằng chữ Hán) - ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê.  ***b/ Thể loại***: **chí** là một lối văn ghi chép sự vật, sự việc.  ( Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.)  ***c/ Vị trí đoạn trích***: Đây là hồi thứ 14 (trong tổng số 17 hồi), viết về sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh.  **d. Giá trị tác phẩm**  **\*. Giá trị nội dung**:  : Phản ánh vẻ đẹp hào hùng của ngừơi anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và bè lũ bán nước Vua tôi nhà Lê.  **\*. Giá trị nghệ thuật**:  - Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi. Tất cả các sự kiện lich sử trên đều được miêu tả một cách cụ thể, sinh động.  - Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.  **c/ Chủ đề:** Phản ánh chân thực vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với lòng yêu nước, quả cảm, tài trí, nhân cách cao đẹp. Sự hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã của quân tướng nhà Thanh và vua tôi nhà Lê. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:**  a.Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí*. b.Tại sao gọi *Hoàng Lê nhất thống chí* là tiểu thuyết lịch sử.  Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm nhỏ theo bàn  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Nhận xét , bổ sung.  - GV đánh gíá, chuẩn kiến thức. | ***B. Luyện tập :***  **BÀI 1:**  a**. Ý nghĩa nhan đề tác phẩm:** - “*Hoàng Lê nhất thống chí*” được viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Không chỉ dừng lại ở đó, cuốn tiểu thuyết này còn viết và tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào những năm 30 cuối thể kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.  **b. *Hoàng Lê nhất thống* chí được coi là cuốn tiểu thuyết lịch sử vì:** - Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm văn xuôi đầu tiên có quy mô lớn của bộ sử thi. Tác phẩm mang giá trị về văn học và sử học. - Tác giả tái hiện lại bức tranh xã hội phong kiến đầy biến động cuối thể kỉ XVIII, những nhân vật ở tầng lớp trên của xã hội phong kiến không còn giữ đúng vai trò, trách nhiệm với dân. Trong triều đình, vua chúa tham quan sống sa đọa. Vua Cảnh Hưng cam chịu sống bạc nhược, Trịnh Tông trở thành con rối của đám kiêu binh. Vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước, luồn cúi.  - Cuốn tiểu thuyết lịch sử chương hồi này phản ánh rõ nét đời sống cơ cực của người dân dưới thời Lê mạt: bất ổn, đói khổ. \  - Bên cạnh đó là hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn mà nổi bật là hình ảnh người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ trí tuệ sáng suốt, có tài cầm quân, có công đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi bờ cõi. |
| **Bài tập 2***:*  Hình thức: Hỏi – đáp  GV nêu vấn đề:  **Tác giả:** *Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí* là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai... Trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du làm quan thời Lê Chiêu Thống...  *?* Vì sao các tác giả là những người thuộc triều đình phong kiến nhà Lê mà vẫn xây dựng hình tượng đẹp về vua Quang Trung?  HS suy nghĩ và trả lời  HS nhận xét, bổ sung  GV chốt, chuẩn kiến thức | **Gợi ý bài tập 2:**  - Các tác giả là những người cẫm bút có lương tri, có ý thức tôn trọng sự thật lịch sử. Sống giữa những biến động của thời đại, họ nhận thấy rõ sự thối nát, hèn kém của vua Lê chúa Trịnh, đồng thời cũng không thể phủ nhận được công lao cũng như tài năng của người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ.  - Các tác giả là những người tiến bộ, họ đã vượt lên khỏi định kiến giai cấp, vượt ra khỏi chỗ đứng giai cấp để phản ánh về Quang Trung-Nguyễn Huệ  - Các tác giả là những người yêu nước, họ tự hào về chiến thắng vĩ đại của dân tộc, không thể không nhắc tới Quang Trung, là linh hồn và tổng chỉ huy của cuộc chiến đấu. |

**3. Hoạt động luyện tập và vận dụng :**

**Bài tập 3.** Viết đoạn văn giới thiệu tác phẩm “ Hoàng Lê nhất thống chí....”.

**Gợi ý:**

*- Hoàng Lê nhất thống chí* còn có tên gọi khác là *An Nam nhất thống chí*, viết theo thể tiểu thuyết chương hồi bằng chữ Hán. Đây là tiểu thuyết lịch sử ghi lại những sự việc trong quá trình thống nhất nhà Lê. Bắt đầu từ khi quân Trịnh bị nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo tiêu diệt giành lại vùng đất Bắc Hà đến lúc Nguyễn Ánh lật đổ triều Tây Sơn để thống nhất cả nước.

- Tác phẩm gồm có 17 hồi với nội dung chính là khắc họa những cuộc tranh chấp, đấu đá nhau về quyền lực của phòng kiến thời Lê với phong trào Tây Sơn lúc bấy giờ. Tác phẩm gồm nhiều nhân vật, trong đó nổi bật có một số nhận vật chính như Nguyễn Huệ, Trình Đậm, Trịnh Khải, Lê Chiêu Thống,...Phần văn bản được học là hồi thứ 14

- Các nhân vật đều được khắc họa khá rõ nét, nổi bật tính cách thông qua hành động, lời nói của nhân vật. Tác phẩm không chỉ có giá trị lớn về mặt sử học khi đã phản ánh được một giai đoạn lịch sử đầy biến động mà còn mang những giá trị văn học vô cùng to lớn.

- Tác giả: Bộ tiểu thuyết do các tác giả trong dòng họ Ngô Thì viết. Bao gồm Ngô Thì Chí, Ngô Thì Dù, Ngô Thì Thuyết,... và nhiều tác giả khác.

Chủ đề chính: Tác phẩm xoay quanh hai chủ đề lớn: Sự suy vong của triều đại Lê - Nguyễn và Suy tôn ngợi ca tài năng và đức độ của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ với phong trào Tây Sơn.

***4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng***

- Tìm hiểu thêm các bài về hai văn bản trên

- Hoàn thiện bài tập 2 viết đoạn văn.

- Chuẩn bị ôn tâp kĩ: Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí

**..........................................................**

**Tiết 2:**

**1. Hoạt động dạy học**

*\* Ổn định lớp*:

*\* Kiểm tra bài cũ :*

*\* Khởi động :* Yêu cầu HS nhắc lại giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của “***Hồi thứ 14 – Hoàng lê nhất thống chí****”*

**Gợi ý:**

**Giá trị tác phẩm: *Hồi thứ 14*.**

**\*. Giá trị nội dung**:

: Phản ánh vẻ đẹp hào hùng của ngừơi anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và bè lũ bán nước Vua tôi nhà Lê.

**\*. Giá trị nghệ thuật**:

- Lối văn trần thuật kết hợp miêu tả chân thực, sinh động. Thể loại tiểu thuyết viết theo lối chương hồi. Tất cả các sự kiện lich sử trên đều được miêu tả một cách cụ thể, sinh động.

- Tác phẩm được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có quy mô lớn đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật, đặc biệt trong những lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.

**2. Hoạt động luyện tập củng cố kiến thức về văn bản (***dạng bài tập viết đoạn và đọc-hiểu)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Phiếu bài tập 1.( Đọc-hiểu)**  **Bài tập 2. Cho đoạn văn sau. Đọc và trả lời câu hỏi.**  *"Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược đánh đã có sẵn. Chẳng qua mười ngày nữa có thể đáng đuổi quân Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo nói mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười lăm năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có gì sợ chúng?"*  (Trích Hồi thứ mười bốn, *Hoàng Lê nhất thống chí* - Ngô gia văn phái)  1. Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào? Được nói trong hoàn cảnh nào?  2. Lời nói đó đã thể hiện được những phẩm chất nào của nhân vật ấy?  3. Kể tên một tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Hán của văn học Trung Đại mà tên thể loại được ghi ngay trong tác phẩm. | |
| - Hình thức: Hoạt động cá nhân  - HS thực hiện  - Cho các bạn ngồi cạnh nhau đổi bài chấm chéo nhau và nhận xét.  - GV chốt chuẩn kiến thức  - GV đánh giá thái độ,và kết quả học tập của HS | Gợi ý: **Bài tập 1**  1. Đoạn văn trên là lời của nhân vật vua Quang Trung trong đoạn trích “Hồi thứ mười bốn, tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí’  - Được nhà vua nói khi kéo quân ra đến núi Tam Điệp. Sau khi vua Quang Trung tha tội chết cho Sở và Lân rồi nói với Ngô Thì Nhậm.  2. Lời nói đó thể hiện sự tự tin, quyết đoán, trí tuệ sắc sảo và đặc biệt là tầm nhìn xa trông rộng của một vị hoàng đế tài giỏi, vị tha, hết lòng vì cuộc sống bình yên của trăm họ, vì chủ quyền của đất nước.  3. Kể tên tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Hán  - Truyền Kì mạn lục, Vũ trung tùy bút,...(học sinh chỉ cần nêu tên một tác phẩm là được) |
| **Phiếu bài tập 2( Đọc-hiểu)**  **Bài tập 3**: **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi từ câu số 1 tới câu số 6:** *“ ....Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng: - Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau ra mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán tới nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng ta làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quân huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn...”*  (Ngữ văn 9 – tập 1)  1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?  2: Nêu ngắn gọn nội dung chính trong lời phủ dụ của vua Quang Trung trong đoạn trích trên. 3: Trong câu “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”. Nhắc em nhớ tới tác phẩm nào đã học trong chương trình Ngữ văn THCS. Vua Quang Trung muốn khẳng định điều gì qua câu nói trên? 4: Trong đoạn “ Đời Hán có Trưng Nữ Vương… các vua truyền ngôi lâu dài” giống với những câu thơ nào của Nguyễn Trãi. Từ đó, em hãy chỉ ra nét tương đồng về tư tưởng, thái độ của Nguyễn Trãi và vua Quang Trung. 5: Qua đoạn trích em thấy vua Quang Trung hiện lên là người như thế nào?  6.Từ đoạn trích trên, em hãy cho biết: Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước? | |
| Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm 2->3 bàn  - GV phát phiếu học tập  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Cho các nhóm còn lại phản biện  - GV đánh gíá kết luận, chuẩn kiến thức. | **Gợi ý: Bài tập 2.**  1. Đoạn văn trên trích trong *Hồi 14-Hoàng Lê nhất thống chí*, Của Ngô gia văn phái.  2: Lời phủ dụ của vua Quang Trung: - Vua Quang Trung nêu hoàn cảnh lâm nguy của đất nước “quân Thanh sang xâm lấn nước ta”. - Khẳng định chủ quyền dân tộc, nền độc lập tự cường của quốc gia. - Nhắc lại cho nghĩa quân, tướng sĩ nhớ tới lịch sử đau thương của quốc gia dân tộc khi bị giặc đô hộ, xâm chiếm. - Nêu tấm gương những người anh hùng đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc, để khơi dậy niềm tự hào, ý chí chiến đấu chống kẻ thù. - Nêu rõ dã tâm của bọn giặc Thanh muốn mưu đồ cướp nước ta, và khẳng định kết cục thảm hại mà chúng phải nhận lấy. - Quyết tâm giữ bờ cõi, khẳng định tướng lĩnh, nghĩa quân là người có lương tri, lương năng. 3: Trong câu *“ Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”* gợi nhắc tới hai câu thơ trong bài Sông núi nước Nam tương truyền của Lý Thường Kiệt. *“Sông núi nước Nam vua Nam ở Rành rành định phận ở sách trời*” - Câu nói của vua Quang Trung có ý nghĩa khẳng định nền độc lập, tự cường của nước ta, đất nước có ranh giới lãnh thổ rõ ràng, có vua cai trị. Đồng thời đây cũng là câu nói nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược. 4: Trong bài Bình Ngô đại cáo, tác giả Nguyễn Trãi có viết. “*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập. Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau. Xong hào kiệt đời nào cũng có”* - ***Điểm tương đồng trong tư tưởng của Nguyễn Trãi với Quang Trung:*** + Khẳng định sự tồn tại độc lập, bình đẳng của nước Nam với phương Bắc. + Nước ta đời nào cũng có anh hùng hào kiệt. + Tác giả nêu tấm gương sáng, ngợi ca anh hùng hào kiệt trong lịch sử và lên án hành động cướp nước, xâm lược của phương Bắc. 5: Vua Quang Trung trong đoạn trích trên: Trước hết, vua Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán: + Nghe tin giặc tới Thăng Long ông vội vã đốc xuất đại binh ra Bắc. + Là người sáng suốt, nhạy bén: Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, ông đã lên ngôi hoàng đế để chính danh ra dẹp giặc. - Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch, ta. + Quang Trung khích lệ tướng lính bằng những những lời nói chân thành, những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập. - Tầm nhìn chiến lược, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập của vua Quang Trung đã góp phần làm nên chiến thắng thần tốc đại phá quân Thanh.  6. Từ đoạn trích....tuổi trẻ Việt Nam hiện nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước? **Gợi ý.** Tuổi trẻ Việt Nam khi thể hiện lòng yêu nước. Tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo vận mệnh, tương lai non sông đất nước vì vậy tuổi trẻ cần hiểu được vị trí quan trọng của mình. + Vốn tri thức, đạo đức được rèn luyện từ nhà trường là nền tảng cơ bản để thực hành trong đời sống. + Tuổi trẻ phải nỗ lực không ngừng học hỏi, phát triển về khoa học, kĩ thuật để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. + Tuổi trẻ cần nuôi dưỡng trong mình tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, niềm tự tôn dân tộc. + Cần ý thức việc trau dồi tri thức và đạo đức ngay khi còn trẻ. |
| **Bài tập 3:** (**Vận dụng viết đoạn văn)**  Trong lời phủ dụ của vua Quang Trung em ấn tượng nhất điều gì? Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về điều ấn tượng đó?  Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm  - HS thực hiện  - Thi trình bày sản phẩm và phản biện (Nhận xét , bổ sung...)  - GV đánh gíá, chuẩn kiến thức.  - GV chốt kĩ năng xử lí đề, làm bài. | **Bài tập 3**  **\*. HS tìm hiểu đề**  **-Nghị luận văn học(** Biểu cảm về 1 khía cạnh nào đó của đối tượng văn học)  VD. ấn tượng về: Tinh thần tự chủ, niềm tự hào dân tộc được thể hiện tập trung trong lời dụ của vua Quang Trung trong cuộc duyệt binh ở Nghệ An  **-Yêu cầu:**  Viết 1 đoạn văn  **- Phạm vi kiến thức**: Lời phủ dụ của vua Quang Trung ở Hồi thứ 14.  **Gợi ý**  \*. Mở đoạn  - Trong cuộc duyệt binh ở Nghệ An trước khi tiến quân ra Bắc Hà, vua Quang Trung đã phủ dụ: “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy […]. Người đọc có ấn tượng sâu sắc về: Tinh thần tự chủ, niềm tự hào dân tộc được thể hiện tập trung trong lời dụ. Câu nói của vua Quang Trung có ý nghĩa khẳng định nền độc lập, tự cường của nước ta, đất nước có ranh giới lãnh thổ rõ ràng, có vua cai trị.  \*.Phát triển đoạn.  - Đây cũng là câu nói nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.  - Lời dụ này của vua Quang Trung như âm vang và tiếp nối những tuyên ngôn chủ quyền của dân tộc ở bài thơ ***Sông núi nước Nam***đời Lí, ***Hịch tướng sĩ*** của Trần Hưng Đạo đời Trần, đến ***Bình Ngô đại cáo*** của Nguyễn Trãi đời Lê. Cũng như những bản tuyên ngôn đời trước, lời dụ của Quang Trung đã báo trước với tất cả niềm tin tưởng về sự thất bại của quân xâm lược.  \*. Kết đoạn  - Bằng việc lên ngôi Hoàng đế và đưa ra lời dụ này cho thấy, Quang Trung không chỉ là một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa Bắc Bình Vương trước đó, mà là người đại diện cho ý chí quyết tâm và niềm tự hào của cả dân tộc trong cuộc chiến đấu giành lại chủ quyền lãnh thổ. |
| **Phiếu bài tập 4( Đọc –hiểu)**  **Bài tập 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: từ câu 1 tới câu 5** “*Nửa đêm ngày mồng 3 tháng Giêng, năm Kỉ Dậu (1789) vua Quang Trung tới làng Hạ Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy rồi loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ra để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết. Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm lại làm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả hai mươi bức. Đoạn kém hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành chữ “nhất”, vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ sung bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió Bắc quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam nổi loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.  Vua Quang Trung liền gấp rút sau đội quân khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy đều cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau nhất tề xông tới mà đánh. Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điều Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bạ*i”.  (Trích Hồi thứ mười bốn, *Hoàng Lê nhất thống chí* - Ngô gia văn phái)  Câu 1: Các sự việc trong đoạn trích trên được kể theo trình tự như thế nào? Câu 2: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại. Câu 3: Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật vua Quang Trung trong đoạn trích trên. Câu 4: Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên. Câu 5: Nhận xét về bút pháp tái hiện sự thực lịch sử của các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí qua đoạn trích hồi thứ mười bốn. | |
| Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm  - GV phát phiếu học tập  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Cho các nhóm còn lại phản biện  - GV đánh gíá kết luận, chuẩn  kiến thức.  - GV chốt kĩ năng xử lí đề, làm bài. | **Gợi ý bài tập 4.**  Câu 1: Các sự việc trên được kể theo trình tự tuyến tính, trình tự thời gian (3/1 - 5/1 tết Kỉ Dậu).  Câu 2: Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *“Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.”*  Biện pháp nói quá trong chi tiết “thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối” nhằm nhấn mạnh tới sự thất bại thảm hại của quân giặc.  Câu 3: Cảm nghĩ về nhân vật vua Quang Trung.      - Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người.         + Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn làm chúng ta kinh ngạc, chiến thắng thần tốc.         + Vừa hành quân vừa đánh giặc mà vua Quang Trung lên kế hoạch từ trước đã chiến thắng sớm hơn dự định 2 ngày.      - Hình ảnh vua Quang Trung oai phong lẫm liệt:         + Vua Quang Trung thân chinh cầm quân, dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy khiến nghĩa quân Tây Sơn đánh thắng kẻ thù.         + Hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với áo bào đỏ sạm đen khói súng.      - Hình ảnh người anh hùng được khắc họa đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần, là người có tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại.  Câu 4: Thái độ của tác giả      - Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lẫm liệt trong trận chiến…      - Tỏ thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.  Câu 5: Bút pháp tái hiện sự thực lịch sử của các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí qua đoạn trích hồi thứ 14:  Khi các tác giả Ngô Thì, các tác giả chủ ý viết lại lịch sử, không phải sự sáng tạo văn học. Tâm lý này xuất phát từ việc người trung đại xem tiểu thuyết là thứ thấp kém, không có ý nghĩa với việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.      - Nhưng Hoàng Lê nhất thống chí là một tác phẩm văn chương đích thực, chính điều này làm nên sự trường tồn của tác phẩm.      - Sự kết hợp giữa sáng tạo, gia công kết hợp giữa ngòi bút chân thực , nghiêm ngặt với bút pháp viết linh hoạt đã giúp người viết tái hiện một thời kì lịch sử dữ dội TK XVIII:         + Sự kiện lịch sử được ghi chép cụ thể, chính xác với các mốc thời gian, địa điểm, không gian rõ ràng, tạo sự tin cậy cho người đọc.         + Nhóm tác giả không chỉ dựa trên sự kiện đơn thuần mà còn chỉ ra bản chất của hiện thực, vẫn giữ nguyên lịch sử nhưng lại xây dựng hình tượng chân dung con người đại diện cho cả hai phía.         + Lời văn miêu tả có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giọng kể khách quan, đơn sắc của người viết sử với giọng kể đầy xúc cảm của người sáng tạo văn học. |
| **Bài tập 5. (Vận dụng viết đoạn văn)**  Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm theo bàn.  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Nhóm khác phản biện.  - GV đánh gíá, chuẩn kiến thức.  - GV chốt kĩ năng xử lí đề, làm bài. | **Bài tập 5. Cảm nghĩ của em về hình ảnh bọn cướp nước, bán nước trong Hoàng Lê nhất thống chí hồi thứ 14**  1- Mở đoạn:  -Hồi thứ 14 ca ngợi tài quân sự của Nguyễn Huệ lần thứ 3 tiến quân ra Bắc đánh tan giặc Thanh dồng thời cũng tô đậm sự thảm bại, nhục nhã của bọn bán nước và cướp nước.  2- Thân đoạn:  a) Hình ảnh bọn giặc cướp nước Tôn Sĩ Nghị và quân lính nhà Thanh:  - Quân Thanh không chống nổi bỏ chạy toán loạn giày xéo lên….đại bại.  -Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật…hướng bắc mà chạy  -Quân sĩ các doanh trại nghe tin đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy….tắc nghẽn không chảy được nữa  → Miêu tả chân thực, chính xác chân dung kẻ cướp nước: trước đây hùng hổ, huênh hoang, ngạo mạn thì giờ đây xộc xệch, bấn loạn, dẫm đạp lên nhau mà chạy trốn.-> sự thảm bại nhục nhã  \*. Lê Chiêu Thống bán nước cùng bè lũ tay sai:  -Vua Lê…ra ngoài, cả bọn chạy…sang bờ bắc  -Vua Lê và những người tùy tùng….mệt lử.  -Gặp một người thổ hào….tạm nghỉ  -Vua sai…mâm dưới  -Người thổ hào vội vã……xấu hổ  → Đường đường là vua của một nước nhưng tự biến mình thành kẻ thù của cả dân tộc → cuối cùng đã phải trả giá  3- Kết đoạn:  -Nghệ thuật miêu tả sự tháo chạy của quân tướng nhà Thanh, nhịp điệu nhanh, mạnh hối hả, miêu tả khách quan nhưng hàm chứa trong đó vẻ hả hê sung sướng  - Miêu tả vua tôi Lê Chiêu Thống thì nhịp kể chậm hơn với những âm hưởng ngậm ngùi chua xót.  ->Sở dĩ có sự khác biệt đó bởi là một cựu thần nhà Lê, tác giả không khỏi ngậm ngùi chua xót trước ngày tàn của triều Lê. |

**3. Hoạt động luyện tập và vận dụng :**

**Bài tập 6**: Từ hiểu biết về *Hồi thứ 14...*, em hãy viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu có sử dụng thành phần phụ chú và phép nối nêu về suy nghĩ của em về vấn đề: Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước?  
**Gợi ý.**

Đọc hồi thứ 14.... ta nhận thấy..Tuổi trẻ Việt Nam cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước.

-Trước tiên yêu nước là....... Tuổi trẻ là...  
-Tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo vận mệnh, tương lai non sông đất nước vì vậy tuổi trẻ cần hiểu được vị trí quan trọng của mình.  
+ Khi còn ngồi trên ghế nhà trường tuổi trẻ phải học hỏi, trau dồi vốn tri thức, đạo đức được rèn luyện để phát triển toàn diện. Đó là nền tảng cơ bản,là hành trang để thực hành, sáng tạo, để bước vào hành trình của cuộc sống tương lai.  
+ Tuổi trẻ phải nỗ lực không ngừng học hỏi, phát triển về khoa học, kĩ thuật để bắt kịp với sự phát triển của thế giới.  
+ Tuổi trẻ vẫn cần nuôi dưỡng trong mình tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, niềm tự tôn dân tộc.  
+ Việc trau dồi tri thức và đạo đức phải được thực hiện thường xuyên liên tục ngay khi còn trẻ và cả sau này khi đã trưởng thành..

“Đừng hỏi Tổ Quốc đã làm gì cho ta mà tự hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay”

Chú ý: gạch chân , chỉ rõ thành phần phụ chú và phép nối

**4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng (HS về nhà làm)**

Viết đoạn văn hoàn chỉnh cho bài tập 3,5  
- Tìm hiểu kĩ hơn về tác phẩm văn học trung đại VN: Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí. Chú ý hình tượng vua quang Trung, lời phủ dụ....

**......................................................................**

**Tiết 3:**

**1. Hoạt động dạy học**

*\* Ổn định lớp*:

*\* Kiểm tra bài cũ :*

*\* Khởi động*

*+ Khởi động:* Kiểm tra bài tập về nhà của HS

**2. Luyện tập**. **Bài tập vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1**  **? Lập dàn ý cho đề bài sau:**  Cảm nhận hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở *Hồi 14* trong tác phẩm***Hoàng Lê nhất thống chí*** của Ngô gia văn phái.  **GV Hướng dẫn HS tìm hiểu đề:**  ? Yêu cầu nghị luận  ? Phạm vi kiến thức nghị luận  ? Chỉ ra những phẩm chất của người anh hùng Nguyễn Huệ ? Tìm và liệt kê những dẫn chứng cho từng phẩm chất ấy?  -Suy nghĩ của em về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ trong tác phẩm?  **-** HS hoạt động theo cặp đôi  **\* Lập dàn ý cho đề bài**  Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm lập dàn ý  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Nhận xét , bổ sung.  - GV đánh gíá, chuẩn kiến thức.  - GV chốt kĩ năng xử lí đề, kĩ năng làm bài. | **Gợi ý: Bài tập 1**  **1. Tìm hiểu đề:**  -Nghị luận nhân vật văn học (hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ)  - Phạm vi kiến thức: *Hồi 14*  - Người anh hùng Nguyễn Huệ có những phẩm chất: + *Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.* +*Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.*  +*Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.*  - Cảm phục, tự hào về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ trong tác phẩm?  **2. Dàn ý**  a. **Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.  - Giới thiệu chung về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ ở hồi 14.  **b. Thân bài:**  - *Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.*  + Nghe tin giặc chiếm thành Thăng Long, Quang Trung định thân chinh cầm quân đi ngay.  + Chỉ trong vòng hơn một tháng lên ngôi Hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc gặp gỡ người Cống Sỹ ở huyện La Sơn, tuyển mộ quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sỹ, định kế hoạch hành quân, đánh giặc và cả kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau chiến thắng.  - *Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.*  + Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc và thế tương quan chiến lược giữa ta và địch.  + Sáng suốt, nhạy bén trong việc xét đoán và dùng người thể hiện qua cách xử trí với các tướng sỹ ở Tam Điệp …  - *Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.*  - *Tài dùng binh như thần.*  + Cuộc hành quân thần tốc của vua Quang Trung làm cho giặc phải kinh ngạc…  + Vừa hành quân vừa đánh giặc  *- Hình ảnh lẫm liệt trong chiến trận.*  + Vua Quang Trung thân chinh cầm quân…  + Đội quân không phải là lính thiện chiến, lại trải qua cuộc hành quân cấp tốc, không có thời gian nghỉ ngơi mà dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung trận nào cũng thắng lớn…  **c. Kết bài:**  - Khẳng định lòng yêu nước, tài trí, mưu lược của người anh hùng Nguyễn Huệ |
| **Bài tập 2**  **\* Lập dàn ý cho đề bài.**  Phân tích Hồi thứ mười bốn để chứng minh nhận xét: "Hoàng Lê nhất thống chí” là những trang viết thực và hay."  **\*. HS tìm hiểu đề**  **-Nghị luận văn học**( Về nghệ thuật tái hiện)  **-Yêu cầu:** Phân tích Về nghệ thuật tái hiện  **- Phạm vi kiến thức**: Hồi thứ 14  Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm lập dàn ý bằng cách vẽ sơ đồ tư duy  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Nhận xét , bổ sung.  - GV đánh gíá, chuẩn kiến thức.  - GV chốt kĩ năng xử lí đề, kĩ năng làm bài. | | **Gợi ý dàn bài**  **1. Mở bài** - Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm sử kí đặc sắc vừa có giá trị lịch sử, vừa mang ý nghĩa văn chương. - Có ý kiến cho rằng "Hoàng Lê nhất thống chí... những trang viết thực và hay" => Có thể thấy rõ điều này qua hồi 14 của tác phẩm. **2. Thân bài** **\* Khái quát vài nét về tác giả, tác phẩm**: - Ngô gia văn phái: Là tập hợp các anh em nhà họ Ngô làm việc cho triều đình nhà Lê, khi đó triều đình nhà Lê đang ở thế suy tàn, thối nát => Nhiều cuộc khởi nghĩa nổi dậy, tiêu biểu là phong trào Tây Sơn. - Hồi thứ 14 của Hoàng Lê nhất thống chí: Khắc họa sinh động chiến thắng lẫy lừng của Nguyễn Huệ, cùng với đó là sự thất bại thảm hại của quân Thanh và bè lũ vua tôi nhà Lê. **\* Chứng minh nhận xét:** "Hoàng Lê nhất thống chí... những trang viết thực và hay": - Ngô gia văn phái là những nhà ghi chép sử dưới thời Lê nhưng họ không thiên vị mà nhìn nhận sự việc vô cùng khách quan, nhận diện được tốt/ xấu => Những trang sử đều "thực và hay". - Hình ảnh nổi bật nhất trong hồi 14: Người anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ.  + Có cái nhìn tổng quan về thời cuộc, biết nhìn xa trông rộng, tính toán chính xác trong từng bước đi. + Xây dựng thành công chiến thuật "tiến quân thần tốc", vừa tìm cách hòa hoãn, ngoại giao đi lại với quân Thanh, không hề nao núng trước khó khăn. => Sự quyết liệt, sáng suốt, khôn khéo của nhà vua. + Tài năng dùng binh như thần: Điều quân thần tốc; vừa hành quân vừa tổng duyệt binh; đi chặng đường dài nhưng đội quân vẫn chỉnh tề, nghiêm chỉnh. + Tự mình chỉ huy, thân chinh ra trận cùng các binh lính. => Khung cảnh náo loạn của bọn giặc cướp nước, bọn Việt gian đã cho thấy sức mạnh khủng khiếp của quân đội ta. **3. Kết bài** - Khẳng định lại tính đúng đắn của nhận xét: "Hoàng Lê nhất thống chí” ... những trang viết thực và hay".  - “Hoàng Lê nhất thống chí” bồi đắp cho chúng ta niềm tự hào dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay. |
| **Phiếu bài tập 3**  **Bài tập 3: Xây dựng dàn ý cho đề bài sau:**  Đọc đoạn văn:*“....Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”*  (*Hoàng Lê nhất thống chí* – Hồi thứ mười bốn – Ngô gia văn phái)  Có ý kiến nhận xét: *Đọc lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ, ta nghe như âm vang của Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi)*. Em hãy phân tích lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ và làm sáng tỏ nhận xét trên. | | |
| **Bài tập 3**  **HS tìm hiểu đề**  **- Cho HS so sánh với** yêu cầu của bài tập 3 tiết 2)  Gợi ý: ở bài tập 3 tiết 2 là đề đọc hiểu, trả lời câu hỏi  Còn ở **Bài tập 4: là đề viết bài nghị luận văn học (phân tích, chúng minh cho một nhận xét)**  **-Nghị luận văn học**( có liên hệ so sánh)  **-Yêu cầu:** Phân tích lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung.  **- Phạm vi kiến thức**: Hồi thứ 14 và lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An.( có sự liên hệ đối chiếu với: *Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi)*.  Luyện tập  Hình thức luyện tập: hoạt động nhóm  - HS thực hiện( HS có thể tham khảo thêm thông tin ở bài tập 3 tiết 2)  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm, có phản biện  - Nhận xét , bổ sung.  -GV đánh gíá, chuẩn kiến thức.  - GV chốt kĩ năng xử lí đề, kĩ năng làm bài. | | **Gợi ý: bài tập 3**   1. **Mở bài**   – Chủ nghĩa yêu nước là chủ đề xuyên suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc VN  - Đã có rất nhiều tác phẩm ra đời ghi lại những mốc son lịch sử đó gợi cho chúng ta lòng tự hào về quê hương đất nước về những người anh hùng dân tộc: Lý Thường Kiệt trong *Nam quốc sơn hà,* Trần Quốc Tuấn trong *Hịch tướng sĩ*, Nguyễn Trãi trong Bình *Ngô đại cáo*.  .- Đặc biệt là hình ảnh Vua Quang Trung trong Hồi 14- *Hoàng Lê nhất thống chí của* Ngô gia với hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh,  Đọc tác phẩm, đặc biệt là đọc lời phủdụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ, *ta nghe như âm vang của Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi)*.  2.***Thân bài***  a**. Giới thiệu khái quát về “Hoàng Lê nhất thống chí” và hồi thứ mười bốn**  – “Hoàng Lê nhất thống chí” do một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Tác phẩm là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi viết ở những thời điểm khác nhau, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào khoảng ba mươi năm cuối của thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX  Hồi thứ mười bốn thể hiện niềm tự hào dân tộc của các tác giả qua việc tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.  b**. Khái quát vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ trong “Hoàng Lê nhất thống chí” (hồi thứ mười bốn).** - Quang Trung là một vị vua văn võ toàn tài.  + “Hoàng Lê nhất thống chí” (hồi thứ mười bốn) đã làm toát lên vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng áo vải : là một vị vua yêu nước thương dân; là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén; có tầm nhìn xa trông rộng; hành động mạnh mẽ quyết đoán, tài dụng binh như thần; ý chí quyết chiến quyết thắng… c**. Lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung thể hiện sự anh minh sáng suốt và mang âm hưởng hào hùng của các tác phẩm: Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi).** *\* Trước hết, vua Quang Trung khẳng định chủ quyền của dân tộc.* - “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”.  - Đó cùng là lời tuyên bố chủ quyền lãnh thổ của dân tộc trong “Nam quốc sơn hà” (Lý Thường Kiệt):  “Nam quốc sơn hà Nam đế cư  Tiệt nhiên định phận tại thiên thư”  (*Sông núi nước Nam vua Nam ở*  *Rành rành định phận ở sách trời*);  - Trong “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi) cũng khẳng định:  “Như nước Đại Việt ta từ trước  Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  Núi sông bờ cõi đã chia  Phong tục Bắc Nam cũng khác  Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập  Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương” *\*. Tiếp đến, ông nêu bật dã tâm của giặc để thổi bùng lên ngọn lửa căm thù giặc trong lòng tướng sĩ.* - “Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, .. ai cũng muốn đuổi chúng đi”, “Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện...xưa”.  -Hành động xâm lược của “giặc dữ” (nghịch lỗ) là hành động phi nhân nghĩa, trái đạo trời. Tội ác của giặc ngoại xâm được Trần Quốc Tuấn chỉ rõ “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ…thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho để khỏi tai vạ về sau” (Hịch tướng sĩ). - Nguyễn Trãi cũng đã vạch trần:  “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ  Dối trời lừa dân đủ trăm ngàn kế…”,  “Độc ác thay trúc Nam Sơn không ghi hết tội…” Đúng là tội ác “Trời không dung, đất không tha”. \*. *Sau đó, ông nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.*- “Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”. - Lời phủ dụ tướng sĩ của vua Quang Trung đã nhắc đến Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ.  + Ý chí tinh thần chống giặc ngoại xâm trong bài hịch như còn mãi âm vang: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa… Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”. (Hịch tướng sĩ) + Tấm gương Lê Thái Tổ không nỡ ngồi nhìn giặc Minh làm điều tàn bạo đã dấy nghĩa quân:  “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn…  Tổ kiến hổng phá toang đê vỡ”.  - Đó là những dẫn chứng xác thực về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc:  “Tuy mạnh yếu nhiều lúc khác nhau  Song hào kiệt đời nào cũng có”,  “Việc xưa xem xét  Chứng cứ còn ghi” (Bình Ngô đại cáo). \***.** *Từ đó, ông bày tỏ lòng tin vào binh lính và kêu gọi họ dốc lòng, dốc sức vì sự nghiệp chung đánh đuổi kẻ thù để bảo vệ chủ quyền của dân tộc.*  - Lời hiệu triệu của vua Quang Trung “Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi ....hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn”. cũng là lời khích lệ tinh thần chiến đấu của Trần Quốc Tuấn đối với các tướng dưới quyền: nêu cao tinh thần cảnh giác, chăm lo tập luyện cung tên, học tập “Binh thư yếu lược”.  + Đó cũng là lời của Nguyễn Trãi: “Nhân dân bốn cõi một nhà … Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”. \**. Cuối cùng, ông khẳng định quyết tâm sắt đá đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh, đồng thời cũng tuyên bố kỷ luật nghiêm minh của quân đội để răn đe những kẻ bạc nhược có ý ăn ở hai lòng.* -“Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”.  - Đó cũng là thái độ nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn chỉ ra con đường: sống – chết, vinh – nhục; đạo thần chủ – kẻ nghịch thù để tướng sĩ thấy rõ chỉ có thể chọn một hoặc địch – hoặc ta chứ không có chỗ đứng cho những kẻ bàng quan thờ ơ trước thời cuộc. d**. Khẳng định và nêu suy nghĩ bản thân.** – Lời phủ dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ tại cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An có thể xem như một bài hịch ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép, giọng điệu hào hùng mà ý tứ thật phong phú sâu xa, có tác dụng kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật khởi của dân tộc. – Trí tuệ, tấc lòng của một vị vua vì nghĩa lớn đã mạnh hơn thiên kiến giai cấp của các tác giả. Chính vì vậy mà các tác giả của “Hoàng Lê nhất thống chí” đã xây dựng một tượng đài bất hủ về người anh hùng Nguyễn Huệ – một hình ảnh hiếm thấy trong lịch sử.  **3. Kết bài** Dù ra đời trong những thời điểm khác nhau với những kiểu văn bản khác nhau, nhưngtinh thần yêu nước là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là một trong những giá trị nổi bật nhất của văn học Việt Nam. Các tác phẩm: Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Hoàng Lê nhất thống chí mãi là những viên ngọc quý của văn chương dân tộc, lấp lánh nguồn cảm hứng yêu nước. Tự hào về chiến công của cha ông khi phá Tống, đuổi Nguyên, bình Ngô, đạp Thanh… ta cần giữ gìn phát huy truyền thống ấy hơn nữa để xứng đáng là con Lạc, cháu Hồng. |

**3. Hoạt động vận dụng :**

- Viết hoàn chỉnh 3 bài văn dựa vào 3 dàn ý trên

**4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng**

- Tìm hiểu thêm các dạng bài khác về văn bản: *Hồi thứ 14 - Hoàng Lê nhất thống chí.*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 7:**  **TRUYỆN THƠ NÔM**

**NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU**

**Đoạn trích: Chị em Thúy Kiều**

**I. Mục tiêu cần đạt:** Sau khi học xong buổi học này giúp học sinh có được:

**1. Kiến thức:** Vận dụng những hiểu biết về Bài 6 phần văn bản (sgk văn 9 tập I trang76) để:

- Xác định được những nét chủ yếu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du.

- Xác định được giá trị nội dung và nghệ thuật của kiệt tác Truyện Kiều

- Trình bày được những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc về nghệ thuật miêu tả nhân vật và tài miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du .

- Chỉ ra được ước lệ, bút pháp gợi tả, sử dụng ngôn ngữ hình ảnh giàu chất tạo hình, tả cảnh mà nói lên tâm trạng trong các đoạn trích của Truyện Kiều.

**2. Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu văn bản, viết đoạn văn nghị luận văn học, tạo lập văn bản thuyết minh, tự sự từ văn bản đã tìm hiểu.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Yêu thích say mê học Truyện Kiều.

- Cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ, nhận ra những giá trị thẩm mĩ trong văn học.

- Lòng biết ơn và tự hào về nền văn học dân tộc, tự hào về nguyễn Du và di sản văn học quý giá của ông đặc biệt là Truyện Kiều.

**4. Năng lực:**

- Năng lực hợp tác, phát triển ngôn ngữ, giao tiếp.

**II. Tiến trình lên lớp.**

**Tiết 1**:

**A . Hệ thống lại kiến thức đã học (20phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: Hoạt động cá nhân.  - Phương pháp đàm thoại  ? Em hãy giới thiệu những nét chính về tác giả Nguyễn Du?  - Tên tuổi , quê quán  - Gia đình.  - Thời đại.  - Bản thân.  - Sự nghiệp  GV cung cấp thêm thông tin về gđ:  + Cha là Nguyễn Nghiễm đỗ tiến sĩ từng giữ chức tề tướng có tiếng giỏi văn  + Mẹ là Trần Thị Tần một người nổi tiếng Kinh Bắc (Bắc Ninh)  + Các anh đều học giỏi đỗ đạt làm quan to trong đó có Nguyễn Khản làm quan Thượng Thư dưới triều Lê Trịnh.  Gv chốt KT  - Từ gia đình, thời đại cuộc đời đã kết tinh ở ND một thiên tài kiệt xuất với sự nghiệp văn học có giá trị lớn.  - Ông là đại thi hào dân tộc danh nhân văn hóa thế giới là bậc thầy trong việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc là ngôi sao chói lọi nhất trong trong nền văn học cổ VN.  ? Tìm hiểu tác phẩm: **Truyện Kiều**  - Hình thức tổ chức hoạt động cá nhân  ? Trình bày nguồn gốc, thể loại, đề tài của TK?  ? Tóm tắt tác phẩm TK?  ? Trình bày giá trị của TK?  Gv cung cấp thông tin cụ thể:  + Bọn quan lại tham lam vô độ, vì tiền mà bất chấp công lý,tiểu nhân bỉ ổi bất tài háo sắc  + Lũ sai nha những kẻ lộng hành đục nước béo cò tham lam ti tiện.  + Phường buôn thịt bán người lộng hành khắp nơi.  + Phê phán tố cáo những thế lực xấu xa đã chà đạp quyền sống của con người (bọn quan lại, lũ sai nha, phường buôn thịt bán người)  ? Đoạn trích: **Chị em Thúy Kiều**  - Hình thức tổ chức: Hoạt động cá nhân.  - Phương pháp đàm thoại  ? Nêu vị trí, nội dung của đoạn trích?  ? Trình bày kết cấu của đoạn trích?  ? Vẻ đẹp của Thúy Vân được miêu tả qua những chi tiết nào?  ? Những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng để khắc họa chân dung Thúy Vân?  ? Vẻ đep của Thuý Kiều được tác giả tập trung miêu tả ở những phương diện nào? | **I. TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU.**  **1. Giới thiệu về tác giả.**  **a. Tên tuổi, quê quán**  - Nguyễn Du (1765-1820) tên chữ là Tố Như hiệu là Thanh Hiên.  Quê: Tiên Điền ,Nghi Xuân, Hà Tĩnh  **b. Gia đình.**  - Sinh ra trong một gia đình quý tộc nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn chương.  => Ông thừa hưởng sự giàu sang phú quý có điều kiện học hành đặc biệt thừa hưởng truyền thống văn chương.  **c. Thời đại.**  -Cuối TK 18 đầu TK 19 đây là giai đoạn lịch sử có nhiều biến động dữ dội. CĐPK khủng hoảng trầm trọng giai cấp thống trị thối nát tham lam tàn bạo các tập đoàn PK chém giết lẫn nhau.  - Nông dân nổi dậy khắp nơi mà đỉnh cao là phong trào nông dân Tây Sơn.  **d. Bản thân.**  Là người học rộng tài cao lại có năng khiếu bẩm sinh, ông được đi nhiều nơi,tiếp xúc với nhiều người, cuộc đời từng trải và có vốn sống phong phú, bên cạnh đó là người có trái tim yêu thương giàu lòng trắc ẩn.  **e. Sự nghiệp:**  Gồm 2 bộ phận chính:  - Những tác phẩm chữ Hán:Thanh Hiên thi tập; Nam Trung tạp ngâm; Bắc Hành tạp lục.  - Những tác phẩm chữ Nôm: Truyện Kiều; Văn chiêu hồn.  **2. Truyện Kiều.**  **a. Nguồn gốc:**  - Truyện ra đời vào đầu thế kỉ 19 khoảng 1805-1809 lúc đầu có tên là Đoạn Trường Tân Thanh sau đó đổi thành truyện Kiều.  - Tác phẩm dựa theo cố truyện: Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân ở Trung Quốc.  - Tác phẩm: gồm 3254 câu thơ lục bát.  **b. Thể loại:**  - Truyện thơ Nôm được viết theo thể lục bát.  - Đề tài: Viết về số phận người phụ nữ trong XHPK.  **c.Tóm tắt tác phẩm:** Gồm 3 phần:  - Gặp gỡ đính ước.  - Gia biến lưu lạc.  - Đoàn tụ.  **d. Giá trị của tác phẩm**  **d1. Giá trị nội dung:**  \* Giá trị hiện thực:  - Phản ánh thực trạng xấu xa thối nát của XHPK:  - Phản ánh số phận đau khổ bất hạnh của con người đặc biệt là người phụ nữ.  \* Giá trị nhân đạo  - Niềm thương cảm sâu sắc trước những đau khổ của con người  - Tác phẩm là tiếng nói khẳng định đề cao vẻ đẹp, tài năng, nhân phẩm con người (Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải) đặc biệt là nàng Kiều người phụ nữ vừa có sắc vừa có tài, lại thủy chung hiếu thảo.  - Tố cáo những thế lực tàn bạo bất công trong XHPK  **d2. Giá trị nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ dân tộc đạt đến đỉnh cao chói lọi  - Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc từ miêu tả thiên nhiên, miêu tả con người.  **II. CHỊ EM THÚY KIỀU.**  **A. Giới thiêu chung.**  **1. Vị trí:** Nằm ở phần 1 của tác phẩm:Gặp gỡ và đính ước.  ->Giới thiệu gia đình nhà Vương viên ngoại.  **2. Nội dung**: Giới thiệu về vẻ đệp của 2 chị em Vân Kiều.  **3. Bố cục**: 4 phần:  - Phần 1: 4 câu đầu: Vẻ đẹp chung của 2 chị em.  - Phần 2: 4 câu tiếp: Vẻ đẹp của Thúy Vân.  - Phần 3: 12 câu tiếp: Vẻ đẹp của Thúy Kiều.  - Phần 4: 4 câu còn lại: Nếp sống phẩm hạnh của 2 chị em.  **B. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Vẻ đẹp chung của 2 chị em.**  **Hai câu đầu:**  - Lời giới thiệu tự nhiên dễ hiểu chủ yếu là từ thuần Việt và có kết hợp từ Hán Việt để nói về hai chị em trong gia đình nhà Vương ông.  - Tác giả sử dụng từ Hán Việt “tố nga” người con gái đẹp tinh tế để gọi chung chị em Thúy Kiều, Thúy Vân.” “tố nga” là một điển tích để ngầm so sánh vẻ đẹp vẻ đẹp TK, TV giống vẻ đẹp của người con gái đẹp trên cung trăng.  *Mai cốt cách tuyết tinh thần*  *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*  - Với hình ảnh ước lệ tượng trưng: mai, tuyết đã gợi tả cho ta thấy hai nàng có cốt cách dáng vẻ mảnh mai thanh tao như mai tâm hồn trong sáng như tuyết. Như vậy với bút pháp nghệ thuật tiểu đối cho ta thấy họ không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn đẹp ở tâm hồn bên trong.  - Việc sử dụng thành ngữ: mười phân vẹn 10 ->ca ngợi vẻ đẹp toàn diện của 2 chị em mặc dù mỗi người có một vẻ đẹp riêng.  =>Tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của 2 chị em bằng thái độ trân trọng ngợi ca.  **2. Vẻ đẹp của Thúy Vân.**  *Vân xem trang trọng khác vời*  ->TV mang vẻ đẹp đoan trang quý phái mà hiếm người có được “trang trọng” mang vẻ đẹp cao sang quý phái, đài các mà ít người có được.  - Ba câu tiếp:  Tác giả miêu tả Thúy Vân tỉ mỉ chi tiết từng khuôn mặt đến nét ngài, nụ cười, giọng nói mái tóc, màu da. Thể hiện rõ vẻ đẹp đoan trang chín chắn của nàng.  Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp với phép tiểu đối làm nổi bật vẻ đẹp cao sang, quý phái phúc hậu của một cô gái trẻ trung tràn đầy sức sống. Dự đoán số phận êm ấm bình lặng  **3. Vẻ đẹp của Thuý Kiều.**  **\* Nhan sắc**: toàn vẹn cả hình thể lẫn tâm hồn.  - Làn thu thủy: Tác giả tập trung tả đôi mắt nét tiêu biểu ẩn chứa vẻ đẹp tâm hồn.  - Nét xuân sơn: Nét mày tươi xanh như dáng núi mùa xuân hện lên vẻ đẹp rạng ngời giàu sức sống.  =>Hoa ghen, liễu hờn: phép tu từ nhân hóa thể hiện thái độ của thiên nhiên đó kị ganh ghét với nàng Kiều.  **\* Tài năng**: đạt tới mức độ lí tưởng hội tụ đầy đủ tài năng của những người phụ nữ Phương Đông: cầm, kì, thi, họa. Ở lĩnh vực nào cũng giỏi nhưng giỏi nhất là tài đánh đàn.  **4. Cuộc sống của hai chị em.**  Mặc dù là những thiếu nữ sống trong gia cảnh phong lưu quyền quý, tuổi xuân của họ đã đến lúc búi tóc cài trâm về nhà chồng.  ->Thế nhưng họ vẫn sống trong cảnh êm đềm trướng rủ màn che rất kín đáo khuê các mặc cho những người đàn ông đi tìm vợ dập dìu trước ngõ. |

**B. Luyện tập (25 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| \* Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc hiểu và viết đoạn văn nghị luận văn học.  - Hình thức tổ chức luyện tập nhóm, cá nhân  **Bài tập 1: (Phiếu học tập)**  Cho câu thơ sau:  *Kiều càng sắc sảo mặn mà*  **Câu 1:** Hãy chép chính xác những câu thơ tiếp theo tả sắc đẹp của Thúy Kiều.  **Câu 2:** Em hiểu như thế nào về hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thủy” “xuân sơn” ? Cách nói “làn thu thủy”, “nét xuân sơn” dùng nghệ thuật ẩn dụ hay hoán dụ? Giải thích vì sao em chọn nghệ thuật ấy?  **Câu 3:** Khi nói về vẻ đẹp của Thúy Kiều Tác giả Nguyễn Du đã dự báo cuộc đời và số phận của nàng có đúng không? Hãy làm rõ ý kiến của em?  **Câu 4:** Viết đoạn văn cảm nhận vẻ đẹp của Thúy Kiều qua đoạn thơ vừa chép ở trên?  Hướng dẫn:  Câu 1 : Hoạt động cá nhân  Câu 2: Hoạt động cặp đôi 2 phút  Đại diện trình bày, Gv chốt kiến thức  Câu 3: Hoạt động cá nhân  Câu 4: Hoạt động cá nhân.  Gv hướng dẫn HS viết đoạn văn theo gợi ý sau: | 1. **LUYỆN TẬP**   **Bài tập 1:**  **Gv chốt kiến thức:** Bài làm của Hs cần đạt được những yêu cầu sau:  **Câu 1:** Học sinh phải chép chính xác những câu thơ tiếp theo tả sắc đẹp của Thúy Kiều:  *Kiều càng sắc sảo mặn mà*  *So bề tài sắc lại là phần hơn*  *Làn thu thủy nét xuân sơn*  *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*  *Một hai nghiêng nước nghiêng thành*  *Sắc đành đòi một tài đành họa hai.*  **Câu 2**: Hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thủy”, “xuân sơn” có thể hiểu là:  - Thu thủy - nước hồ mùa thu tả vẻ đẹp của đôi mắt Thúy Kiều trong sáng, thể hiện sự tinh anh của tâm hồn và trí tuệ; làn nước mùa thu gợi lên thật sinh động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt.  - Xuân sơn - núi mùa xuân gợi lên đôi lông mày thanh tútrên gương mặt trẻ trung tràn đầy sức sống.  - Cách nói *“làn thu thủy”, “nét xuân sơn”* là cách nói ẩn dụ vì: vế so sánh là đôi mắt và đôi lông mày được ẩn đi, chỉ xuất hiện vế được so sánh là *“làn thu thủy”, “nét xuân sơn”*  **Câu 3**: Khi nói về vẻ đẹp của Thúy Kiều Tác giả Nguyễn Du đã dự báo cuộc đời và số phận của nàng điều đó được thể hiện qua câu thơ: *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*  Vẻ đẹp của Thúy Kiều làm cho tạo hóa phải ghen ghét, đố kị *“hoa ghen”, “liễu hờn”* nên số phận của nàng éo le, đau khổ, đầy trắc trở.  **Câu 4:**  **Luận điểm 1:** Giới thiệu Nguyễn Du->tác phẩm Truyện Kiều - Nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích.  **Luận điểm 2:**: Khái quát về tác giả Nguyến Du, nguồn gốc Truyện Kiều mượn cốt truyện của Trung Quốc nhưng sự sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn tác phẩm là bản cáo trạng đẫm nước mắt về thân phận người phụ nữ ->đi vào lòng người bao thế hệ.  **Luận điểm 3:**: Phân tích vẻ đẹp Thúy Kiều.  - Hai câu đầu: Nghệ thuật đòn bẩy: Nếu như Thúy Vân đã đẹp thì Thúy Kiều còn đẹp hơn - sắc sảo, mặn mà-> mang vẻ đẹp cuốn hút có chiều sâu.  - Hai câu tiếp: nghệ thuật ước lệ, so sánh Thúy Kiều mang vẻ đẹp vượt trội“hờn”  ->gợi cuộc đời đày sóng gió, dự báo số phận không bằng phẳng bình yên.  - Hai câu tiếp: Thành ngữ nghiêng nước nghiêng thành-> vẻ đẹp của nàng có thể khiến các bậc quân tử mê đắm mà để mất thành mất nước, không ai có thể vượt qua được nhan sắc của nàng “sắc đành đòi một”.  **Luận điểm 4**: Mở rộng nâng cao vấn đề  - Chuẩn mực vẻ đẹp của người phụ nữ ngày nay: vẫn cần được tôn vinh, là những giá trị con người được đề cao, tôn vinh, coi trọng.  - Tích cực trau dồi để hướng tới việc hoàn thiện bản thân đẹp về hình thể, tâm hồn, tri thức, nhân cách.  **Luận điểm 5**: Khái quát vấn đề  Đoạn thơ đã khắc họa thành công vẻ đẹp của Thúy Kiều. |

**Tiết 2: Luyện tập**

**PHIẾU BÀI TẬP 2:**

**Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*  
*So bề tài sắc lại là phần hơn*  
*Làn thu thủy nét xuân sơn*  
*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*  
*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*  
*Sắc đành đòi một tài đành họa hai.*

*Thông minh vốn sẵn tính trời*  
*Pha mùi thi họa đủ mùi ca ngâm*  
*Cung Thương làu bậc ngũ âm*  
*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.*

*Khúc nhà tay lựa nên chương,*

*Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.”*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Em hiểu thế nào về hình tượng *“thu thủy”, “xuân sơn”.* Cách nói *“làn thu thủy, nét xuân sơn”* là cách nói ẩn dụ hay hoán dụ? Vì sao?

**Câu 2:** Dụng ý của tác giả trong câu “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”? Theo em có nên thay thế từ “*hờn*” bằng từ “*buồn*” được không?

**Câu 3:** Sử dụng câu chủ đề sau để viết đoạn văn:

*“Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều mang vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả về tài lẫn sắc”.*

**Câu 4:** Qua cung đàn của Thúy Kiều (ở câu thơ cuối đoạn trích) em hiểu thêm gì về nhân vật này?

**Câu 5:** Qua đoạn trích, tác giả Nguyễn Du bày tỏ tình cảm gì với nàng Kiều?

**Câu 6:** Chép chính xác một câu thơ trong bài thơ em đã học trong chương trình ngữ văn THCS nói về vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**Câu 7:** Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

**Câu 8:** Hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều có những điểm nào giống và khác nhau?

**GỢI Ý**

**Câu 1:**

    - Thu thủy: làn nước mùa thu.

    - Xuân sơn: nét núi mùa xuân.

Cả câu thơ sử dụng hình ảnh mang tính ước lệ và biện pháp ẩn dụ gợi lên đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân.

**Câu 2:**

    - Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp khiến “hoa ghen”, “liễu hờn”.

    - Nguyễn Du không miêu tả nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê vẻ đẹp đó.

    - Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp có sức hút, chiều sâu đến lạ lùng.

    - Không thể thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” bởi từ “buồn” không làm nổi bật được tính chất hờn ghen hiểm họa của tự nhiên trước vẻ đẹp của Thúy Kiều.

**Câu 3:**

    - Tác giả rất tinh tế khi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều: tác giả miêu tả chân dung Thúy Vân trước để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều.

    - Với thủ pháp đòn bẩy, tác giả làm nổi bật vẻ của Kiều cả về nhan sắc lẫn tài năng.

       + Ngay trong câu thơ: “Kiều càng sắc sảo mặn mà” tác giả gợi lên sự sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.

       + Với bút pháp ước lệ tượng trưng, bức họa về nàng Kiều với đôi mắt trong sáng, long lanh thể hiện tâm hồn trong trắng, trí tuệ sắc sảo của nàng.

       + Vẻ đẹp của Kiều khiến hoa ghen, liễu hờn dự báo trước cuộc đời đầy sóng gió của Kiều.

       + Thúy Vân tác giả tập trung tả về nhan sắc, với Thúy Kiều, tác giả một phần tả sắc và hai phần để tả về cái tài của nàng.

**Câu 4:** Cung đàn của nàng Kiều là “cung thương lầu bậc ngũ âm” - cung đàn bạc mệnh của Kiều là tiếng của trái tim đa cảm.

    - Tâm hồn Kiều đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi số phận nghiệt ngã, éo le, gian khổ của bởi “chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” và trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

**Câu 5:**

    - Tác giả ngợi ca vẻ đẹp của Thúy Kiều - một trang tuyệt thế giai nhân có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành.

    - Tác giả cũng bày tỏ sự thương xót, lo lắng trước vận mệnh của Thúy Kiều.

    - Một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo ấy là đoạn trích ca ngợi đề cao những giá trị, phẩm chất con người như nhan sắc, tài hoa, nhân phẩm, khát vọng, ý thức về nhân phẩm, thân phận.

**Câu 6:**

Câu thơ nói về vẻ đẹp của người phụ nữ xã hội phong kiến:

*“Thân em vừa trắng lại vừa tròn”*

(Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)

**Câu 7:**

Đoạn trích Chị em Thúy Kiều thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du, khắc họa nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

    - Tác giả sử dụng bút pháp tượng trưng để gợi tả vẻ đẹp nhan sắc, tài năng, tâm hồn, qua mỗi bức chân dung đều gửi gắm những dự báo về cuộc đời và số phận.

    - Qua hai bức chân dung về Thúy Vân và Thúy Kiều đều thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca nhưng ông ưu ái dành nhiều câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật cả về nhan sắc và tài năng.

    - Cái tài của tác giả là từ việc miêu tả ngoại hình nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp về tính cách và tâm hồn đằng sau những tín hiệu ngôn ngữ là dự báo về số phận con người.

       + Thúy Vân: vẻ đẹp khiến tự nhiên nhường nhịn nên nàng chắc chắn cuộc đời nàng êm đềm.

       + Thúy Kiều: vẻ đẹp khiến tự nhiên danh ghét, ghen tị, chắc chắn cuộc đời gặp nhiều sóng gió, gập ghềnh.

    - Tác giả sử dụng những hình ảnh tươi đẹp nhất, ngôn từ hoa mĩ để xây dựng, miêu tả vẻ đẹp của con người đạt tới mức lý tưởng.

Đó cũng chính là cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ tấm lòng đồng cảm với mọi người.

**Câu 8:**

    - Giống nhau: *Mai cốt cách, tuyết tinh thần, Phong lưu rất mực hồng quần/ Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê, Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

    - Khác nhau:

       + Thúy Vân: *trang trọng khác vời, Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang, Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da…*

       + Thúy Kiều: *sắc sảo mặn mà/ So bề tài sắc lại là phần hơn - Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

    - Quan niệm của tác giả Nguyễn Du về mối quan hệ giữa nhan sắc, tài năng và số phận.

       + Vẻ đẹp sắc sảo, lôi cuốn, tài năng hơn người → bị đố kị, ghen ghét, số phận long đong.

    - Quan niệm này xuất phát từ cơ sở tâm lí - xã hội cụ thể.

**Bài 2**: *“Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”  
“Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”*

**Câu hỏi**

a. Hai câu sau, mỗi câu nói về nhân vật nào?  
b. Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của mỗi nhân vật?

c. Từ câu chủ đề sau: “Khác với Thúy Vân, Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc”. Hãy viết tiếp khoảng 10 câu văn để hoàn thành một đoạn văn theo cách Tổng hợp – Phân tích - Tổng hợp.  
**Gợi ý**a- Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thuý Kiều.  
b- Giống nhau: Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển – dùng để tả nhân vật chính diện – lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thuý Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, đến liễu phải hờn.  
- Khác nhau:  
Tả Thúy Vân Tả Thúy Kiều  
Tác giả miêu tả Thúy Vân cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu. Nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của Thuý Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thuý Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ Þ tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.  
Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thuý Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thuý Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.  
c. Dùng câu chủ đề trên làm câu mở đoạn.  
Viết nối tiếp bằng những gợi ý sau:  
- Gợi tả vẻ đẹp của Kiều, tác giả vẫn dùng những hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thuỷ” (nước mùa thu), “xuân sơn” (núi mùa xuân), hoa, liễu. Nét vẽ của thi nhân thiên về gợi, tạo một ấn tượng chung về vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế.  
- Vẻ đẹp ấy được gợi tả qua đôi mắt Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ. Đó là một đôi mắt biết nói và có sức rung cảm lòng người.  
- Hình ảnh ước lệ “làn thu thuỷ” – làn nước mùa thu gợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt. Còn hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn” – nét núi mùa xuân lại gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung.  
- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh” – Vẻ đẹp quá hoàn mĩ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kỵ, ghen ghét báo hiệu lành ít, dữ nhiều.  
- Không chỉ mang một vẻ đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa:  
*“Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm  
Cung thương làu bậc ngũ âm  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”*- Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kỳ (cờ), thi (thơ), hoạ (vẽ). Đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đã là sở trường, năng khiếu (nghề riêng), vượt lên trên mọi người (ăn đứt).  
- Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết buồn thương, ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm.  
- Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc – tài – tình. Tác giả dùng thành ngữ “nghiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân, đồng thời là lời ngợi ca nhân vật.  
- Chân dung của Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kị “hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.  
Như vậy, chỉ bằng mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du đã không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được trước số phận của nhân vật; không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà còn truyền cả nỗi lo âu phấp phỏng về tương lai số phận nhân vật.

**Tiết 3: Luyện tập**

**Bài tập: Thuyết minh tác phẩm truyện Kiều của Nguyễn Du.**

Bước 1: Xác định yêu cầu của đề.

- Thể loại: Thuyết minh

- Nội dung:

+ Nguồn gốc xuất xứ.

+ Thể loại và cấu tạo.

+ Giá trị của tác phẩm.

**Bước 2:** Hướng dẫn dàn ý chi tiết.

**\* Mở bài:** Truyện Kiều của Nguyễn Du được coi là kiệt tác số một của văn học trung đại Việt Nam. Đến với tác phẩm ta sẽ được thưởng thức tài nghệ tuyệt bút của Nguyễn Du về nhiều phương diện. Đặc biệt thông qua tác phẩm ta cảm nhận rõ tấm lòng nhân ái của tác giả dành cho những số phận, những mảnh đời bất hạnh tiêu biểu là nhân vật Thúy Kiều.

**\* Thân bài:**

**- Nguồn gốc:** Tác giả truyện Kiều là Nguyễn Du. Ông sinh ra trong một gia đình đại quý tộc được thừa hưởng truyền thống văn chương và có điều kiện học hành. Ông sống trong thời đại lịch sử biến động khi xã hội phong kiến khủng hoảng trầm trọng. Bản thân ông là người học rộng tài cao có vốn sống phong phú, có tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị nhưng tiêu biểu nhất phải kể đến “Truyện Kiều”. Tác phẩm được viết vào đầu thế kỉ 19 (1805-1809) truyện lúc đầu có tên“ Đoạn trường tân thanh”, sau đổi thành “Truyện Kiều”. Tác phẩm dựa trên cốt truyện của tiểu thuyết: Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân Trung Quốc nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn , nhà thơ đã sáng tạo tài tình để tác phẩm phù hợp với đời sống tâm hồn của người Việt Nam lúc bấy giờ.

**- Cấu tạo:** Truyện Kiều thuộc thể loại truyện thơ Nôm được viết theo thể thơ lục bát. Đây là tác phẩm thành công rực rỡ của văn học trung đại. Toàn truyện có 3254 câu thơ lục bát được chia làm ba phần mỗi phần gắn với sự kiện cơ bản để gửi tới một thông điệp.

*Phần 1*: Kể lại cuộc gặp gỡ và đính ước giữa đôi trai tài gái sắc là Kim Trọng và Thúy Kiều. Trong lễ hội đạp thanh cả hai gặp nhau tình trong như đã mặt ngoài còn e. Vì yêu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên nên cả hai đã chủ động thề nguyền và đính ước với nhau.

*Phần 2*: Kể về những Gia biến và lưu lạc của Thúy Kiều suốt 15 năm. Gia đình bị vu oan không có tiền cứu cha và em, Kiều đã quyết định trao duyên của mình cho em là Thúy Vân và bán mình lấy tiền cứu cha và em trai rơi vào tay Mã Giám Sinh, Tú Bà, Kiều bị đẩy vào lầu xanh ở Lầu xanh được Thúc Sinh cứu nhưng bị Hoạn Thư đánh ghen và bắt làm hầu gái. Kiều trốn khỏi nhà Hoạn Thư nương nhờ cửa phật Vãi Giác Duyên vô tình gửi Kiều cho Bạc Bà Bạc Hạnh Kiều rơi vào lầu xanh lần thứ hai sau đó nàng được Từ Hải cứu giúp còn Kiều được báo ân, báo oán nhưng sau đó nàng mắc mưu của Hồ Tôn Hiến làm Từ Hải chết đứng giữa công đường còn mình bị ép gả cho thổ quan. Nhục nhã ê chề Kiều đã trẫm mình xuống sông Tiền Đường để tự vẫn sau đó được vãi Giác Duyên cứu để rồi Kim Kiều gặp nhau.

*Phần 3:* Kể lại quá trình đoàn tụ của Kiều và gia đình. Trong phần này ta thấy được tấm lòng ân nghĩa của Kim dành cho Kiều nhưng cuối cùng họ vẫn không thể nối lại tình xưa nghĩa cũ.

**- Giá trị của tác phẩm:**

*+ Về nội dung:*

->Truyện Kiều vừa là tác phẩm mang giá trị sâu sắc đồng thời còn thấm đẫm giá trị nhân đạo. Hiện thực trong truyện Kiều được phản ánh khá trọn vẹn về xã hội phong kiến thối nát vì đồng tiền. Hiện thực được thể hiện qua cách cư xử của những kẻ cầm cân nảy mực trong xã hội phong kiến: Hồ Tôn Hiến, bọn sai nha, ... ngoài ra hiện thực xã hội còn tái hiện qua những số phận những mảnh đời bất hạnh: Gia đình Kiều bị vu oan...đã tố cáo xã hội bất công thối nát.

->Truyện thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả. Tình cảm ấy được thể hiện thái độ trân trọng và ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người . Tác giả đã trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của nhân vật chính diện Thúy Vân đoan trang, phúc hậu, Thúy Kiều sắc sảo mặn mà vừa đẹp về tài năng và phẩm hạnh, Kim Trọng hào hoa phong nhã, Từ Hải mạnh mẽ cứu đã ra tay giúp người đời. Truyện đã ca ngợi tình yêu đôi lứa, sự hi sinh cao cả của Thúy Kiều, lắng đọng trong tâm hồn người đọc là thái độ đồng cảm và xót thương của tác giả dành cho những mảnh đời bất hạnh.

*+ Về nghệ thuật*: Truyện Kiều là tác phẩm đạt tới đỉnh cao trong nghệ thuật trước hết với việc sử dụng ngôn ngữ tác giả đã rất tinh lọc, ngôn ngữ đã đạt tới đỉnh cao chói lọi, tất cả các câu thơ đều trơn tru mượt mà không hề gượng ép. Nghệ thuật tự sự đạt tới đỉnh cao được miêu tả thành công nội tâm với những chuyển biến tinh vi.Tác giả còn thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình. Là tác phẩm đạt đến đỉnh cao của truyện thơ.

**\* Kết bài:** Truyện Kiều xứng đáng là kiệt tác số một của văn xuôi trung đại Việt Nam. Qua tác phẩm ta hiểu hơn về hiện thực xã hội phong kiến cách đây hơn ba trăm năm.

**III. Củng cố dặn dò.**

? Hoàn thành bài viếtđoạn văn cảm nhận vẻ đẹp của Thúy Kiều qua đoạn thơ vừa chép. (Bài tập 1- tiết 1)

? Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích: Kiều ở Lầu Ngưng Bích.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Buổi 8: Chủ đề: Văn****tự sự**

*-Miêu tả trong văn bản tự sự*

*-Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự*

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

Hs nắm vững các kiến thức về văn tự sự, bố cục của một bài văn tự sự, nắm được phương pháp làm một bài văn tự sự hoàn chỉnh; thấy được vai trò quan trọng của các yếu tố biểu cảm , miêu tả, miêu tả nội tâm và nghị luận trong văn tự sự.

**2. Kỹ năng:**

Rèn kĩ năng viết văn tự sự, diễn đạt trong sáng, biết tạo tình huống truyện hấp dẫn.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

Giáo dục sự ham mê sáng tạo và tìm tòi học hỏi khi viết văn.

**4. Hình thành năng lực:**

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực tư duy

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

**1. Ổn định tổ chức**

**2.Kiểm tra bài cũ**: Kết hợp trong giờ

**3. Nội dung ôn tập:**

**Tiết 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ?Thế nào là văn bản tự sự?  ?Mục đích của việc viết văn bản tự sự là gì?  ?Nêu bố cục của một văn bản tự sự và vai trò của từng phần?  ?Kể tên các yếu tố cơ bản của một văn bản tự sự?  ?Nêu các ngôi kể trong văn tự sự và tác dụng của việc sử dụng từng ngôi kể?  ? Thế nào là lời kể, lời thoại trong văn tự sự?  ?Có mấy thứ tự kể trong văn tự sự? Kể tên?  ? Yếu tố miêu tả trong văn tự sự có vai trò như thế nào?  ? Trong bài văn tự sự, yếu tố miêu tả thường được sử dụng để làm gì?  ***GV Lưu ý***: yếu tố miêu tả thường được dùng thể hiện qua các từ ngữ, hình ảnh có sức gợi lớn, NT so sánh, nhân hóa, từ tượng thanh, tượng hình. | **A. Củng cố lí thuyết:**  ***1.Khái niệm văn tự sự:***  Tự sự( kể chuyện) là trình bày một chuỗi diễn biến các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.  ***2.Mục đích:***  Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.  ***3. Bố cục của một văn bản tự sự:***  Gồm 3 phần:  a/ Mở bài:  Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc.  b/ Thân bài:  Kể diễn biến sự việc.  – Khi kể chuyện, có thể kể các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tự tự nhiên, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau, cho đến hết.  – Nhưng để gây chú ý bất ngờ, hoặc để thể hiện tình cảm nhân vật, ta có thể đem kết quả, sự việc hiện tại kể ra trước, sau đó mới dùng cách kể bổ sung hoặc để nhân vật nhớ lại và kể tiếp các sự việc đó xảy ra trước đó.  c/ Kết bài:  – Kể kết cục sự việc.  – Nêu cảm nghĩ về truyện.  ***4 .Các yếu tố cơ bản của bài văn tự sự:***  - Cốt truyện  - Nhân vật  - Sự việc  - Các tình tiết của truyện.  - Ngôi kể ( Thứ nhất hoặc thứ ba)  - Lời kể và lời thoại  - Thứ tự kể (Kể xuôi theo thứ tự tự nhiên hoặc kể ngược)  **5. Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự:**  **\* *Miêu tả trong văn tự sự:***  - Miêu tả thường hiện diện trong nhiều loại văn và tự sự cũng vậy. Nhờ miêu tả mà ta có thể tái hiện cảnh vật và con người một cách cụ thể trong không gian và thời gian.  - Miêu tả không chỉ làm nổi nật ngoại hình mà còn khắc hoạ nội tâm nhân vật, làm cho câu chuyện trở nên dậm đà, hấp dẫn, lí thú.  - Trong bài văn tự sự, yếu tố miêu tả thường được sử dụng để:  + Miêu tả cảnh vật thiên nhiên - không gian và thời gian nghệ thuật tạo nền cho diễn biến cốt chuyện( Mặt trời, tiết trời, nắng gió, âm thanh tiếng chim chóc, cây cối và con người).  + Miêu tả nhân vật:  ./ Miêu tả ngoại hình nhân vật (gương mặt, dáng người, làn da, trang phục)  ./ Miêu tả hành động nhân vật - sự vịêc( lời nói, việc làm)  ./ Miêu tả nội tâm nhân vật( yêu, quý, thương, giận, hằn học, vui buồn, khổ đau, hạnh phúc).  + Miêu tả cảnh sinh hoạt với những hành động cụ thể của các nhân vật tham gia vào cốt truyện.  **Lưu ý:** Các yếu tố miêu tả chỉ là yếu tố bổ trợ, khi sử dụng cần chú ý không sa đà, không được để các yếu tố này lấn át tự sự. |

***Tiết 2-3:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Xác định yêu cầu của đề  GV gợi ý giúp hs tìm ý, lập dàn ý:  Đặt ra giả định:  - Người thân đi xa (đi công tác? chuyển chỗ tới nơi khác? Đã mất?)  - Người thân: Người có kỉ niệm gắn bó sâu nặng quen thuộc và thân thiết...  - Hình thức kể: Một giấc mơ, trong giấc mơ gặp lại ai? Quan hệ như thế nào với mình? Người đó hiện đang ở đâu? làm gì?  - Khi gặp lại: Hình dáng? cử chỉ? nét mặt? động tác? lời nói ra sao? (Tả người và hành động).  - Kết thúc buổi gặp gỡ như thế nào?  Có thể người thân đã qua đời (Ông, bà, cô....) nhắc nhở em sống tốt, phấn đấu có tương lại sáng lạn hơn. Là anh (hoặc chị) chết sớm (do lầm lỗi, hoặc tai nạn...) nhắc nhở em biết suy nghĩ chín chắn để có hành động đúng, để người thân vui lòng ở cõi hư không.  - HS làm việc cá nhân lập dàn ý theo gợi ý của GV-> trình bày  - GV nhận xét, bổ sung  GV hướng dẫn hs viết một số đoạn theo dàn ý. | **B. Luyện tập :**  §Ò 1: ***Kể lại một giấc mơ, trong đó em gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.***  1. T×m hiÓu ®Ò  -Thể loại: Văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả [RIGHT]Trích từ: www.VanMau.Com[/RIGHT] - Nội dung: Một giấc mơ, trong đó em gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày  2. Dàn ý  a/. Mở bài:  - Em đi vào giấc mơ như thế nào? Lúc đó tâm trạng em như thế nào?  - Em gặp lại người thân là ai? Quan hệ với em như thế nào? Cách xa bao lâu? Lí do gì xa cách em lâu thế? Cảm xúc của em khi gặp lại người thân?  VD: *Vào một buổi tối, khi đang học bài, tôi mệt quá nên đã gục trên bàn thiếp đi lúc nào không hay. Và trong giấc mơ, tôi vô cùng hạnh phúc khi được gặp lại người bà kính yêu đã mất cách đây khoảng một năm. Giờ đây, hình ảnh của bà khi đó vẫn còn hiện lên rõ mồm một trong tâm trí tôi.*  b/. Thân bài:  + Giới thiệu chung về người thân: Người thân bây giờ ở đâu? Làm gì? Tình huống nào em gặp lại người thân?  + Khi gặp lại quan sát thấy người thân như thế nào? Diện mạo? Hình dáng? Y phục? Cử chỉ? Nét mặt? Động tác? Lời nói...(Chủ yếu tả người và hành động)  + Người thân có những nét gì khác so với lúc trước khi xa không? ( So sánh từ hình dáng bên ngoài với tính cách bên trong trước đó và bây giờ?)  +Em và người thân đã trò chuyện như thế nào? Nói với nhau những gì? (Kể lại sinh động và lồng vào cảm xúc)  **VD:**  *Khi vừa thiếp đi, tôi bỗng thấy mình đang đứng ở một nơi rất kì lạ, xung quanh có rất nhiều cây trái, chim chóc hót líu lo, những màn sương mờ ảo như bao trùm vạn vật. Tôi còn đang ngơ ngác nhìn quanh thì chợt thấy bà nội hiện ra trước mặt, nở một nụ cười dịu hiền như ngày xưa. Tôi bàng hoàng trong giây lát, một cảm giác rất lạ tràn ngập trong lòng tôi, không phải là cảm giác sợ sệt khi bà đột nhiên xuất hiện, mà là sự hạnh phúc khó diễn tả thành lời. Hai tiếng "Bà! Bà!" vỡ òa trong nước mắt, tôi chạy vội đến rồi nhào vào lòng bà. Khi còn sồng, bà thương tôi lắm, cho dù bà ở nhà bác cách xa nhà tôi nhưng cứ mỗi lần tôi đến thăm bà lại bà lại cho bánh cho kẹo rồi kể chuyện xưa cho tôi nghe. Vậy mà bà đã mất, mất do tuổi già sức yếu. Sinh - tử vốn là quy luật của cuộc đời, có ai sinh ra mà không mất đi. Dẫu biết thế nhưng tôi vẫn rất buồn và ốm cả tuần liền ngay sau đó. Tôi cứ ngỡ mình sẽ không thể gặp bà nữa, nhưng thật bất ngờ, bà đang ở ngay trước mắt tôi.*  *Bà vẫn thế, mặc chiếc áo bà ba nâu quen thuộc, nhưng trông bà hôm nay lại đẹp và rạng rỡ hơn mọi ngày. Mái tóc bà bạc trắng, búi củ hành trông hệt như một bà tiên. Tôi nằm trong vòng tay ấm áp của bà, cảm nhận sự trìu mến của bà khi bà vuốt ve mái tóc tôi. Lúc ấy tôi thấy như mình đang bé lại. Tôi đã kể cho bà nghe về tình hình gia đình và nhiều chuyện thú vị gặp ở trường lớp. Bà cầm tay tôi lắng nghe, chốc chốc lại nhoẻn miệng cười. Rồi bà xiết chặt tay tôi nói:*  *- Cháu bà ngoan lắm. Thế cháu vẫn học tốt chứ? Năm nay cháu sẽ thi lên cấp III phải không? Cố gắng lên nhé!*  *Tôi ôm lấy bà và hứa sẽ học thật tốt để không phụ lòng bà. Trò chuyện được một lát, bà bỗng phẩy phẩy tay như muốn bảo tôi về. Nhưng tôi không muốn phải xa bà nhanh như vậy, cho nên tôi kéo tay áo bà, nhìn bà với vẻ cầu xin. Bà vẫn luôn không nỡ làm tôi thất vọng. Bà cười bất đắc dĩ, rồi nắm tay tôi dắt đi. Tôi không biết mình sẽ đi đâu, nhưng tôi vẫn vui vẻ nắm tay bà và bước. Đi được một lát, tôi chợt nhận ra những điều là lạ. Tôi đang bước trên những đám mây trắng bồng bềnh, mềm và xốp. Dọc hai bên đường đi, có những loại hoa kì lạ đầy màu sắc, tỏa hương thơm ngào ngạt. Kì lạ là những đám mây lại có hình tôi, hình bà, hình ba mẹ tôi, và cả hình chị tôi nữa. Đây có phải là thiên đường không? Tôi thích thú chỉ cho bà xem, bà nhìn theo rồi cười. Suốt cả quãng đường đi đều như vậy, tôi cứ chỉ cho bà nhìn, bà nhìn với một vẻ mặt rạng rỡ trông thật hạnh phúc và ấm áp biết dường nào. Tôi chỉ muốn con đường này kéo dài thêm, thêm nữa để…*  *Cuối cùng thì cũng đến nơi, trước mặt tôi hiện lên một căn nhà lớn, trông vừa quen vừa lạ. Quen vì nó trông rất giống nhà bác tôi, lạ là vì nó trông khang trang, đẹp và mới hơn nhiều. Bà chỉ vào căn nhà đó, tôi hiểu ý bà, thì ra là bà đang sống ở đây. Bà dắt tôi bước vào nhà, tôi ngửi thấy một mùi thơm quen thuộc. Quay sang nhìn bà, tôi thấy bà đang cầm một đĩa bánh trôi xinh xẻo, ngon ngọt mà lúc xưa bà vẫn hay làm cho tôi ăn. Không biết bà làm khi nào mà nhanh thế nhỉ? Những chiếc bánh trôi vẫn ngon như xưa, tôi thầm nghĩ một đĩa bánh nhỏ thế này sẽ không đủ để tôi ăn mất. Nhưng tôi ăn hết đĩa này bà lại đưa tôi đĩa khác, tôi ăn đến thỏa thích.*  + Cuối buổi gặp gỡ những việc gì xảy ra? Cảm xúc của em?  + Cái gì đã đánh thức em dậy? Tâm trạng em như thế nào? Cảm xúc lâu lắng?  **VD:**  *Tôi đang rất vui vẻ thì bỗng bà kêu tôi lại rồi nói nhỏ nhẹ và chậm dãi:*  *– Cháu ở lại mạnh khỏe nhé, bà phải đi rồi. Nhớ phải gắng học, đừng để thầy cô, cha mẹ buồn lòng!*  *Nói rồi bà biến mất theo làn mây trắng. Tôi hốt hoảng nhìn quanh, không còn thấy bà cùng những cảnh vật huyền ảo đẹp như ở cõi tiên nữa. Tôi òa khóc, gọi to "Bà! Bà ơi!" nhưng vẫn không thấy bà nữa. Bà đã thực sự đi rồi*  c/ Kết bài:  - Giấc mơ tan biến trở về hiện thực, ấn tượng sâu sắc nhất của em và người thân là gì?  - Cảm xúc của em ra sao, khi nhớ lại cuộc gặp gỡ này?  - Em có cảm nghĩ gì? Sẽ làm gì để người thân vui lòng?  **VD:** *Một cái đập nhẹ vào vai khiến tôi chợt tỉnh giấc. Tôi mở mắt nhìn quanh thì thấy khuôn mặt lo lắng của mẹ tôi. Mẹ hỏi tôi là làm sao mà vừa khóc vừa la hét thế. Tôi vừa kể với mẹ vừa tiếc nuối về giấc mơ được gặp bà. Hình ảnh người bà đẹp đẽ, hiền từ vẫn hiện ra trong tâm trí tôi. Bà ơi, cháu hứa với bà, cháu sẽ cố gắng ngoan ngoãn học tập, để không phụ lòng tin của bà dành cho cháu. Nếu như bà đang ở trên thiên đường, bà hãy luôn dõi mắt nhìn cháu bà nhé!* |
| HS đọc và xác định yêu cầu của đề?  ? Nêu yêu cầu của mở bài?  ? Nêu yêu cầu của thân bài?  HS nêu  GV hướng dẫn hs triển khai các ý thành các đoạn văn cụ thể  ? Nêu yêu cầu của kết bài?  GV cho HS thực hành viết hoàn chỉnh phần mở bài, kết bài và một số đoạn trong thân bài.  HS trình bày trước lớp  Gv gọi HS khác nhận xét  Gv sửa chữa lỗi cho HS | **Đề 2: Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật"**  **Viết bài văn kể về cuộc gặp gỡ đầy cảm động đó.**  1. Yêu cầu:  - Kiểu bài kể chuyện tưởng tượng  - Nội dung: cuộc gặp gỡ và trò truyện với người lính lái xe trong tác phẩm " Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật"  2. Lập dàn bài  a. Mở bài: Giới thiệu tình huống gặp gỡ ( Thăm bảo tàng quân đội, Gặp gỡ các cựu chiến binh...)  VD:   *Nhân dịp kỉ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân và quốc phòng toàn dân, ngày 22 tháng 12, để chúng tôi hiểu thêm về lịch sử chiến đấu của dân tộc, nhà trường đã mời đoàn cựu chiến binh về thăm và trò chuyện. Trong đoàn đại biểu đó, tôi bắt gặp một người lính trên ngực gắn nhiều huân chương và trong buổi lễ chú đã giới thiệu mình là người lính lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật. Cuối buổi nói chuyện, tôi đã mạnh dạn đến gặp và có cuộc nói chuyện thú vị với chú.*  b. Thân bài  Kể diễn biến cuộc gặp gỡ:  + Tâm trạng của em khi được gặp gỡ?  + Miêu tả lại hình ảnh người lính lái xe khi đó?  + Cuộc gặp gỡ trò truyện với người lính lái xe thật bất ngờ, thú vị ( Em đã hỏi những gì? Người lính kể lại cuộc sống và chiến đấu của mình trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ như thế nào? Qua đó, em hiểu gì về thế hệ cha anh đi trước?...)  *VD: Các bạn có lẽ không thể hình dung được, người chiến sĩ lái xe trẻ trung, sôi nổi năm xưa giờ đĩnh đạc, oai nghiêm trong bộ quân phục mới. Chú có giọng nói khoẻ, ấm áp và tiếng cười âm vang. Cùng tháng năm, khuôn mặt tuy đã già dặn nhưng vẫn có vẻ hóm hỉnh, yêu đời của người lính. Qua trò chuyện, có thể thấy chú là người rất vui tính, nhiệt tình, đặc biệt là khi chú kể cho tôi về cuộc đời người lính trên tuyến đường Trường Sơn năm ấy. Chú kể với tôi, năm 1969 là năm chú thường cùng các anh em trong tiểu đội lái xe qua đây, cũng là năm mà Mĩ đánh phá rất ác liệt trên tuyến đường này. Bởi đường Trường Sơn, tuyến đường Hồ Chí Minh lịch sử là tuyến đường quan trọng nhất, là đầu mối giao thông, liên lạc hai miền Bắc - Nam. Chúng quyết phá cho bằng được. Chúng thả hàng ngàn tấn bom, cày xới những khung đường, đốt cháy những khu rừng. Hàng nghìn cây đã đổ, muông thú mất chỗ ở. Đã có nhiều người ngã xuống để bảo vệ con đường. Tuy Mĩ đánh phá ác liệt thật, nhưng những đoàn xe vận tải vẫn ngày đêm nối đuôi nhau trên con đường, đem theo bao lương thực, vũ khí đạn dược cho chiến trường miền Nam. Rồi bằng giong kể ôn tồn, chú nói tiếp:*  *- Các cháu biết không, những chiếc xe vận tải lúc đầu rất đẹp, rất mới nhưng do bom đạn của giặc Mĩ mà chúng đã trở thành những chiếc xe không kính, đến cả đèn xe, thùng xe, mui xe cúng lần lượt trở nên méo mó, biến dạng.*  *Nghe vậy, tôi tò mò hỏi chú:*  *- Chú ơi, lái những chiế xe méo mó , biến dạng như vậy chắc các chú gặp nhiều khó khăn lắm phải không ạ?*  *- Cháu thấy đấy, cuộc chiến đấu của các chú trải qua biết bao gian khổ, khó khăn. Những năm tháng ác liệt đó đã khắc hoạ cả một thời kỳ lịch sử của dân tộc ta oanh liệt hào hùng. Trên tuyến đường Trường Sơn giặc Mĩ đánh phá vô cùng ác liệt; bom Mĩ cày xới đất đai, phá hỏng những con đường, đốt cháy những cánh rừng, phá huỷ biết bao nhiêu những rừng cây là lá chắn của ta. Nhưng không vì "bom rơi đạn lạc" như vậy mà các chú lùi ý chí, các đoàn xe tải ngày đêm nối đuôi nhau ra tiền tuyến, các chú còn phải đi trong bóng đêm theo sự hướng dẫn của các cô thanh niên xung phong để tiến về phía trước trong màn đêm sâu thẳm của rừng hoang. Có hôm trời tối Mĩ phát hiện ra, ta chuyên chở qua rừng, bọn chúng đã thả bom để không cho ta qua, phá vỡ chiếc cầu nối Bắc - Nam. Nhưng đặc biệt hơn cả là đoàn xe vận tải không có kính vì bị "bom giật bom rung kính vỡ đi rồi". Bom đạn trải xuống hàng loạt khiến nào là kính, nào là đèn vỡ, mui xe bẹp, nào là thùng xe xước... Không có đèn vượt qua dãy Trường Sơn đầy nguy hiểm như thế mà các chú vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ đánh Mĩ, chạy dọc Trường Sơn. Chẳng khác nào "châu chấu đá xe", Mĩ với bao nhiêu thiết bị tối tân đế đánh ta nhưng chúng ta đã vượt qua những gian khổ để đánh chúng. Chú còn nhớ trên các cabin những chiếc xe như thế, bọn chú không cỏ vật gì để che chắn cả, gió táp vào mặt mang theo bao nhiêu là bụi. Gió bụi của Trường Sơn làm mắt cay xè, tóc bạc trắng như người già còn mặt thì lấm lem như thằng hề vậy, thế mà không ai cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc hút ngang nhiên, ai nấy nhìn nhau rồi cười giòn giã vang khắp dãy Trường Sơn. Với những ngày nắng là như vậy nhưng đến lúc mưa thì các chú còn khổ hơn nhiều, Trường Sơn mỗi lúc mưa là mưa như trút nước cộng thêm vào đó là những giọt sương muối ở rừng hòa vào dòng nước mưa phả vào da thịt của các chú tê rát cả da mặt, áo thì ướt hết. Thế nhưng các chú vẫn cầm vô lăng lái một cách hăng hái hàng trăm cây số nữa, có đâu cần thay người lái, gió lùa rồi quần áo lại khô thôi.*  *Thật lạ, trong khó khăn gian khổ, con người ta thường trở nên nhỏ bé, yếu đuối, vậy mà những người lính lái xe Trường Sơn thì hoàn toàn ngược lại. Các chú hiện lên thật lớn lao, phi thường. Nghĩ vậy tôi liền hỏi:*  *- Thưa chú, trong những năm tháng ác liệt ấy, điều gì đã tạo nên sức mạnh để các chú có thể vượt qua tất cả, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình như vậy ạ?*  *Chú cười khà khà trước câu hỏi của tôi rồi bảo:*  *- Chính tình đồng chí đồng đội và ý chí quyết tâm giải phóng Miền Nam đã tạo nên sức mạnh vô địch giúp các chú vượt qua mọi gian khổ, khó khăn đấy cháu ạ. Đối với các chú, những người đồng đội cùng chung nhau bữa cơm trên đường ra trận chính là gia đình. Các chú luôn sát cánh bên nhau, truyền cho nhau niềm tin và sức mạnh tinh thần to lớn. Và các chú luôn tự nhủ rằng dù có khó khăn gian khổ đến mấy các chú sẽ vẫn cầm chắc tay lái để tiến về Miền Nam, chỉ cần trong xe có "một trái tim" thôi cháu ạ.*  *Tôi nhanh miệng:*  *- Trái tim yêu nước phải không chú?*  *- Đúng vậy, cháu thông minh thật. - Chú lại cười khà khà rồi nheo mắt nhìn ra xa xăm.*  *Chao ôi! Thật không nghờ những người lính nơi chiến trường ác liệt lại có được những tình cảm thiêng liêng, quý báu đến thế. Họ không những dũng cảm, lạc quan, yêu đời mà còn vô cùng yêu nước, có quyết tâm mãnh liệt giải phóng miền Nam. Các chú chính là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ của đất nước trong thời chống Mĩ. một thế hệ đã " Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai"*  c. Kết bài:  - Kết thúc cuộc gặp gỡ.  - Những suy nghĩ của em về cuộc gặp gỡ với người lính năm xưa, về chiến tranh, về trách nhiệm của thế hệ hôm nay.( Giữ vững nền hòa bình, xây dựng đất nước giàu mạnh...)  *VD: Thế rồi giây phút chia tay cũng đến. Tôi chào tạm biệt chú mà trong lòng vẫn còn luyến tiếc. Qua những lời trò chuyện với chú, tôi càng khâm phục hơn tình đồng chí đồng đội, lòng dũng cảm hiên ngang của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn. Tôi thầm mơ ước trên thế giới không còn chiến tranh để cuộc sống mãi thanh bình. Và tôi cũng tự nhủ với lòng mình hãy trở thành một người tốt, một người tài giỏi để có thể bào vệ, phát triển và gìn giữ đất nước thân thương của tôi, để công lao của các chú bộ đội yêu kính được đền đáp thật xứng đáng.*  \* Viết bài  - Viết phần mở bài  - Viết phần kết bài  - Một số đoạn trong thân bài. |

**Dặn dò:**

- Về nhà ôn tập lại lý thuyết.

- Viết thành bài văn hoàn chỉnh với các đề đã lập dàn ý.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Buổi 9: TRUYỆN THƠ NÔM**

**ĐOẠN TRÍCH “KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH”**

* **Nguyễn Du-**

**ĐOẠN TRÍCH “LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA”**

**- Nguyễn Đình Chiểu -**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được kiến thức trong tâm hai bài: Kiều ở lầu Ngưng Bích và truyện Lục Vân Tiên.

**2.Kĩ năng:**

- Bổ sung kiến thức đọc - hiểu truyện thơ trung đại.

- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm “Truyện Kiều”.

- Có kỹ năng phân tích, giải đề.

**3.Thái độ:**

- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.

- Đồng cảm, yêu thương và trân trọng người phụ nữ.

**4. Định hướng phẩm chất và năng lực:**

***a. Phẩm chất:***Sống yêu thương***,***tự lập, tự tin, tự chủ***,***biết chia sẻ, có tinh thần đồng đội tập thể.

***b. Năng lực:***Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, quản lí bản thân. Năng lực giao tiếp, hợp tác, tính toán, sử dụng ngôn ngữ, công nghệ thông tin…

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1, 2: ĐOẠN TRÍCH KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**A. HT kiến thức cơ bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Giáo viên định hướng học sinh nhắc lại những kiến thức cơ bản.**  *GV phát phiếu học tập, yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã học và hoàn thành.*  *Phiếu 1:*  **Vị trí đoạn trích:**  Đoạn trích nằm ở phần thứ …………………………….. Sau khi bị Mã Giám Sinh ……………., bị Tú bà …………., Kiều nhất quyết không chịu …………………………………………………., Đau đớn, phẫn uất, tủi nhục nàng định…………. Tú bà sợ mất vốn bèn……………………….Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ ………………………... Tú bà đưa Kiều ra sống riêng ở …………………….., thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.  **Bố cục đoạn trích** : 3 phần  + Sáu câu đầu : …………………………  ……………………………………………….  + Tám câu tiếp : …………………………  ………………………………………………..  + Tám câu cuối : ………………………..  ……………………………………………….  *GV cho học sinh nhắc lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.* | **I. Những vấn đề chung**  **1. Vị trí đoạn trích:**  Đoạn trích nằm ở phần thứ **hai** **Gia biến và lưu lạc**. Sau khi bị Mã Giám Sinh **lừa gạt,** **làm nhục**, bị Tú bà **mắng nhiếc**, Kiều nhất quyết không chịu **tiếp khách làng chơi**, **không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh.** Đau đớn, phẫn uất, tủi nhục nàng định **tự vẫn**. Tú bà sợ mất vốn bèn **lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều**. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ **gả nàng cho người tử tế**. Tú bà đưa Kiều ra sống riêng ở **lầu Ngưng Bích**, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.  **2. Bố cục đoạn trích** : 3 phần  + Sáu câu đầu : hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều.  + Tám câu tiếp : nỗi thương nhớ Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của nàng.  + Tám câu cuối : tâm trạng đau buồn, âu lo của Kiều thể hiện qua cách nhìn cảnh vật.  **3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích :**  Giá trị nội dung "Kiều ở lầu Ngưng Bích": miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo vị tha của Thuý Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  Giá trị nghệ thuật: nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc, bút pháp tả cảnh ngụ tình hay nhất trong "Truyện Kiều". |

**B. Luyện tập**

**II. BÀI TẬP ĐỌC HIỂU**

**Bài 1:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*Tin sương luống những rày trông mai chờ*

*Chân trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

*Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

**Câu 1:** Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?

**Câu 2:** Cụm từ “tấm son” có nghĩa gì?

**Câu 3:** Nêu dụng ý nghệ thuật của tác giả khi sử dụng từ “tưởng” và “xót” trong đoạn thơ trên.

**Câu 4:** Thành ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 5:** Em hãy nhận xét về trình tự thương nhớ của Thúy Kiều trong đoạn trích trên. Theo em thứ tự đó có hợp lý không?

**Câu 6:** “Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên là ai? Những suy nghĩ của nàng Kiều về người đó được thể hiện như thế nào?

**Câu 7:** Viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật Kiều trong đoạn thơ trên.

***Hướng dẫn trả lời:***

**Câu 1:** Đoạn trích diễn tả nỗi nhớ thương cha mẹ và người yêu của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

**Câu 2:** “Tấm son” là từ ngữ dùng để chỉ tấm lòng son sắt, thủy chung, khôn nguôi nhớ về Kim Trọng của Thúy Kiều.

Cũng có thể Kiều đang cảm thấy tủi hờn, nhục nhã khi tấm lòng son bị vùi dập, hoen ố, không biết gột rửa thế nào cho hết.

**Câu 3:**

    - Từ “tưởng” gợi lên được nỗi lòng khắc khoải, nhớ mong về người cũ tình xưa của Thúy Kiều. Trong lòng nàng luôn thường trực nỗi nhớ người yêu đau đớn, dày vò tâm can.

    - Từ “xót” tái hiện chân thực nỗi đau đớn đến đứt ruột của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng không thể ở cạnh báo hiếu cho cha mẹ, nàng đau đớn tưởng tượng ở chốn quê nhà cha mẹ đang ngóng chờ tin tức của nàng.

**Câu 4:** Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” được sử dụng nhằm nhấn mạnh nỗi đau xót dày xé tâm can của Kiều khi lo lắng nghĩ về cha mẹ. Nàng băn khoăn không biết cha mẹ có được phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo không.

**Câu 5:** Trình tự thương nhớ của Thúy Kiều: nhớ Kim Trọng trước, sau đó nhớ cha mẹ. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, thật ra lại là rất hợp lý.

    + Kiều bán mình chuộc cha mẹ và em là đã thể hiện sự hiếu đễ của bản thân với công lao cha mẹ, nên nàng phần nào đỡ day dứt.

    + Đối với Kim Trọng, Kiều nhận thấy mình như một kẻ phụ tình, không đền đáp được tình cảm và tấm lòng của người yêu.

**Câu 6:**

“Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên chính là cha mẹ Kiều.

    - Kiều cảm thấy đau đớn, xót xa khi tưởng tượng ở quê nhà, cha mẹ và nàng vẫn tựa cửa ngóng đợi tin tức về nàng.

    - Nàng xót thương, cảm thấy day dứt khi không thể “quạt nồng ấp lạnh” phụng dưỡng song thân.

**Câu 7:** Gợi ý:

Kiều một mình trơ trọi giữa một không gian mênh mông, hoang vắng thì nỗi cô đơn của Kiều càng lúc càng dâng cao, và tâm trạng thương nhớ người yêu và người thân khắc khoải, da diết.

    - Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng: Kiều luôn day dứt vì không thể đáp lại tình cảm và tấm lòng của Kim Trọng.

       + Nỗi nhớ về cảnh thề nguyền khiến Kiều thấy thương thân tủi phận, nàng thấy lại kỉ niệm thiêng liêng trong niềm nuối tiếc.

       + Thương xót, đau đớn nghĩ rằng Kim Trọng sẽ ngóng đợi khi không thấy Kiều.

       + Tấm lòng son sắt của nàng bị vùi dập, hoen ố không biết bao giờ gột rửa cho được.

→ Nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ da diết, đau đớn tới dày xé tâm can.

    - Nỗi nhớ cha mẹ: thấy “xót” khi tưởng tượng cha mẹ vẫn ngóng đợi nàng.

       + Kiều tưởng tượng cha mẹ nơi quê nhà già yếu đi, không biết có ai chăm sóc chu đáo.

       + Mỗi khi nhớ về cha mẹ nàng luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ.

→ Nỗi nhớ thương của Kiều nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Hoàn cảnh của nàng thật xót xa, đau đớn. Nàng đã quên đi nỗi khổ, thực trạng của bản thân để hướng về người thân. Trái tim của nàng giàu tình yêu thương và đức hi sinh.

⇒ Kiều là người chung thủy, người con hiếu thảo, một người giàu đức hi sinh, lòng vị tha cao cả, đáng trân trọng.

**Bài 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xăm*

*Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

**Câu 1:** Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo những trình tự nào?

**Câu 2:** Trong đoạn trích trên điệp từ “buồn trông” có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Em hãy nêu tác dụng của hai câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

**Câu 4:** Ghi lại các từ láy có trong đoạn thơ trên và cho biết dụng ý nghệ thuật của chúng.

**Câu 5:** Em hãy so sánh hai câu thơ của Nguyễn Du: *Cỏ non xanh tận chân trời.*

Hãy chỉ ra nội dung của câu thơ đó với câu: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu.*

**Câu 6:** Nhận xét tình cảm của tác giả đối với Thúy Kiều.

**Câu 7:** Phân tích biện pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của tác giả Nguyễn Du trong đoạn trích trên bằng đoạn văn tổng phân hợp khoảng 15 câu.

***Hướng dẫn trả lời:***

**Câu 1:**

Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo trình tự từ xa tới gần.

Từ “cửa bể chiều hôm” tới “ghế ngồi”, bốn khung cảnh khác nhau:

    + Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển.

    + Những cánh hoa lụi tàn trôi man mác trên ngọn nước mới.

    + Nơi cỏ héo úa, rầu rầu.

    + Cảnh tưởng tượng sóng quanh ghế ngồi.

→ Diễn đạt nỗi buồn dâng lên đầy ắp, càng ngày như muốn nhấn chìm Kiều trước cuộc bể dâu.

**Câu 2:**

Điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu, khắc họa nỗi buồn trông ra bốn phía, ngóng đợi những thứ xa xôi, mơ hồ làm thay đổi hiện tại bế tắc.

    - Buồn trông cái thảng thốt, lo âu, mỗi sợ hãi của người con gái non nớt khi lạc vào cuộc đời ngang trái.

    - Cụm từ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với những sắc thái cao độ khác nhau.

    - Điệp ngữ lại kết hợp với các từ láy chủ yếu là từ láy tượng hình, dồn dập, tạo nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều.

    - Điệp ngữ tạo nỗi buồn trầm hùng, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

**Câu 3:**

Câu hỏi tu từ: “Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

    - Hình ảnh cánh buồm nhỏ, đơn độc giữa mênh mông sóng nước, cũng giống như tâm trạng của Kiều trong không gian thanh vắng ở hiện tại nghĩ tới tương lai mịt mù của bản thân.

       + Nàng cảm thấy lênh đênh giữa dòng đời, không biết ngày nào mới được trở về với gia đình, đoàn tụ với người thân yêu.

Câu hỏi tu từ: “Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Những cánh hoa trôi vô định trên mặt nước càng khiến Kiều buồn hơn, nàng nhìn thấy trong đó số phận lênh đênh, chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời ngang trái.

Kiều lo sợ không biết số phận của mình sẽ trôi dạt, bị vùi lấp ra sao.

**Câu 4:** Các từ láy được sử dụng trong bài: man mác, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

    - *“thấp thoáng”*: gợi tả sự nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của ánh mặt trời sắp tắt.

    - *“man mác”*: sự chia ly, chia cách biệt, khi Kiều càng ngày càng thấy bản thân lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi ba chìm sóng nước.

    - *“xanh xanh”, “ầm ầm”*: chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đang đổ dồn tới đè nặng lấy tâm trạng và kiếp người nhỏ bé của Kiều.

**Câu 5:**

- Câu thơ: *Cỏ non xanh tận chân trời* là câu thơ trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân*, diễn tả hình ảnh đẹp đẽ về sức sống của mùa xuân. Màu xanh của cỏ non ngút ngàn tới chân trời, mở ra không gian khoáng đạt, giàu sức sống.

- Câu thơ: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu*: Nội cỏ “rầu rầu” là hình ảnh “sắc xanh héo úa” mù mịt, nhạt nhòa trải dài từ chân mây tới mặt đất, không còn cái “xanh tận chân trời” như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đầm ấm.

Màu xanh của sự héo tàn gợi cho Kiều một nỗi nhàm chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô đơn, quạnh quẽ vô vọng vì sống cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày sống vô vị tẻ nhạt không biết kéo tới bao giờ.

**Câu 6:** Tác giả xót thương trước thân phận và hoàn cảnh của Kiều. Tác giả tái hiện chân thực nỗi đau, nỗi buồn và sự tuyệt vọng của Kiều trong những ngày tháng vô định, mù mịt, không có tương lai.

Tác giả thấu hiểu cặn kẽ nỗi cô đơn, buồn tủi mà Kiều đang phải đối mặt, vì thế mà ông có thể diễn tả thông qua hình ảnh của ngoại cảnh nhưng chạm tới được dụng ý nghệ thuật của mình.

Cảnh thiên nhiên trong bài cũng chính là cái cớ để tác giả bộc lộ cảm xúc chân thật của mình.

**III. DẠNG BÀI NLVH:**

**Gv định hướng cho HS lập dàn ý cho một số dạng đề có thể gặp :**

|  |  |
| --- | --- |
| Hs đọc yêu cầu đề  Mở bài cần có những yêu cầu gì?  Yc học sinh lên viết phần mở bài. HS đọc và nhận xét, gv nhận xét và chiếu kết bài cho hs tham khảo | **Đề 1:** Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích *Kiều* ở lầu Ngưng Bích để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.  **1. Mở bài**: Cần nêu được:  - Giới thiệu tác giả  - Giới thiệu văn bản.  - Nêu vấn đề nghị luận. |
| **Tham khảo mở bài:**  - Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.  - Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.  - Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*  nằm ở phần thứ hai của Truyện Kiều ( Gia biển và lưu lạc). Từ việc miêu tả tâm trạng của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đoạn trích đã thể hiện cảnh ngộ và tâm trạng của Thúy Kiều cũng như tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc tả cảnh, tả tình.  - Tám câu cuối trong đoạn trích Kiểu ở lầu Ngưng Bích đã cho thấy nghệ thuật là cảnh ngụ tình rất đặc sắc của Nguyễn Du. | |
| ? Phần thân bài cần phân tích những luận điểm nào?  Yêu cầu nêu nội dung từng luận điểm?  **Nhóm 1+ 2:** Luận điểm 1  **Nhóm 3+ 4:** Luận điểm 2  Bốn nhóm thảo luận trong thười gian 7p, các nhóm đổi chéo kết quả cho nhau kiểm tra, sau đó địa diện từng nhóm lên báo cáo kết quả, nhận xét, gv nhận xét.  Dự kiến kết quả: | **2, Thân bài**: Gồm các luận điểm:  **Luận điểm 1:** Thế nào là tả cảnh ngụ tình?  **Luận điểm 2:** Chứng minh nghệ thuật tả cảnh ngụ tình qua tám câu thơ cuối. |
| **Nhóm 1+ 2:** Luận điểm 1  - Trong văn học trung đại, các tác giả đã coi là cảnh ngụ tình là một trong những thủ pháp nghệ thuật quan trọng để biểu đạt ý tình và chứng tỏ khả năng hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Nhiều tác phẩm đã sử dụng thành công nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan; Thu vịnh Thu Điếu của Nguyễn Khuyến,…  - Tả cảnh ngụ tình là dùng cảnh thiên nhiên để diễn tả tình cảm con người. Như vậy, trong nghệ thuật là cảnh ngụ tình, cảnh là phương tiện miêu tả, tình là mục đích để tả.  **Nhóm 3+ 4:** Luận điểm 2  - Tóm tắt ngắn gọn cảnh ngộ của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  - Phân tích 8 câu thơ cuối.  Tám câu thơ là bốn bức tranh thiên nhiên gợi liên tưởng đến thận phận và tâm trạng nàng Kiều. Mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều.  + Cảnh “ cửa bể chiều hôm” gợi nỗi buồn hoang vắng, đơn côi của Kiều. Nên khi nhìn thấy cánh buồm thấp thoáng trong lòng Kiều sáng lên hi vọng; nàng sẽ có ngay trở lại quê hương. Nhưng khi “ Cánh buồm” vụt biến mất, hi vọng trở thành thất vọng.  + Nhìn “ dòng nước”, nàng liên tưởng tới dòng đời. Và cuộc đời mình như một cánh hoa trôi dạt, vô định và tâm trạng xót xa, bơ vơ của Kiều.  + Nhìn ra “ nội cỏ” trải tới chân trời, trong tâm cám “ rầu rầu”, Kiều chỉ thấy một màu xanh xanh, lạnh lùng, ảm đạm búa vây lấy nàng.  + Trông cảnh “ gió cuốn mặt duềnh” nàng nghe thấy “ ầm ầm tiếng sóng” kêu quanh như dự báo những điều khủng khiếp sắp xảy ra với nàng. Kiều đã rơi vào sự hoảng loạn sợ hãi,... | |
| ? Phần kết bài cần có nội dung gì?  Yc học sinh lên viết phần kết bài. HS đọc và nhận xét, gv nhận xét và chiếu kết bài cho hs tham khảo. | **3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.** |
| **Tham khảo phần kết bài:**  - Tám câu thơ, bốn cặp lục bát đã trở thành bức tranh tứ bình thiên nhiên, tứ bình tâm trạng. Mỗi bức tranh là một phần phong cảnh cũng là một khía cạnh nội tâm sâu sắc của nhân vật thấm giá vào từng câu chữ, nét cảnh.  - Bức tranh thiên nhiên và bức tâm cảnh trong Kiều ở lầu Ngưng Bích đã trở thành chuẩn mực cho nghệ thuật là cảnh ngụ tình trong văn học. | |
| **Đề 2:** *Nêu cảm nhận của em về số phận của người phụ nữ việt nam dưới chế độ xã hội phong kiến thông qua hình ảnh Vũ thị Thiết - (Chuyện Người con gái nam xương) và Thuý Kiều - (Truyện Kiều - Nguyễn Du).*  **\* Gợi ý:**  **1. Mở Bài**:  - Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.  - Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương- Nguyễn Dữ và Truyện Kiều - Nguyễn Du).  **2. Thân bài:**  - Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:  + Đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân.  ( - Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan , phải tìm đễn cái chết, vĩnh viến không thể đoàn tụ với gia đình chồng con… - Nàng vũ thị Thiết.  - Số phận vương Thuý Kiều: Bi kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần ( Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ở) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần…).  + Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Căm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trà đạp lên nhân phẩm cuộc đời họ…  - Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:  + Tài sắc vẹn toàn:  - Chung thuỷ son sắt (Vũ Thị Thiết)  - Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tụ do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).  **3. Kết bài:**  - Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .  - Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).  - Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay… | |

**Tiết 3: TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN-Nguyễn Đình Chiểu**

**A. Kiến thức cơ bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Giáo viên định hướng học sinh nhắc lại những kiến thức cơ bản.**  *GV yêu cầu học sinh nêu khái quát một vài nét về tác giả, tác phẩm.* | I-**Tóm tắt kiến thức cơ bản**  **1-Tác giả :**  - Nguyễn Đình Chiểu (*1822-1888*), tục gọi Đồ Chiểu ,sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (*nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh* ),quê cha ở xã Bồ Điền -Phong Điền -Thừa Thiên Huế .  - Là nhà thơ lớn của dân tộc, ông để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị nhằm truyền bá đạo lý và cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước .  **2-Tác phẩm**  **a -Nội dung**:  Truyện lục vân tiên là truyện thơ nôm được sáng tác vào khoảng đầu những năm 50 của thế kỷ XI-X. Truyện gồm 2082 câu thơ lục bát được viết ra nhằm mục đích truyền dạy đạo lý làm người . Đạo lý đó là :  - Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội, tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bè bạn, tình yêu thương cưu mang những người hoạn nạn.  - Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy...  - Thể hiện khát vọng của nhân dân, hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời .  **b-Nghệ thuật**:  Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Đình Chiểu, truyện thơ nôm mang tính chất là truyện để kể nhiều hơn là để đọc, để xem .Truyện có kết cấu ước lệ gần như đã thành khuôn mẫu .Tác phẩm khắc hoạ thành công những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga .  **c-Chủ đề** : Tác phẩm thể hiện khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả, phẩm chất của hai nhân vật, thái độ và niềm tin của tác giả đối với nhân dân lao động. |

**B. Luyện tập:**

**II. Bài tập đọc hiểu:**

**Bài 1:**

Cho hai câu thơ sau:

*"Nhớ câu kiến ngãi bất vi*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".*

**Câu 1:**Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về tác giả và cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?

**Câu 2:** Qua đoạn trích *"Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"*, ta thấy nhà thơ đã gửi gắm quan niệm về người anh hùng thông qua nhân vật Lục Vân Tiên. Hãy viết một đoạn văn (một trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về người anh hùng trong thời đại ngày nay.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

**a- Mở đoạn**: giới thiệu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu , và hai câu thơ.

**b - Thân đoạn**:

\* Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn cuả dân tộc, mãi mãi xứng đáng là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam thế kỷ XI X , để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị, nhất là truyện Lục Vân Tiên ...

- Lục Vân Tiên là người anh hùng lý tưởng của nhà thơ mù yêu nước. Chiến công đánh cướp của chàng mãi là bài ca hùng tráng của người anh hùng trong xã hội loạn lạc .Vân Tiên đã thể hiện một cách ứng xử vô cùng cao thượng và hào hiệp. Người đẹp băn khoăn về chuyện" báo đức thù công " thì Vân Tiên 'liền cười " rồi đĩnh đạc nói :

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".

\* Ý nghĩa của hai câu thơ :

Hai câu thơ tác giả thể hiện một quan niệm đạo lý người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán .

**c-Kết đoạn**: Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao tinh thần nhân nghĩa , ca ngợi lý tưởng anh hùng vị nghĩa cao đẹp. Quan niệm đó gắn với đạo lý làm người, hướng về nhân dân. Đó là bài học sâu sắc nhất mà ta cảm nhận được...

**Câu 2:**

- *Giải thích khái niệm người anh hùng:* là người thấy hoạn nạn sẵn sàng cứu giúp vô tư đem lại điều tốt đẹp cho mọi người; người anh hùng phải là người hành động vì chính nghĩa, vì lẽ phải, vì lẽ công bằng.

- *Chỉ ra các biểu hiện*: bênh vực, che chở cho những người yếu đuối, không có khả năng tự vệ (cứu người bị nạn trong trường hợp nguy cấp: đuối nước, hỏa hoạn, bị tấn công...); dám đứng lên bảo vệ lẽ công bằng, quyền lợi chính đáng của mọi người, của tập thể, của một cá nhân bị xâm phạm...; đấu tranh chống lại những cái xấu xa, tội lỗi, những hiện tượng tiêu cực (đấu tranh chống tội phạm, tham ô, lãng phí...)

- *Ý nghĩa*: Luôn được mọi người yêu mến, tôn trọng, khâm phục; mang lại niềm vui, hạnh phúc cho con người; làm cho đất nước phát triển và xã hội tốt đẹp hơn...

- *Bàn luận nâng cao*: Bên cạnh đó, vẫn có những kẻ hèn nhát, không dám đấu tranh chống lại những hiện tượng tiêu cực vì sợ trả thù, sợ ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân,... => làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội...

- *Biện pháp phát huy*: Giáo dục lối sống lành mạnh, tinh thần dũng cảm, biểu dương những tấm gương, những việc làm cao thượng vì lợi ích của cộng đồng, của con người...

- *Liên hệ bản thân*: Cần rèn luyện tinh thần vượt khó vươn lên, tích cực đấu tranh với những thói quen xấu của bản thân, biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người, dám nhận và sửa chữa những lỗi lầm của mình...

**III. Dạng đề NLVH:**

**Gv định hướng cho HS lập dàn ý cho một số dạng đề có thể gặp :**

**Đề 1** : *Cảm nhận của em về lòng nhân nghĩa trong đoạn trích "Lục Vân Tiên gặp nạn".*

**\* Gợi ý :**

**a-Mở bài** : Giới thiệu về tác giả , tác phẩm ,nhân vật

- Khái quát chủ đề của đoạn trích

Nguyễn Đình Chiểu đã suốt đời dùng thơ văn làm vũ khí bảo vệ đạo đứcđạo lý ca ngợi chính nghĩa ,nhân nghĩa, ca ngợi những người anh hùng nghĩa hiệp, trọng nghĩa khinh tài, làm việc nhân nghĩa không mảy may vụ lợi ...Một trong những đoạn trích thể hiện thành công chủ đề lòng nhân nghĩa là đoạn trích***"Lục Vân Tiên gặp nạn "...***

**b-Thân bài**: Cảm nhận về lòng nhân nghĩa trong đoạn trích:

- Thể hiện ở nhân vật Ông Ngư qua :

+ Hành động,việc làm

+ Lời nói ...

Hình ảnh ông ngư và gia đình ông là một hình ảnh đẹp ,đối lập với hình ảnh trịnh hâm như cái thiện đối lập với cái ác, cái cao cả đối lập với những toan tính thấp hèn, ánh sáng đối lập với bóng tối. Hình ảnh đó hiện lên cao đẹp trong sáng qua những việc làm, lời nói và cuộc sống của ông Ngư:

- Việc làm :

...vớt ngay lên bờ .

Hối con vầy lửa một giờ

Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày .

Việc làm khẩn trương và rất ân cần ,chu đáo ,cả nhà xúm vào hết lòng chạy chữa cho Vân Tiên những cách thức rất dân dã .Đó là những tình cảm chân thực và lòng yêu thương con người của gia đình ông Ngư .

- Lời nói :

...người ở cùng ta ,

Hôm mai hẩm hút một nhà cho vui .

Những lời nói đầy ân tình và rất mực khảng khái, trọng nghĩa, khinh tài . Gia đình ông Ngư cũng chẳng giàu có gì, chỉ rau cháo qua ngày, vậy mà tấm lòng rộng mở, sẵn sàng cưu mang Vân Tiên . Tấm lòng đó đâu cần đến một sự trả ơn !

...lòng lão chẳng mơ

Dốc lòng nhân nghĩa ,há chờ trả ơn.

Câu nói của ông bộc lộ một thái độ khảng khái, vô tư của con người không vụ lợi, ích kỷ, một lòng làm việc nghĩa không bao giờ cần sự báo đáp của người chịu ơn, đó là đức tính khiêm nhường, thấy việc nghĩa thì làm, không coi đó là công trạng ...

- Cuộc sống của gia đình ông Ngư :

Nước trong rửa ruột ...Hàn Giang .

+ Cuộc sống ngoài vòng danh lợi, ngoài sự bon chen của thế tục nên nó rất trong sạch không gợn vẩn đục .

+ Cuộc sống tự do giữa thiên nhiên cao rộng, hoà nhập, bầu bạn với thiên nhiên.

+ Cuộc sống lạc quan, ung dung, thanh thản bởi con người tự làm chủ mình, tìm thấy niềm vui trong lao động tự do ...

**c- Kết bài:** hình ảnh ông Ngư bao hàm cả niềm tin và mơ ước của tác giả về cuộc đời , về con người . Điều đáng quý là niềm tin và ước mơ đó đã được Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm vào nhân dân và những người lao động bình thường ...

**Đề 2 *: "Lục Vân Tiên là một chàng trai tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài ".*** *Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga ".*

*(Trích Lục Vân Tiên -Nguyễn Đình Chiểu)*

**\*Gợi ý :**

**a - Mở bài**: giới thiệu chung về tác giả, đoạn trích, nhân vật

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước nổi tiếng, là tấm gương chói sáng trong lịch sử và văn học Việt Nam . Ông đã cống hiến cho đời nhiều tác phẩm nổi tiếng. Truyện thơ Lục Vân Tiên là tác phẩm được nhân dân ta vô cùng yêu thích và truyền tụng, bởi nó là bài học lớn về đạo lý làm người . Đoạn trích là một sự kiện đặc biệt làm nổi bật phẩm chất cao quý của Lục Vân Tiên...

**b- Thân bài:** Phân tích -chứng minh làm sáng tỏ những luận điểm sau:

- Lục Vân Tiên là chàng trai tài ba, dũng cảm : (hành động đánh cướp cứu dân , một mình tả xung hữu đột, không sợ nguy hiểm đến tính mạng ...Ân cần hỏi han Nguyệt Nga và nữ tì , thương cảm và lo lắng cho hai người một cách chân tình ....

- Lục Vân Tiên là chàng trai trọng nghĩa khinh tài:(khi Kiều Nguyệt Nga kể đầu đuôi sự việc mình mắc nạn và xin được đền ơn thì Lục Vân Tiên liền cười và cho rằng đó là việc làm tất yếu, chuyện thường tình ....

**c - Kết bài:** khẳng định ....đó là những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật -mẫu

người anh hùng lý tưởng của ông và quần chúng ...

**III. Củng cố - Dặn dò**

- HS vẽ sơ đồ tư duy kiến thức trọng tâm bài học.

- Hoàn thành các BT

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Buổi 10.** **ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐỒNG CHÍ**

**( Chính Hữu)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức: Giúp học sinh ôn tập, củng cố kiến thức liên quan đến bài thơ: tác giả, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
2. Kỹ năng: Nắm vững và vận dụng kỹ năng nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ; kỹ năng đọc- hiểu văn bản; kỹ năng xây dựng đoạn văn, khai thác giá trị từ ngữ, hình ảnh thơ đặc sắc.
3. Thái độ, phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu, niềm tự hào đối với các thế hệ cha anh; trân trọng sự hy sinh của những người lính thời kháng chiến cũng như ngày nay, từ đó có thái độ sống phù hợp có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.
4. Năng lực: Bồi dưỡng năng lực cảm thụ thơ ca Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945- 1954.

**II. Tiến trình lên lớp**:

**Tiết 1.**

1. **Hệ thống kiến thức đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***\*Giáo viên giao nhiệm vụ ôn tập kiến thức cơ bản.***  ***- Học sinh đọc thuộc lòng bài thơ.***   * ***Trình bày ngắn gọn về tác giả Chính Hữu?*** * ***Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?*** * ***Bài thơ có mạch cảm xúc và bố cục như thế nào?*** * ***Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ : Đồng chí ?*** * ***Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ?*** | 1. **Kiến thức cơ bản:**   **1. Tác giả:**  - Tên khai sinh: Trần Đình Đắc(1926-2007), quê Can Lộc, Hà Tĩnh. Bút danh : Chính Hữu.  - Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Chính Hữu bắt đầu cầm bút từ năm 1947 và tập trung khai thác ở hai mảng đề tài chính là người lính và chiến tranh. Đặc biệt là tình cảm đồng chí, đồng đội, sự gắn bó của tiền tuyến với hậu phương.  - Phong cách sáng tác: Thơ Chính Hữu vừa bình dị vừa trí tuệ; ngôn ngữ giàu hình ảnh; giọng điệu phong phú, cảm xúc dồn nén, khi thiết tha, trầm hùng khi lại sâu lắng, hàm súc.  **2. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Bài thơ sáng tác mùa xuân 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông( 1947)- thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.  - Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến.  - Bài thơ được in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966).  \* Bài thơ được đánh giá là tiêu biểu của thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946-1954.  **3.Mạch cảm xúc và bố cục:**  **\* Mạch cảm xúc:** Bài thơ theo thể tự do, 20 dòng chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7, 17 và 20).  Sáu dòng đầu có thể xem là sự lý giải về cơ sở của tình đồng chí. Dòng 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.  Mười dòng tiếp theo, mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 7 lại tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó.  Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.  **\* Bố cục:** 3 đoạn  + Đoạn 1: 7 câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính.  + Đoạn 2: 10 câu thơ tiếp theo: những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.  + Đoạn 3: 3 câu kết: Biểu tượng đẹp về tình đồng chí.  **4. Ý nghĩa nhan đề :**  **Đồng chí:** (đồng là cùng; chí là chí hướng) Đồng chí là chung chí hướng, chung lý tưởng. Người cùng trong một đoàn thể chính trị hay một tổ chức cách mạng thường gọi nhau là “đồng chí”. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 “đồng chí” là cách xưng hô quen thuộc trong các cơ quan, đoàn thể cách mạng, đơn vị bộ đội. Vì vậy, tình đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.   1. **Giá trị nội dung và nghệ thuật:**   a, Nội dung: Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng. Đồng thời còn làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  b, Nghệ thuật:  - Bài thơ sử dụng những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng và giàu sức biểu cảm.  - Giọng điệu tự nhiên, trầm bổng thể hiện cảm xúc dồn nén, chân thành. |

1. **Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| \* Giáo viên giao nhiệm vụ luyện tập  \* Học sinh thực hiện dưới các hình thức: cá nhân, thảo luận cặp, thảo luận nhóm.  **Bài tập 1.**  **Cho hai câu thơ:**  *Quê hương anh nước mặn đồng chua*  *Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*  **Câu 1:**  Em hãy chép tiếp 5 câu thơ tiếp theo?  **Câu 2:**  Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”, nêu tác dụng của biện pháp đó.  **Câu 3:** Từ “tri kỉ” trong bài có ý nghĩa gì? Em hãy chép chính xác một câu thơ trong bài em đã học cũng sử dụng từ **tri kỉ,** ghi rõ tên tác giả tác phẩm. So sánh hai từ **tri kỉ** đó.  **Câu 4:** Câu “Đồng chí!” thuộc vào kiểu câu nào? Tại sao?  **Câu 5:** Hãy viết đoạn văn quy nạp, nêu cảm nhận của em về ba câu thơ cuối bài thơ “ Đồng chí”. Đoạn văn sử dụng phép liên kết (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép liên kết). | **\* *Định hướng trả lời:***  **Bài tập 1.**  **Câu 1:**  *Anh với tôi đôi người xa lạ*  *Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*  *Súng bên súng đầu sát bên đầu*  *Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*  *Đồng chí!*  **Câu 2:**  Biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng đầu sát bên đầu” nhằm tạo nên sự đối ứng trong một câu thơ:      + Gợi lên sự khắc nghiệt, nguy hiểm của chiến tranh (hình ảnh súng sẵn sàng chiến đấu).      + Thể hiện sự chung sức, cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.  **Câu 3:**  Từ “tri kỉ” có nghĩa: thấu hiểu mình, hiểu bạn như hiểu bản thân mình.  Câu thơ trong bài Ánh trăng của Nguyễn Duy có chứa từ *tri kỉ*:  *“Vầng trăng thành tri kỉ”*  Từ *tri kỉ* trong bài đồng chí diễn tả sự thấu hiểu giữa 2 người lính cùng chiến tuyến, cùng lý tưởng chiến đấu, cùng hoàn cảnh chiến đấu.  Từ *tri kỉ* trong bài Ánh trăng diễn tả sự đồng điệu thấu hiểu của trăng với con người, của con người với chính quá khứ của mình.  **Câu 4:**  Câu “Đồng chí!” là câu đặc biệt, sâu lắng chỉ với hai chữ “đồng chí” và dấu chấm cảm, tạo thành nét điểm tựa và điểm chốt, như câu thơ bản lề nối hai phần của bài thơ. Nó vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một tiếng gọi trầm, xúc động từ trong tim, lắng đọng trong lòng người về 2 tiếng mới mẻ, thiêng liêng đó.  → Câu thơ giống như một ngôi sao sáng làm nổi bật và sáng bừng cả bài thơ, là kết tinh của 1 tình cảm cách mạng.  **Câu 5:** Học sinh viết đoạn văn theo yêu cầu.  ***\* Yêu cầu chung:***  - Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.  - Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.  ***\* Yêu cầu cụ thể:***  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: biểu tượng cao đẹp về tình đồng chí.  - Hoàn cảnh:  + Thời gian: đêm .  => Tối tăm, hiểm nguy.  + Không gian: rừng hoang, sương muối.  => Hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt, hoang vắng, lạnh lẽo.  - Hình ảnh người lính: đứng cạnh bên nhau.  => Người lính luôn kề vai sát cánh, đồng hành cùng nhau trong mọi hoàn cảnh.  => Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, hiểm nguy nơi chiến trường.  - Tư thế "chờ giặc tới": hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu trước mọi kẻ thù.  - Hình ảnh "đầu súng trăng treo": mang lớp nghĩa thực và nghĩa biểu tượng.  + Nghĩa thực: đêm khuya, sương mờ đục, bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống,người lính đứng gác giữa rừng khoác chiếc súng trên vai, mũi súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo lơ lửng nơi đầu súng.  + Nghĩa biểu tượng : " Trăng" là biểu tượng của thiên nhiên, của hòa bình, "súng" là hiện thân của chiến tranh gian khổ, sự hi sinh. Súng và trăng- cứng rắn và dịu dàng, hiện thực và lãng mạn, chiến sĩ và thi sĩ.  => Hình ảnh độc đáo gợi ra niềm hy vọng vào tương lai chiến thắng của cuộc chiến, ước mơ về hòa bình tươi sáng của dân tộc.  => Nghệ thuật: câu thơ dài ngắn có nhịp điệu, hình ảnh gần gũi mà sâu sắc, ngôn ngữ tự nhiên, chân thành.  - Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.  ***Đoạn văn tham khảo:***  (1)Chính Hữu khép lại bài thơ bằng một hình tượng thơ:  *Đêm nay rừng hoang sương muối*  *Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*  *Đầu súng trăng treo*  (2) Đêm khuya chờ giặc tới, trăng đã xế ngang tầm súng. (3) Bất chợt chiến sĩ ta có một phát hiện thú vị: Đầu súng trăng treo. (4) Câu thơ như một tiếng reo vui hồn nhiên mà chứa đựng đầy ý nghĩa. (5) Trong sự tương phản giữa súng và trăng, người đọc vẫn tìm ra sự gắn bó gần gũi. (6)Súng tượng trưng cho tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. (7) Trăng tượng trưng cho cuộc sống thanh bình, yên vui. (8) Khẩu súng và vầng trăng là hình tượng sóng đôi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam bất khuất, hào hoa muôn thuở. (9) ***Chất hiện thực nghiệt ngã và lãng mạn bay bổng đã vào quyện lẫn nhau tạo nên hình tượng thơ để đời.***  - Phép liên kết: lặp: Súng, trăng. |

**Tiết 2. Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 2.**  **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:**  *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*  *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*  *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*  *Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*  *Áo anh rách vai*  *Quần tôi có vài mảnh vá*  *Miệng cười buốt giá*  *Chân không giày*  *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*  **Câu 1**: Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật đoạn thơ trên là gì?  **Câu 2:** Từ *“mặc kệ”* đặt giữa câu thơ có cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã gợi cho em cảm xúc gì về tình cảm của người lính cách mạng?  **Câu 3:** Theo em hình ảnh “giếng nước gốc đa” là hình ảnh ẩn dụ hay hoán dụ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.  **Câu 4:** Thông qua hình ảnh “miệng cười buốt giá”, “ sốt run người”, “áo rách vai” và cho em hiểu điều gì về cuộc sống của những người lính?  **Câu 5:** Trong đoạn thơ trên, Chính Hữu viết: *Áo anh rách vai ……….Chân không giày.* Ở bài thơ “Nhớ” (sáng tác cùng thời kì với bài Đồng chí), Hồng Nguyên viết: *Áo vải chân không - Đi lùng giặc đánh”*. Hãy cho biết những câu thơ ấy phản ánh hiện thực nào của cuộc chiến?  **Câu 6:** Viết đoạn văn 5-7 câu, nêu cảm nhận của em về câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Trong đoạn sử dụng thành phần biệt lập (gạch chân và chỉ rõ thành phần biệt lập đó). | **Bài tập 2.**  **Câu 1**: Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật đoạn thơ trên là: biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.  **Câu 2:**  -Từ “mặc kệ” được đặt giữa câu thơ có những hình ảnh của làng quê quen thuộc không phải để nói về sự thờ ơ, vô tình của những người lính trước gia đình, quê hương.  - Câu thơ chứa từ “mặc kệ”: “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” giàu sức biểu cảm và gợi hình:  + Để lại cả cơ nghiệp ra đi, người thân ở lại đó là sự hi sinh lớn lao hạnh phúc cá nhân vì mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.  + Những người lính phải nén lại nỗi nhớ mong quê hương để tiếp tục chiến đấu.  **Câu 3**:      - “Giếng nước gốc đa” là hình ảnh hoán dụ về quê hương cũng như người thân nơi hậu phương của người lính.      - Câu thơ có nỗi nhớ hai chiều da diết: quê hương nhớ người lính và người lính nhớ gia đình, quê nhà.  → Những người lính chia sẻ nỗi nhớ quê hương, nỗi nhớ nhà cùng với nhau. Họ sống với nhau trong tình thương nỗi nhớ, và cùng nhau vượt qua nỗi nhớ để tiếp tục chiến đấu.  **Câu 4:**  Hình ảnh người lính cụ Hồ trong thời kì kháng chiến chống Pháp:   - Xuất thân từ người nông dân nghèo, tự nguyện đến với cuộc kháng chiến chống Pháp.   - Cuộc sống gian nan, vất vả và gian khổ, thiếu thốn.   - Có sự gắn kết bền chặt tình cảm đồng chí, đồng đội, tinh thần chiến đấu.   - Trong khó khăn vẫn hiện hữu vẻ đẹp của sự sẻ chia, đoàn kết trên những gian khổ, hi sinh.  **Câu 5:**  Những câu thơ của Chính Hữu và Hồng Nguyên phản ánh hiện thực gian khổ, thiếu thốn của cuộc kháng chiến trong những ngày đầu.  **Câu 6:**  ***\* Yêu cầu chung:***  - Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.  - Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.  ***\* Yêu cầu cụ thể:***  - Câu thơ thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.  + Những người lính quên đi những khó khăn để động viên và truyền cho nhau hơi ấm.  + Đây là một cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.  + Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.  - Đánh giá: một cử chỉ tưởng như đơn giản mà sâu sắc.  ***Đoạn văn tham khảo:***  (1) Câu thơ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.  (2) Những người lính quên đi những khó khăn để động viên và truyền cho nhau hơi ấm.  (3) Đây là một cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.  (3) Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.  (4) Chao ôi, một cử chỉ tưởng như đơn giản thôi mà sâu sắc, cảm động biết bao! |
| **Bài tập 3. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi phía dưới:**  *Đêm nay rừng hoang sương muối*  *Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*  *Đầu súng trăng treo*  **Câu 1:** Trong câu thơ *“Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”*, vì sao Chính Hữu lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi”?  **Câu 2:** Hình ảnh *“đầu súng trăng treo”* cho thấy cảm xúc gì được thể hiện trong bài thơ? Qua đó em hiểu thêm gì về tâm hồn của những người lính trong kháng chiến chống Pháp?  **Câu 3:** Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?  **Câu 4:** Viết đoạn văn 5-7 câu theo phương pháp tổng phân hợp phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối bài. | **Bài tập 3.**  **Câu 1:**      - Đối diện cảnh núi rừng lạnh lẽo và hoang vu và hoàn cảnh chiến đấu nguy hiểm, những người lính cùng sát cánh bên cạnh nhau.         + Nhiệm vụ canh gác, đối mặt với hiểm nguy trong gang tấc cũng chính nơi đó sự sống cái chết cách nhau trong gang tấc.         + Trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm tình đồng đội thực sự thiêng liêng, cao đẹp      - Tâm thế chủ động, sẵn sàng “chờ giặc tới” thật hào hùng:         + Những người lính sát cánh bên nhau vững chãi làm mờ đi khó khăn, nguy hiểm trực chờ phía trước của cuộc kháng chiến gian khổ.  → Ca ngợi tình đồng chí, sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên khắc nghiệt về thời tiết và nỗi nguy hiểm trên trận tuyến.  **Câu 2:** Hình ảnh “đầu súng trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ, cũng chính là điểm nhấn của toàn bài thơ.         + Hình ảnh thực và lãng mạn.         + Súng là hình ảnh đại diện cho chiến tranh, khói lửa.         + Trăng là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, thanh bình.      - Sự hòa hợp giữa trăng với súng tạo nên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và đồng đội , nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.  → Câu thơ như nhãn tự của toàn bài thơ, vừa mang tính hiện thực, vừa mang sắc thái lãng mạn, là một biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.  **Câu 3:** Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.**Câu 4:**  ***\* Yêu cầu chung:***  - Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.  - Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.  ***\* Yêu cầu cụ thể:***  - Câu đầu nói lên hoàn cảnh làm việc của những người lính: rừng hoang, sương muối.  - Câu thứ hai thể hiện sự gắn bó của họ: Trên cái nền hùng vĩ và khắc nghiệt của thiên nhiên: Trong cảnh *rừng hoang sương muối* rừng mùa đông ở Việt Bắc sương muối phủ đầy trời, nhưng người lính vẫn đứng cạnh nhau, im lặng, phục kích chờ giặc tới, từ “chờ” thể hiện tư thế chủ động.  - Hai câu đầu đối nhau rất chỉnh và gợi cảm giữa khung cảnh và toàn cảnh. Khung cảnh lạnh lẽo, buốt giá nhưng toàn cảnh lại ấm nồng, ấm áp tình đồng chí, đồng đội  - Hình ảnh “Đầu súng, trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ là điểm nhấn của toàn bài. Hình ảnh thơ rất thực và lãng mạn.  - Chỉ với 3 câu đã vẽ lên bức tranh đẹp kết tinh tình đồng chí, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp đẽ, giàu chất thơ.  ***Đoạn văn tham khảo:***  ***(1) Nếu những câu thơ đầu tiên của Chính Hữu thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí tới những biểu hiện cảm động nghĩa tình của những người lính dành cho nhau thì ba câu thơ cuối chính là nhãn tự của cả bài, có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn thể hiện biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.***  (2) Giữa khung cảnh lạnh lẽ, hoang vu của núi rừng Tây Bắc, những người lính đứng kề cạnh bên nhau xua đi cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc.  (3) Chính nơi đó, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh, thì những người lính càng trở nên mạnh mẽ, đoàn kết.  (4) Họ sát cánh bên nhau chủ động chờ giặc tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù.  (5) Hình ảnh cuối bài tỏa sáng với sự hòa kết hình ảnh súng - hình ảnh của khói lửa chiến tranh kết hợp với hình ảnh ánh trăng trong mát, thanh bình nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.  (6) ***Chỉ với ba câu thơ xúc động, chân thực nhưng cũng giàu sự lãng mạn, bức tranh về tình đồng chí của người lính là biểu tượng giàu chất thơ nhất hiện lên thật cao đẹp, ngời sáng.*** |

**Tiết 3.Luyện tập.**

Giáo viên hướng dẫn học sinh nghị luận về 1 đoạn thơ, bài thơ.

(Giáo viên linh hoạt thời gian để lựa chọn và hướng dẫn học sinh thực hiện theo 2 dạng bài ).

**Đề 1. Phân tích bài thơ Đồng chí của Chính Hữu.**

***\* Khái quát:***  Bài thơ được viết vào khoảng đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc thu – đông( 1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình cảm đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó mặn nồng. Bài thơ in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966).

**1. Cơ sở hình thành nên tình đồng chí, đồng đội(7 câu đầu):**

*- Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân.*

*Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Thủ pháp đối được sử dụng trong 2 câu thơ đầu | gợi lên sự tương đồng trong cảnh ngộ của người lính. |
| - Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành | đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Chính vì thế mà mối quan tâm hàng đầu của họ chính là về đất đai khi họ giới thiệu về mình. |
| + Thành ngữ "nước mặn đồng chua": | gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong làn nước. |
| + Còn cụm từ “đất cày lên sỏi đá” | lại gợi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất. |
| -> Các anh tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng giống nhau ở cái nghèo, cái khổ. Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm giai cấp là sợi dây tình cảm nối họ lại với nhau, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn. | |

*- Cùng chung chí hướng, lí tưởng cách mạng cao đẹp.*

Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí.

|  |  |
| --- | --- |
| *Anh với tôi đôi người xa lạ*  *Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*  *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*  *Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*  *Đồng chí!* | |
| Nghệ thuật | Nội dung | |
| - Hình ảnh thơ có sự sóng đôi | gợi nên tình gắn bó keo sơn của người lính cách mạng. | |
| + “Súng bên súng”: là cách nói giàu hình tượng | để diễn tả sự cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ. | |
| + “ Đầu sát bên đầu”: là cách nói hoán dụ | tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. | |

*- Cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn.*

Trong cuộc sống nơi chiến trường, họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| + “đêm rét chung chăn”- là một hình ảnh đẹp | thể hiện sự gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất. Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó. |
| -> Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng. | |
| + Tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng từ “ đôi” | Đôi có nghĩa là “hai”, nhưng từ “ hai” chỉ 2 cá thể hoàn toàn tách biệt, từ “ đôi” thể hiện sự gắn kết không thể tách rời.  Từ “ đôi người xa lạ”, họ đã trở “ đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình. |
| - Khép lại đoạn thơ là một câu thơ có vị trí rất đặc biệt, được cấu tạo bởi hai từ  “ đồng chí!”. | + Vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một định nghĩa về đồng chí.  + Thể hiện cảm xúc dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiets tha của tình đòng chí, đồng đội.  + Dòng thơ đặc biệt ấy như một bản lề gắn kết. Nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chất chứa bao trìu mến yêu thương. |
| *=> Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau.* | |

**2. Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội( 10 câu tiếp).**

1. ***Trước hết, là sự cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau.***

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nghệ thuật | | Nội dung |
| **- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:** | | |
| + Đó là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo người, thiếu sức lao động “ ruộng …cày” | | |
| + Hình ảnh “ gian nhà không” | đã diễn tả cái nghèo về vật chất và thiếu thốn cả người trụ cột trong gia đình các anh.  Ruộng nương, căn nhà là những tài sản quý giá, gần gũi, gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương. | |
| **- Không những thế, họ còn thấu hiểu lí tưởng, ý chí lên đường giải phóng quê hương của bạn mình.** | | |
| + Từ “mặc kệ” | đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước. | |
| **- Những người lính còn thấu hiểu cả nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn của nhau.** | | |
| + Hình ảnh “giếng nước gốc đa” | là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết. | |
| + Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy lại là động lực mạnh mẽ giúp người lính quyết tâm chiến đấu. | | |

***b. Đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ:***

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch việt Bắc Thu- Đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính.

|  |
| --- |
| *Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*  *Áo anh rách vai*  *Quần tôi có vài mảnh vá*  *Miệng cười buốt giá*  *Chân không giày*  *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.* |

- Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| + Đầu tiên, người lính chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật. | |
| . Hình ảnh: “ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi” | là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đây là một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực của người lính trong chiến tranh. |
| Từ “với” trong cụm từ “anh với tôi” | đã diễn tả sự sẻ chia của người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét. |
| => Chính sự quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những gian khổ, khó khăn. | |
| Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất. | |
| Hình ảnh: "áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh liệt kê | đã miêu tả chính xác, cụ thể những thiếu thốn của người lính. |

**3.** **Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội( 3 câu cuối).**

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.*

- Đó là khoảng thời gian “đêm nay” rất cụ thể với khung cảnh “rừng hoang – sương muối” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt.

- Tuy nhiên, người lính vẫn *“ đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”.*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| + Hình ảnh “ đứng cạnh bên nhau” | cho thấy tinh thần đoàn kết, luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh. |
| + Động từ “chờ” | cho thấy được tư thế chủ động, hiên ngang và sẵn sàng chiến đấu của người lính. |
| + Nghệ thuật tương phản đối lập | được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. |
| + Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của bức tranh về tình đồng chí, rất thực nhưng cũng rất lãng mạn.  Chất hiện thực: Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, trong tầm ngắm, người lính phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: vầng trăng lơ lửng như treo ở đầu mũi súng.  Chất lãng mạn: Vầng trăng xuất hiện trong không gian căng thẳng, khắc nghiệt của cuộc chiến mà lại như đang “ treo” trên đầu ngọn súng, chữ “treo” rất thơ mộng, như nối liền mặt đất với bầu trời.  Hình ảnh “súng – trăng” được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: giữa hiện thực – ảo mộng; khắc nghiệt- lãng mạn; chiến tranh – hòa bình; chiến sĩ – thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả. | |

***\* Đánh giá:***

- Nghệ thuật- ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm, lời thơ giản dị mà giàu sức tạo hình; giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, thiết tha, sử dụng sáng tạo bút pháp tả thực và lãng mạn,

- Nội dung: Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân chất, mộc mạc, bình dị của người lính cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Khép lại trang thơ, bức tượng đài người chiến sĩ với tình cảm đồng chí, đồng đội cứ dội lên trong tâm trí độc giả với lòng biết ơn sâu sắc sự hi sinh lớn lao vì hòa bình đất nước của các anh. Từ đó, ta mới thấy hết được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ và phát triển quê hương, dân tộc mình.

- Bài thơ đã đánh dấu 1 bước ngoặt mới cho khuynh hướng sáng tác của thơ ca kháng chiến.

Đặc biệt là cách xây dựng hình tượng người chiến sĩ Cách mạng, anh bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

|  |  |
| --- | --- |
| \* **Đề 2.** Cảm nhận về hình ảnh người lính trong đoạn thơ sau:  *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*  *.......*  *Đầu súng trăng treo.*  ( Đồng chí, Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập 1) | |
| **\*Giới thiệu tác giả, tác phẩm, khái quát đoạn thơ.** | -Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp và hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh. Thơ ông không nhiều nhưng có những bài đặc sắc với cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc.  -Bài thơ Đồng chí sáng tác năm 1948, có thể xem là bức tượng đài về người nông dân trong kháng chiến chống Pháp vĩ đại mang một vẻ đẹp mới- vẻ đẹp của người lính cách mạng cụ Hồ.  -Đoạn thơ trích trong bài thể hiện vẻ đẹp của tình đồng chí với những biểu hiện cụ thể trong đời sống và chiến đấu biết bao gian khổ hy sinh nhưng họ vẫn kề vai sát cánh bên nhau để hoàn thành nhiệm vụ.. |
| **\*Phân tích, chứng minh:**  **1.Hình ảnh người lính được khắc họa qua những biểu hiện của tình đồng chí.**  **\* *Sự thấu hiểu tâm tư, tình cảm, nỗi lòng của nhau****.* | - Trước khi vào lính họ đều là những người nông dân lam lũ...  - Hình ảnh ruộng nương, gian nhà không, giếng nước, gốc đa hiện lên thật bình dị mà gần gũi biết bao. Đó là những hình ảnh rất thân quen của những người nông dân. Ruộng vườn và căn nhà lung lay trước gió đang chờ đợi những bàn tay của người chồng, người cha sửa chữa thế nhưng người lính vẫn tạm gác lại tất cả lo toan nơi quê nhà để ra trận. Người lính ở đây đã hi sinh tất cả những gì là riêng tư để đi làm nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả hơn, họ đã đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích gia đình. Họ ra đi mang theo trên vai mình cả trọng trách của cả Tổ quốc. Từ "mặc kệ" thể hiện thái độ dứt khoát, quyết tâm. Có người cho rằng người lính ở đây thật vô tình vì còn có gì sâu nặng hơn gia đình quê hương vậy mà họ không chút bận tâm khi ra đi. Nhưng đó mới là cái làm nên sự cao đẹp không gì sánh nổi trong tình cảm của người lính. Người linh ý thức được rằng khi nước mất, nhà tan thì ruộng nương hay nhà cửa cũng không thể giữ được dẫu biết rằng đối với họ đó là tài sản quý giá nhất. Chúng ta càng phải cảm động và cảm thông cho những mất mát và thiệt thòi cho họ. Hình ảnh nhân hoá "giếng nươc gốc đa" khiến ta nghĩ đến những người thân, làng xóm đang ngóng trông họ trở về trong khúc đã khải hoàn ca chiến thắng. Chắc rằng đó cũng là nỗi nhớ của người lính với quê hương, gia đình. |
| ***\* Hình ảnh người lính trong đoạn thơ còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính.*** | - Họ cùng nhau chịu chung những khó khăn của thời tiết khắc nghiệt, của ốm đau bệnh tật, của sự thiếu thốn trang phục...  - Nhưng vượt lên trên những khó khăn gian khổ ấy là vẻ đẹp của tình đồng chí, của “miệng cười buốt giá” và “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”.  - Tình cảm gắn bó sâu nặng, sự sẻ chia của những người lính dành cho nhau. Sức mạnh của tinh thần lạc quan và hơn ai hết là sức mạnh của tình đồng chí... |
| ***\* Hình ảnh người lính còn được thể hiện ở bức tranh đẹp của tình đồng chí.*** | -Hiện thực khắc nghiệt “rừng hoang sương muối”...  - Người lính vần vững vàng “ chờ giặc tới”. Họ sẵn sàng chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp, vì độc lập tự do của dân tộc...  - Tình đồng chí, đồng đội giúp họ chủ động đối diện với kẻ thù, gúp họ vượt qua tất cả.  - Hình ảnh “ đầu súng trăng treo” là một hình ảnh đặc sắc như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí. Cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ.  => Đoạn thơ của Chính Hữu đã khắc họa được vẻ đẹp của người lính trong kháng chiến chống Pháp vô cùng gian khổ của dan tộc. Vẻ đẹp ấy là vẻ đẹp tâm hồn, là hiểu những tâm tư nỗi lòng của nhau, là tình yêu thương đồng chí, đồng đội, là tinh thần đồng cam cộng khổ, bất khuất vượt qua mọi khó khăn gian khổ chiến đấu để chiến thắng. Thế hệ trẻ hôm nay không chỉ biết ơn mà còn cần có ý thức trách nhiệm bảo vệ, xây dựng đất nước, nối tiếp truyền thống quý báu của cha anh. |
| ***2. Nghệ thuật xây dựng hình ảnh người lính trong đoạn thơ.*** | - Thể thơ tự do.  - Bút pháp miêu tả chân thực.  - Từ ngữ, hình ảnh giản dị, chân thực và giàu sức gợi.  - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: nhân hóa, hoán dụ, ẩn dụ, cấu trúc đối xứng... |
| ***\*Khái quát.*** | Bằng những hình ảnh chân thực, ngôn ngữ cô đúc, giản dị, hình ảnh sóng đôi… Chính Hữu đã tái hiện lại một quá khứ chiến tranh đầy gian khổ mà hào hùng, khó khăn thiếu thốn mà gắn bó keo sơn của những người lính Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Họ là của những con người sống và chiến đấu vì khát vọng hạnh phúc, tự do. Mỗi lần đọc lại bài thơ đồng chí, trong em lại vang lên khúc quân hành  “*Quân đi điệp điệp trùng trùng*  *Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*  *Dân công đỏ đuốc từng đoàn*  *Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay.”*  (“Việt Bắc” – Tố Hữu) |

4.**Củng cố- Dặn dò:**

* *Kiến thức đã học*: Ôn tập bài thơ Đồng chí, nắm vững đặc sắc về nội dung và nghệ thuật; Nắm vững kỹ năng nghị luận về bài thơ, đoạn thơ.
* *Giao nhiệm vụ về nhà*: Hoàn thành các bài tập; Dựa vào phần gợi ý viết bài văn hoàn chỉnh.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tham khảo: Phân tích bài thơ.**

**I - Mở bài:**

**Cách 1**:

- Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

* Phần lớn thơ ông hướng về đề tài người lính với lời thơ đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ hàm súc, cô đọng giàu hình ảnh
* Bài thơ “Đồng chí” là một trong những bài thơ viết về người lính hay của ông. Bài thơ đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

**Cách 2**: Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi mãi là hình ảnh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất. Hình tượng người lính đã đi vào lòng người và văn chương với tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp. Một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất, tiêu biểu và thành công nhất viết về tình cảm của những người lính Cụ Hồ là “Đồng chí” của Chính Hữu. Bằng những rung động mới mẻ và sâu lắng, bằng chính sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

**II – Thân bài**

Chính Hữu viết bài thơ : “Đồng chí” vào đầu năm 1948, khi đó ông là chính trị viên đại đội, đã từng theo đơn vị tham gia chiến dịch Việt Bắc, và cũng là người đã từng sống trong tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó vượt qua những khó khăn gian khổ trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

1. ***Trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng***

***- Cùng chung cảnh ngộ xuất thân:*** Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ giã quê hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người chiến đấu cho một lí tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị và cũng rất quen thuộc:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua.*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”.Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuỵ khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

=> Hai câu thơ đầu theo cấu trúc sóng đôi, đối ứng: “*Quê anh – làng tôi*” đã diễn tả

sự tương đồng về cảnh ngộ. Và chính sự tương đồng về cảnh ngộ ấy đã trở thành niềm đồng cảm giai cấp, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

- ***Cùng chung lí tưởng chiến đấu***: Trước ngày nhập ngũ, những con người này vốn “xa lạ”:

*“Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”*

Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như một lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nghèo, người lao động. Nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy, mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hình ảnh : “*Anh – tôi*” riêng biệt đã mờ nhoà, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu: “*Súng bên súng đầu sát bên đầu”*. “Súng” và “đầu” là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lý tưởng cao đẹp. Điệp từ “súng” và “đầu” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí.

- ***Tình đồng chí nảy nở bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui***, đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. Đêm Việt Bắc thì quá rét, chăn lại quá nhỏ, loay hoay mãi không đủ ấm. Đắp được chăn thì hở đầu, đắp được bên này thì hở bên kia. Chính trong những ngày thiếu thốn, khó khăn ấy từ “xa lạ” họ đã trở thành tri kỉ của nhau. “Tri kỉ” là người bạn thân thiết hiểu rất rõ về ta. Vất vả nguy nan đã gắn kết những người đồng chí khiến họ trở thành người bạn tâm giao gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chắt lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ. Bao nhiêu yêu thương được thể hiện qua những hình ảnh vừa gần gũi vừa tình cảm hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng, sức nặng của tình cảm trìu mến, yêu thương với đồng đội. Hình ảnh thật giản dị nhưng rất cảm động.

- Từ trong tâm khảm họ, bỗng bật thốt lên hai từ « đồng chí ». Từ “đồng chí” được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ “đồng chí’ với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khac nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này. Đồng chí là cùng chí hướng, cùng mục đích. Nhưng trong tình cảm ấy một khi có cái lõi bên trong là « tình tri kỉ » lại được thử thách, được tôi rèn trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. Không còn anh, cũng chẳng còn tôi, họ đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp (xuất thân từ nông dân), có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí” họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Câu thơ vẻn vẹn có 2 chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo. Quả thật ngôn từ Chính Hữu thật là hàm súc.

***2.Mười câu thơ tiếp theo nói về những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí***

**Trước hết, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau**.

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

+ Họ là những người lính gác tình riêng ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những băn khoăn, trăn trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, về cảnh ngộ, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người chiến sĩ: “Ruộng nương” đã tạm gửi cho “bạn thân cày”, “gian nhà không” giờ để “mặc kệ gió lung lay”. Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi sinh, tạm gạt sang một bên những tính toán riêng tư. Hai chữ “mặc kệ” đã nói lên được cái kiên quyết dứt khoát mạnh mẽ của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, khi mục đích đã lựa chọn. Song dù dứt khoát, mạnh mẽ ra đi nhưng những người lính nông dân hiền lành chân thật ấy vẫn nặng lòng với quê hương. Chính thái độ gồng mình lên ấy lại cho ta hiểu rằng những người lính càng cố gắng kiềm chế tình cảm bao nhiêu thì tình cảm ấy càng trở nên bỏng cháy bấy nhiêu. Nếu không đã chẳng thể cảm nhận được tính nhớ nhung của hậu phương: “*giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*”. Hình ảnh thơ hoán dụ mang tính nhân hoá này càng tô đậm sự gắn bó yêu thương của người lính đối với quê nhà, nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình. Giếng nước gốc đa kia nhớ người ra lính hay chính tấm lòng người ra lính không nguôi nhớ quê hương và đã tạo cho giếng nước gốc đa một tâm hồn? Quả thực giữa người chiến sĩ và quê hương anh đã có một mối giao cảm vô cùng sâu sắc đậm đà. Tác giả đã gợi nên hai tâm tình như đang soi rọi vào nhau đến tận cùng. Ba câu thơ với hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ăm ắp một tình quê, một nỗi nhớ thương vơi đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của “anh” và cũng là của “tôi”, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy.

**- Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính***:*

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá: “áo rách vai, quần tôi vài mảnh vá, chân không giày…” Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội Cụ Hồ mới được thành lập, thiếu thốn đủ đường, quần áo rách bươm phải buộc túm lại nên người lính vệ quốc còn được gọi là “vệ túm”. Đọc những câu thơ này, ta vừa không khỏi chạnh lòng khi thấu hiểu nhưng gian nan vất vả mà thế hệ cha ông đã từng trải qua vừa trào dâng một niềm kính phục ý chí và bản lĩnh vững vàng của những người lính vệ quốc.

*-* **Cùng hướng về một lí tưởng, cùng nếm trải sự khắc nghiệt của chiến tranh, người lính chia sẻ cho nhau tình thương yêu ở mức tột cùng.** Chi tiết “miệng cười buốt giá” đã ấm lên, sáng lên tình đồng đội và tinh thân lạc quan của người chiến sĩ. Rồi đến cái cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu không ồn ào mà thấm thía. Trong buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến để truyền cho nhau hơi ấm, truyền cho nhau niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh để vượt qua tất cả, đẩy lùi gian khổ. Những cái nắm tay ấy đã thay cho mọi lời nói. Câu thơ ấm áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Nhà thơ đã phát hiện rất tinh cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau đã tạo nên chiều sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thầm lặng nhưng rất đỗi thiêng liêng này.

***3.Ba câu thơ cuối là bức tranh đẹp về tình đồng chí:***

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.*

Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc. Nền bức tranh là đêm – “rừng hoang sương muối”gợi ra một cảnh tượng âm u, hoang vắng và lạnh lẽo. Không chỉ cái giá, cái rét cứ theo đuổi mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ.

- Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới trong cái nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc. Từ “chờ” cũng đã nói rõ cái tư thế, cái tinh thần chủ động đánh giặc của họ. Rõ ràng khi những người lính đứng cạnh bên nhau vững chãi, truyền cho nhau hơi ấm thì tình đồng chí đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm họ để họ có sức mạnh vượt qua cái cái gian khổ, ác liệt, giá rét ấy… Tầm vóc của những người lính bỗng trở nên lớn lao anh hùng.

- Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích gi**ặ**c của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc.Rõ ràng, tình cảm đồng chí ấm áp, thiêng liêng đã mang đến cho người lính nét lãng mạn, cảm hứng thi sĩ trong hiện thực đầy khắc nghiệt qua hình ảnh “Đầu súng trăng treo”.Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn nhậy cảm của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của trăng. Bốn chữ “Đầu súng trăng treo”chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi, dồn nén, như nhịp lắc của một cái gì đó chông chênh, trong bát ngát…gây sự chú ý cho người đọc. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau - mặt đất và bầu trời, gợi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của cái đẹp, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là “một cặp đồng chí” tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng.

=> Hiếm thấy một hình tượng thơ nào vừa đẹp vừa mang đầy ý nghĩa như “Đầu súng trăng treo”. Đây là một sáng tạo đầy bất ngờ góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc.

***4. Suy nghĩ về tình đồng chí:*** Như vậy tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại vì một lý tưởng chung. Đó là mối tình có cơ sở hết sức vững chắc: sự đồng cảm của những người chiến sĩ vốn xuất thân từ những người nông dân hiền lành chân thật gắn bó với ruộng đồng. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở tình yêu Tổ Quốc, cùng chung lí tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt lại tôi luyện thử thách làm cho mối tình đồng chí đồng đội của những người lính càng gắn bó, keo sơn. Mối tình thiêng liêng sâu nặng, bền chặt đó đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để những người lính “áo rách vai”, “chân không giầy” vượt lên mọi gian nguy để đi tới và làm nên thắng trận để viết lên những bản anh hùng ca Việt Bắc, Biên giới, Hoà Bình, Tây Bắc…. tô thắm thêm trang sử chống Pháp hào hùng của dân tộc.

**III - Kết luận:** “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng, thơ mộng. Cấu trúc song hành và đối xứng xuyên suốt bài thơ làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ rất trẻ như đang thủ thỉ, tâm tình, làm nổi bật chủ đề tư tưởng: Tình đồng chí gắn bó keo sơn. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp hiện lên thật đẹp đẽ qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mà gợi nhiều suy tưởng. Với những đặc điểm đó, bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 11: ÔN TẬP VĂN BẢN BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

*( Phạm Tiến Duật)*

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Hiểu được vẻ đẹp của hình tượng người chiến sĩ lái xe Trường Sơn những năm tháng đánh Mỹ ác liệt và chất giọng hóm hỉnh, trẻ trung trong một bài thơ của Phạm Tiến Duật.

- Biết cách vận dụng những kiến thức đã học để cảm thụ một tác phẩm văn học hiện đại.

2. Kỹ năng:

- Biết cách phân tích, hình ảnh, ngôn ngữ thơ.

- Đọc – hiểu thông thạo tác phẩm thơ tự do

3. Thái độ, phẩm chất:

- Giáo dục cho học sinh lòng cảm mến kính phục trân trọng, yêu quý, hình ảnh những người chiến sỹ lái xe Trường Sơn và tinh thần coi thường khó khăn, gian khổ, niềm lạc quan vui tươi, yêu đời, hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi trong bài thơ.

- Tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của đất nước ta.

- Học tập, noi theo tấm gương yêu nước, sự lạc quan, bản lĩnh của người lính cách mạng.

4. Năng lực:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: *Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **HĐ 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.**  *Nhắc lại những nét chính về tác giả Phạm Tiến Duật? Theo em Phạm Tiến Duật có những nét riêng gì khiến em ấn tượng?*  *Em có nhận xét gì về phong cách thơ PTD?*  *Nhắc lại hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?*  *Mốc thời gian 1969 gợi em nhớ đến hoàn cảnh đất nước ta lúc đó ntn?*  *Em có nhận xét gì về nhan đề bài thơ?*  *Tại sao hình thức văn bản đã là 1 bài thơ mà nhan đề tác giả vẫn thêm vào 2 chữ “bài thơ”?* | 1. **Kiến thức cần nhớ**   **1.Tác giả.**  - Phạm Tiến Duật (1941 - 2007), quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.  - Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1964, Phạm Tiến Duật gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.  - Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các hình tượng người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.  ***- Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.***  **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - **Bài thơ viết năm 1969**, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt trên con đường chiến lược Trường Sơn. - Bài thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969- 1970 và được đưa vào tập thơ “Vầng trăng quầng lửa” của tác giả.  **b. Ý nghĩa nhan đề:**  - **Vẻ khác lạ còn ở hai chữ “ bài thơ**” tưởng như rất thừa nhưng là sự khẳng định chất thơ của hiện thực, của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, vượt lên nhiều thiếu thốn, hiểm nguy của chiến tranh. **- Nhan đề góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm:** ca ngợi vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn của những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  - cho thấy cách khai thác hiện thực rất mới của PTD. |
| *Nhắc lại 2 hình tượng chính mà bài thơ đề cập đến là gì?*  *Hình ảnh những chiếc xe không kính được tái hiện qua những chi tiết nào?*  *Khắc họa hình ảnh những chiếc xe không kính có ý nghĩa gì?*  *Nhắc lại những vẻ đẹp của người lính lái xe trường sơn?*  *Qua hình ảnh những chiến sĩ lái xe trường sơn em có nhận xét gì về vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến?*  *Để khắc họa thành công hình ảnh những chiếc xe không kính và hình tượng người lính lái xe trường sơn, tác giả đã sử dụng thành công nhưng bút pháp nghệ thuật gì?* | **Giá trị nội dung, nghệ thuật.**  **Nội dung:**  **a. Hình ảnh những chiếc xe không kính:**  - Tái hiện hiện thực khốc liệt của cuộc chiến trong những năm tháng hào hùng mà bi thương của dân tộc  - Hình ảnh này không hiếm trong chiến tranh nhưng phải có hồn thơ nhạy cảm với nét ngang tàng và tinh nghịch, thích cái lạ như Phạm Tiến Duật mới nhận ra được và đưa vào thành hình tượng thơ độc đáo của thời chiến tranh chống Mỹ.  **b. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn.**  - Tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm lạc quan, coi thường gian khổ hiểm nguy.  - Những người lính trẻ rất yêu đời lạc quan, bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ.  - Họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó, yêu thương.  - Họ có ý chí chiến đấu, quyết tâm sắt đá, tình cảm sâu đậm với miền Nam ruột thịt.  ***🡪 Họ là những người trẻ tuổi nhiệt huyết, sôi nổi, dũng cảm, yêu nước. Họ sẵn sàng bỏ lại sau lưng cả thanh xuân của mình để “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”.***  **2. Nghệ thuật:**  - Câu thơ như một câu văn xuôi, chẳng có gì là thơ cả. Hình ảnh thơ lại càng lạ và có sức hấp dẫn đặc biệt vì nó chân thực, độc đáo.  - Không tô vẽ, không cường điệu mà tả thực nhưng chính cái thực đã làm người đọc suy nghĩ, hình dung mức độ ác liệt của chiến tranh, bom đạn giặc Mĩ.  - Đảo ngữ “ung dung” với điệp từ “nhìn” -> cái tư thế ung dung, thong thả, khoan thai, bình tĩnh, tự tin của người làm chủ,  - Nhịp thơ 2/2/2 với những dấu phẩy ngắt khiến âm điệu câu thơ trở nên chậm rãi, như diễn tả thái độ thản nhiên đàng hoàng.  -Nhân hoá, so sánh và điệp ngữ**.** |

**Tiết 2,3: *Luyện tập các dạng câu hỏi và đề bài.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : nhóm, cá nhân.  - Biện pháp thực hiện: giáo viên chiếu bài tập lên máy chiếu, ti vi, bảng thông minh, học sinh quan sát, thảo luận, làm bài tập ra vở. Giáo viên gọi học sinh đứng tại chỗ hoặc lên bảng làm bài tập, gọi học sinh khác nhận xét, chữa bài, GV chốt lại, hs chép bài vào vở.  **Bài tập 1**  **a**. Chép khổ thơ cuối bài thơ “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.  **b**. Dựa vào khổ thơ cuối của bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, cho biết từ “trái tim” dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?  **c**. Nêu ý nghĩa của hình ảnh ấy trong việc thể hiện vẻ đẹp người lính lái xe?  Bài tập 2: **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Không có kinh, rồi xe không có đèn*  *Không có mui xe, thùng xe có xước*  *Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*  *Chỉ cần trong xe có một trái tim.*  (Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB. Giáo dục, 2014).  **Câu 1 (0.5 điểm).** Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào? Tác giả bài thơ là ai?  **Câu 2 (0.5 điểm).** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ?  **Câu 3 (1,0 điểm).** Chỉ ra biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.  **Câu 4 (1,0 điểm).** Nội dung đoạn thơ trên  **Bài tập 3.**Tại sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật.  ***Bài tập 4***  *Cho câu thơ:“Không có kính ừ thì có bụi”*  *a, Chép tiếp 7 câu thơ để hoàn thành đoạn thơ trên*  *b, Tìm ra các câu thơ có chứa khẩu ngữ? Nêu vai trò, tác dụng của khẩu ngữ.*  *c. So sánh hình ảnh người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” với bài “Đồng chí” của Chính Hữu.*  ***Bài tập 5: Hình ảnh những chiếc xe không có kính vẫn băng băng ra trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em cảm nghĩ gì?***    ***Hd học sinh làm các dạng đề NLVH về bài thơ.***  *Đề bài : Phân tích bài thơ về tiểu đội xe không kính của PTD?*  *Gọi học sinh tìm hiểu đề và tìm ý cho đề bài.*  *Dựa vào phần tìm hiểu đề và tìm ý, yêu cầu học sinh làm việc cá nhân lập dàn ý chi tiết vào vở.*  *Thời gian: 15p*  *Khi hs lập dàn ý xong chia lớp 6 nhóm giao nhiệm vụ viết đoạn văn mở bài, đoạn thân bài, đoạn kết bài.*  *Nhóm 1: viết mở bài và kết bài*  *Nhóm 2: viết đoạn văn phân tích LĐ 1*  *Nhóm 3: viết đoạn văn phân tích LĐ 2*  *Nhóm 4. viết đoạn văn phân tích LĐ 3*  *Nhóm 5. viết đoạn văn phân tích LĐ 4*  *Nhóm 6: Viết đoạn văn nhận xét nghệ thuật.*  *Thời gian viết 15p*  *Hs viết đoạn văn xong giáo viên gọi các nhóm trình bày sản phẩm nhóm mình, hs nhóm khác nhận xét, giáo viên chốt lại*  ***Bài tập về nhà: Viết hoàn chỉnh bài văn. (kết hợp các đoạn văn của các nhóm đã viết)*** | **Dạng đề đọc hiểu.**  Bài tập 1  **GỢI Ý:**  HS chép thuộc.  - Từ “trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển.      - Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thốn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, hợp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.      - Xe được chạy bằng chính trái tim, xương máu của chiến sĩ, trái tim ấy là niềm tin, niềm lạc quan và sức mạnh chiến thắng. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe do ý chí, niềm tin sắt đá cầm lái.  c. Hình ảnh trái tim được hiểu theo nghĩa ẩn dụ và hoán dụ: trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.      - Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp của tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.  **Bài tập 2:**  **Gợi ý**  1.- Tác phẩm: Bài thơ về tiểu đội xe không kính.  - Tác giả: Phạm Tiến Duật  2 - Phương thức Biểu cảm  3 - Biện pháp nghệ thuật  Trái tim: Hoán dụ  - Tác dụng: Hoán dụ: biểu tượng cho tất cả con người với sức lực, tâm huyết dành trọn cho đất nước. Đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ cho tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu.  -> Tiêu biểu cho vẻ đẹp của thế.  4 Nội dung: Ý chí quyết chiến, quyết thắng, vượt qua khó khăn, gian khổ thử thách của những người lính lái xe Trường Sơn để giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.  **Bài tập 3.**  **GỢI Ý:**  Hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật bởi xưa nay hình ảnh tàu xe đi vào thơ ca đều được lãng mạn hóa, mỹ lệ hóa nhưng Phạm Tiến Duật lại không ngần ngại đưa vào thơ của mình hình ảnh trần trụi, thực tế “những chiếc xe không kính”.  Hình ảnh những chiếc xe không kính là nhân chứng hùng hồn, chân thực cho hiện thực chiến tranh khốc liệt lúc bấy giờ.  Với tâm hồn lãng mạn, nhạy cảm cùng với nét tinh nghịch, ngang tàng hình tượng những chiếc xe không kính xuất hiện trong thơ như để thử thách con người, cũng như để khẳng định chất thép, tinh thần dũng cảm, lạc quan coi thường hiểm nguy của những người lính lái xe Trường Sơn.  **Bài tập 4.**  ***Gợi ý:***  a, Chép tiếp 7 dòng thơ, đúng, chính xác chính tả.  b, Những câu thơ có chứa khẩu ngữ:  Không có kính, ừ thì có bụi  Không có kính ừ thì ướt áo  🡺 ***Khẩu ngữ tạo nên chất giọng tự nhiên, góp phần thể hiện tính cách ngang tàng, sôi nổi, trẻ trung, coi thường khó khăn gian khổ.***  c. So sánh sự giống nhau và khác nhau  **\* Nét giống nhau**  - Họ đều là những người lính cách mạng, tham gia cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm với mục đích bảo vệ quê hương, đất nước:  + Súng bên súng, đầu sát bên đầu (Đồng chí)  + Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)  - Họ đều có tình đồng chí sâu sắc, chan hòa, cởi mở, chia sẻ những khó khăn của cuộc đời người lính:  + Thương nhau tay nắm lấy bàn tay (Đồng chí)  + Bắt tay nhau qua của kính vỡ rồi...võng mắc chông chênh đường xe chạy...  - Tình đồng chí đồng đội tiếp thêm cho họ sức mạnh để hoàn thành nhiêm vụ:  + Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới (Đồng chí)  + Lại đi, lại đi, trời xanh thêm (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)  - Hai nhà thơ đều khai thác hình ảnh người lính từ hiện thực cuộc chiến tranh khốc liệt, thiếu thốn, khó khăn.  ***\* Nét khác nhau***  **-Thời gian**  + Trong cuộc kháng chiến chống Pháp -1948 (Đồng chí)  + Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ -1969 (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)  **- Hoàn cảnh xuất thân**  + Họ là những người nông dân nghèo khổ từ mọi miền của đất nước, có nhiều tâm tư, bịn rịn về hoàn cảnh gia đình (Đồng chí)  + Họ là những người lính trẻ lớn lên trong chế độ mới, ra đi từ những mái trường, ít băn khoăn về hoàn cảnh gia đình, ra trận với một tinh thần phơi phới của tuổi trẻ thanh xuân (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)  **- Lời kể của người lính**  + Tâm tình, thủ rỉ, ấm áp (Đồng chí)  + Trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch, ngang tang (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)  **Bài tập 5**  **Gợi ý:**  Hình ảnh những chiếc xe không có kính vẫn băng băng ra trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em nhiều xúc động.  -  Cuộc chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ta, cũng như của các chiến sĩ lái xe trên con đường chiến lược Trường Sơn là vô cùng dữ dội và ác liệt.  - Những chiến sĩ lái xe rất ngoan cường dũng cảm, hăng hái, lạc quan bất chấp mọi gian khổ hi sinh, quyết tâm chi viện cho chiến trường miền Nam, vì thống nhất đất nước.  - Những chiến sĩ lái xe đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cho chúng ta noi gương học tập.  **III. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**  **Gợi ý**  **I. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về đề tài chiến tranh, người lính trong thơ ca: Đây là đề tài quen thuộc đã đi vào thơ ca của rất nhiều các tác giả tiêu biểu.  - Vài nét về tác giả Phạm Tiến Duật- một nhà thơ nổi tiếng với rất nhiều tác phẩm viết về đề tài chiến tranh  - “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” với hình ảnh chủ đạo là chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn với bao phẩm chất tốt đẹp.  **II. Thân bài**  **1. Nhận xét chung**  - Đôi nét về hoàn cảnh sáng tác tác phẩm: Bài thơ ra đời vào năm 1969 trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ diễn ra vô cùng ác liệt.  - Bài thơ là lời ngợi ca vẻ đẹp của người lính cách mạng thời bấy giờ  **2. Vẻ đẹp của ngươi chiến sĩ lái xe**  **LĐ1 : Tư thế thế ung dung hiên ngang của người lính**  - 2 câu thơ đầu: nhấn mạnh tư thế ung dung của người lính, đường hoàng đĩnh đạc, dám nhìn thẳng vào khó khăn gian khổ không hề run sợ né tránh  - 4 câu thơ tiếp theo:      + Phép nhân hóa “gió vào xoa” “con đường chạy” , ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “mắt đắng”          ⇒ tả thực cảm nhận của người lính với thế giới bên ngoài      + “Thấy con đường chạy thẳng vào tim” : tốc độ trên chiếc xe đang lao vun vút ra mặt trận          ⇒ con đường ấy còn là con đường giải phóng miền Nam, con đường của trái tim nồng nàn yêu nước          ⇒ Chiến tranh tuy khốc liệt nhưng người lính vẫn cảm nhận bằng một tâm hồn trẻ trung đầy lãng mạn, qua khung cửa, mọi vật dường như cũng muốn theo người lính ra chiến trường.          ⇒ chất thơ của cuộc chiến đấu  **LĐ 2: Tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn gian khổ và tinh thần lạc quan, sôi nổi của người lính**  - 2 câu thơ đầu khổ 3+ 2 câu thơ đầu khổ 4:      + Người lính phải đối mặt với bao khó khăn, khắc nghiệt của thời tiết ở Trường Sơn: “bụi phun tóc trắng”, “mưa tuôn mưa xối”      + Nhưng sáng ngời ở họ vẫn là sự anh dũng đón nhận những khắc nghiệt “không có… ừ thì”: thái độ sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy gian khó, coi đó như một yếu tố tất yếu trong cuộc sống chiến đấu  - 2 câu thơ cuối khổ 3+ 2 câu thơ cuối khổ 4:      + Người lính đối mặt với khó khăn gian khổ bằng giọng cười “ha ha”          ⇒ Thái độ lạc quan      + Các từ láy tượng hình tượng thanh “ha ha”, “phì phèo” ẩn dụ thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời của các anh          ⇒ Đây là vẻ đẹp trong tâm hồn các anh, là chất thơ vút lên từ hiện thực chiến đấu thật đáng ngợi ca và trân trọng  **LĐ 3: Tinh thần đồng chí đồng đội thắm thiết**  - 4 câu thơ khổ 5:      + “Đã về đây họp thành tiểu đội” : Những chiếc xe từ gian khổ hiểm nguy cùng chung một nhiệm vụ nên đã tập hợp thành “tiểu đội xe không kính”      + “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”: chi tiết chân thực nhưng rất hóm hỉnh, qua cái bắt tay, người lính tiếp thêm cho nhau sức mạnh, trao cho nhau tình đồng chí, đồng đội thắm thiết  - 2 câu thơ đầu khổ 6:      + “Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời”: chiến tranh buộc họ phải dựng bếp ăn giữa “trời”, nhưng họ vẫn ung dung và coi đó như một lẽ tự nhiên      + “chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”: Chính tình đồng chí đồng đội đã hóa gia đình, cách người lính lái xe định nghĩa về gia đình thật giản dị và độc đáo          ⇒ Hai tiếng “gia đình” thật thiêng liêng chan chứa tình cảm, họ truyền cho nhau sức mạnh để chiến đấu  - 2 câu thơ cuối khổ 6:      + Điệp ngữ “lại đi” kết hợp với nhịp thơ: nhịp bước hành quân của các anh đến với những chặng đường mới      + Hình ảnh “trời xanh thêm” : ý nghĩa tượng trưng sâu sắc thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời, chan chứa hi vọng, đó còn là hoán dụ chỉ hòa bình  **LĐ4: Lòng yêu nước và ý chí chiến đấu vì miền Nam**  - 2 câu đầu: Vẫn là những khó khăn nhưng giờ đây được tăng thêm gấp bội “không kính”, “không đèn”, “không mui xe”, “thùng xe có xước”: khó khăn tăng thêm như cản đi bước chân của người chiến sĩ  - 2 câu cuối      + Lời khẳng định: “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”: Lời khẳng định chắc nịch bất chấp mọi gian khổ, khó khăn      + “ Chỉ cần trong xe có một trái tim”: Hình ảnh “trái tim” là hoán dụ chỉ người lính lái xe nồng nàn yêu nước và sục sôi căm thù quân xâm lược nhưng cũng mang nghĩa ẩn dụ: nhiệt huyết cách mạng, lòng trung thàn, dũng cảm  **3.Nhận xét nghệ thuật:**  -Câu thơ như một câu văn xuôi, chẳng có gì là thơ cả. Hình ảnh thơ lại càng lạ và có sức hấp dẫn đặc biệt vì nó chân thực, độc đáo.  - Không tô vẽ, không cường điệu mà tả thực nhưng chính cái thực đã làm người đọc suy nghĩ, hình dung mức độ ác liệt của chiến tranh, bom đạn giặc Mĩ.  - Đảo ngữ “ung dung” với điệp từ “nhìn” -> cái tư thế ung dung, thong thả, khoan thai, bình tĩnh, tự tin của người làm chủ,  - Nhịp thơ 2/2/2 với những dấu phẩy ngắt khiến âm điệu câu thơ trở nên chậm rãi, như diễn tả thái độ thản nhiên đàng hoàng.  -Nhân hoá, so sánh và điệp ngữ**.**  **III. Kết bài**  - Khẳng định lại những nét tiêu biểu, đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn, sử dụng nhiều biện pháp tu từ quen thuộc…  - Bài thơ đã khắc họa chân thực nhất vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn với tư thế ung dung hiên ngang, tinh thần lạc quan dũng cảm bất chấp khó khăn gian khổ và ý chí giải phóng miền Nam. Vẻ đẹp của các anh cũng là tiêu biểu cho thế hệ thanh niên những năm đánh Mĩ |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, cách triển khai một đoạn văn, bài văn.

- Giao bài tập về nhà: hoàn thành các bài tập trên lớp.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 12: Chủ đề: Văn tự sự (tiếp)**

* *Nghị luận trong văn bản tự sự*
* *Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận*

*Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự*

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

Hs nắm vững các kiến thức về văn tự sự, bố cục của một bài văn tự sự, nắm được phương pháp làm một bài văn tự sự hoàn chỉnh; thấy được vai trò quan trọng của các yếu tố biểu cảm , miêu tả, miêu tả nội tâm và nghị luận trong văn tự sự.

**2. Kỹ năng:**

Rèn kĩ năng viết văn tự sự, diễn đạt trong sáng, biết tạo tình huống truyện hấp dẫn.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

Giáo dục sự ham mê sáng tạo và tìm tòi học hỏi khi viết văn.

**4. Hình thành năng lực:**

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực tư duy

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sử dụng tiếng Việt

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

**1. Ổn định tổ chức**

**2.Kiểm tra bài cũ**: Kết hợp trong giờ

**3. Nội dung ôn tập:**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| *Phần này giáo viên đặt câu hỏi để Hs trả lời và sau đó GV giảng giải , mục đích nhắc nhớ học sinh kiến thức cơ bản về văn tự sự. Học sinh chỉ cần ghi vắn tắt các kiến thức để lưu ý khi làm bài* .  ? Thế nào là văn bản tự sự?  ? Mục đích của việc viết văn bản tự sự là gì?  ? Nêu bố cục của một văn bản tự sự và vai trò của từng phần?  ? Kể tên các yếu tố cơ bản của một văn bản tự sự?  ? Nêu các ngôi kể trong văn tự sự và tác dụng của việc sử dụng từng ngôi kể?    ? Thế nào là lời kể, lời thoại trong văn tự sự?  ? Lời thoại gồm có các dạng nào? Nêu tác dụng?  GV cho VD và yêu cầu HS xác định lời đối thoại và lời độc thoại?  ? Có mấy thứ tự kể trong văn tự sự?  Kể tên?  ?Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự?  Với mỗi dạng miêu tả, GV đọc cho HS nghe các VD trong sách ngữ văn 9.  ? Vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn tự sự?  GV lấy ví dụ với mỗi dạng để minh hoạ.  ?Vai trò của yếu tố nghi luận trong văn tự sự?  ***? Nhắc lại về đối thoại và độc thoại và đọc thoại nội tâm?***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối thoại** | **Độc thoại** | **Độc thoại nội tâm** | | - Là cuộc trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người. | - Nói với chính mình hoặc với ai đó trong tưởng tượng, thành lời. | - Nói với chính mình hoặc với ai đó trong tt, k thành lời. | | - Có gạch đầu dòng giữa lời trao và lời đáp. | -Có gạch đầu dòng. | -Không có gạch đầu dòng. | | **I. Ôn tập lý thuyết về văn bản tự sự**  **1.Khái niệm văn tự sự:**  - Tự sự (kể chuyện) là trình bày một chuỗi diễn biến các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.  Ví dụ : Truyện Làng của Kim Lân :  Có 7 sự việc chính, sự vịêc này nối tiếp sự việc kia:   - Ông Hai là người một người nông dân yêu tha thiết yêu làng Chợ Dầu của mình.  - Do yêu cầu của ủy ban kháng chiến, ông Hai phải cùng gia đình tản cư. Xa làng ông nhớ làng da diết.  - Trong những ngày xa quê, ông luôn nhớ đến làng chợ Dầu và muốn trở về.  - Một hôm, ông nghe tin làng chợ Dầu của ông làm Việt gian theo Tây. Ông Hai vừa căm uất vừa tủi hổ, chỉ biết tâm sự cùng đứa con thơ.  Khi cùng đường, ông Hai nhất định không quay về làng vì theo ông “ làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù.”  - Sau đó, ông nghe được tin cải chính về làng mình rằng làng chợ Dầu vẫn kiên cường đánh Pháp. Ông hồ hởi khoe với mọi người tin này dù nhà ông bị Tây đốt cháy.  ***2.Mục đích:***  Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.  **VD:**Truyện ngắn làng: Qua diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng của mình theo giặc, nhà văn Kim Lân ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp. Họ là những người có tình yêu làng quê, yêu quê hương đất nước sâu sắc.  ***3. Bố cục của một văn bản tự sự:***  Gồm 3 phần:  **- MB :**Có thể giới thiệu nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện. Cũng có lúc người ta bắt đầu từ một sự cố nào đó, hoặc kết thúc câu chuyện, số phận nhân vật rồi ngược lên kể lại từ đầu.  **- TB:** Kể các tình tiết, sự việc làm nên câu chuyện. Nếu tác phẩm có nhiều nhân vật thì tình tiết lồng vào nhau, đan xen theo diễn biến của câu chuyện.  **- KB:** Kết thúc câu chuyện . Qua đó thể hiện suy nghĩ của người viết đối với việc được kể.  ***4. Các yếu tố cơ bản của bài văn tự sự:***  - Cốt truyện,các tình huống truyện.  - Nhân vật.  - Các tình tiết của truyện.  ***5. Ngôi kể, lời kể và lời thoại trong văn tự sự:***  - Gồm ngôithứ nhất và ngôi thứ ba:  + Kể theo ngôi thứ nhất  + Kể theo ngôi thứ ba.  (Vd: Truyện ngắn Lão Hạc , Chiếc lược ngà, Làng....)  - Lời kể, cách kể, ngôn ngữ kể cần phải phù hợp với nội dung của truyện, góp phần khắc họa nhân vật.  - Lời thoại:  + Đối thoại.  + Độc thoại.  -> Đối thoại và độc thoại nhằm thể hịên tâm tư, tình cảm,tính cách của nhân vật, thái độ,tình cảm của tác giả....  -> Đối thoại góp phần làm cho lời kể, cách kể thêm sống động, diễn biến câu chuyện được tô đậm và cụ thể.  -> Độc thoại biểu lộ nội tâm nhân vật, làm ý nghĩa của câu chuyện thêm phần sinh động, sâu sắc.  \* Lúc làm văn kể chuyện cần biết dùng dấu gạch ngang hoặc dùng dấu hai chấm, ngoặc kép để dẫn trực tiếp lời thoại của nhân vật.  **Ví dụ:**  Chị Dậu thất vọng :  – Thế thì con chỉ được hai đồng đem về…  Ông Nghị lại cáu :  – Chứ bao nhiêu nữa? Hai chục nữa nhé! Thôi, cho thế cũng đắt lắm rồi. Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng!  'Về thì đâm đầu vào đâu? Ðể chồng bị trói đến bao giờ nữa?… Thôi, trời đã bắt tội, cũng đành nhắm mắt liều… ' Bên tai chị Dậu, văng vẳng có tiếng như vậy. Nước mắt ứa ra, chị lại đứng dậy với bộ mặt não nùng:  – Vâng con xin bán hầu hai cụ. Nhờ các cụ cho bảo ông giáo làm giấy giúp con!…  ( Trích Tắt đèn – Ngô Tất Tố)  ***6. Thứ tự kể trong văn tự sự:***  - Kể theo trình tự thời gian, không gian  - Kể theo mạch cảm xúc của nhân vật.  ***7. Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự:***  **a. Miêu tả trong văn tự sự:**  - Miêu tả thường hiện diện trong nhiều loại văn và tự sự cũng vậy. Nhờ miêu tả mà ta có thể tái hiện cảnh vật và con người một cách cụ thể trong không gian và thời gian.  - Miêu tả không chỉ làm nổi nật ngoại hình mà còn khắc hoạ nội tâm nhân vật, làm cho câu chuyện trở nên dậm đà, hấp dẫn, lí thú.  + Miêu tả cảnh vật-không gian và thời gian nghệ thuật.  + Miêu tả nhân vật và ngoại hình nhân vật trong truyện.  + Miêu tả hành động nhân vật- sự vịêc + Miêu tả tâm trạng nhân vật.  **b. Biểu cảm trong văn tự sự:**  - Những yếu tố biểu cảm (vui, buồn, giận hờn, lo âu.mong ước, hi vọng, nhớ thương) luôn luôn hoà quyện vào cảnh vật, sự việc đang diễn ra, đang được nói đến.  - Các yếu tố biểu cảm trong văn tự sự thường được biểu hiện qua ba dạng thức sau đây:  + Tự thân cảnh vật , sự việc diễn biến mà cảm xúc tràn ra, thấm vào lới văn, trang văn do người đọc cảm nhận được.  + Cảm xúc được bày tỏ, được biểu hiện qua các nhân vật, nhất là qua ngôi kể thứ nhất.  + Cảm xúc được tác giả bày tỏ trực tiếp. Đó là đoạn trữ tình ngoại đề mà ta thường bắt gặp trong một số truyện.  **c. Nghị luận trong văn bản tự sự:**  - Trong văn bản tự sự, để người đọc (người nghe) phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết (người kể) và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ và dẫn chứng. Nội dung đó thường được diễn đạt bằng hình thức lập luận, làm cho câu chuyện thêm phần triết lí.  **8.Vai trò của yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự:**  - Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm là những hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự.  - Đối thoại và độc thoại nhằm thể hịên tâm tư, tình cảm, tính cách của nhân vật, thái độ, tình cảm của tác giả…  + Đối thoại góp phần làm cho lời kể, cách kể thêm sống động, diễn biến câu chuyện được tô đậm và cụ thể.  + Độc thoại và độc thoại nội tâm là hình thức quan trọng để biểu lộ nội tâm nhân vật. |

***B. Luyện tập :***

**Bài tập 1:**  Em hãy thử đặt một số đề văn tự sự ?

***Gợi ý:***

**Đề 1** : Kể về một lần em trót xem nhật kí của bạn.

**Đề 2** : Nhân ngày 20-11, kể cho các bạn nghe về một kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy, cô giáo cũ.

**Đề 3:** Kể về một cuộc gặp gỡ với các anh bộ đội nhân Ngày thành lập Quân đọi nhân dân Việt Nam (22 – 12). Trong buổi gặp đó, em được thay mặt các bạn phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

**Bài tập 2: Em hãy lập dàn ý cho đề văn số 1**

**1. Mở bài:**

- Cuộc đời ta ai cũng đã từng mắc sai lầm, nhưng điều để lại cho chúng ta lại là những kinh nghiệm quý giá.

- Với tôi, bài học đắt giá nhất mà tôi luôn nhớ mãi là lần trót xem nhật kí của Lan

**2. Thân bài:**

- Giới thiệu về Lan: là một cô gái vui vẻ, hay cười, hài hước, chân thật...

- Nêu hoàn cảnh diễn ra câu chuyện: nắng oi ả, ve kêu râm ran, các bạn học sinh chơi ngoài sân...

- Vô tình tôi bắt gặp quyển nhật kí của Lan, dù biết đó là xấu nhưng vì tò mò lấy ra đọc. ( phần này có thể đưa vào yếu tố độc thoại nội tâm thể hiện tâm trạng giằng co, đấu tranh nội tâm của tôi khi làm một việc không chính đáng. VD: *Tôi cũng biết đọc trộm nhật kí là xấu, tay đang định gấp lại, cất vào ngăn bàn nhưng tôi rất tò mò dạo nay Lan có vẻ hơi buồn, thỉnh thoảng lơ đãng trong giờ học như đang có chuyện gì, mình phải đọc để biết còn giúp đỡ, an ủi nó nữa chứ và còn không biết nó có nói gì mình trong này không nhỉ. Thế là tôi đánh liều mở ra xem.*)

- Tôi đọc được những dòng nhật kí của Lan và biết gia đình bạn ấy khó khăn, Lan phải gành gồng nhiều áp lực trên vai...

- Trống vào học, tôi vội cất quyển sổ lại chỗ cũ và mọi chuyện Lan đều không hề hay biết.

- Mấy ngày sau, tôi cảm thấy hổ thẹn, tôi lấy hết can đảm để hẹn gặp Lan và xin lỗi Lan về hành động của mình ( đoạn này sử dụng yếu tố đối thoại để câu chuyện được sinh động)

- Lan mỉm cười và tha thứ cho tôi

**3. Kết bài:**

- Đó là một kỉ niệm đáng nhớ trong quãng đời cấp 2 của tôi

- Rút ra bài học cho mình. ( có thể đưa vào yếu tố nghị luận để câu chuyện thêm phần sâu sắc. VD: *Và cũng từ lần đó tôi đã rút ra được bài học cho bản thân mình. Có những chuyện không nên biết sẽ tốt hơn, tò mò quá cũng không phải là điều tốt. Những gì là riêng tư của người khác, họ không muốn tâm sự với mình thì chắc chắn*

*đó là điều mà họ muốn giữ ở trong lòng.)*

***Tiết 2:***

***Bài tập 3:***

**Phần I:** Đọc - hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:  
*"... Họa sĩ nhấp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp, không giấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn: - Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian? Rằng anh "thèm" người lắm? Anh thanh niên bật cười khanh khách:*  
*- Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ. Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:*  
*- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất...."*  
(*Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long - Ngữ văn 9, tập 1 - NXB Giáo dục, 2015)  
1. Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói: *"Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây*". Em hãy cho biết ba nhân vật ấy là những ai? Họ gặp nhau trong hoàn cảnh nào?  
2. Tác phẩm “*Lặng lẽ Sa Pa”* sử dụng ngôi kể nào? Nêu tác dụng của ngôi kể đó.  
3. *Rằng anh "thèm" người lắm? .* Em hãy cho biết tại sao chữ “ thèm” trong câu văn trên tác giả lại để trong dấu ngoặc kép?

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) làm rõ những phẩm chất nổi bật của anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”.

**Phần II** Tạo lập văn bản

***Tưởng tượng mình được gặp gỡ, trò chuyện với anh thanh trong truyện ngắn Lặng lẽ Sapa ( Nguyễn Thành long). Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.***

***Em hãy lập dàn ý cho đề văn.***

- GV ra yêu cầu cho cả lớp ( chuẩn bị trong 15 phút)

- Gv gọi một HS lên trình bày

- HS khác bổ sung

- Gv nhận xét và đưa ra đáp án, dàn ý mẫu cho Hs tham khảo.

***Gợi ý làm bài:***

Phần I: Đọc - hiểu  
1. Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói: *"Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây*". Ba nhân vật ấy là ông họa sĩ, cô kỹ sư và anh thanh niên? Họ gặp nhau trong hoàn cảnh : Trong chuyến đi lên Sapa, ông họa sĩ và cô kỹ sư đã được bác lái xe giới thiệu gặp gỡ anh thanh niên tại nơi làm việc của anh là đỉnh Yên Sơn cao 2600m.   
2. Tác phẩm “*Lặng lẽ Sa Pa”* sử dụng ngôi kể thứ ba? Nêu tác dụng của ngôi kể .

- Ngôi kể: Truyện được kể theo ngôi thứ ba theo điểm nhìn của ông hoạ sĩ.

- Tác dụng: câu chuyện trở nên khách quan, các nhân vật được hiện lên sinh động từ ngoại hình, lời nói đến suy nghĩ; đặt điểm nhìn vào ông hoạ sĩ còn tạo điều kiện nổi bật chất trữ tình, đặc biệt làm nổi bật anh thanh niên thông qua quan sát và suy nghĩ của ông - một người làm nghệ thuật và nhiều từng trải.  
3. *Rằng anh "thèm" người lắm? .* Em hãy cho biết tại sao chữ “ thèm” trong câu văn trên tác giả lại để trong dấu ngoặc kép?

- Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp ( cách nói của bác lái xe về anh thanh niên).

4. Đoạn văn viết bám vào cốt truyện, khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật, có dẫn chứng, lí lẽ, nhận xét để làm rõ những phẩm chất nổi bật của anh thanh niên trong đoạn trích:

+ Yêu công việc, gắn bó với công việc, có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao

+ Có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc

+ Tổ chức, sắp xếp công việc một cách khoa học, thường xuyên đọc sách để mở mang kiến thức và làm phong phú đời sống tinh thần.

+ Cởi mở, chân thành, sống giàu tình cảm, khiêm tốn và thành thực

**Phần II** Tạo lập văn bản

***Tưởng tượng mình được gặp gỡ, trò chuyện với anh thanh trong truyện ngắn Lặng lẽ Sapa ( Nguyễn Thành long). Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.***

***Em hãy lập dàn ý cho đề văn.***

**+ Mở bài:**  Nghĩ ra một hoàn cảnh gặp anh thanh niên (một chuyến tham quan với lớp ở SaPa và tình cờ gặp người thanh niên làm trên trạm khí tượng, hoặc được đọc truyên ngắn Lặng lẽ Sapa của Nguyễn Thành Long, em rất yêu quý, ngưỡng mộ anh thanh niên, trong tương lai em muốn làm công việc như anh thanh niên nên dịp nghỉ hè, nghỉ lễ năm nay đã làm 1 chuyến đi để được gặp anh thanh niên,...)

*VD:*

*Du khách đến với Sapa - mảnh đất trong sương không chỉ ấn tượng bởi những cảnh đẹp của thiên nhiên, những dinh thự cao tầng mà con ấn tượng bởi sự chân thành, nồng hậu của người dân nơi đây. Là một du khách nhỏ tuổi từ.....cùng gia đình lên thăm Sapa em rất ấn tượng, yêu mến vẻ đẹp tâm hồn của con người Sapa. Đặc biệt tình cảm ấy được khởi nguồn từ cuộc gặp gỡ, trò chuyện với aanh thanh niên sống trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m.*

- **Thân bài**:: (tùy vào tình huống giả định mà em đặt ra để sắp xếp ý)

+ Mô tả người thanh niên (gầy, mặc áo khoác ấm, môi nở nụ cười thân thiện...)

+ Có thể gắp anh ở nhà anh hoặc ở trạm thì em có thể tả sơ qua về nơi đó.

+ Tạo mạch nối tiếp cho câu chuyện bằng cách anh thanh niên mời em 1 tách trà ấm ấm giữa cái rét của Sa Pa ( hoặc một cốc nước chè xanh ngọt mát giữa cái nắng mùa hè vàng óng của Sapa và em bắt đầu hỏi thăm về công việc của anh (dựa vào văn bản kể lại theo cách của em). Trong quá trình kể em có thể thêm thắt một số câu nói hội thoại giữa em và anh thanh niên nhưng không nên quá nhiều sẽ làm bài văn rời rạc, lạc đề

*VD:*

*Tôi gạn hỏi và đúng rồi, bác chính là anh thanh niên. Bác rất vui vẻ khi trả lời:*

*- Đúng đấy, bác chính là hình ảnh anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa mà Nguyễn Thành Long đã viết đấy.*

*Thật không ngờ tôi lại được gặp bác – người thanh niên luôn âm thầm, lặng lẽ cống hiến cho đất nước, cho dân tộc. Bác dẫn tôi đến nơi ở của bác. Trước mặt tôi là một căn nhà nhỏ ba gian, bên ngoài quét sơn xanh, có một chiếc bàn nhỏ và mấy chiếc ghế xinh xắn. Căn nhà nằm gọn trên một khu đất thoải trên đỉnh đồi bao trùm cả một màu xanh của lá rụng, xen dưới những tia nắng lấp lánh yếu ớt, mây mù trắng xóa chỉ cách ba mét là mọi vật nhòa đi trong sương. Tôi vội bước nhanh đến trước căn nhà ngắm kỹ và thấy nó đẹp quá, đẹp đến bình dị và thơ mộng. Đằng sau căn nhà là một vườn hoa đầy hương sắc. Bác mỉm cười rồi nhẹ nhàng ra ngắt mấy bông hoa thược dược, hoa dơn bác trao cho tôi, tôi vội đến đỡ lấy, cảm ơn bác mà trong lòng biết bao vui sướng. Bác mời tôi vào nhà. Căn nhà đẹp quá, sạch sẽ, đơn sơ, gọn gàng.*

*- Bác chỉ ở một mình thôi ạ?*

*- Ừ! Gia đình bác ở dưới thị xã còn bác ở trên đây một mình công tác. Bác vừa nói vừa pha trà, ấm trà nóng thoang thoảng mùi thơm của hoa nhài. Bác rót vào một cái tách nhỏ rồi đem đến cho tôi.*

*- Cháu xin ạ! Bác cứ mặc cháu.*

*- Thế cháu lên đây chơi hay là ở hẳn?*

*- Dạ cháu đi du lịch cùng gia đình thôi ạ!*

*- Lên Sa Pa cũng thú vị lắm cháu ạ. Nhưng cũng có cái buồn tẻ, lạnh lẽo, có khi nó làm cho con người ta cô đơn. Tôi lặng đi một lúc, trầm ngâm suy nghĩ: Chắc hẳn bác là một người rất yêu nghề và gắn bó với mảnh đất này.*

+ Em có thể hỏi "Chắc cuộc sống ở đây khó khăn lắm?" và kể lại câu trả lời của anh thanh niên. Có thể hỏi thêm là anh có buồn ko khi phải hi sinh hạnh phúc cá nhân  
+ Cứ dựa vào nội dung văn bản đã học để nói về cuộc sống và công việc của anh thanh niên, thỉnh thoảng cần xen vào miểu tả nét mặt vui tươi, cười rạng rỡ khi anh nói đến công việc của mình (điều này cũng cho thấy dù điều kiện làm việc khó khăn nhưng anh rất yêu cv này nên rất lạc quan) hay đôi khi trầm tư, suy nghĩ gì đó, nhìn xa xăm...  
+ Em cũng có thể hỏi là tại sao khi ông họa sĩ ngỏ ý muốn vẽ anh thì anh lại giới thiệu những người khác (vì anh cho đây là công việc của mình, vì yêu công việc, vì tuổi trẻ là cống hiến nên anh thấy nó chẳng có gì là lớn lao, cao cả và rằng còn có những người yêu cuộc sống, yêu công việc hơn anh)

VD: đoạn này có thể xem vào yếu tố nghị luận để bài văn thêm sâu sắc.

*Lâu nay tôi vẫn nghĩ một công việc mình đã phải bỏ ra nhiều công sức để hoàn thành thì xứng đáng để mọi người ca tụng, có như vậy mới thêm nhiều động lực để phấn đấu. Nhưng qua lời tâm sự của bác tôi chợt nhận ra: vẻ đẹp của con người không phải chỉ ở vẻ bề ngoài hào nhoáng, ở sự ồn ào mà vẻ đẹp thực sự, lâu bền nó thường tiềm ẩn bên trong. Vì càng khám phá người ta càng ngỡ ngàng, ngưỡng mộ. Đó chính là cảm xúc của tôi khi được chứng kiến cuộc sống và công việc của bác.*

+ Để kết thúc em có thể gợi ý là ko muốn làm phiền anh nhiều hay trời chiều em phải xuống núi cho kịp hay nhìn đồng hồ thấy đã sắp đến giờ ốp của anh nên em chủ động chia tay.

- Kết bài: khâm phục anh thanh niên cả trong cuộc sống và công việc với điều kiện khó khăn, rút ra bài học cho bản thân (yêu lấy cv mà mình đã chọn, khi còn trẻ, còn sức thì hãy cống hiến hết mình cho xã hội...)

**VD**:

*Cuộc gặp gỡ ấy sẽ mãi trong lòng em. Được trực tiếp trò chuyện và chứng kiến cuộc sống của con người ấy khiến em vui mừng và xúc động vô cùng. Anh thật giống với nhũng điều mà nhà văn Nguyễn Thành Long đã khắc họa . Anh xứng đáng là tấm gương sáng cho em và các bạn noi theo, giúp em càng thấu hiểu hơn lẽ sống cao đẹp rằng tuổi trẻ cần phải biết cống hiến, hi sinh để làm giàu đẹp cho đất nước.*

**Tiết 3:**

**Bài tập 4**  : ***Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó ( trong khi kể có kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm, nghị luận để bài văn thêm sinh động và sâu sắc).***

a, Lập dàn ý cho đề văn

b, Viết mở bài và kết bài cho đề văn

- GV ra yêu cầu cho cả lớp ( chuẩn bị trong 15 phút)

- Gv gọi một HS lên trình bày

- HS khác bổ sung

- Gv nhận xét và đưa ra dàn ý mẫu cho Hs tham khảo.

Gợi ý làm bài:

a, Lập dàn ý cho đề văn:

**1. Mở bài:** Tình huống để các nhân vật gặp gỡ :

- Hoặc đến thăm gia đình thương binh, thăm bảo tàng quân đội, thăm nghĩa trang liệt sĩ nhân ngày 22/7, ngày 22/12… gặp được người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn năm xưa.

- Hoặc tưởng tượng đến Trường Sơn trong chiến tranh chống đế quốc Mĩ và gặp các chiến sĩ lái xe.

(Lưu ý : tình huống cần tự nhiên, có tác dụng làm rõ tính cách nhân vật người lái xe.)

VD:

*Nhân dịp kỉ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân 22 tháng 12, để chúng tôi hiểu thêm về lịch sử chiến đấu của dân tộc, nhà trường đã mời đoàn cựu chiến binh về thăm và trò chuyện. Trong đoàn đại biểu đó, tôi bắt gặp một người lính trên ngực gắn nhiều huân chương và trong buổi lễ chú đã giới thiệu mình là người lính lái xe trong* ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính*** *của* ***Phạm Tiến Duật****. Khi được học bài thơ này, tôi đã vô cùng xúc động, yêu mến và khâm phục chú. Cuối buổi giao lưu, tôi đã tìm gặp chú để hiểu hơn về những anh bộ đội cụ Hồ thời chống Mỹ.*

**2. Thân bài:** Kể lại tình huống được gặp gỡ, trò chuyện với người lính lái xe

- Miêu tả người lính đó ( ngoại hình, tuổi tác,…)

VD: Đưa yếu tố miêu tả vào văn tự sự giúp bài văn thêm sinh động.

*Anh lính lái xe trẻ trung năm nào nay đã hoa râm điểm bạc. Trên người bác vẫn mặc chiếc áo bộ đội xanh cùng với những chiếc huy chương đeo bên ngực áo, đó là chứng tích cho những chiến công bác đã dành được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt.*

- Kể lại diễn biến cuộc gặp gỡ và trò chuyện:

+ Hỏi người lính về những năm tháng chống Mỹ khi bác lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Người lính kể lại những gian khổ mà bác và đồng đội phải chịu đựng: sự khốc liệt của chiến tranh, bom đạn của kẻ thù làm xe bị vỡ kính, mất đèn, không mui.

+ Người lính kể về tinh thần dũng cảm, về tư thế hiên ngang, niềm lạc quan sôi nổi của tuổi trẻ trước bom đạn kẻ thù, trước khó khăn, gian khổ

VD: Đưa yếu tố đối thoại vào để mạch kể chuyện được tự nhiên, lôi cuốn:

*Bác dẫn tôi tới gần quan sát chiếc xe, lần đầu tiên tôi được chiêm ngưỡng 1 chiếc xe quân sự, 1 chiếc xe “trần trụi” không kính, không đèn, không mui, thùng xe còn bị xước:  
- Bác ơi! Thời đó các bác đã đi xe mui trần rồi ạ?  
Tôi ngơ ngác hỏi. Bác quay sang cười lớn với tôi rồi trả lời:  
- Không phải vậy đâu cháu đây không phải xe mui trần đâu…  
Tôi “ồ” lên 1 tiếng rồi hỏi:  
-Thế sao chúng lại không có kính ạ???  
Bác vỡ vai tôi trầm giọng nói:  
- Chiến tranh ác liệt lắm cháu ạ! Những chiếc kính không còn bởi bị bom đạn tàn phá. Đó là những trận mưa bom bão đạn những năm 60-70. Đây là giai đoạn khốc liệt nhất của kháng chiến chống Mĩ. Những năm tháng đó giặc Mĩ điên cuồng ném bom, giải thảm xuống các cánh rừng, tuyến đường mòn Hồ Chí Minh gây ra những chấn động làm chiếc xe bị vỡ kính, có xe trúng mảnh đạn bị méo cả thùng, thậm trí có khi trung bom chiến sĩ của ta đã phải hi sinh.*

*Nói đến đây giọng trùng xuống vì xúc động. Tôi hỏi bác:*

*- Phải ngồi sau trong buồng lái không kính chắc bác đã phải chịu bao khó khăn, gian nan bởi cháu biết thiên nhiên, thời tiết ở Trường Sơn vô cùng khắc nghiệt.  
- Cháu biết không hóa ra xe không kính cũng có cái hay. Các bác ung dung ngồi trong buồng lái, thoải mái phóng tầm mắt ra xung quanh mà nhìn đất, ngắm trời. Lúc đó bác còn có cảm giác rằng cái vẻ đẹp hoang sơ, hùng vĩ của núi rừng Trường Sơn ùa vào trong buồng lái. Cũng vì không có kính nên ngọn gió cứ đùa vui trong cabin, xoa vào làm dịu đi cái cảm giác cay mắt sau bao đêm thức trắng. Cháu biết không từ trong buông lái ta phóng tầm mắt ra bên ngoài thấy còn đường thẳng trước mắt như chạy thẳng vào tim, vào tâm can ruột thịt. Màn đêm buông xuống tuy đèn pha đã hỏng nhưng những vì sao trên trời vẫn rọi sáng, soi đường dẫn lối cho các bác*…...

**3. Kết bài** : Kết thúc cuộc nói chuyện :

- Chia tay người lính lái xe.

- Ấn tượng của nhân vật “tôi”.

- Suy nghĩ về người lính lái xe, về thế hệ cha anh.

VD:

*Được nghe chú kể cuộc sống chiến đấu vất vả, gian khổ nhưng vô cùng hào hùng, oanh liệt ấy tôi thấy càng cảm phục, yêu mến hơn những người anh hùng của dân tộc. Các chú đã hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình, chiến đấu dũng cảm, kiên cường để giành độc lập, tự do cho dân tộc. Nghĩ về gian lao mà các chú đã trải qua, thậm trí có biết bao đồng đội, đồng chí của chú đã phải ngã xuống, tôi thầm mơ ước trên thế giới không còn chiến tranh để cuộc sống mãi thanh bình. Bên tai tôi bất chợt vang lên giai điệu của bài hát hào hùng:*

*Đoàn giải phóng quân một lần ra đi  
 Là có xá chi đâu ngày trở về  
 Ra đi ra đi bảo tồn sông núi  
 Ra đi ra đi thà chết chớ lui....*

b, Viết mở bài và kết bài mẫu: ( Tham khảo mở bài và kết bài mẫu ở câu a ) .

**III. Củng cố - Dặn dò:**

1. Củng cố:

- GV hướng dẫn HS hệ thống lại kiến thức cơ bản của bài học ( theo hệ thống các câu hỏi củng cố sau).

?Thế nào là văn bản tự sự?

?Nêu bố cục của một văn bản tự sự và vai trò của từng phần?

?Kể tên các yếu tố cơ bản của một văn bản tự sự?

?Nêu các ngôi kể trong văn tự sự và tác dụng của việc sử dụng từng ngôi kể?

?Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự?

?Vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn tự sự?

?Vai trò của yếu tố nghi luận trong văn tự sự?

2. Dặn dò:

- Nắm vững kiến thức bài học.

- Tiếp tục hoàn thiện các bài tập.

- Viết thành bài văn hoàn chỉnh 3 đề văn đã nêu ở bài tập 1.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 13:**

**ÔN TẬP THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (TIẾP THEO)**

**VĂN BẢN : ÁNH TRĂNG**

(Nguyễn Duy)

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập, hệ thống lại những kiến thức cơ bản về tác giả, những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ.

- Hiểu và khắc sâu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng, từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao, tình nghĩa của Nguyễn Duy và biết rút ra bài học về cách sống cho mình.

**2. Kĩ năng**

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.

- Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong bố cục, giữa tính cụ thể và tính khái quát trong hình ảnh của bài thơ.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm nhận một văn bản trữ tình hiện đại  
 - Nhận diện, luyện tập các dạng câu hỏi đọc hiểu và làm văn có kiến thức liên quan đến bài học.

**3. Thái độ**

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương, xứ sở, lòng tự hào về người đồng mình.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực sáng tạo, giao tiếp, tư duy, tự học

- Năng lực cảm thụ văn học, thực hành, tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

**A. Hệ thống lại kiến thức đã học**

**1. Kiểm tra sự chuẩn bị bài và khả năng nắm bắt kiến thức của học sinh.**

- Sau khi học xong văn bản ở giờ học chính khóa, giáo viên giao bài tập về nhà cho học sinh theo nhóm/tổ.

**- Nội dung:** Hãy hệ thống hững kiến thức trọng tâm về tác giả Nguyễn Duy và nội dung bài thơ “Ánh trăng” bằng một sơ đồ tư duy hoặc bằng một đoạn clip mà các em tự tạo.

- HS có thể trình bày sơ đồ tư duy hoặc clip theo sự sáng tạo của riêng mình, miễn sao khắc sâu được những trọng tâm kiến thức cần nắm được.

- Các nhóm cử thành viên lên trình bày sản phẩm

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV chỉnh sửa và chốt lại sau khi lắng nghe ý kiến của học sinh.

**2. Từ phần chuẩn bị bài của HS, GV hệ thống chi tiết những nét chính về tác giả và tác phẩm.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Em hãy nhắc lại những điều cần nhớ về tác giả Nguyễn Duy.  HS trả lời  GV chốt kiến thức  ? Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  ?Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Mạch vận động cảm xúc của bài thơ? | **I. Những nét chính về tác giả - tác phẩm**  **1. Tác giả**  - Sinh năm1948  - Tên thật: Nguyễn Duy Nhuệ  - Quê: Thanh Hoá  - Là gương mặt tiêu biểu của lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước và tiếp tục bền bỉ sáng tác.  - Phong cách thơ ông rất độc đáo uyển chuyển mượt mà, hiện đại ở thi liệu, cấu tứ.  **2. Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước). - Thể thơ: Năm chữ - phù hợp với phương thức biểu đạt kết hợp hài hoà giữa biểu cảm (trữ tình) và tự sự.  - Mạch vận động cảm xúc: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ. |
| ?Hãy khái quát lại những thành công về nghệ thuật và giá trị nội dung của bài thơ.  ?Khi phân tích bài thơ này, theo em cần xác định được mấy nội dung chính.  - HS trả lời cá nhân  - GV chốt lại vấn đề  + Có rất nhiều cách để chúng ta phân tích nội dung bài thơ này. Song chúng ta có thể chia ra làm hai nội dung chính.  **-** Câu chuyện về mối quan hệ giữa nhân vật trữ tình và vầng trăng (Bốn khổ đầu)  - Suy ngẫm của nhà thơ (Hai khổ cuối)  ? Từ nội dung đã xác định, các em hay hãy hệ thống những nội dung cần năm được khi phân tích bài thơ này.  - HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm trong thời gian 15 - 20 phút tùy thuộc vào sự linh hoạt của giáo viên.  - HS trình bày quan điểm trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV kết luận lại vấn đề, khắc sâu những nội dung cần ghi nhớ. | **II. Trọng tâm kiến thức**  **1. Những nét chính về nghệ thuật và nội dung của bài thơ.**  *a. Nghệ thuật:*  - Là sự kết hợp hài hoà, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình. Sự việc trong tự sự dẫn mạch cho cảm xúc trữ tình, làm cho cảm xúc chân thành, tha thiết.  - Thể thơ 5 chữ phù hợp với chất tự sự được thể hiện bằng giọng điệu tâm tình, thấm thía. Cách trình bày các chữ đầu dòng thơ làm cho các sự việc diễn ra liền mạch về ý tưởng cũng như về hình ảnh thơ.  - Nhịp thơ khi trôi chảy, tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể; khi ngân nga thiết tha cảm xúc; lúc lại trầm lắng đầy ắp suy tư.  - Kết cấu, giọng điệu thơ làm nổi bật chủ đề của tác phẩm tạo nên tính chân thực, chân thành sức truyền cảm sâu sắc cho tác phẩm, gây ấn tượng mạnh với người đọc.  *b. Nội dung:*  - Bài thơ là lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu.  - Từ đó, gợi nhắc người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ. **2. Phân tích:**  **a. Câu chuyện về mối quan hệ giữa nhân vật trữ tình và vầng trăng (Bốn khổ đầu):**  ***\* Hai khổ thơ đầu, tác giả đã gợi lại những kỷ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ.***  - Bốn câu thơ gắn với giọng kể thủ thỉ, tâm tình “hồi nhỏ”, “chiến tranh” đã gợi lại một quãng thời gian dài từ thời niên thiếu đến lúc trưởng thành và nhất là trong những năm tháng gian lao của cuộc đời người lính.  - Cuộc sống vất vả gian lao nhưng gần gũi với thiên nhiên: “với đồng”, “với sông”, “với bể”, “ở rừng”.  - Trong dòng hồi tưởng, tác giả đã khái quát vẻ đẹp của cuộc sống bình dị, vô tư, hồn nhiên và khẳng định tình cảm gắn bó bền chặt của con người với vầng trăng là “tri kỷ”, “tình nghĩa”.  + Trăng là người ban chia sẻ mọi vui buồn, trăng đồng cam cộng khổ, xoa dịu những đau thương, của chiến tranh bằng thứ ánh sáng mát dịu…  + Trăng là người bạn đồng hành trên mỗi bước đường gian lao nên trăng hiện diện như là hình ảnh của quá khứ, là hiện thân của ký ức chan hoà tình nghĩa.  - Vầng trăng được nhân hoá để trở thành người bạn tri kỷ với nhân vật trữ tình của bài thơ. Với sự gắn bó tình nghĩa ấy nhân vật trữ tình đã từng tâm niệm “không bao giờ quên”. Giọng thơ hồi tưởng đều đặn nhưng từ “ngỡ” như báo hiệu trước sự xuất hiện của những biến chuyển trong câu chuyện của nhà thơ.  ***\* Khổ thơ thứ ba đưa người đọc trở về hiện tại với những đổi thay trong mối quan hệ của nhân vật trữ tình đối với vầng trăng.***  - “Ánh điện của gương” là cách nói hoán dụ tượng trưng cho cuộc sống đầy đủ, tiện nghi, khép kín trong những căn phòng hiện đại, xa rời thiên nhiên. Trước đây con người sống với sông, đồng, bể, rừng, thiên nhiên, còn giờ đây lại sống với những tiện nghi đầy đủ: ánh điện, cửa gương, phòng buyn-đinh.  - Vầng trăng vẫn “đi qua ngõ” nhưng con người hờ hững, thờ ơ, không còn nhận ra trăng đã từng là người tri kỷ, tình nghĩa một thời.  => Câu chuyện tâm tình được kể rất giản dị, mộc mạc, giọng thơ thì thầm như đang trò chuyện, giãi bày tâm sự, lời thơ trữ tình, sâu lắng, qua đó tác giả đã thể hiện những cảm xúc hết sức chân thành. Nhịp thơ chậm, những chữ đầu câu thơ không viết hoa diễn tả dòng suy nghĩ miên man của nhà thơ.  ***\* Khổ thơ thứ tư là một tình huống bất ngờ xảy ra làm chuyển mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:*** - Hoàn cảnh bài thơ được đẩy đến bước ngoặt mới khi “thình lình đèn điện tắt - phòng buyn-đinh tối om”.  => Đây là một tình huống rất quen thuộc, rất thực nhưng cũng tình huống ấy đã tạo nên bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề tác phẩm. - Hai từ "thình lình, đột ngột” được đảo trật tự, tạo nên nhịp thơ nhanh, nhấn mạnh sự việc bất thường: “đèn điện tắt, phòng tối om” > < "Vầng trăng tròn" toả sáng.  - Tình huống bất ngờ đã tạo nên sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối. Nơi thành phố hiện đại với ánh điện, cửa gương khiến người ta chẳng mấy khi cần và ít chú ý đến ánh trăng, chỉ đến khi tắt điện thì mới lại có dịp đối diện với "vầng trăng tròn".  - Vầng trăng "tròn vành vạnh" vẫn luôn đứng bên cửa sổ chờ đợi. Trăng xuất hiện đột ngột đã có sức rung động mạnh mẽ làm thức tỉnh những cảm xúc và đánh thức lương tâm con người.  - Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ toàn bài. Chính cái khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc của nhà thơ.  **b. Hình tượng vầng trăng và cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ (Hai khổ cuối)**.  ***\*. Khổ thơ thứ năm diễn tả sự xúc động mãnh liệt của nhà thơ.***  - Nhân vật trữ tình lặng lẽ đối diện với trăng trong tư thế lặng im có phần thành kính  - Từ “mặt” cuối câu thơ là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa dạng nghĩa của ý thơ.  + Nhà thơ đối diện với mặt trăng, người bạn tri kỷ mình đã lãng quên, vầng trăng đối diện với con người hay nói cách là quá khứ đối diện với hiện tại; thuỷ chung tình nghĩa đối diện với bạc bẽo, vô tình và lãng quên để tự thú về sự bội bạc của mình.  + Đối diện với trăng nhà thơ làm thức tỉnh tình cảm, lương tâm con người: như nhìn thấy cả mặt trong đó và tư vấn lương tâm, hổ thẹn, ân hận về sự thay đổi của mình.  - Cuộc sống đối thoại không lời trong khoảnh khắc ấy đã làm nhà thơ “rưng rưng” xúc động vì quá khứ vất vả gian lao nhưng tràn ngập niềm vui cùng với trăng, với thiên nhiên bấy lâu tưởng đã lãng quên bỗng ùa về trong nỗi nhớ. “rưng rưng” nhưng muốn khóc mà cứ nghẹn ngào…  - Cuộc sống hiện tại như ngừng lại để con người soi vào quá khứ, vào một thời họ đã lãng quên - soi vào chính mình. Có quá khứ xa và gần, đất nước và quê hương, thiên nhiên và cuộc sống, lao động và chiến đấu, tập thể và cá nhân. Trăng còn gợi lên hình ảnh của hiện tại, sự giàu đẹp, nỗi gian lao vất vả còn phải phấn đấu, niềm tin và hy vọng, sự hùng vĩ của thiên nhiên và sức mạnh của con người trong cuộc sống thông qua một loạt các điệp từ “như là” cùng nhịp thơ dồn dập, các hình ảnh liệt kê: “như là đồng là bể – như là sông là rừng”. Tất cả làm cho người đọc thực sự xúc động và hoà chung cảm xúc với trữ tình của bài thơ.  ***\* Khổ thơ cuối thể hiện những suy ngẫm sâu sắc và triết lý nhân sinh của nhà thơ qua hình tượng trăng.*** - “Trăng cứ tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thuỷ chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay “vô tình”.  - Ánh trăng còn được nhân hoá “im phăng phắc” không một lời trách cứ, gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thuỷ chung, tình nghĩa, nhắc nhở nhà thơ và mỗi chúng ta: con người có thể vô tình quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.  - Tình cảm của trăng, tấm lòng của trăng chính là tình cảm của những người đồng chí đồng đội, của đồng bào, của nhân dân.  - Sự im lặng ấy làm nhà thơ “giật mình” thức tỉnh, cái “giật mình” của lương tâm thật đáng trân trọng, nó thể hiện sự suy nghĩ, trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn. Giật mình để không chìm vào lãng quên. Giật mình để không đánh mất quá khứ. Con người giật mình trước ánh trăng lặng lẽ là sự thức tỉnh của nhân cách trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp.  - Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lý ân nghĩa thuỷ chung. về thái độ sống với quá khứ, về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. |

**Tiết 2:**

**B. Luyện tập**

**Dạng câu hỏi đọc – hiểu (3.0 điểm)**

**- Hình thức: Học sinh hoạt động cá nhân và hoạt động theo nhóm.**

**Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Hồi nhỏ sống với đồng*

*với sông rồi với bể*

*hồi chiến tranh ở rừng*

*vầng trăng thành tri kỉ.*

*Trần trụi với thiên nhiên*

*hồn nhiên như cây cỏ*

*ngỡ không bao giờ quên*

*cái vầng trăng tình nghĩa*

(*Ngữ Văn 9*, tập 1, tr.155, NXB Giáo dục)

**Câu 1.** Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào? Của ai? Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ấy.

**Câu 2.** Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ:

*“ngỡ không bao giờ quên*

*cái vầng trăng tình nghĩa”*

**Câu 4.** Qua đoạn trích trên em rút ra được bài học gì cho bản thân?

*GV cho HS làm việc cá nhân*

*HS trình bày bài làm trên bảng*

*GV cho hs nhận xét và chốt kiến thức*

**Đáp án:**

**Câu 1.** Trích trong tác phẩm “Ánh trăng” của nhà thơ Nguyễn Duy

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước).  
**Câu 2.** Nội dung chính của đoạn trích trên: Hình ảnh vầng trăng trong quá khứ là người bạn thân thiết trong thế giới tuổi thơ và là người bạn tri kỉ trong cuộc đời người lính.

**Câu 3.** Nhân hóa, ẩn dụ: "vầng trăng tình nghĩa"

- Giúp vầng trăng như một con người sống có tình, có nghĩa là người bạn đã có cùng những kỉ niệm đẹp không thể nào quên.

- Ẩn dụ ở đây cho những con người đã sống với sau đầy tình nghĩa: Vầng trăng đã gắn bó thân thiết với con người từ lúc nhỏ đến lúc trưởng thành,cả trong hạnh phúc và gian lao.

**Câu 4:** HS tự rút ra được bài học gì cho bản thân:

- Sống gần gũi, chan hòa với thiên nhiên

- Không quên nghĩa tình trong quá khứ.

- Sống phải thủy chung, tình nghĩa.

**Bài tập 2:** Cho câu thơ sau:

Trăng cứ tròn vành vạnh

Câu 1: Hãy chép ba câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ.

Câu 2: khổ thơ vừa hoàn thiện nằm trong tác phẩm nào? Của ai?

Câu 3: Chỉ ra những từ láy có trong khổ thơ.

Câu 4: Suy nghĩ của em về hình ảnh vầng trăng được gợi ra từ khổ thơ.

*GV cho HS làm việc cá nhân*

*HS trình bày bài làm trên bảng*

*GV cho hs nhận xét và chốt kiến thức*

**Đáp án:**

Câu 1. Học sinh đúng ba câu thơ tiếp theo:

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình.

Câu 2. Khổ thơ nằm trong tác phẩm “Ánh trăng”

Tác giả: Nguyễn Duy

Câu 3. Học sinh tìm đúng 2 từ láy: vành vạnh, phăng phắc

Câu 4. HS nêu được những ý sau:

- Vầng trăng là biểu tượng của thiên nhiên tươi đẹp, bịnh dị, vĩnh hằng; là người bạn của nhân vật trữ tình trong những năm tháng tuổi thơ và trong cuộc đời người lính.

- Tượng trưng cho quá khứ nguyên vẹn thủy chung, bao dung độ lượng; cũng là nhân chứng đầy tình nghĩa, nghiêm khắc nhắc nhở con người về thái độ sống với quá khứ về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

**Bài tập 3:** Cho câu thơ*: “Từ hồi về thành phố”*

1. Hãy chép tiếp những câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ? Nêu nội dung chính hai khổ thơ đó?

2. Cả bài thơ chỉ có duy nhất một dấu chấm cuối bài. Điều đó có tác dụng gì?

3 Chỉ ra và nêu tác dụng của các phép tu từ được sử dụng ở khổ thơ 3?

4. Ghi lại các từ láy và nêu tác dụng của chúng trong hai khổ thơ em vừa chép?

5. Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ trong câu thơ “vội bật tung cửa sổ”. Câu thơ cho thấy điều gì về nhân vật trữ tình?

**Đáp án:**

1. Chép chính xác hai khổ thơ 3,4 của bài thơ.

Nội dung chính: Hai đoạn thơ đã ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về vầng trăng trong hiện tại.

2. Cả bài thơ chỉ có duy nhất một dấu chấm cuối bài, làm cho cảm xúc thơ được liền mạch, đồng thời khiến bài thơ như một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian.

3.

- Hoán dụ “ ánh điện, của gương” tượng trưng cho cuộc sống đầy đủ tiện nghi nơi phố thị. Phép hoán dụ đã làm rõ sự thay đổi về hoàn cảnh sống của con người từ hồi về thành phố: khép kín, tách biệt và xa rời thiên nhiên. Đó là một trong những lí do dẫn đến sự thay đổi trong thái độ, tình cảm của con người với vầng trăng.

- Hình ảnh nhân hóa, so sánh: “vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường” diễn tả sự thay đổi trong tình cảm của con người: Vầng trăng thì vẫn còn đấy, thủy chung tình, nghĩa nhưng con người thì hững hờ, thờ ơ không nhận ra.

-> Các phép tu từ ở khổ 3 đã vẽ lên chân dung người lính năm nào, nay là một con người bội bạc, quay lưng lại với quá khứ.

4.

- Các từ “ thình lình, đột ngột”

+ Từ láy “ thình lình” diễn tả sự bất ngờ của tình huống đèn điện tắt.

+ Từ láy “đột ngột” diễn tả sự bất ngờ của cuộc gặp gỡ giữa người và trăng cũng như tâm trạng thảng thốt của con người khi gặp lại người bạn tình nghĩa năm nào mà mình đã lãng quên.

5. Cách sử dụng từ ngữ trong câu thơ “ vội bật tung của sổ”: Tính từ “vội” và động từ mạnh “ bật tung” đi liền nhau, diễn tả sự gấp gáp vội vàng, cho thấy sự ngột ngạt của một con người ( đã quen với tiện nghi, sung sướng) khi đứng trước bóng tối. Hành động đó gợi giây phút tâm hồn con người khao khát dược thoát khỏi không gian tù túng, chật hẹp.

- Câu thơ cho ta thấy sự vội vàng, khẩn trương của con người khi đi tìm nguồn sáng.

**Tiết 3:**

**B. Luyện tập**

**Bài tập 4: Dạng bài tập nghị luận văn học (5,0 điểm)**

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Thình lình đèn điện tắt*

*phòng buyn-đinh tối om*

*vội bật tung cửa sổ*

*đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*có cái gì rưng rưng*

*như là đồng là bể*

*như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình.*

(Trích ***Ánh trăng*** – Nguyễn Duy, *Ngữ Văn 9*, tập 1, tr.156, NXB Giáo dục)

*GV yêu cầu học sinh cần xác định được những vấn đề sau:*

**1. Về hình thức**

- Xác định đúng yêu cầu cần nghị luận.

- Bài viết đảm bảo đầy đủ bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

- Bài làm sử dụng linh hoạt các thao tác lập luận, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp.

- Bài làm sáng tạo và giàu cảm xúc.

**2. Về nội dung**

a. Xác định vấn đề cần nghị luận

Tình huống gặp trăng giúp con người thức tỉnh.

**a. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm

- Giới thiệu vị trí, nội dung của đoạn thơ cần cảm nhận

**b. Thân bài**

|  |
| --- |
| **\* Khổ thơ thứ tư, tác giả đã tạo ra tình huống con người gặp lại vầng trăng**  - Trước sự xoay vần của thời gian, sự biến đổi của hoàn cảnh đã khiến cho mọi thứ trở nên thay đổi.  - Tác giả đặt con người vào một tình huống bất ngờ:  + Hai từ “thình lình”, “đột ngột” và cách đảo trật tự cú pháp đã ghóp phần diễn  tả thật chính xác, ấn tượng về một sự việc đột ngột, bất thường “đèn điện tắt... tối om”  + Ba động từ mạnh “vội, bật, tung” đã diễn tả hành động khẩn trương, vội vàng của nhân vật trữ tình.  + Hình ảnh “vầng trăng tròn” đột ngột xuất hiện chiếu rọi vào căn phòng tối om đã tạo nên một sự đối lập: giữa ánh sáng và bóng tối. Chính khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc và sự “bừng tỉnh” trong nhận thức của nhân vật trữ tình: vầng trăng kia vẫn tròn, “đồng, bể, rừng” kia đâu có mất, tất cả vẫn đồng hành cùng con người, chỉ có điều con người đã lãng quên.  **=> Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt trong mạch cảm xúc, góp phần bộc lộ tư tưởng và mở ra những suy ngẫm của nhà thơ.** |
| **\* Từ tình huống bất ngờ, đã mở ra những dòng cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình:**  “Ngửa mặt lên nhìn mặt  có cái gì rưng rưng”  - Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế tập trung chú ý, mặt đối mặt  - Từ “mặt” ở cuối câu thơ là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa dạng cho ý câu thơ  + Khuôn mặt đó là khuôn mặt của người bạn tri kỉ mà nhân vật trữ tình đã lãng quên.  + Mặt đối mặt đó còn là quá khứ đối diện với hiện tại, tình nghĩa thủy chung đối diện với vô tình quên lãng.  - Cuộc đối thoại không lời trong khoảnh khắc, phút chốc ấy đã khiến cho cảm xúc dâng trào. Từ láy “rưng rưng” đã diễn tả nỗi xúc động đến nghẹn ngào, thổn thức trong cảm xúc của nhân vật trữ tình. Giọt nước mắt như khiến con người ta trở nên thân thiết hơn, trong sáng hơn để rửa trôi đi những ý nghĩ, lo toan thường nhật để kỉ niệm ùa về:  “như là đồng là bể  như là sông là rừng”  - Cấu trúc song hành (như là... là), cùng với biện pháp tu từ so sánh (như), điệp ngữ (như là, là) và liệt kê (đồng, bể, sông, rừng) đã hiện về trong tâm tưởng nhân vật trữ tình, nhắc nhở về một thời thơ ấu, thời trưởng thành, thời chiến tranh… từng gắn bó, chan hòa với thiên nhiên, đất nước.  **\* Khổ thơ cuối thể hiện những suy ngẫm sâu sắc và triết lý nhân sinh của nhà thơ qua hình tượng vầng trăng.**  “Trăng cứ tròn vành vạnh  kể chi người vô tình  ánh trăng im phăng phắc  đủ cho ta giật mình.”  - Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh”:  + Diễn tả vầng trăng tròn đầy, tỏa sáng giữa thiên nhiên bao la, vẫn tồn tại vĩnh hằng.  + Bên cạnh đó, còn tượng trưng cho vẻ đẹp của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, ân nghĩa thủy chung mặc cho con người thay đổi, vô tình.  - Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gợi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự im lặng ấy khiến cho nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh.  - Từ “giật mình” chính là một sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong ý thơ:  + Giật mình là cảm giác tâm lí của một người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cách sống của mình.  + Giật mình là để nhớ lại quá khứ, để ăn năn tự trách, tự thấy cần phải thay đổi cách sống  + Giật mình cũng là để tự nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua để làm bước đệm cho ngày hôm nay  **=> Bài thơ “Ánh trăng”, mà đặc biệt là ở khổ thơ cuối đã dồn nén biết bao tâm sự, suy ngẫm, triết lí sâu sắc. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm đến mọi người lời nhắc nhở về đạo lí sống, đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung của dân tộc.** |

**\* Cảm nhận nghệ thuật của đoạn thơ**

- Thể thơ 5 chữ.

- Chỉ viết hoa chữ cái đầu trong mỗi khổ thơ.

- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật kết hợp với các từ láy gợi hình gợi cảm.

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương thức biểu cảm và tự sự…

**b. Kết bài:** Đánh giá chung về đoạn thơ và liên hệ bản thân.

- HS tiến hành viết bài.

- GV quan sát,theo dõi và chỉnh sửa từng học sinh trong quá trình các em làm bài.

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Ôn tập lại toàn bộ nội dung đã ôn tập, hệ thống và củng cố kiến thức.

- Xem lại các bài tập đã làm.

- Tự chữa lại những phần, câu bài tập chưa chính xác.

- Hoàn thành bài tập làm văn trên lớp

- Hoàn thiện các bài tập sau:

1. Từ cái “giật mình” của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Ánh trăng” của nhà thơ Nguyễn Duy, hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về truyền thống đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

2. Nhận xét về bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, có ý kiến cho rằng:

*Bài thơ là những suy nghĩ, chiêm nghiệm về một lẽ sống ân tình, thủy chung cao quý trong cuộc đời mỗi con người.*

Phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định trên và nêu suy nghĩ của em về bài học cuộc sống gợi ra từ tác phẩm.

**Ngày soạn**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 14 - THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (TIẾP)**

***BẾP LỬA (BẰNG VIỆT)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Sau bài học này, học sinh cần:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống được những thông tin chung về tác giả (tên tuổi, quê quán, sự nghiệp sáng tác) và tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục, mạch cảm xúc).

- Cảm nhận được về nội dung, nghệ thuật của văn bản:

+ Cảm xúc chân thành của cháu về những năm tháng tuổi thơ, về tình bà cháu sâu nặng.

+ Hình ảnh người bà tần tảo, lam lũ, giàu tình yêu thương, giàu đức hi sinh gắn liền với hình ảnh bếp lửa.

+ Tình yêu gia đình là cội nguồn nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc hiểu, phân tích văn bản, viết đoạn.

- Rèn kĩ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức ôn tập, hệ thống kiến thức.

- Xúc động trước tình cảm bà cháu và những kí ức tuổi thơ.

***4. Năng lực***:

- Năng lực cảm thụ văn học.

- Năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực sáng tạo.

- Năng lực CNTT.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***\* Khởi động: Trò chơi đuổi hình bắt chữ.***  GV chiếu các hình ảnh có liên quan đến văn bản: *ấp iu, nắng mưa, đói mòn đói mỏi, cháy tàn cháy rụi, tâm tình, …*  GV yêu cầu hs đoán từ khóa, đọc câu thơ có liên quan đến từ khóa  🡪 Giới thiệu về bài.   |  | | --- | | VD từ *nắng mưa* | | *nang mua* | | | |
| **\* Ôn tập kiến thức**  **-** GV lựa chọn một trong các hình thức tổ chức:  **Cách 1:**  + Yêu cầu hs làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức đã học về văn bản *Bếp lửa* với các nhánh: Tác giả, tác phẩm, phân tích nội dung (bếp lửa khơi nguồn kí ức, những kí ức tuổi thơ, suy nghĩ và tình cảm của cháu). Có thể chia nhỏ thành từng nhóm chuyên gia.  (Thời gian: 15 phút)  + GV tổ chức theo kĩ thuật phòng tranh kết hợp với nhóm chuyên gia, hs thuyết trình lại kiến thức.  **Cách 2:**  + GV đọc câu hỏi theo các vấn đề.  + Gọi hs bất kì theo hình thức bốc thăm để nhắc lại kiến thức.  **Câu 1**: Nêu hiểu biết của em về tác giả Bằng Việt.  **Câu 2**: Nêu những thông tin chung về văn bản *Bếp lửa* (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục, mạch cảm xúc).  **Câu 3**: Phân tích khổ 1 của bài thơ.  **Câu 4**: Cảm nhận của em về những kí ức tuổi thơ của cháu:  a. Lên bốn tuổi  b. Tám năm ròng  c. Năm giặc đốt làng  **Câu 5**: Cảm nhận của em về hình ảnh người bà.  **Câu 6**: Phân tích khổ thơ cuối của bài thơ.  - GV chốt lại bằng các từ khóa quan trọng và yêu cầu hs đọc lại vở ghi. |  |
| **I. Hệ thống kiến thức văn bản “Bếp lửa”**  **(GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức)**  **Câu 1. Tác giả**  - Bằng Việt, tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng  - Sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.  - Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  - Thơ ông trong trẻo, mượt mà, thường khai thác những kỉ niệm và mơ ước của tuổi trẻ.  - Từng là chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội. | | |
| **Câu 2. Thông tin chung về tác phẩm**  **- Hoàn cảnh sáng tác**:  + Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.  + Bài thơ được đưa vào tập *Hương cây - Bếp lửa* (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.  - **Bố cục**: 4 phần  + Khổ đầu: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc hồi tưởng về bà.  + 4 khổ tiếp: những kỷ niệm ấu thơ, hình ảnh bà và bếp lửa.  + Khổ 6: những suy nghĩ của tác giả về bà và hình ảnh cuộc đời bà.  + Khổ cuối: nỗi nhớ của cháu về bà và bếp lửa.  🡪 **Mạch cảm xúc** đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm.  - Thể thơ: Tự do (8 chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ). | | |
| **2. Phân tích văn bản**  **Câu 3: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc**  **-** Hình ảnh bếp lửa:  + Chờn vờn sương sớm: hình ảnh bếp lửa ẩn hiện trong sương sớm, vừa như thực, vừa như hư ảo.  + Ấp iu: ấp ủ, nâng niu 🡪 gợi bàn tay khéo léo, nâng niu, trân trọng.  🡪 Điệp ngữ: một bếp lửa – nhấn mạnh hình ảnh thiêng liêng đã khắc sâu trong kí ức.  - Hình ảnh bếp lửa gợi nhắc về hình ảnh bà: bà là người nhóm lửa, người giữ lưa 🡪 thương bà; nắng mưa: ẩn dụ - những khó khăn, vất vả mà bà phải trải qua. | | |
| **Câu 4: Những kí ức tuổi thơ**  **-** Tuổi thơ ***nhiều gian khổ, nhọc nhằn:***  + Bốn tuổi đã quen mùi khói – quen với những gian khổ, nhọc nhằn.  + Đói mòn đói mỏi – cái đói dai dẳng, ám ảnh.  + Khói hun nhèm mắt – đến giờ sống mũi còn cay 🡪 những kí ức sâu đậm, không thể phai mờ. Cảm xúc của hiện tại và quá khứ như hòa làm một.  + Cuộc sống xa cha mẹ: mẹ cùng cha công tác bận không về.  + Sống trong những năm tháng chiến tranh: giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi.  + Trong kí ức tuổi thơ, có âm thanh tha thiết của tiếng chim tu hú: âm thanh quen thuộc của làng quê, gợi về cuộc sống khó khăn, mang lại nhiều cung bậc cảm xúc; hình ảnh chim tu hú côi cút, lẻ loi cũng như hình ảnh hai bà cháu.  - Tuổi thơ ***được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, săn sóc, chở che của bà***:  + Bà kể chuyện cho cháu nghe.  + ở cùng bà, bà bảo cháu nghe, bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học 🡪 hình ảnh bà cháu quấn quýt; bà tảo tần, chăm lo cho cháu từng li từng tí –> Bà vừa là một người cha, một người mẹ, lại là một người thầy.  🡪 Tuổi thơ êm đềm, tuy sống xa cha mẹ, tuy vất vả nhọc nhằn nhưng hạnh phúc trong vòng tay yêu thương của bà.  🡪 Hình ảnh đứa cháu: ngoan ngoãn, nhạy cảm, biết thương bà. | | |
| **Câu 5: Hình ảnh của bà**  Bà hiện lên với nhiều phẩm chất đáng quý:  + Tần tảo, chịu thương chịu khó.  + Yêu thương, chăm chút cho cháu.  + Người mẹ hậu phương kiên cường bất khuất, giàu đức hi sinh: vững lòng, dặn dò cháu cứ bảo nhà vẫn bình yên.  + Điệp ngữ “một ngọn lửa”: trở thành hình ảnh biểu tượng cho tình yêu, niềm tin, sức mạnh ý chí luôn cháy sáng trong lòng bà. | | |
| **Câu 6:**  **a. Những suy nghĩ về cuộc đời bà**  **-** Cuộc đời bà gắn liền với bếp lửa, với những khó khăn, vất vả:  + Lận đận, biết mấy nắng mưa: Nhắc lại và nhấn mạnh những vất vả, gian khổ mà bà phải trải qua.  + Câu thơ thấm đẫm nỗi niềm thương yêu.  - Cuộc đời bà tạo nên nhiều giá trị, nhiều ý nghĩa:  Điệp từ “nhóm” nhắc lại 4 lần với 4 ý nghĩa khác nhau:  🡪 Nghĩa đen: hành động -- bếp lửa: 1 cái bếp có thật để sưởi ấm.  🡪 Nghĩa bóng: khơi gợi trong lòng người khác những tình cảm nào đó.  -- Nhóm niềm yêu thương: truyền cho cháu tình ruột thịt nồng đượm, vun đắp cuộc sống đói nghèo mà giản dị, thân tình.  -- Nhóm (yêu thương) nồi xôi: Mở rộng tấm lòng, gắn bó chan hoà với hàng xóm.  -- Nhóm...nhỏ: bà khơi dậy trong tâm hồn cháu những gì thiêng liêng đẹp đẽ của tuổi ấu thơ để cháu nên người, biết lắng nghe, thấu hiểu.  - Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa: câu cảm thán, cấu trúc đảo – như một sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng, thán phục khi phát hiện ra ý nghĩa thiêng liêng trong những điều bình dị.  **=> Bếp lửa:**  + Xuất hiện 10 lần – hình ảnh xuyên suốt trong bài thơ.  + Ý nghĩa:  -- hình ảnh của bà: vất vả, lam lũ, tần tảo, chịu thương chịu khó.  -- tình cảm yêu thương của bà dành cho cháu  -- gợi về kí ức tuổi thơ  -- gợi nhớ về gia đình, quê hương  **b. Nỗi nhớ của cháu**  **-** Trở về hiện tại:  + Cháu đi xa: khoảng cách về không gian.  + Khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả: có nhiều niềm vui, nhiều điều mới mẻ - cuộc sống đã đổi thay.  - Nhưng lúc nào cháu vẫn trăn trở: bà đã nhóm bếp chưa 🡪 nhớ về quê hương, nhớ về bà, nhớ về hình ảnh bếp lửa 🡪 ẩn chứa sự thương yêu, lo lắng cho bà.  => Tình yêu thương không hề xóa nhòa trong khoảng cách thời gian, không gian. | | |

***Tiết 2***

***B. Luyện tập : ÔN TẬP DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| \* Cách 1: Giáo viên phát PBT, hs làm, GV chữa.  \* Cách 2: GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận, thuyết trình về 1 bài tập. Sau đó 1 nhóm lên thuyết trình, nhóm còn lại bổ sung, nhận xét. GV chốt. | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Phần I:** Bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt được mở đầu như sau:  *Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*  *Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*  *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*  **Câu 1**. Chỉ ra từ láy trong dòng thơ đầu. Từ láy ấy giúp em hình dung gì về hình ảnh "bếp lửa" mà tác giả nhắc tới?  **Câu 2**. Ghi lại ngắn gọn cảm nhận của em về câu thơ: *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*  **Câu 3**. Tình cảm gia đình hòa quyện với tình yêu quê hương đất nước là một đề tài quen thuộc của thơ ca. Hãy kể tên 2 bài thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài ấy và ghi rõ tên tác giả.  *(Đề thi Sở giáo dục Hà Nội năm 2010)* | **Câu 1**. Từ láy trong dòng thơ đầu là “chờn vờn”.  Từ láy gợi tả hình ảnh ngọn lửa bập bùng sáng, ẩn hiện trong sương sớm và cũng là ngọn lửa mờ nhòa, huyền ảo trong kí ức.  **Câu 2**. Cảm nhận của em về câu thơ: “*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*.”  + Gián tiếp giới thiệu bà chính là người nhóm lửa, bởi vậy ngọn lửa đánh thức dòng hồi tưởng về bà.  + Cụm từ “biết mấy nắng mưa” chũng cho chúng ta thấy cuộc đời vất vả, lam lũ, tần tảo của bà.  + Câu thơ còn bộc lộ tình yêu thương của nhà thơ dành cho bà.  **Câu 3**. Hai tác phẩm đó là:  *Nói với con* của Y Phương  *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm. |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Phần II**: Cho đoạn thơ:  *Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*  **Câu 1**. Chép chính xác 10 câu thơ tiếp theo để hoàn thành khổ thơ và cho biết những câu thơ trên trích từ bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **Câu 2**. Viết đoạn văn theo phép lập luận tổng phân hợp, nêu cảm nhận về khổ thơ vừa chép trong đó có sử dụng một câu ghép và thành phần biệt lập cảm thán (gạch chân và chú thích).  **Câu 3**. Có ý kiến cho rằng hai câu thơ cuối bài: “*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở: / - Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa? …”* thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn” của người dân Việt Nam. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  **Câu 4**. Đoạn thơ là dòng hồi tưởng về quá khứ, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất tự sự và chất trữ tình. Hãy kể tên một tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng là dòng hồi tưởng, suy ngẫm, mang đậm chất tự sự - trữ tình và nêu tên tác giả? | **Câu 1**. HS chép chính xác thơ  Những câu thơ trích từ bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt.  Hoàn cảnh sáng tác: bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngàng luật ở nước ngoài. Bài thơ được đưa vào tập *Hương cây - Bếp lửa* (tập thơ đầu tay của Lưu Quang Vũ và Bằng Việt).  **Câu 2.**  **Hình thức**  - Đoạn văn tổng phân hợp, đảm bảo độ dài, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.  - Có sử dụng câu ghép và thành phần biệt lập cảm thán (Đúng, có gạch chân và chú thích).  **Nội dung:** Đoạn thơ là dòng hồi tưởng của Bằng Việt về những kỉ niệm tuổi thơ trong tám năm ròng cùng bà nhóm lửa  - Ấn tượng tiếng chim tu hú: da diết, khắc khoải, báo hiệu mùa hè.  + 11 câu thơ: âm thanh tiếng chim vang lên 5 lần, khi thảng thốt, khắc khoải, có lúc mơ hồ văng vẳng từ những cánh đồng xa, khi rộn về gần gũi, tha thiết.  + Điệp ngữ + câu hỏi tu từ: tạo nên những cung bậc cảm xúc khác nhau của âm thanh tiếng chim tu hú.  → Không gian mêng mông, bao la, buồn vắng.  → Tâm trạng của người cháu trong dòng hồi tưởng mỗi lúc trở nên da diết, mãnh liệt hơn.  - Tình yêu thương, đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà.  + *hay kể chuyện ở Huế*  *+ bà dạy cháu làm, chăm cháu học*  → Các điệp từ đã diễn tả thấm thía, sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình yêu thương bao la và sự chăm chút của bà với cháu (hình ảnh bà là hội tụ của công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy)  **Câu 3.** Khoảng cách về thời gian, không gian, sự đổi thay của cuộc sống hiện đại không làm cháu lãng quên ánh sáng và hơi ấm từ bếp lửa cùng với tình yêu thương của bà. Bài thơ kết thúc bằng câu hỏi tu từ vừa thể hiện nỗi nhớ khắc khoải, thường trực trong trái tim nhà thơ vừa là lời nhắc nhở về tình cảm tình cảm cội nguồn, tình yêu quê hương, đất nước. Do đó, hoàn toàn có thể khẳng định rằng: hai câu thơ cuối bài đã thể hiện truyền thống *uống nước nhớ nguồn* của dân tộc Việt Nam.  **Câu 4**: Đó là bài thơ *Ánh trăng* – Nguyễn Duy. |

**Tiết 3: ÔN TẬP DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU + ÔN TẬP DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (Gv lựa chọn phù hợp với dạng đề thi của địa phương mình)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **Phần III:** Trong bài thơ *Bếp lửa*, Bằng Việt có đoạn viết:  *Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*  *Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*  *Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*  *Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:*  *“Bố ở chiến khu,bố còn việc bố*  *Mày có viết thư chớ kể này,kể nọ,*  *Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*  **Câu 1**. Cụm từ “cháy tàn cháy rụi” đã diễn tả hiện thực chiến tranh như thế nào?  **Câu 2**. So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy người bà đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Sự không tuân thủ đó có ý nghĩa gì?  **Câu 3**. Từ nội dung đoạn thơ kết hợp với những hiểu biết về tác phẩm, hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phép lập luận tổng phân hợp, nêu cảm nhận về hình ảnh người bà, trong đó, có sử dụng thành phần phụ chú và một câu nghi vấn (gạch chân và chú thích rõ).  **Câu 4**. Bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh có mối liên hệ như thế nào với bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt? | **Câu 1**. Nhà thơ đã tách từ *cháy tàn rụi* thành *cháy tàn, cháy rụi*. Cách nói chêm xen này đã nhấn mạnh được mức độ kinh hoàng của đám cháy, qua đó tố cáo tội ác man rợ của kẻ thù.  **Câu 2**. So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy người bà đã vi phạm phương châm về chất (lời nói không đúng sự thật). Tuy nhiên, sự không tuân thủ phương châm hội thoại đó để người con ở chiến khu có thể yên tâm công tác. Qua đó, chúng ta cảm nhận được đức hi sinh cao quý của người phụ nữ Việt Nam.  **Câu 3.**  **Hình thức**  - Đoạn văn tổng phân hợp, đảm bảo độ dài, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.  - Có sử dụng thành phần phụ chú và câu nghi vấn (Đúng, có gạch chân và chú thích).  **Nội dung:** Hình ảnh người bà  - Hình ảnh người bà trong bài thơ luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa, trong dòng hồi tưởng và suy nghĩ của nhà thơ, hai hình ảnh ấy lại luôn gắn bó, song hành, đồng hiện cùng nhau. Bên bếp lửa là bóng hình thân thuộc của bà đang nhóm bếp mỗi sáng, mỗi chiều và suốt cả cuộc đời.  - Cả cuộc đời bà luôn vất vả, tảo tần, lam lũ. Trong bài thơ có hai lần nhà thơ sử dụng cụm từ “biết mấy nắng mưa” để chỉ những năm tháng nhọc nhằn gian khó của cuộc đời mà bà đã trải qua.  - Trong mọi hoàn cảnh, bà vẫn hết lòng yêu thương, chăm sóc cháu. Cháu ở cùng bà được bà yêu thương “dạy cháu làm, chăm cháu học” rồi kể chuyện cháu nghe. Ở bà là sự hội tụ đầy đủ của công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy.  - Bà còn là người giữ lửa, truyền lửa, ngọn lửa của sự sống, của niềm tin, hi vọng cho các thế hệ mai sau (*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*).  - Bà là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam kiên cường, bất khuất, giàu lòng yêu thương và đức hi sinh.  **Câu 4**: Bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh và bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt đều ngợi ca tình cảm bà cháu thiêng liêng, sâu sắc. Trong hoàn cảnh xa nhà, xa quê hương, người cháu nhớ về bà, nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ được bà chăm sóc, nâng niu. Hình ảnh người bà trong hai bài thơ cũng chính là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam trung hậu, kiên cường, giàu đức hi sinh. |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **Phần IV**: Trong bài thơ *Bếp lửa* có đoạn viết:  *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*  *Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*  *Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*  **Câu 1**. Tại sao trong đoạn thơ tác giả không nhắc lại “bếp lửa” mà thay bằng từ “ngọn lửa”?  **Câu 2**. Cho những từ: *ấp ủ, ấm áp*. Theo em, những từ này có thể thay thế cho từ "ủ sẵn" trong đoạn thơ em vừa chép được không? Vì sao?  **Câu 3**: Viết một đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo phép lập luận diễn dịch nêu cảm nhận của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ. Trong đó, có sử dụng phép thế để liên kết và một câu ghép (gạch chân và chú thích rõ). | **Câu 1**. Ở câu thơ đầu, nhà thơ dùng từ *bếp lửa* vì đây là hình ảnh thực gắn liền với đôi bàn tay ấp iu nhóm lửa của bà. Nhắc đến bếp lửa lại gợi nhớ đến bà. Đây cũng là hình ảnh xuyên suốt bài thơ, thể hiện chủ đề của tác phẩm.       Đến đoạn thơ này tác giả sử dụng hình ảnh *ngọn lửa* vì *ngọn lửa* mang nghĩa chuyển, đó là ngọn lửa của sức sống, của yêu thương, của niềm tin và hi vọng được nhen lên từ trong trái tim của bà.  **Câu 2**. Từ *ấp ủ* và từ *ấm áp* không thể thay thế cho từ “ủ sẵn” bởi vì *ấp ủ* mới chỉ là nuôi dưỡng ngọn lửa trong lòng, *ấm áp* chỉ diễn tả được hơi ấm ngọn lửa. Còn từ *ủ sẵ*n đã khẳng định ngọn lửa của sự sống, của niềm tin và hi vọng lúc nào cũng có sẵn, cũng đong đầy trong tim bà. Bà luôn giữ ngọn lửa đó nồng đượm để có thể truyền lại cho các thế hệ mai sau.  **Câu 3**  **Hình thức**  - Đoạn văn diễn dịch, đảm bảo độ dài, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.  - Có sử dụng phép thế và câu ghép (Đúng, có gạch chân và chú thích).  **Nội dung**: Hình ảnh bếp lửa  - Bếp lửa là hình ảnh mở đầu khơi nguồn cho nỗi nhớ của Bằng Việt về tuổi thơ, về bà.  - Bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà chắt chiu nhóm lửa, gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ bên bà (kỷ niệm về năm lên bốn tuổi đói kém, bếp khói hun nhèm mắt. Rồi những mùa chim tu hú kêu, những câu chuyện kể của bà, bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học và cả kỉ niệm năm giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi, bà vẫn kiền trì nhóm lửa…)  - Bếp lửa là nơi chứa đựng tình yêu thương, sự quan tâm mà bà dành cho cháu, vì vậy bếp lửa đã trở thành biểu tượng của tình bà cháu.  - Bếp lửa cũng là nơi bà nhóm lên ngọn lửa của tình yêu và niềm tin hi vọng trong tâm hồn cháu.  - Bếp lửa còn là biểu tượng của quê hương, đất nước. Bếp lửa đã khơi dậy và củng cố tình cảm nguồn cội thiêng liêng trong lòng cháu. |
| **DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** | |
| GV chia hs thành các nhóm, thảo luận, tìm hiểu đề và tìm ý cho 2 đề văn sau.  Hs thuyết trình về hệ thống ý, các nhóm còn lại bổ sung, nhận xét.  GV chốt. |  |
| **Đề 1:** Phân tích đoạn thơ sau để thấy được dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà.  *Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa*  *Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*  *Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?*  *Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.*  *Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*  *Mẹ cùng cha công tác bận không về,*  *Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,*  *Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,*  *Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,*  *Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,*  *Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*  *(Trích Bếp lửa - Bằng Việt - Ngữ văn 9, NXBGD Việt Nam, 2017)* | **Mở bài:** Dẫn dắt vấn đề nghị luận xã hội: dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà trong bài thơ Bếp Lửa được thể hiện trong: trích thơ  **Thân bài:** **Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà**  Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà:  – “Tám năm ròng cháu sống cùng bà” – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà. Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương.  – Kháng chiến bùng nổ, “Mẹ cùng cha công tác bận không về”,bà vừa là cha, lại vừa là mẹ: “bà bảo cháu nghe – Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”. Chính bà là người đã nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu nên người. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên.  -> Một loạt các từ ngữ “bà bảo”,”bà dạy”,”bà chăm” vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.  – Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về:  *Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*  *Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà*  *Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*  Đoạn thơ khiến ta chạnh nhớ về “tiếng chim tu hú” của nữ sĩ Anh Thơ: tiếng chim tu hú gắn liền với hình ảnh cha già với những kỉ niệm về một thời thiếu nữ hoa niên, tiếng chim tu hú len lỏi khắp bài thơ như một âm thanh u ẩn, không buồn mà tiếc. Còn ở đây, tiếng chim tu hú bước vào thơ Bằng Việt như một chi tiết để gợi nhắc nhà thơ về những kỉ niệm ấu thơ được sống bên bà. Tiếng chim tu hú – âm thanh quen thuộc của làng quê Việt Nam mỗi độ hè về, báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vải chín đỏ cây. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong. Phải chăng đó chính là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà? Câu hỏi tu từ “Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà – Kêu chi hòa trên những cánh đồng xa” mới thấm thía làm sao, xót xa làm sao! Nó diễn tả nỗi lòng da diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà.  => Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng, cháu trò chuyện với chim tu hú trong tình yêu thương. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuốm phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích.  **\* Đặc sắc nghệ thuật:**  - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.  - Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ,9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà.  - Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành.  **Kết bài:** dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà càng cho ta thấy rõ tình cảm thiêng liêng giữa bà với cháu. |
| **Đề 2:** Phân tích đoạn thơ sau:  *“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*  *Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*  *…………..*  *Ôi kỳ lạ và thiêng liêng bếp lửa!”* | Mở đoạn: Những suy ngẫm sâu sắc của tác giả về người bà, về bếp lửa.  Thân đoạn:  Suy ngẫm của người cháu về bà.  Đó là sự tần tảo, đức hinh sinh, tấm lòng yêu thương chia sẻ của bà, hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa ( HS cần căn cứ vào cụm từ chỉ thời gian: đời bà, mấy chục năm, từ láy tượng hình lận đận, hình ảnh ẩn dụ : nắng mưa)  Bà đã nhóm dậy những gì cao quý, thiêng liêng nhất của một con người: nhóm niêm yêu thương, niềm tin, nghị lực (phân tích đa nghĩa của từ “nhóm”).  Suy ngẫm của người cháu về bếp lửa (câu cuối) hình ảnh bà gắn với bếp lửa. Bếp lửa vốn thân thuộc trong mỗi gia đình bỗng trở lên kì lạ => bếp lửa kì diệu thiêng liêng có sức tỏa sáng nâng đỡ tâm hồn cháu trong suốt cuộc đời.  Kết đoạn : suy nghĩ  và ước mơ của tác giả. |
| **\* Dành cho HS Khá - Giỏi**  **Đề 3:** Viết bài nghị luận về bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt với tiêu đề: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!” | **MB:**– Bài thơ Bếp lửa được Bằng Việt sáng tác năm 1963, khi ấy tác giả là sinh viên đang du học tại Liên Xô, trong cảnh xa nước, xa nhà nhớ về quê hương, về gia đình tác giả nhớ nhất về người bà thân thương.  – Bài thơ là lời của người cháu ở nơi xa nhớ về bà và những kỉ niệm với bà, nói lên lòng kính yêu và những suy ngẫm sâu xa về bà. Dòng cảm xúc trong sáng đó được nhà thơ biểu hiện trong một sáng tạo độc đáo: hình ảnh bếp lửa.  **TB:**  1. Sự hồi tưởng về bà được bắt đầu từ hình ảnh ấm áp: Bếp lửa.  Một bếp lửa chờn vờn sương sớm,  Một bếp lửa ấp iu nồng đượm.  Một hình ảnh quen thuộc trong mỗi gia đình, cũng là hình ảnh hư ảo trong tâm tưởng người cháu từ xa nhớ về bà, người thường xuyên nhóm lửa; để rồi bật lên:  Cháu thương bà biết mấy nắng mưa  2. Bếp lửa thân thương gợi lại cả một thời thơ ấu sống bên bà: những năm gian khổ nhọc nhằn nhưng luôn ấm áp tình bà.  – Nhớ tuổi thơ ấy là cái bếp nhà nghèo hiện lên:  Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói.  – Cái bếp trong những cảnh “đói mòn đói mỏi” của nạn đói năm 1945 (như cái bếp của nhà cái Tí trong Tắt đèn của Ngô Tất Tố).  – “Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy”, cháu sống bên bà, ấn tượng về cái bếp nghèo sâu đậm đến nỗi “Nghĩ đến giờ sống mũi còn cay” (vì khói hay vì thương bà?).  – Rồi “Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa”: cha mẹ đi công tác kháng chiến, cháu sống với bà trong sự cưu mang, dạy dỗ của bà.  – Tám năm trời biết bao gian truân, nhất là cảnh giặc càn quét “đốt làng cháy tàn cháy rụi”, nên đứa cháu “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”, còn bà “Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen”: Bếp lửa luôn hiện diện như tình bà ấm áp, sưởi ấm tinh thần, tình cảm của đứa cháu xa cha mẹ .  3. Bếp lửa còn là một biểu tượng chứa đựng bao ý nghĩ suy ngẫm về bà  – Hình ảnh bà luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa, bởi bà là người nhóm lửa, và người giữ cho ngọn lửa luôn ấm áp, tỏa sáng cho gia đình, cho mọi người quanh bà.  – Bà là người nhóm lửa bình thường mà vĩ đại:  Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  Nhóm niềm yếu thương, khoai sắn ngọt bùi  Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui  Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ.  – Bếp lửa của bà là bếp lửa thật, cũng còn là bếp lửa được nhóm lên từ ngọn lửa yêu thương, sức sống, niềm tin trong lòng bà. Nó truyền lửa sang lòng cháu để nhóm dậy “tâm tình”, ước mợ… trong cháu.  – Yêu thương bà, biết ơn bà mà hiểu nhân dân, đất nước “khoai sắn ngọt bùi”. Chính vì thế người cháu cảm nhận được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc chứa bao điều kì diệu, thiêng liêng:  Ôi kì lạ và thiêng liêng- bếp lửa!  – Đã  được chắp cánh bay xa, với bao niềm vui mới lạ, nhưng vẫn không thể nguôi quên ngọn lửa của bà.  – Nỗi nhớ nồng nàn, da diết chất nặng trong câu thơ nghi vấn:  Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?   làm cho bài thơ đã khép lại mà dòng cảm xúc vẫn không ngưng lại.  **KB:**– Hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng, là sức mạnh nghệ thuật xâu chuỗi cảm xúc và ý nghĩa, rồi nâng dần lên.  – Bếp lửa gợi bao cảm xúc mà cũng chứa nhiều triết lí thầm kín:  + Những gì là thân thiết của tuổi thơ đều có sức tỏa sáng cả cuộc đời.  + Tình yêu thương và biết ơn bà chính là một biểu hiện cụ thể của tình yêu gia đình. Đó là sự khởi đầu của tình yêu con người, tình yêu đất nước. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Học thuộc thơ, ôn lại kiến thức đã học

- Bài tập về nhà: Luyện viết đoạn, viết bài cảm nhận

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 15: THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

**Huy Cận**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:** Giúp HS nắm được.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời bài thơ. Những xúc cảm của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển. Nghệ thuật ẩn dụ phóng đại, những hình ảnh tráng lệ lãng mạn.

**2. Kỹ năng:**

- Đọc - hiểu một tác phẩm thơ hiện đại.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ.

- Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động được tác giả đề cập trong bài thơ.

**3. Thái độ, phẩm chất:** Yêu mến tự hào về vùng biển rộng lớn, giàu đẹp và con người lao động Việt Nam.

**4. Năng lực:**

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực tự học.

- Năng lực học nhóm.

- Năng lực sử dụng CNTT: Mạng Internet khai thác tư liệu, hình ảnh…

**II. Tiến trình lên lớp:**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

**2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.**

**3. Ôn tập.**

**Tiết 1:**

**A. Kiến thức cơ bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **HĐ1: Ôn tập những nét khái quát về tác giả, tác phẩm.**  **+ Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” (5p)**  B1. Gv nêu yêu cầu.  - Hình thức:  + Chia lớp 4 nhóm.  + Nêu luật chơi: Mỗi nhóm cử địa diện lên hoàn thành nội dung dung yêu cầu (bảng nhóm). Nhóm nào hoàn thành trước là nhóm thắng cuộc.  - Nội dung:  *Tìm những từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau để có những ghi nhớ về tác giả Huy Cận: “Huy Cận (1919 - .......(1)), quê ở làng ......(2), huyện .......(3), tỉnh ......(4) Trước cách mạng tháng Tám, ông nổi tiếng với tập thơ ...........(5). Ông được nhận giải thưởng ...............(6) về văn học nghệ thuật (năm 1996). Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” được sáng tác năm ......(7) trong chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh và được in trong tập thơ........(8)*  B2. HS thảo luận nhóm và cử đại diện. GV quan sát và trợ giúp HS  B3. HS các nhóm đưa ra ý kiến và nhận xét chéo câu trả lời.  B4. Gv nhận xét và chốt kiến thức.  **HĐ2: Khái quát những nét chính về nội dung và nghệ thuật bài thơ.**  **+ HĐ nhóm (10p)**  B1. Gv nêu yêu cầu.  - Hình thức: Thảo luận nhóm.(chia lớp 4 nhóm)  - Nội dung:  *+ Nhóm 1: Nêu nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật trong khổ 1,2 bài thơ.*  *+ Nhóm 2: Nêu nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật trong khổ 3,4 bài thơ.*  *+ Nhóm 3: Nêu nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật trong khổ 5,6 bài thơ.*  *+ Nhóm 4 : Nêu nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật trong khổ 7 bài thơ.*  B2. HS thảo luận nhóm. Gv quan sát và trợ giúp.  B3. Các nhóm đưa ra ý kiến và nhận xét chéo câu trả lời.  B4. Gv nhận xét và chốt kiến thức. | **I. Khái quát chung về tác giả Huy Cận và bài thơ Đoàn thuyền đánh cá.**  **1. Tác giả:**  - Huy Cận (1919 - 2005), tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê: tỉnh Hà Tĩnh.  - Là nhà thơ nổi tiếng từ phong trào Thơ mới với tập thơ *Lửa thiêng(1940).*  - Là nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ hiện đại Việt Nam từ sau năm 1945:  + Trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông giàu chất triết lí, thấm thía bao nỗi buồn, tràn ngập nỗi sầu nhân thế.  + Sau Cách mạng, thơ Huy Cận dạt dào niềm vui, là bài ca vui về cuộc đời, là bài thơ yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống.  - 1996, ông được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Lửa thiêng (1940); Vũ trụ ca (1942); Trời mỗi ngày lại sáng (1958); Đất nở hoa (1960); Bài thơ cuộc đời (1963); Hai bàn tay em (1967)…*  **2, Tác phẩm:**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác:***  - Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự  nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.  ***b. Xuất xứ:*** Bài thơ được in trong tập thơ *“Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).*  ***c. Thể thơ và bố cục:***  - Thể thơ: Tự do 7 chữ  - Bố cục: Bài thơ có bố cục theo sự vận động của thời gian và hành trình của một chuyến ra khơi đánh cá:  - Hai khổ đầu: Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi lúc hoàng hôn buông xuống.  - Bốn khổ tiếp: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển trong một đêm trăng rất đẹp.  - Khổi cuối: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về khi bình minh đã rạng ngời trên biển.  **II. Nội dung và nghệ thuật:**  ***1. Nội dung:*** Bài thơ thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống*.*  *a. Cảnh ra khơi (khổ 1,2)*  - Khung cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ vừa hùng vĩ đầy sức sống.  - Có sự đối lập giữa vũ trụ và con người:  Vũ trụ nghỉ ngơi >< con người lao động.  - Khí thế của những con người ra khơi đánh cá mạnh mẽ tươi vui, lạc quan, yêu lao động.  - Diễn tả niềm vui yêu đời, yêu lao động, yêu cuộc sống tự do, tiếng hát của những con người làm chủ quê hương giàu đẹp.  *b. Cảnh đánh cá trên biển (khổ 3,4,5,6)*  - Khung cảnh biển đêm: Thoáng đãng lấp lánh, ánh sáng đẹp, vẻ đẹp lãng mạn kỳ ảo của biển khơi.  - Biển đẹp màu sắc lấp lánh: Hồng trắng, vàng chóe, vảy bạc, đuôi vàng loé rạng đông.  - Cảnh lao động với khí thế sôi nổi, hào hứng, khẩn trương, hăng say.  - Tinh thần sảng khoái ung dung, lạc quan, yêu biển, yêu lao động.  - Âm hưởng của tiếng hát là âm hưởng chủ đạo, niềm yêu say mê cuộc sống, yêu biển, yêu quê hương, yêu lao động.  - Nhịp điệu khoẻ, đa dạng, cách gieo vần biến hoá, sự tưởng tượng phong phú, bút pháp lãng mạn.  *c. Cảnh trở về (khổ 7)*  *-* Cảnh kỳ vĩ, hào hùng, khắc hoạ đậm nét vẻ đẹp khoẻ mạnh và thành quả lao động của người dân miền biển.  - Ra đi hoàng hôn, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi.  - Sau một đêm lao động miệt mài, họ trở về trong cảnh bình minh, mặt trời bừng sáng nhô màu mới, hình ảnh mặt trời cuối bài thơ là hình ảnh mặt trời rực rỡ với muôn triệu mặt trời nhỏ lấp lánh trên thuyền: Một cảnh tượng huy hoàng của thiên nhiên và lao động.  ***2. Nghệ thuật.***  - Nhiều hình ảnh thơ đẹp, tráng lệ.  - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo.  - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan. |

**B. Luyện tập :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1.**  **+ Thảo luận nhóm (20p)**  B1. Gv nêu yêu cầu  - Hình thức: Thảo luận nhóm (3 nhóm).  - Nội dung:  **+ Nhóm 1:** *Hình ảnh con thuyền được nhắc nhiều trong thơ ca. Từ những câu thơ dưới đây:*  *Thuyền ta lái gió với buồm trăng*  *Lướt giữa mây cao với biển bằng*  *Ra đậu dặm xa dò bụng biển*  *Dàn đan thế trận lưới vây giăng*  *Gợi cho em liên tưởng tới những câu thơ nào đã học trong chương trình Ngữ văn THCS cũng miêu tả hình ảnh “con thuyền ra khơi” đầy hứng khởi. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh con thuyền.*  **+ Nhóm 2:** *Bài thơ của Chế Lan Viên có viết: “Con cá song cầm đuốc dẫn thơ về”. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận cũng có một câu thơ giàu hình ảnh tương tự. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh thơ.*  **+ Nhóm 3:** *Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” có sử dụng nhiều từ “hát” cả bài thơ cũng giống như một khúc tráng ca. Hãy chép thuộc những câu thơ có từ “hát” đó và nêu ý nghĩa của từ đó.*  B2. HS thảo luận nhóm. Gv quan sát và trợ giúp.  B3. HS các nhóm đưa ra ý kiến và nhận xét chéo câu trả lời.  B4. GV nhận xét và chốt kiến thức. | **Bài tập 1**  **Gợi ý**  **1**. Những câu thơ trên gợi cho ta thấy hình ảnh con thuyền ra khơi trong bài "Quê hương" của Tế Hanh.  *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*  *Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang*  Hai câu thơ trong bài "Đoàn thuyền đánh cá":  *Thuyền ta lái gió với buồm trăng*  *Lướt giữa mây cao với biển bằng*  Nhằm nói tới hình ảnh con thuyền vốn nhỏ bé nay trở thành lớn lao, ngang tầm vũ trụ, kì vĩ.    + Con thuyền đặc biệt được cầm lái bởi gió, trăng là cánh buồm → gợi sự nhịp nhàng, hòa quyện giữa con thuyền với tự nhiên.    + Hình ảnh con thuyền được nâng lên, hòa nhập với kích thước lớn lao của thiên nhiên, vũ trụ. Điều đó khiến cho cảm giác nhỏ bé, cô đơn và lẻ loi của con người hoàn toàn biến mất.  => Hình ảnh thơ lãng mạn, bay bổng kết hợp với hình ảnh con người phơi phơi, hào hứng với công việc.  **2.** Bài thơ của Chế Lan Viên có viết: *“Con cá song cầm đuốc dẫn thơ về”*. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận cũng có một câu thơ giàu hình ảnh tương tự.  Câu thơ của Huy Cận giống với câu thơ của Chế Lan Viên:  *Cá song lấp lánh đuốc đen hồng*  - Câu thơ sử dụng hình ảnh ẩn dụ. Nhà thơ đi từ việc liệt kê tên các loại cá “cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song” khiến cho bức tranh biển cả sinh động, rực rỡ sắc màu.   + Con cá song thân dày và dài trên vảy có chấm tròn màu đen và hồng giống hình ảnh của bó đuốc lấp lánh.    + Tác giả tưởng tượng hình ảnh đàn cá song như đám rước hội tưng bừng, lộng lẫy trên mặt biển.   + Để rồi sau đó hình ảnh đẹp đẽ cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe là hình ảnh thi vị và đẹp đẽ nhất.  **3.**Trong bài Đoàn thuyền đánh cá có sử dụng nhiều từ “hát” cả bài thơ giống như một khúc tráng ca. Những câu thơ có từ “hát” trong bài:  - *Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*  - *Ta hát bài ca gọi cá vào* → gợi sự thân thiết, niềm vui, phấn chấn yêu lao động.  - *Câu hát căng buồm với gió khơi*.  + Những câu hát đã theo suốt hành trình của người dân chài, câu hát mở đầu lúc ra khơi và khi trở về đoàn thuyền vẫn với khí thế vui tươi đó, khúc ca trở về với thành quả là khúc khải hoàn ca.   + Âm điệu bài thơ như khúc hát say mê hào hứng với chữ “hát” lặp đi lặp lại 4 lần khiến bài thơ tựa như khúc ca lao động khỏe khoắn, vui nhộn. |

**Tiết 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 2**  **+ HĐ nhóm (15p)**  B1. Gv nêu yêu cầu  - Hình thức: HĐ nhóm (chia lớp 4 nhóm).  - Nội dung:  *+ Nhóm 1,3: Đọc khổ thơ đầu tiên của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” và thực hiện yêu cầu sau.*  **Nhóm 1.**  1. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng ở 2 câu thơ đầu.  2. Vũ trụ được hình dung như thế nào trong câu thơ “Sóng đã cài then, đêm sập cửa”  3. Từ “lại” trong câu thơ “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi” thuộc từ loại nào? Việc sử dụng từ đó đem lại ý nghĩa gì cho câu thơ?  **Nhóm 3.**  4. Câu thơ “Câu hát căng buồm cùng gió khơi” sử dụng biện pháp tu từ gì? Câu thơ đã cho thấy vẻ đẹp nào của người lao động?  5. Ở khổ thơ cuối bài thơ Huy cận viết:  *Câu hát căng buồm với gió khơi*  *Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*  *Mặt trời đội biển nhô màu mới*  *Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*  Những hình ảnh nào ở khổ thơ đầu được lặp lại ở khổ thơ cuối? Việc lặp lại có tác dụng gì?  *+ Nhóm 2,4.*  *Đọc khổ thơ sau và thực hiện yêu cầu:*  *Ta hát bài ca gọi cá vào*  *Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*  *Biển cho ta cá như lòng mẹ*  *Nuôi lớn đời ta tự thửa nào.*  **Nhóm 2.**  1. Nêu nội dung chính của khổ thơ trên  2. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh thơ “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao” (trả lời trong khoảng 5 dòng)  **Nhóm 4.**  3. Hai câu thơ cuối trong khổ thơ sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  4. Chép chính xác 2 câu thơ liền nhau trong bài thơ “Quê hương” (Tế Hanh) cũng viết về tấm lòng của ngư dân với biển cả quê hương.  B2. HS thảo luận nhóm. Gv quan sát và trợ giúp.  B3. HS các nhóm đưa ra ý kiến và nhận xét chéo câu trả lời.  B4. GV nhận xét và chốt kiến thức. | **Bài tập 2.**  **+ Nhóm 1,3:**  **1.**  + *“Mặt trời”* được so sánh như *“hòn lửa”->* hoàng hôn trên biển mang vẻ đẹp rực rỡ, nên thơ, kì vĩ.  - *“Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*  + Nghệ thuật ẩn dụ: những con sóng biển được ví như những chiếc then cửa và màn đêm như một cánh cửa lớn  + Biện pháp nhân hoá, gán cho sự vật những hành động của con người sóng *“cài then”,* đêm *“sập cửa”*  2. Vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là cánh cửa khổng lồ và những gợn sóng là then cài cửa. Con người đi trong biển đêm mà như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình.  3.  - Từ “lại”: phó từ  -> gợi sự đối lập giữa hoạt động của thiên nhiên và con người lao động, gợi tư thế chủ động, niềm hăng say, lạc quan, yêu lao động của con người.  4.  - BPTT: Ẩn dụ  -> Câu hát là niềm vui, niềm say sưa, hứng khởi của con người lao động  5. Hình ảnh lặp lại: Câu hát, gió, mặt trời, đoàn thuyền  ->Sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người lao động. Khí thế lao động hăng say. Niềm tin về tương lai tươi sáng của đất nước.  + Nhóm 2,4.  1. Nội dung: Công việc đánh cá trên biển  2. Trăng in xuống nước, sóng xô bóng trăng dưới nước như gõ vào mạn thuyền, tạo nhịp trăng xua cá vào lưới. Công việc đánh cá trở thành bài ca lao động đầu niềm vui, hùng tráng và mơ mộng.  3. BPTT: So sánh  -> Niềm biết ơn của người lao động đối với mẹ biển cả  4. Hai câu thơ trong bài thơ “Quê hương”  *Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe*  *Những con cá tươi ngon thân bạc trắng* |
| **Bài tập 4.**  **+ HĐ cá nhân (30p)**  B1. Gv nêu yêu cầu  - Hình thức: HĐ cá nhân (chia lớp 3 nhóm: Cá nhân mỗi nhóm thực hiện 1 nội dung).  - Nội dung:  **+ Câu 1 (nhóm 1):** *Viết đoạn văn khoảng 12 câu nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của người lao động trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn gián tiếp.*  **+ Câu 2 (nhóm 2):***Với câu mở đầu sau đây, hãy viết đoạn văn khoảng 10 câu theo cách diễn dịch trình bày cảm nhận của em về khổ thơ thứ tư trong bài thơ:* ***“Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương.".***  **+ Câu 3 (nhóm 3):** *Viết đoạn văn khoảng 10 câu, diễn tả cảm nhận của em về vẻ đẹp của 4 câu thơ cuối bài thơ.*  B2. HS làm bài tập theo gợi ý của giáo viên.  B3. HS trả lời và nhận xét chéo câu trả lời.  B4. GV nhận xét và chốt kiến thức | **Bài tập 4**  **Gợi ý.**  1.  - Hình thức: Đoạn văn  - Nội dung: Bài thơ đã khắc họa được vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên kì vĩ.  - Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi tấp nập.   + Hình ảnh con người trước thiên nhiên rộng lớn, kì vĩ. Công việc đánh cá được dàn đan như thế trận hào hùng, gợi ra tâm hồn phóng khoáng, dũng cảm chinh phục biển cả của người nghệ sĩ.   =>Tầm vóc của con người được nâng lên hòa nhập với kích thước của thiên nhiên, vũ trụ thể hiện sức mạnh của người lao động làm chủ biển cả, chinh phục biển cả.   + Con người ra khơi trong niềm vui câu hát. Sự lãng mạn bay bổng, tinh thần lạc quan thấm vào từng câu hát khi những người lao động hăng say hát bài ca của niềm tin hi vọng, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.   + Cảm nhận được vẻ đẹp của biển. Con người thấy được sự giàu có trù phú của biển cả, hiểu được biển là mẹ thiên nhiên mang lại nguồn thức ăn, sức sống dồi dào cho cuộc đời.   + Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui trong lao động.  → Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy tinh thần, niềm vui của tác giả trong cuộc sống đổi mới.  2.  - Khổ thơ:  *“Cá nhụ cá chim cùng cá đé*  *...........................................*  *Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”*  - Đoạn văn diễn dịch: Câu mở đầu là câu chủ đề.  - Phần thân đoạn cần có các ý chính:  + Thủ pháp liệt kê gợi lên sự giàu có của biển cả, cá không những nhiều mà còn quý  + Hình ảnh ẩn dụ “Cá song...hồng”, các từ ngữ, hình ảnh phong phú gợi về màu sắc, ánh sáng của biển, của cá gợi lên bức tranh biển đêm rực sáng, tráng lệ.  + Nghệ thuật nhân hóa (biển, cá, đêm, sao) gợi không gian sống động, lung linh, huyền ảo mà lại gần gũi, ấm áp.  3.  - Hình thức: Đoạn văn (tuỳ chọn kiểu đoạn văn)  - Nội dung: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:  + Câu đầu của khổ thơ lặp lại gần như nguyên vẹn câu cuối của khổ thứ nhất, chỉ thay có một từ (từ “với”) đem đến kết cấu đầu - cuối tương ứng, tạo sự hài hòa cân đối. Cấu trúc lặp lại ấy trở thành điệp khúc ngân nga, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương và khắc họa đậm nét vẻ đẹp khỏe khoắn cùng niềm vui phấn khởi của người ngư dân.  + Phép tu từ nhân hóa: “*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”*cho thấy tư thế chủ động chinh phục biển trời, vũ trụ của người ngư dân.  + Nếu khổ thơ đầu, mặt trời xuống biển báo hiệu hoàng hôn thì ở khổ cuối lại là mặt trời đội biển - là ngày mới bắt đầu - ngày mới với thành quả lao động bội thu và niềm tin yêu phấn chấn.  + Câu thơ kết bài vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa khiến người đọc liên tưởng tới một tương lai tươi sáng, huy hoàng: “*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*”. Ngày mới bắt đầu, thành quả lao động trải dài muôn dặm phơi, một cuộc đời mới với nhiều niềm vui mới… |

**Tiết 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 3.**  **+ HĐ nhóm (câu hỏi 1 - 15p), HĐ cá nhân (câu hỏi 2 – 30p)**  B1. Gv nêu yêu cầu  - Hình thức: HĐ nhóm, cá nhân (chia lớp 4 nhóm).  - Nội dung:  **+ Nhóm 1,2:**  1. Lập dàn ý cho đề văn sau: Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận đã làm nên bức tranh đẹp về cuộc sống mới ở miền Bắc thời kì xây dựng CNXH. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?  2. Viết đoạn văn phần mở bài, kết bài (nhóm 1) và 1 luận điểm phần thân bài (nhóm 2)  **+ Nhóm 3,4.**  1. Lập dàn ý cho đề bài sau: Cảm nhận về không khí lao động khẩn trương, khỏe khoắn và tươi vui trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.  2. Viết đoạn văn phần mở bài, kết bài (nhóm 4) và 1 luận điểm phần thân bài (nhóm 3)  B2. HS thảo luận nhóm. Gv quan sát và trợ giúp.  B3. HS các nhóm đưa ra ý kiến và nhận xét chéo câu trả lời.  B4. GV nhận xét và chốt kiến thức. | **Bài tập 3.**  **+ Nhóm 1,2:**  **a, MB:**  - Giới thiệu tác giả.  - Giới thiệu tác phẩm: Là bài thơ thành công viết về đề tài con người mới, lao động mới đặc biệt là sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người lao động  **b, TB:**  -Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ thật đẹp và lộng lẫy mang đến cho bài thơ những hình ảnh hoàng tráng.  + Cảnh bình minh và hoàng hôn trên biển ở đầu và cuối bào thơ vẽ ra không gian rộng lớn đồng thời thể hiện nhịp tuần hoàn của vũ trụ  + Đoàn thuyền ra khơi thể hiện sự tấp nập. Con thuyền không nhỏ bé mà kì vĩ hòa nhập với thiên nhiên.  + Vẻ đẹp và sự giàu có của biển cả: Các loài cá rực rỡ, lộng lẫy.  -Hình ảnh con người lao động:  + Con người không nhỏ bé mà đầy sức mạnh hòa hợp với thiên nhiên  + Con người ra khơi với niềm vui trong câu hát.  + Con người gửi gắm mơ ước về công việc trong câu hát.  + Con người cảm nhận vẻ đẹp của biển cả, biết ơn ngưởi mẹ biển cả  + Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niêm vui trong lao động.  -Khái quát về nội dung, nghệ thuật. Liên hệ mở rộng vấn đề  **c, KB:**  - Hình ảnh con người lao động sáng tạo.  - Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người.  **+ Nhóm 3,4:**  **a, MB:**  - Giới thiệu tác giả.  - Giới thiệu tác phẩm: Bài thơ gây ấn tượng đối với người đọc là không khí lao động khẩn trương, khỏe khoắn và tươi vui.  **b, TB:**  - Những người đánh cá ra khơi với tinh thần khỏe khoắn tràn trề niềm vui  -Tiếng hát được nhắc lại nhiều lần như một điệp khúc và trở thành âm thanh chủ đạo của bài thơ.  - Công việc đánh cá trên biển:  +Con người hiện lên trong tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển cả và công việc  + Con người mang tầm vóc vũ trụ và hòa hợp với thiên nhiên  + Công việc đánh cá nặng nhọc trở thành bài ca lạc quan, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.  + Hiện thực đã được bút pháp lãng mạn chắp cánh làm đẹp thêm công việc đánh cá của người lao động  -Cuối bài thơ là hình ảnh sống động về thành quả lao động.  -Khái quát về nội dung, nghệ thuật. Liên hệ mở rộng vấn đề  **c, KB:**  -Bài thơ là bài ca yêu nghề, yêu cuộc sống trong công cuộc xây dựng đất nước  - Là bài thơ hay của thơ ca hiện đại Việt Nam sau CMT8. |

**III. Củng cố - Dặn dò (10p)**

- GV khắc sâu kiến thức trọng tâm của bài học

+ Tác giả.

+ Nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

- Giao bài tập về nhà: Hoàn thành hai đề văn sau:

**Đề 1:** Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận đã làm nên bức tranh đẹp về cuộc sống mới ở miền Bắc thời kì xây dựng CNXH. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

**Đề 2:** Cảm nhận về không khí lao động khẩn trương, khỏe khoắn và tươi vui trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.

- Ôn tập truyện hiện đại: Làng (Kim Lân)

**+ Nhóm 1:** Tìm hiểu về tác giả Kim Lân, tác phẩm “Làng” (hoàn cảnh sáng tác, tình huống truyện, ý nghĩa nhan đề và tóm tắt truyện)

**+ Nhóm 2:** Lập sơ đồ tư duy về diễn biến tâm trạng ông Hai ở 3 thời điểm (Trước khi nghe tin làng theo giặc, khi nghe tin làng theo giặc, tin làng theo giặc được cải chính)

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 16: ÔN TẬP TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

**VĂN BẢN: LÀNG ( Kim Lân)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố lại những nét chính về Kim Lân – một đại diện của thế hệ nhà văn đã có những thành công từ giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám.

- Ôn lại những kiến thức chung về tác phẩm.

- Cảm nhận được tình yêu, nỗi nhớ làng quê thắm thiết của nhân vật ông Hai.

- Thấy được những nét đặc sắc trong nghệ thuật truyện xây dựng tình huống tâm lí, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng nhân vật, ngôn ngữ của nhân vật quần chúng.

**2. Kĩ năng**:

- Nắm vững những nét đặc sắc trong nghệ thuật truyện xây dựng tình huống tâm lí, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng nhân vật, ngôn ngữ của nhân vật quần chúng.

- Rèn năng lực phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự, đặc biệt là phân tích tâm lí nhân vật.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Hình thành thói quen yêu làng quê, tự hào về tinh thần kháng chiến, tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Trân trọng những ngư­ời nông dân với nhiệt tình yêu nư­ớc cháy bỏng.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**4. Năng lực :**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Tiến trình lên lớp:**

1. Ổn định tổ chức

2. Tổ chức ôn tập**: Tiết 1**

**\*Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

*Cách 1:*

- GV cho hs nghe bài hát “Làng tôi” của nhạc sĩ Văn Cao và yêu cầu:

? Em hãy cho biết nội dung bài hát em vừa nghe? Bài hát gợi cho em cảm xúc về tình cảm gì?

- GV mở bài hát. HS quan sát, lắng nghe và phát biểu.

- GV : Nhận xét vào bài

*Cách 2:*

Hình ảnh người nông dân đã từng đi vào tác phẩm của các nhà văn như chị Dậu- một người đàn bà lực điền, biểu tượng về sức mạnh của người nông dân trước CMT8; Lão Hạc- một cố nông bất hạnh vì danh dự, nhân phẩm mà phải ăn bả chó. Và ông Hai – một người nông dân với tấm lòng yêu làng yêu nước thiết tha, cảm động trong truyện ngắn “ Làng” của nhà văn Kim Lân. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau củng cố nững kiến thức về văn bản “ Làng” của nhà văn Kim Lân.

**\* Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - Nhóm 1 : Thuyết trình về tác giả , hoàn cảnh sáng tác văn bản ?  - Nhóm 2 : Ngôi kể , thể loại,phương thức biểu đạt, tóm tắt truyện?  - Nhóm 3 : Thuyết trình về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa của văn bản?  Nhóm 4 : Thuyết trình về tình huống, tác dụng của tình huống và ý nghĩa nhan đề văn bản?  **Bước 2 : Đại diện HS trả lời**  **Bước 3 : HS các nhóm nhận xét về phần trả lời Bước 4 : GV nhận xét , chiếu kết quả trên bảng** . |  |

**Dự kiến kết quả:**

**\* Nhóm 1 :** **Thuyết trình về tác giả , hoàn cảnh sáng tác**

1. Tác giả:

- Kim Lân tên thật là: Nguyễn Văn Tài (1/8/1920 – 20/7/2007)

- Quê: Từ Sơn - Bắc Ninh.

-Viết văn từ 1941 (có những sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám 1945)

- Là nhà văn có sở trường viết truyện ngắn.

- Tác giả am hiểu và gắn bó với nông thôn và người nông dân.

- Đề tài sáng tác chủ yếu: Làng quê Việt Nam và người nông dân.-> Ông từng được xem là nhà văn của nông thôn Việt Nam.

- Sự nghiệp: Tác phẩm không nhiều : hai tập truyện ngắn: “Nên vợ nên chồng” (1955) và “Con chó xấu xí” (1962). Truyện ngắn “Vợ nhặt” được coi là xuất xắc nhất của văn học hiện đại.

2. Tác phẩm:

- Truyện ngắn Làng được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và được đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. Đây là thời điểm đánh dấu 1 bước ngoặt mới trong cách mạng, trong kc của dân tộc ta. Như 1 hệ quả tất yêu, khi lịch sử dân tộc đã sang trang , Khi CM và KC bước sang 1 giai đoạn mới thì lực lượng những người tham gia kc là những người nông dân cũng có những thay đổi lớn trong nhận thức trong tình cảm của mình đối với đất nước.

**\*Nhóm 2: Ngôi kể , thể loại, phương thức biểu đạt, tóm tắt truyện?**

**-** *Thể loại*:truyện ngắn hiện đại.

- *PTBĐ*: tự sự xen miêu tả, biểu cảm.

- *Ngôi kể*: ngôi thứ 3- người kể là tác giả nhưng giấu mặt

- Tóm tắt:

Do yêu cầu của kháng chiến, gia đình ông Hai phải dời làng đi tản c­ư. Ở nơi tản cư­, ông Hai luôn nhớ về cái làng chợ Dầu của mình. Những lúc như­ thế, ông thư­ờng kể cho mọi ng­ười nghe chuyện về làng chợ Dầu một cách say mê và náo nức đến lạ thư­ờng. Mỗi khi rảnh rỗi, ông thường ra phòng thông tin để theo dõi tin tức về làng, về cuộc kháng chiến. Vào một buổi trư­a, ông đột ngột nghe đ­ược cái tin dữ làng chợ Dầu Việt gian theo Tây … Ông bàng hoàng đến chết lặng đi. Mấy ngày sau đó, ông không dám ra khái nhà, lúc nào ông cũng nơm nớp lo sợ. Ông lâm vào tình thế tuyệt vọng khi mụ chủ nhà có ý đuổi gia đình ông đi. Đã có lúc ông muốn quay về làng nh­ng ông gạt phắt ý định ấy đi vì ông nghĩ làng thì yêu thật như­ng làng theo Tây rồi thì phải thù.

- Và, lúc này ông chỉ còn biết tâm sự với đứa con nhỏ để bày tỏ lòng mình với kháng chiến, với Cụ Hồ .

- Thế rồi, một hôm ông Hai nhận đư­ợc tin cải chính làng chợ Dầu không theo Tây mà vẫn bám trụ kháng chiến đến cùng. Ông bỗng t­ươi vui rạng rỡ hẳn lên và chạy đi khoe với mọi ngư­ời nhà ông bị Tây đốt nhẵn, làng ông không theo Tây.

**\* Nhóm 3 : Thuyết trình về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa của văn bản?**

*1. Nội dung*

- Diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc

- Ca ngợi tình yêu làng, yêu nước tha thiết của ông Hai-> ng­ười nông dân rời làng đi tản c­ư trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

*2. Nghệ thuật:*

- Thành công trong việc miêu tả diễn biến nội tâm nhân vật cụ thể, gợi cảm

- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ

- Cốt truyện xây dựng theo diễn biến tâm lý nhân vật giản dị đời thường mà tinh tế, sâu sắc.

*3.Ý nghĩa văn bản*

- Đoạn trích thể hiện tình cảm yêu làng, tinh thần yêu nước của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

**\* Nhóm 4 : Thuyết trình về tình huống, tác dụng của tình huống và ý nghĩa nhan đề văn bản?**

1. Tình huống truyện

- Ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

2. Tác dụng của tình huống:

- Tình huống độc đáo, gay cấn nhằm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng, yêu nước của ông Hai .

3. Ý nghĩa nhan đề

Truyện ngắn có tên là Làng chứ k đặt tên là làng Chợ Dầu bởi đó là 1 dụng ý nghệ thuật của nhà văn để thể hiện 1 tư tưởng nghệ thuật trong tp. Khi nhắc đến làng người ta nhắc tới một k gian chung của cả một cộng đồng và k gian ấy gợi nhắc chúng ta đến hình ảnh của những ngôi làng khi chuyển biến trong những năm cuộc kháng chiến nổ ra. Thì những người nông ở trong ngôi làng theo tiếng gọi của kháng chiến của cách mạng, người thì ở lại tiếp túc chiến đấu, người thì đi tản cư để phục vụ cho cuộc kháng chiến, còn ngôi làng ấy trở thành ngôi làng kc, như vậy ngôi làng ấy k chỉ riêng làng chợ Dầu trở thành ngôi làng anh dũng, kiên cường trong kc chống Pháp mà còn có muôn vàn ngôi làng khác nữa trong cuộc kháng chiến chống Pháp này. Vậy gọi chung là “Làng” tác giả muốn khẳng định 1 k gian chung, 1 ngôi làng kháng chiến trong muôn vàn ngôi làng kháng chiến khác trong đất nước mình. Đặt tên là “Làng” tác giả muốn vẽ lên 1 bức tranh k gian rộng lớn gồm muôn vàn ngôi làng để ngăn cản bước chân của quân thù. Để chiến đấu chống lại quân thù thực hiện cuộc kc, theo lời kêu gọi của Đảng của Bác để bảo vệ quê hương.

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP ( Dạng đề đọc hiểu)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1:** GV phát phiếu học tập cho ***nhóm***  Hs:Các nhóm thảo luận, cử đại diện trả lời  Hs: Các nhóm khác: Nhận xét , bổ sung  Gv: chốt |  |

|  |
| --- |
| **\*PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** |
| ***Cho đoạn trích sau:***  *“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây…”, cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.*  *Hay là quay về làng?…*  *Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì ở cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ…*  *Nước mắt ông lão giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây(…)*  ***Câu 1****: Đoạn trích trên thuộc tác phẩm nào, của tác giả nào? Ghi rõ thời gian sáng tác tác phẩm.*  ***Câu 2****: Nêu nội dung của đoạn văn?*  ***Câu 3****: Câu “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..” là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?*  ***Câu 4****: Theo đoạn trích trên đã sử dụng chủ yếu hình thức ngôn ngữ độc thoại hay độc thoại nội tâm ?* |

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1**:

- Tác phẩm: Làng

- Tác giả: Kim Lân, truyện

- HCST: được viết năm 1948, thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

**Câu 2**: Nội dung của đoạn văn là: Sự giằng xé nội tâm của nhân vật ông Hai giữa việc quay về làng hay ở lại.

**Câu 3**: Câu “*Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây.*.” là lời dẫn trực tiếp.

**Câu 4**: đoạn trích trên đã sử dụng chủ yếu hình thức ngôn ngữ độc thoại nội tâm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1:** GV phát phiếu học tập cho cá nhân HS  Bước 2: Hs:làm bài độc lập, trả lời  Bước 3: Hs khác: Nhận xét , bổ sung Gv: chốt |  |

|  |
| --- |
| **\*PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** |
| ***Trong văn bản “Làng ”của Kim Lân có đoạn:***  *“Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằn m sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước… Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”*  *(SGK Ngữ văn 9, tập một, trang 166)*  1. Tâm trạng của nhân vật được nói đến trong đoạn trích trên là ai? “Cái cơ sự này” trong đoạn trích là điều gì?  2. Việc sử dụng liên tiếp các câu nghi vấn trong đoạn văn trên có tác dụng gì trong khi diễn tả những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật?  3. Bằng sự hiểu biết về truyện ngắn “Làng”, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 – 15 câu theo theo phép lập luận tổng - phân - hợp, phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật khi biết “cái cơ sự này”. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái và khởi ngữ (Gạch chân và chú thích rõ). |

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu** 1:

- Tâm trạng của nhân vật được nói đến trong đoạn trích trên là: Ông Hai.

- “*Cái cơ sự này*” trong đoạn trích là: cái tin làng Chợ Dầu theo giặc làm Việt gian.

Câu 2:

- Tác dụng: Thể hiện tâm trạng băn khoăn, day dứt, dằn vặt, đau khổ… không nguôi của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

Câu 3. Viết đoạn văn.

\* Hình thức:

- Đúng cấu trúc, đủ số câu:

- Có câu chứa thành phần tình thái và khởi ngữ (không gạch chân, chú thích không cho điểm).

- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc:

\* Nội dung: Phân tích diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc

*Cần tập trung làm rõ một số ý sau*:

- Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống gay cấn để bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông.

- Khi mới nghe tin xấu đó: ông sững sờ, chư­a tin, nhưng khi ng­ười ta kể rành rọt, không tin không đư­ợc, ông xấu hổ lảng ra về, cúi gằm mặt xuống mà đi trong xấu hổ, đau đớn...

- Về đến nhà: nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ, giận những ngư­ời ở lại làng…

- Ba bốn ngày sau: không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp …

- Tình cảm yêu n­ước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt và sự lựa chọn “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”

- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ đ­ược bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông trút nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ…

⇨ Tóm lại, với nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật tinh tế, Kim Lân đã thể hiện chân thực, cảm động tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của ông Hai, của người nông dân Việt Nam buổi đầu chống Pháp.

***III. Củng cố*** - ***dặn dò*** :

***\* Củng cố***:

*1. Tác phẩm “Làng” của Kim Lân đ­ược viết theo thể loại nào?*

**A.** Truyện ngắn B. Hồi ký

C. Tiểu thuyết D. Tuỳ bút

2. PTBĐ được tác giả Kim Lân sử dụng trong truyện Làng là gì?

A. Tự sự B. Miêu tả và tự sự

C. Nghị luân và tự sự **D.** Tự sự xen miêu tả, biểu cảm.

*3. Tác phẩm “Làng” của Kim Lân viết về đề tài gì?*

A. Người phụ nữ **B.** Người nông dân.

C. Người lính D. Người tri thức

*4. Truyện ngắn Làng – Kim Lân được kể theo ngôi thứ mấy?*

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

**C.** Ngôi thứ 3- người kể là tác giả nhưng giấu mặt

*5. Tác phẩm “Làng” được viêt trong hoàn cảnh nào?*

**A.** Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B. Khi miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

D. Khi đất nước hoàn toàn giải phóng

*6) Nhân vật chính trong “Làng” là ai?*

A. Bà chủ nhà B. Bác Thứ **C.** Ông Hai D. Bà Hai

**\* Dặn dò:**

- Nắm chắc nội dung kiến thức của bài ôn.

- Làm bài tập phần về nhà:

\* Bài tập 1 :

a) Kể tên những tác phẩm văn học có cùng chủ đề tình yêu quê hương đất nước mà em đã học?

b) Đọc những câu ca dao, dân ca nói về tình yêu quê hương đất nước?

**ĐÁP ÁN: tham khảo**

**a. Những tác phẩm văn học có cùng chủ đề tình yêu quê hương đất nước mà em đã học:**

+ Lòng yêu nước I- Ê-ren-bua

+ Quê hương - Đỗ Trung Quân

+ Quê hương - Tế Hanh

+ Buổi học cuối cùng – An-phông-xơ Đô-đê.

+Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh),

+ Bếp lửa (Bằng Việt )…

**b.** **Những câu ca dao, dân ca nói về tình yêu quê hương đất nước**

1. Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương….

2. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

3. Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.

**Tiết 2**

1. Ổn định tổ chức

2. Tổ chức ôn tập:

**Hoạt động 1:** Chữa BT về nhà

**Hoạt động 2:** Tổ chức ôn tập , luyện đề

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1:** GV phát phiếu học tập cho cá nhân HS  Bước 2: Hs:làm bài độc lập, trả lời  Bước 3: Hs khác: Nhận xét , bổ sung Gv: chốt |  |

|  |
| --- |
| **\*PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** |
| ***Cho đoạn trích sau:***  *“Ông Hai vẫn trằn trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hẳn đi, chân tay nhủn ra, tưởng chừng như không cất lên được… Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mụ chủ… Mụ nói cái gì vậy? Mụ nói cái gì mà lào xào thế? Trống ngực ông lão đập thình thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe bên ngoài…”*  Câu 1: Đoạn trích trên trích trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?  Câu 2: Chỉ ra những từ láy tượng thanh có trong đoạn trích. Những từ láy đó đã giúp bộc lộ tâm trạng của nhân vật ông Hai như thế nào? Tại sao ông Hai lại có tâm trạng đó?  Câu 3: Truyện ngắn “Làng” là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Kim Lân, đã tạo một dấu ấn riêng trong lòng người đọc. Em hãy viết đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi giới thiệu về tác phẩm này. |

**Dự kiến sản phẩm:**

Câu 1: - Tác phẩm “Làng” của Kim Lân

Câu 2:

- 3 từ láy tượng thanh: “léo xéo, lào xào, thình thịch”

- Tác dụng: bộc lộ tâm trạng ông Hai: căng thẳng, lo lắng, sợ hãi đến mức ám ảnh (tiếng động trong đêm càng tô đậm nỗi sợ trong lòng ông Hai)

- Ông Hai rơi vào tâm trạng đó là do ông không muốn mụ chủ nhà biết chuyện làng Chợ Dầu của ông Việt gian.

Câu 3

- Hình thức: HS viết đúng hình thức đoạn văn thuyết minh về một tác phẩm, có sử dụng phương pháp đặc trưng, số câu không quá dài …

- Nội dung: Giới thiệu được:

+ Tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, nguồn gốc xuất xứ.

+ Nội dung và chủ đề của truyện

+ Vài nét đặc sắc nghệ thuật của truyện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1:** GV phát phiếu học tập cho cá nhân HS  Bước 2: Hs:làm bài độc lập, trả lời  Bước 3: Hs khác: Nhận xét , bổ sung Gv: chốt |  |

|  |
| --- |
| **\*PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** |
| Câu 1: Cho đoạn văn :  *Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem binh tình bên ngoài ra sao. Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến "cái chuyện ấy". Cứ thoáng nghe những tiếng Tây,Việt gian, cam-nhông,...là ông lại lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!*  a.Đoạn văn trên nằm ở tác phẩm nào, của ai? nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ?  b.Hãy xác định ngôi kể và nhận xét vai trò của người kể chuyện trong đoạn văn này.  c.Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong đoạn văn trên (trình bày thành 1 đoạn văn khoảng 6 - 8 câu. |

**Dự kiến sản phẩm:**

Câu 1:

a. Đoạn văn nằm trong tác phầm “Làng” của Kim Lân.

Tác phẩm được sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

b. Đoạn truyện được kể theo ngôi thứ 3. Người kể chuyện giữ vai trò dẫn dắt người đọc vào sự việc, kể các hành động, tâm trạng và nhận xét về thái độ của nhân vật ông Hai

c. Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai.

Nỗi xấu hổ, nhục nhã và tin làng Dầu theo giặc vây lấy ông Hai. Ông mang mặc cảm của người có tội vì người dân làng theo giặc. vì vậy, ông không bước chân ra đến ngoài, ông không còn dám khoe làng nữa. Ông thu mình lại để nghe ngóng, một đám đông súm lại ông cũng chột dạ tưởng người ta đang để ý…Ông có nghe xem người ta nói gì, người ta căm ghét cái làng theo giặc đến đâu. Ông sống trong tâm trạng lo lắng , sợ hãi nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến chuyện ấy và cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian…là ông lủi ra góc nhà. Tâm trạng ấy của ông Hai khiến ta tôn trọng ông hơn bởi có gắn bó với kháng chiến thì mới có mặc cảm đau đớn tội lỗi khi tin làng theo giặc, đi ngược lại với quyền lợi của cách mạng.

|  |
| --- |
| **\*PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** |
| *Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:*  *Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:*  *- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại…*  *… Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau. Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra… Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu… ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:*  *- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!*  *(Làng – Kim Lân)*  *Câu 1: Tâm trạng ấy của nhân vật ông Hai được nảy sinh từ tình huống nào? Nêu ý nghĩa của tình huống.*  *Câu 2: Hãy chỉ rõ các hình thức diễn đạt trong đoạn văn trên? Những hình thức ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?*  *Câu 3: Cho câu chủ đề: “Nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đầy mâu thuẫn để rồi từ đó bộc lộ sâu sắc tình yêu làng, yêu nước của ông”.*  *Hãy viết tiếp để hoàn thành một đoạn văn khoảng 15 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp làm sáng tỏ ý của câu mở đoạn. Trong đoạn có sử dụng hợp lý một thành phần khởi ngữ và câu bị động (gạch chân và chú thích rõ).* |

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1:** Tình huống: Ông Hai – một người rất yêu làng, tự hào về làng, đang rất vui mừng khi nghe tin chiến thắng thì biết được tin làng chợ Dầu theo giặc. Ông vô cùng sững sờ, bàng hoàng, đau đớn.

**Câu 2:** Các hình thức diễn đạt trong đoạn văn trên:

+ Đối thoại: Ông Hai vồn vã hỏi tin người đàn bà à nghi ngờ, không dám tin.

+ Độc thoại nội tâm: Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? à Đau khổ, tủi thân tủi phận.

+ Độc thoại: Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!

à Tức giận.

à Các hình thức diễn đạt phong phú đã làm nổi bật những cung bậc cảm xúc của ông Hai.

**Câu 3:**

*- Về hình thức:*

+ Đúng kiểu đoạn văn tổng phân hợp. Câu mở đầu – câu đã cho. Câu kết – Khái quát hình tượng ông Hai.

+ Có sử dụng khởi ngữ: Ví dụ: Với ông,…

+ Có sử dụng câu bị động: Nhân vật ông Hai đã được nhà văn Kim Lân khắc họa qua những cung bậc cảm xúc rất chân thực.

*\* Về nội dung:*

- Phân tích được diễn biến tâm trạng của ông Hai:

- Khi mới nghe tin: Tin đến đột ngột, bất ngờ. Ông lão sững sờ, bàng hoàng:

+ Cổ nghẹn ắng, da mặt tê rân rân

+ lặng đi, tưởng như đến không thở được

→ khi trấn tĩnh lại ông không thể tin điều đó, mong sao chỉ là tin đồn

→ Nhưng họ kể rành rọt lại có tên người làng, ông không thể không tin.

- Tin dữ biến thành nỗi ám ảnh day dứt, nặng nề.

+ Ông cúi gằm mặt xuống đất mà đi → xấu hổ

+ Nhìn lũ con: nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó là trẻ con làng Việt gian đấy ư? → tủi thân

- Mấy ngày sau: ông không đi đâu, sợ hãi người ta nhắc đến chuyện của mình. Khi bà chủ nhà đánh tiếng đuổi đi, ông càng đau đớn, dằn vặt.

- Mâu thuẫn tình yêu làng, tình yêu nước của ông Hai lên đỉnh điểm, đòi hỏi phải được giải quyết. Ông Hai đã dứt khoát lựa chọn: Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

→ Đối với người nông dân như ông Hai: tình yêu nước vẫn rộng lớn hơn, bao trùm lên tình yêu làng.

\* Cuộc trò chuyện của ông Hai với đứa con cũng chính là lời ông Hai tự nhủ với mình: Yêu làng, gắn bó với làng nhưng luôn trung thành với Bác Hồ, đặt tình yêu nước lên trên hết.

-> Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của người nông dân, cho tình yêu nước, yêu làng của người dân trong kháng chiến.

***III. Củng cố*** - ***dặn dò*** :

***\*Củng cố***

*1.Khi nghe tin làng theo giặc tâm trạng ông Hai như thế nào?*

A.Vui mừng phấn khởi

**B**. Đau đớn, tủi hổ, sợ hãi.

C.Tự hào về làng

D. Cả 3 đáp án trên

*2. Nhân vật chính truyện Làng là ai?*

**A.** Ông Hai B. Bà Hai

   C. Bà chủ nhà D. Người lính

***3.****Trong các câu nói của ông Hai “Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!”.Vậy “chúng nó” là ai?*

   A. Người làng chợ Dầu **B.** Giặc Tây

   C. Lũ trẻ  D. Trâu, bò

*4.Tính cách của nhân vật ông Hai được thể hiện trong tác phẩm?*

   A. Yêu và tự hào về làng quê của mình

   B. Căm thù giặc Tây, những kẻ theo Tây làm Việt gian

   C. Thủy chung với kháng chiến, với cách mạng và lãnh tụ

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

*5.  Tâm lí nhân vật chính trong tác phẩm thể hiện qua?*

   A. Bằng hành động, cử chỉ

   B. Bằng những lời đối thoại

   C. Bằng những lời độc thoại

**D.** Cả 3 đáp án trên

**\*Dặn dò:**

- Nắm chắc nội dung kiến thức ôn tập.

- Làm bài tập về nhà:

Bài 1:

a. Viết một đoạn văn khoảng 3-5 câu giới thiệu về truyện ngắn “Làng “ của nhà văn Kim Lân.

*b. Viết đoạn văn ngắn nêu nhận xét của em về lòng yêu nước của thế hệ trẻ hiện nay?*

***Đáp án tham khảo:***

a. Ví dụ: Truyện "Làng" được Kim Lân viết trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, lần đầu được ra mắt bạn đọc trên Tạp chí Văn nghệ năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc. Truyện nói về nỗi nhớ làng chợ Dầu của ông Hai đi tản cư, qua đó ca ngợi tình yêu quê hương đất nước và tinh thần tham gia kháng chiến chống Pháp của người nông dân Việt Nam.

b. Lòng yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay: Biểu hiện trong từng hành động cụ thể:

- Ra sức học tập, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội….

- Có những hành động thể hiện lòng yêu nước hợp pháp, không nghe thế lực thù địch, phản động kích động làm những việc trái với pháp luật…

- Lao động tích cực, hăng hái, làm giàu chính đáng, không vứt rác bừa bãi, không tàn phá môi trường..

- Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số thanh niên đang chạy theo lối sống thực dụng, ăn chơi sa đọa, lãng phí, sống tự do, cá nhân, vô tổ chức….

**Tiết 3:**

1. Ổn định tổ chức

2. Tổ chức ôn tập:

**Hoạt động 1:** Chữa BT về nhà

**Hoạt động 2:** Tổ chức ôn tập , luyện đề

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1:** GV cho HS chép đề  Hs: viết bài, đọc bài (GV gọi từ 3-5 HS đọc bài viết)  Hs khác: Nhận xét , bổ sung  Gv: nhận xét, chỉnh sửa  **\* Đề bài: Viết đoạn văn khoảng 15-20 câu phân tích tâm trạng ông Hai trước khi nghe tin làng Dầu theo giặc?** | Gv: nhận xét :**Yêu cầu:**  - Hình thức: + Đảm bảo cấu trúc mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn  - Nội dung: HS viết đảm bảo các ý sau:  - *Nhớ làng, yêu làng :*  + hoàn cảnh: đã xa làng để đi tản cư ( khoảng cách).  + Lúc vất vả mệt nhọc ông lại nhớ về làng: nhớ những ngày cùng làm việc với anh em..  + Những kỷ niệm đẹp về làng vẫn hiện lên sống động trong tâm trí và vẫn đồng hành cùng ông Hai đi kháng chiến.  - *Tình yêu nước, yêu kháng chiến:*  + Nhớ lại những ngày đào đường , đắp ụ, xây chòi cùng anh em, Đó là quãng thời gian vui tưới, say mê sôi nổi và trẻ chung nhất của ông.  + Chấp nhận rời làng đi tản cư để ủng hộ kháng chiến.  + Thói quen: đi nghe tin tức về cuộc kháng chiến: vội vã náo nức, không kịp chờ con trả lời ,bước vội ra ngoài, đi cung cúc về phía trước, tay vung vẩy) đi như người đang bận nhiều công việc, thể hiện sự quan tâm đến tình hình kháng chiến.  + Vui vì tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.  => Ông Hai là người có tinh thần kháng chiến. Luôn tự hào về làng và có tình yêu làng quê sâu sắc. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Bước 1: -GV chia lớp làm 6 nhóm ( 2 bàn 1 nhóm)  - Nhóm 1,2,3: làm đề 1  - Nhóm 4,5,6 làm đề 2.  Bước 2:GV phát phiếu học tập cho các nhóm.  Bước 3: Hs thảo luận nhóm  Bước 4: Cử đại diện đọc bài làm.  Bước 5:- Hs nhóm khác: Nhận xét , bổ sung  - Gv: chốt |  |

|  |
| --- |
| **\*PHIẾU HỌC TẬP :** |
| **? Lập dàn ý cho đề bài sau ?**  **Đề bài 1:** Trong truyện ngắn Làng, nhà văn Kim Lân đã thể hiện một cách sinh động và tinh tế diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc. Em hãy phân tích để làm rõ.  **Đề bài 2:** Cảm nhận của anh chị về tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai trong các đoạn văn bản sau:  *Ông Hai quay phắt lại lắp bắp hỏi:*  *- Nó… Nó vào chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?*  *Người đàn bà ẵm con cong môi lên đỏng đảnh:*  *-Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây còn giết gì nữa. Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:*  *- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại…*  *…Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo…*  *(…) Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra… Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu… ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:*  *-Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!*  *Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm.Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy!… Nhưng sao lại nẩy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lửa thì sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước…*  *(…)Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:*  *- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?*  *- Là con thầy mấy lỵ con u.*  *- Thế nhà con ở đâu?*  *- Nhà ta ở làng chợ Dầu.*  *- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?*  *Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:*  *- Có.*  *Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:*  *- À thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?*  *Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:*  *- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm! Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má Ông nói thủ thỉ:*  *-Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.*  *Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.*  *Anh em đồng chí biết cho bố con ông.*  *Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông. (…)*  (Làng – Kim Lân, SGK Ngữ Văn 9- tập 1) |

**Dự kiến sản phẩm:**

**\***Yêu cầu về hình thức: Dàn ý cần:

- Bố cục có đủ ba phần

- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc. Dẫn chứng phong phú, tiêu biểu.

- Ngôn ngữ phân tích chính xác, biểu cảm

**ĐỀ BÀI 1:**

**1. MB:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Vấn đề nghị luận?

**2.Thân bài:**

\*LĐ1:

- Phân tích hoàn cảnh của ông Hai :

+ Rất yêu làng , tự hào, hay khoe về làng, nhưng lại phải xa làng chợ Dầu thân yêu để đi tản cư.

+ Tình huống: Tình yêu làng của ông Hai lại bị đặt vào một hoàn cảnh gay cấn, đầy thử thách : tin làng chợ Dầu theo giặc, phản bội lại Cách mạng, kháng chiến.

-> Ông Hai đã phải trải qua tâm trạng đầy dằn vặt, đau đớn phải đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt để lựa chọn con đường đi đúng đắn cho mình.

\*LĐ2:

- Diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trải qua các tình cảm, thái độ khác nhau:

+ *Thoạt đầu nghe tin* làng chợ Dầu theo giặc từ người đàn bà tản cư nói ra, ông lão bàng hoàng, sững sờ, nghi ngờ, không thể tin được.

+ Khi cái tin ấy được khẳng định chắc chắn, ông lão buộc phải tin. Tâm trạng ông Hai bị ám ảnh, day dứt với mặc cảm là kẻ phản bội.

+ *Mấy ngày sau:* Luôn sống trong tâm trạng nơm nớp, lo sợ, xấu hổ, nhục nhã nên trốn biệt ở trong nhà.

+ Tủi thân, thương con, thương dân làng chợ Dầu và thương thân mình phải mang tiếng là dân làng Việt gian.  
- Ông Hai tiếp tục bị đặt vào một tình huống thử thách căng thẳng,quyết liệt hơn khi mụ chủ nhà báo sẽ đuổi hết người làng chợ Dầu khỏi nơi sơ tán.

+ Ông lão cảm nhận hết nỗi nhục nhã, lo sợ vì tuyệt đường sinh sống

+ Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng vô cùng bế tắc. Mâu thuẫn nội tâm được đẩy đến đỉnh điểm.

+ Giận lây và trách cứ những người trong làng phản bội, nhưng lòng yêu làng, tin những người cùng làng khiến ông lão bán tín bán nghi.

+ Định quay về làng, nhưng hiểu rõ thế là phản bội cách mạng, phản bội cụ Hồ.

+ Tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, kháng chiến; tự nhủ mình “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

+ Giữ được tình cảm trung thành với cách mạng, kháng chiến, cụ Hồ.

\*LĐ 3: Đánh giá về nghệ thuật

- Tâm trạng nhân vật được miêu tả cụ thể, gợi cảm qua diễn biến nội tâm, ý nghĩ hành vi, ngôn ngữ nên rất sinh động.  
- Ngôn ngữ kể, ngôn ngữ nhân vật đặc sắc, bộc lộ rõ tâm trạng và thái độ của nhân vật.

- Tình huống truyện giúp nhân vật bộc lộ tâm trạng cụ thể, đa dạng.

**3. Kết bài**

- Đánh giá về nhân vật

- Khẳng định lại vấn đề

**ĐỀ BÀI 2:**

1. Mở bài: Giới thiệu chung: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai

2. Thân bài: Phân tích:

- Ở nơi tản cư, ông Hai, một lão nông dân yêu làng, yêu nước nghe tin làng chợ Dầu của mình theo giặc: Đặt nhân vật vào một tình huống gay cấn, để ông Hai đau xót, tủi nhục và bế tắc khi làng và nước ở hai chiều đối nghịch. Nhân vật đã bộc lộ sâu sắc tình yêu làng, yêu nước của mình và ông đã quyết định *“ Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”* . Kim Lân đã khẳng định: trong lòng mỗi người dân Việt Nam, tình yêu đất nước đã rộng lớn bao trùm và chi phối mọi tình cảm khác, trong đó có tình yêu làng.

\* Khi mới nghe tin, ông sững sờ, đau đớn:

- Nghe tin ấy sững sờ “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại … vướng ở cổ”

- Ông lão vờ đứng lảng rồi ra về : “cúi gằm xuống mà đi”: Ông vờ bình thản thực chất để che dấu đi tâm trạng.

- Tác giả đã miêu tả rất tinh tế tâm trạng bàng hoàng, sửng sốt., uất ức, đau đớn, tủi hổ của nhân vật. Niềm tự hào về làng chợ Dầu bỗng sụp đổ

\* Về đến nhà:

- Ông tủi thân và thương lũ con:

+ Nước mắt lão cứ giàn ra *“ Chúng cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…”* Ông độc thoại một mình, thương cho thân mình, thương cho chúng.

+ Tủi nhục bao nhiêu nghĩ tới bọn ở làng ông càng giận bấy nhiêu, ông nắ chặt hai tay mà rít lên: *“ chúng bay ăn …nhục nhã thế này”.* Không thề kiềm được cơn tức giận những suy nghĩ trong đầu ông Hai đã bật thành lời căm phẫn.

- Ông vẫn không tin đó là sự thật: Ông điểm lại từng người trong làng “ họ toàn là những người tinh thần cả” Nhưng không có lửa thì không thể có khói vì vậy dù không muốn nhưng ông vẫn phải tin vào lời đồn.

- Ông bắt đầu lo lắng:

+ Lo cho mình và gia đình: “ Chao ôi! Tủi nhục chưa, cả làng Việt gian, rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy.”

+ Lo cho bà con trong làng. “ Lại còn nhiều người làng, tan tác mỗi người một phương, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?”

\* Những ngày sau: Liền những ngày sau đó, ông chẳng dám đi đến đâu chỉ ru rú ở xó nhà. Hễ thấy một đám đông tụm lại , hễ nghe thấy những từ Tây, việt gian, cam nhông ông lại nghĩ người ta đang nhớ lại những chuyện đấy. Ông lủi vào một góc nhà , nín thin thít => Nỗi đau đớn tủi nhục đã chuyển thành nỗi sợ hãi thường xuyên.

\* Xung đột nội tâm của ông Hai khi bị chủ nhà đuổi đi:

Điều ông Hai sợ nhất cũng xảy đến khi mụ chủ nhà có ý định đuổi đi, tâm trạng ông Hai diễn ra một cuộc xung đột gay gắt:

+ Đi đâu bây giờ, khắp nơi người ta đều không chứa những kẻ việt gian bán nước, người ta đều căm giận, phi nhổ.

+ Hay là quay về làng, ý nghĩ đó thoáng qua lập tức ông gạt đi ngay bởi về làng lúc này là từ bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ, trong tâm trạng đau đớn, bế tắc, ông quyết định *“ Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”*

=> Với quyết định này, nhà văn Kim Lân đã khẳng định từ tình yêu Làng đến tình yêu nước là một quá trình phát triển hết sức tự nhiên chân thật.

\* Tâm trạng ông Hai trong cuộc trò chuyện với đứa con út:

- Với tâm trạng đau khổ, ông Hai đã tâm sự với đứa con út như để minh oan cho mình. Câu hỏi “ Thế nhà con ở đâu?” cùng câu trả lời với đứa con: “Nhà ta ở làng chợ Dầu” đã khẳng định tình yêu làng chợ Dầu luôn ăn sâu trong lòng ông. Và chăng ông muốn nhắc cho đứa con ghi nhớ về quê hương, nguồn gốc của mình.

- Ông lại hỏi: “ Thế con ủng hộ ai?” và tự khẳng định lại “Ủng hộ cụ Hồ con nhỉ” Chi tiết này khẳng định ông tin tưởng và biết ơn kháng chiến cụ Hồ đã đem lại cuộc sống ấm no, tự do . Tình cảm đó rất thiêng liêng và sâu nặng.

- Một lần nữa ông thủ thỉ với con “cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông” Người nông dân chất phác ấy đã bộc lộ rõ niềm tin tưởng sự công bằng của cách mạng kháng chiến.

- Đoạn văn đối thoại nhưng thực chất lại mang tính độc thoại . Ông nói với con như vậy để ngỏ lòng mình , để vơi bớt nỗi buồn đau, dằn vặt trong lòng.

- Đoạn văn ngắn nhưng diễn đạt rất cảm động nỗi lòng sâu xa , bền chặt, chân thành của ông Hai.

=> Trước thông tin làng theo giặc, ông Hai đã có quá trình đấu tranh tâm lý gay gắt , quyết liệt, đồng thời thể hiện tình cảm yêu làng, yêu nước tha thiết, sâu nặng của ông.

3. Kết bài: Tổng kết

\* giá trị nội dung:

Truyện thể hiện chân thực, sinh động tình cảm yêu làng, yêu nước của một người nông dân sống vào thời kì kháng chiến chống Pháp.

\* giá trị nghệ thuật:

- tác giả sáng tạo tình huống truyện có tính căng thẳng, thử thách.

- Xây dựng cốt truyện tâm lí.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhận vật tự nhiên, sâu sắc mà tinh tế.

- Ngôn ngữ đặc sắc, sinh động, mang đậm chất khẩu ngữ, gần với lời ăn tiếng nói của người nông dân.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1:** GV cho HS chép đề  Bước 2: Hs:làm bài độc lập, trả lời  Bước 3: Hs khác: Nhận xét , bổ sung  Bước 4: Gv: chốt | **Đề bài:**  *Lập dàn ý cho đề bài sau:* Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng - Kim Lân. Qua đó, em rút ra bài học gì để phát huy lòng yêu nước trong thời đại ngày nay? |

**Dự kiến sản phẩm:**

I) Mở bài :

- Kim Lân là nhà văn chuyên viết về cuộc sống nông thôn.

- Văn bản “Làng” đươc sáng tác vào thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

- Nhân vật chính là ông Hai ,một lão nông hiền lành ,yêu làng ,yêu nước và gắn bó với kháng chiến.

II) Thân bài:

\*Luận điểm 1: tình yêu làng

+ Luận cứ 1: niềm tự hào, kiêu hãnh của ông hai về làng của mình

- Dù đã rời làng nhưng ông vẫn:

+ Nghĩ về làng của mình, nghĩ về những buổi làm việc cùng anh em

+ Lo lắng, nhớ đến làng: “Chao ôi! Ông lão nhớ cái làng này quá”

+ Luận cứ 2: tâm trạng của ông hai khi nghe tin làng chợ dầu đi theo giặc:

- Cổ ông nghẹn, giọng lạc hẳn đi.

- Lúc đầu ông không tin nên hỏi lại.

- Ông quá xấu hổ nên đã chép miệng, đánh trống lãng: “Hà, nắng gớm, về nào…” rồi cúi mặt mà đi.

- Khi về nhà, ông nằm vật ra gường. Tối hôm đó thì trằn trọc ko ngủ dc.

- Ông nhìn dám trẻ ngây thơ mà bị mang tiếng việt gian rổi khóc.

- Ông điểm lại mọi người trong làng nhưng thấy ai cũng có tinh thần cả nên ông vẫn ko tin lại có ai làm điều nhục nhã ấy.

- Lo sợ sẽ bị bà chủ nhà đuổi vì ông biết rằng nơi đây ai cũng khinh bỉ và ko chứa chấp việt gian.

+ Luận cứ 3: tâm trạng ông hai sau khi nghe tin làng được cải chính

- Mặt ông hai vui tươi, rạng rỡ hẳn lên.

- Về nhà, ông chia quà cho lũ trẻ xong liền chạy khắp xóm để loan tin.

- Ông qua nhà bác Thứ và kể chuyện làng của mình.

\*Luận điểm 2: tình yêu nước:

- Tình yêu làng là cơ sở cho tình yêu nước.

- “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!” khi nghe các tin dân ta đánh Tây từ phòng thông tin.

- Ông và con ông đều ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh (cuộc đối thoại giữa 2 cha con gần cuối bài – đoạn chữ nhỏ).

\* Liên hệ tình yêu nước trong hiện đại:

- Ngày nay, lòng yêu nước đã có thêm những nội dung phong phú hơn khi đất nước đang hội nhập toàn diện với thế giới. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì tiến công vào mặt trận kinh tế, làm giàu cho đất nước được xem như nhiệm vụ then chốt của thanh niên.

- Chúng ta yêu nước là khi góp phần xây dựng quyền lực mềm của văn hóa Việt nam để đất nước ngày một trở nên hấp dẫn, thu hút bạn bè quốc tế.

III) Kết bài:

- Ông hai là một người rất rất yêu làng và yêu nước của mình.

- Hai điều trên đã dc tác giả làm rõ qua cách xây dựng nhiều tình huống truyện khác nhau, miêu tả tâm lí nhân vật qua những cuộc đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm đa dạng.

***III. Củng cố*** - ***dặn dò*** :

***\*Củng cố***:

***1***. Nhắc lại nội dung và nghệ thuật của văn bản?

***a. Nội dung***

- Diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc

- Ca ngợi tình yêu làng, yêu nước tha thiết của ông Hai-> của người nông dân

***b. Nghệ thuật:***

- Thành công trong việc miêu tả diễn biến nội tâm nhân vật cụ thể, gợi cảm

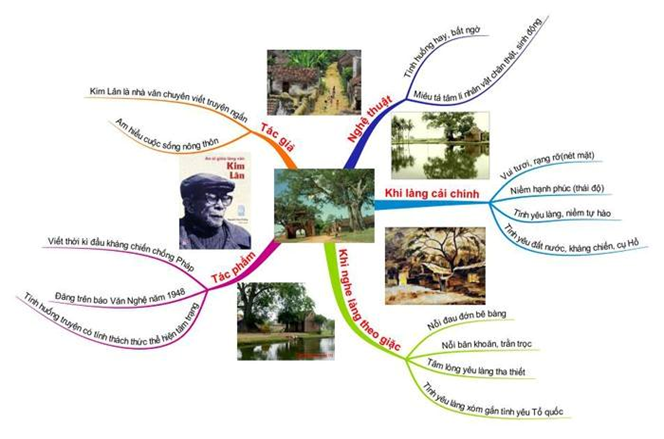
- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ

- Cốt truyện xây dựng theo diễn biến tâm lý nhân vật giản dị đời thường mà tinh tế, sâu sắc.

2. Em hãy khái quát nội dung tác phẩm “Làng- Kim Lân” qua sơ đồ tư duy?

Hs: Vẽ - nhận xét

GV: Nhận xét – chốt



**\* Dặn dò:**

- HS chọn một trong hai đề ở phiếu học tập số 2 để hoàn chỉnh bài viết văn

****

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 17: TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (tiếp)**

***Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long***

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Biết về tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm truyện hiện đại viết về những người lao động mới trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện, chủ yếu là nhân vật anh thanh niên trong công việc thầm lặng, trong cách sống và những suy nghĩ, tình cảm, trong quan hệ với mọi người.

**2. Kỹ năng**

- Hiểu, đánh giá được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.

- Phát hiện đúng và hiểu được chủ đề của truyện, từ đó hiểu được niềm hạnh phúc của con người trong lao động sản xuất.

- Rèn kĩ năng cảm thụ và phân tích các yếu tố của các tác phẩm truyện: miêu tả nhân vật, những bức tranh thiên nhiên.

**3. Thái độ, phẩm chất**

\* Thái độ:

- Hình thành thói quen cảm thụ một văn bản truyện hiện đại.

- Qua hình tượng các nhân vật học sinh thêm mến yêu, kính phục trân trọng vẻ đẹp tâm hồn những con người đang lặng lẽ phấn đấu lao động để cống hiến cho đời.

\* Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**4. Năng lực**

\* Các năng lực chung: Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

\* Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu HS nêu tóm tắt thông tin về tác giả Nguyễn Thành Long.  - Nêu hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn "Lặng lẽ SaPa"? | **I. Tác giả - tác phẩm**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở tỉnh Quảng Nam.  - Nguyễn Thành Long là 1 trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi cách mạng nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.  - Phong cách sáng tác: Truyện ngắn của NTL nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chút chất kí; ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ và luôn xây dựng những nhân vật mang tính hình tượng...  **2. Tác phẩm**  - HCST: Truyện ngắn là kết quả chuyến đi thâm nhập thực tế trên Lào Cai - hè 1970 của tác giả.  - Truyện in trong tập “Giữa trong xanh” năm 1972. |
| - GV gọi HS tóm tắt truyện: **3. Tóm tắt**  Xe tới chân đỉnh Yên Sơn, bác lái xe dừng lại, giới thiệu với ông hoạ sĩ già và cô kỹ sư trẻ một anh thanh niên làm công tác khí tượng và vật lý địa cầu sống một mình trên núi. Trong cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, anh thanh niên kể về công việc của mình, công việc đơn giản nhưng gian khổ và cô đơn. Anh đã bộc lộ những suy nghĩ đúng đắn về công việc và cuộc đời. Khi ông hoạ sĩ định vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác mà anh cho là đáng vẽ hơn như ông kỹ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét. Những điều khám phá được ở anh thanh niên làm cho người khách vô cùng xúc động. Khi họ trở về, anh còn tặng cô gái một bó hoa và tặng bác già một làn trứng ăn đường. | |
| - Em hãy nêu nội dung của truyện?  - Nghệ thuật đặc sắc của truyện là gì? | **II. Giá trị nội dung và nghệ thuật**  **1. Nội dung**  Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc hoạ thành công hình ảnh những người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa những công việc thầm lặng.  **2. Nghệ thuật**  Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận. |

***B. Luyện tập:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho HS làm bài tập 1, 2, 3 ra phiếu bài tập (hoặc ra vở) trong thời gian 15 phút và gọi HS trình bày.  - HS thực hiện, trình bài bài và nhận xét, bổ sung cho bạn.  (Nội dung bài tập này GV cũng có thể tổ chức dưới dạng trò chơi: bắt thăm, chọn số ngẫu nhiên, ném bóng, phi tiêu... giúp không khí học tập lớp sôi nổi)  **Bài tập 1: Nêu tình huống cơ bản của truyện và tác dụng của tình huống ấy.** | 1. **Luyện tập**   **Bài tập 1: Nêu tình huống cơ bản của truyện và tác dụng của tình huống ấy.**  - Tình huống cơ bản của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" chính là cuộc gặp gỡ tình cờ của anh thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy - ông hoạ sĩ và cô kỹ sư lên thăm trong chốt lát nơi ở và nơi làm việc của anh thanh niên.  - Tác dụng:  + Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để tác giả khắc hoạ "bức chân dung" nhân vật chính một cách tự nhiên, khách quan, không đột ngột.  + Nhân vật chính được soi chiếu, đánh giá, cảm nhận một cách khách quan từ những nhân vật khác và sự bộc lộ của chính anh thanh niên thông qua cuộc gặp gỡ.  + Đồng thời, qua "bức chân dung" (cả cuộc sống và những suy nghĩ) của người thanh niên, qua sự cảm nhận của các nhân vật khác (chủ yếu là ông hoạ sĩ) về anh và những người như anh, tác giả đã làm nổi bật được chủ đề của tác phẩm: "Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước". |
| **Bài tập 2: Hệ thống các nhân vật xuất hiện trong "Lặng lẽ Sa Pa" có điểm gì?** | **Bài tập 2:**  **Đặc đểm của hệ thống các nhân vật xuất hiện trong "Lặng lẽ Sa Pa"**  - Nhân vật chính là anh thanh niên, tạo nên "một bức chân dung" hiện lên trong khoảnh khắc với những nét đẹp đáng quý, song *chưa được xây dựng thành một tính cách hoàn chỉnh*, và hầu như *chưa có cá tính*.  - Các nhân vật trong truyện, từ nhân vật chính đến nhân vật phụ đều *không có tên riêng*, chỉ được gọi tên qua đặc điểm giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác (anh thanh niên, bác lái xe, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ, ông kĩ sư, anh cán bộ...)  - Các nhân vật phụ xuất có vai trò làm nổi bật phẩm chất của nhân vật chính và góp phần thể hiện chủ đề và tư tưởng của tác phẩm.  🡺 Họ là những con người vô danh, ở mọi lứa tuổi, ngành nghề, giới tính, ở nhiều nơi trên đất nước này đang ngày đêm lặng lẽ, say mê trong công việc để cống heiens cho đất nước. Điều đó làm tăng thêm sức khái quát của tác phẩm. |
| **Bài tập 3: Em hiểu gì về nhan đề "*Lặng lẽ Sa Pa*". Nhan đề ấy gợi lên cho em thông điệp nào mà tác giả muốn gửi gắm trong truyện?** | **Bài tập 3: Trả lời**  - Nhan đề *Lặng lẽ Sa Pa* ừa gợi lên chủ đề của tác phẩm, vừa gợi ra sắc điệu thẩm mĩ riêng cho truyện. Cách nói đảo ngữ ấy gây ấn tượng mạnh mẽ về sự lặng lẽ.  - Lặng lẽ Sa Pa, đó chỉ là cái vẻ lặng lẽ bên ngoài của cảnh vật, một nơi ít người đến, nhưng thực ra nó lại không lặng lẽ chút nào. Điều mà tác giả muốn khám phá là đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa ấy là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước, với mọi người mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao.  🡪 Trong cái không khí lặng im của Sa Pa, Sa Pa mà nhắc tới người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài lặng lẽ, âm thầm, cống hiến cho đất nước.  Từ đó, tác giả muốn gợi ra những suy nghĩ, triết lý về ý nghĩa của công việc, của sự cống hiến bằng lao động miệt mài, tự giác của mỗi người trong sự nghiệp chung. |

**Tiết 2: *Luyện tập:***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV cho hs lập ý chi tiết.  - HS thực hiện. Sau đó GV thu một số bài và chấm/chữa.  **Bài tập 4: Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa"** | **Bài tập 4: Nhân vật anh thanh niên**  \* ***Một người yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm với công việc.***  - Một người yêu nghề, dám chấp nhận hi sinh:  + Chấp nhận sống và làm việc trong hoàn cảnh và môi trường đặc biệt: Trên đỉnh núi yên sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.  + Coi công việc như một người bạn.  + Tìm thấy ý nghĩa trong công việc.  Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu.  - Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc:  + Làm việc 1 mình trên đỉnh núi cao, ko ai giám sát song anh vẫn luôn tự giác và tận tụy.  + Tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ.  + Luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình.  🡪 Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.  \* ***Một người có tinh thần lạc quan và tha thiết yêu cuộc sống.***  - Biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống cho mình bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà; nuôi gà, nuôi ong để làm giàu nguồn lương thực.  - Luôn tự trau dồi bản thân bằng đọc sách để nâng cao hiểu biết.  - Gọn gàng, ngăn nắp.  🡪 Tinh thần lạc quan là điểm tựa vững vàng giúp anh chủ động vượt lên hoàn cảnh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần và tìm được niềm vui ý nghĩa của cuộc sống.  \* ***Một con người chân thành, cởi mở và hiếu khách***:  - Thể hiện ở nỗi thèm người, muốn được nhìn ngắm, trò chuyện với con người.  - Khi gặp được người thì anh mừng đến tất tả, cuống cuồng nhưu không kiểm được cảm xúc.  - Anh thân thiện, cởi mở, ngay cả với những người gặp lần đầu.  - Trân trọng từng phút gặp gỡ.  - Quan tâm chu đáo đến mọi người anh gặp và sẵn sàng sẻ chia.  🡪 Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa.  \* ***Một con người khiêm tốn:***  - Công việc của anh đáng đóng góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước nhưng anh lại cho rằng nó vô cùng nhỏ bé so với người khác.  - Khi ông hạo sĩ kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại...  🡺 Anh thanh niên hiện lên chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa theien nhiên yên lặng, hắt hiu, giữa cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng, những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh. |
| - GV giao yêu cầu bài tập 5.  - HS suy nghĩ và trả lời miệng.  **Bài tập 5: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên trong "Lặng lẽ Sa Pa".** | **Bài tập 5:**  - Trong "Lặng lẽ Sa Pa", thiện nhiên đẹp thơ mộng và độc đáo. Đó là vẻ đẹp của núi cao, thác đổ trắng xóa, vẻ đẹp của mây, nắng, sương, cây. Nhất là vẻ đẹp của nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy. Chất trữ tình toát lên từ những phong cảnh thiên nhiên đẹp và đầy thơ mộng của Sa Pa 🡪 thể hiện chất thơ, chất hoạ.  - Cảnh được nhìn chủ yếu qua điểm nhìn của ông họa sĩ nên đẹp đến hai lần: Cái đẹp tự thân của nó và cái đẹp trong tâm hồn của người nghệ sĩ. Sa Pa cứ hiện dần lên, mỗi lúc một đẹp đẽ mơ màng, đến nỗi “*ông hoạ sĩ và cô gái cũng nín bặt vì cảnh trước mặt hiện lên đẹp một cách kì lạ*”: *Nắng bây giờ bắt đầu ... trong gầm xe*” (SGK 181)  “*Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc ...cô gái cảm thấy mình rạng rỡ theo*” (SGK 188)  - Đọc văn, có cảm giác được lần đầu ngắm những tác phẩm hội họa lung linh kì ảo, những bức tranh óng ánh sắc màu. Mỗi chữ, mỗi câu trong tác phẩm có hình khối, đường nét, màu sắc…đậm đà chất hội họa. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu, âm thanh, êm ái, mang âm hưởng, dáng dấp của một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện… Lời văn giàu chất trữ tình, hình ảnh thạt mềm mại, ngôn ngữ giàu chất thơ.  - Thiên nhiên làm nền tôn lên vẻ đẹp của con người, gợi liên tưởng sâu xa: những đỉnh núi cao vòi vọi gợi lên tầm cao của sự cống hiến và hi sinh; cái "*hừng hực*" của nắng, gió gợi nhiệt huyết "*hừng hực như cháy*" của con người. |

**Tiết 3: *Luyện tập :***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV giao yêu cầu bài tập và cho HS chơi trò chơi tiếp sức.  - HS ghi nhanh lên bảng những biểu hiện về tình yêu thương trong truyện.  **Bài tập 6: Hãy chứng minh: Truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” là tiếng nói của tình yêu thương.** | **Bài tập 6:**  Đó là tình người đằm thắm, tha thiết:  - Ông hoạ sĩ và cô kĩ sư mới chỉ gặp nhau mà coi nhau như cha con.  - Anh thanh niên và bác lái xe trở nên thân thiết gắn bó, dành cho nhau những tình cảm chân thành.  - Anh thanh niên đón những vị khách bất ngờ bằng tình cảm nồng hậu, sự trân trọng và quý mến để rồi lưu luyến khi chia tay.  - Anh dành nói về ông kĩ sư vườn rau và anh cán bộ khoa học nghiên cứu sét...  🡪 Họ sống rất đẹp và tình yêu thương gắn bó giữa họ góp phần tạo nên nét đẹp ấy. |
| **Thực hành nội dung đọc – hiểu:**  - GV giao yêu cầu bài tập trên máy/ phiếu bài tập/ hoặc hs theo dõi theo SGK  - HS viết ra vở. Sau đó đổi chéo nhau đọc và kiểm tra.  - GV gọi HS đọc bài làm hoặc lên bảng chữa bài.  **Bài tập 7: Đọc hiểu**  **a. Cho đoạn văn**: “*Nắng bây giờ cũng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi trên đường cái, luồn cả vào gầm xe*.”  Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?  Câu 2: Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ mấy?  Câu 3: Trong đoạn văn trên, cảnh vật thiên nhiên chủ yếu được miêu tả bằng biện pháp tu từ nào? Tác dụng của các biện pháp tu từ đó?  Câu 4: Nhận xét về vai trò của thiên nhiên trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?  **b.** **Cho đoạn văn sau:**  *"... Họa sĩ nhấp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp, không giấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn: - Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào.*  *Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian? Rằng anh “thèm” người lắm? Anh thanh niên bật cười khanh khách:*  *- Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ…”*  (Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long - Ngữ văn 9, tập 1 - NXB Giáo Dục, 2015)  Câu 1: Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói: "*Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây*". Em hãy cho biết ba nhân vật ấy là những ai? Họ gặp nhau trong hoàn cảnh nào?  Câu 2: Tìm câu văn có thành phần khởi ngữ trong đoạn trích trên và xác định thành phần khởi ngữ trong câu đó.  Câu 3: Vì sao trong tác phẩm, tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật của mình mà chỉ gọi họ theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp?  Câu 4: Giải thích vì sao người ta lại bảo nhân vật “anh” trong đoạn văn trên “là người cô độc nhất thế gian”?  **c. Cho đoạn văn sau:**  *Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung…Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được*."  (Nguyễn Thành Long – Lặng lẽ Sa Pa)  Câu 1: Đoạn văn trên là lời nói của nhân vật nào, nói với ai? Những lời nói đó giúp em hình dung hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật ấy như thế nào?  Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên .  Câu 3: Xét theo câu ngữ pháp thì câu : “Rét,bác ạ” thuộc kiểu câu gì?  Câu 4: Chỉ ra câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.  Câu 5: Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn văn.  **d. Cho đoạn văn:**  *"Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:*  *- Hồi chưa vào nghề , những đêm bầu trời đen kịt , nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình . Bây giờ làm nghề này cháu cũng không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi Việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, đâu mình vì ai mà làm việc? Đấy cháu tự nói với nhau thế đấy*."  (Trích *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long)  Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn.  Câu 2: Xác định thành phần biệt lập trong đoạn văn.  Câu 3: Tìm 1 từ tượng thanh, 1 câu có thành phần khởi ngữ trong đoạn trích trên.  Câu 4: Lời tâm sự trên là của ai, nói với ai, nói về điều gì? Lời tâm sự trên cho em hiểu gì về thái độ của người nói đối với nghề nghiệp mà anh đã chọn. | **Bài tập 7: Đọc hiểu**  **Phần a:**  Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là: miêu tả.  Câu 2: Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ 3.  Câu 3: Trong đoạn văn trên, cảnh vật thiên nhiên chủ yếu được miêu tả bằng biện pháp tu từ là:  *Nhân hoá* : những cây thông - rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc , những cây tử kinh - nhô cái đầu màu hoa cà, nhìn bao che; nắng - xua mây.  *Ẩn dụ:* nắng lan tới, đốt cháy rừng cây, cây tử kinh như thỉnh thoảng nhô cái đầu màu tím hoa cà lên trên màu xanh của rừng.  *Liệt kê:* -> sự vật hiện lên sinh động , đầy sự sống và đồng thời thu hút, lôi cuốn người đọc.  - Tác dụng:  Làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên Sa pa lặng lẽ, thơ mộng và tràn đầy sức sống.  Tạo nên một đoạn văn đậm chất họa và chất thơ, góp phần làm nổi bật chủ đề của câu chuyện.  Câu 4: Thiên nhiên có vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm đồng thời thiên nhiên thơ mộng gợi vẻ đẹp lãng mạn, trữ tình đầy chất thơ của Sa Pa. Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người đang ngày đêm làm việc âm thầm cống hiến cho đất nước".  **Phần b:**  Câu 1: Trong đoạn trích trên, ông họa sĩ có nói: "*Bây giờ có cả ba chúng ta ở đây*". Ba nhân vật ấy là: ông họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên.  - Hoàn cảnh gặp nhau là: Trên một chuyến xe khách Hà Nội-Lào Cai, bác lái xe đã giới thiệu với ông họa sĩ, cô kĩ sư về anh thanh niên là công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn và sau đó họ đã có cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị...  Câu 2: Câu văn có thành phần khởi ngữ trong đoạn:  - Câu văn 1: “*Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu.”*  - Câu văn 2: “*Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ*.” Câu 3: Trong tác phẩm, tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật của mình mà chỉ gọi họ theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp vì:  - Đây là một dụng ý trong nghệ thuật xây dựng truyện của nhà văn  - Việc tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật của mình mà chỉ gọi họ theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp vì muốn khẳng định những con người tốt đẹp trong truyện không chỉ là một cá nhân đơn lẻ mà là rất nhiều người. Họ ở Sa Pa, đến Sa Pa..  - Qua đó tác giả muốn ca ngợi những con người lao động bình dị đang ngày đêm âm thầm, lặng lẽ cống hiến hết sức mình cho công cuộc xây dựng đất nước...  - Cách gọi như thế đã góp phần làm nổi bật chủ đề của tác phẩm.  Câu 4: Người ta lại bảo nhân vật “anh” trong đoạn văn trên “*là người cô độc nhất thế gian*” vì anh thanh niên phải làm việc một mình trên núi cao Yên Sơn 2600 mét, ít cơ hội tiếp xúc với người khác.  **Phần c:**  Câu 1: Đoạn văn là lời của anh thanh niên nói với ông họa sĩ - khi anh kể về công việc và cuộc sống của mình.  - Lời tâm sự của anh thanh niên giúp người đọc hình dung những khó khăn, gian khổ cả về vật chất lẫn tinh thần… Anh phải làm việc trong hoàn cảnh khắc nghiệt ( phải thức dậy lúc nửa đêm, gió rét, bão tuyết…); phải đối mặt với cuộc sống cô đơn, một mình giữa cái im lặng đáng sợ của đất trời, núi rừng Sa Pa).  Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích trên là: Công việc khó khăn và tinh thần trách nhiệm của anh thanh niên.  Câu 3: Xét theo câu ngữ pháp thì câu : “ Rét,bác ạ” thuộc kiểu câu rút gọn.  Câu 4: Câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên là:  - “ Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.  - “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả ném vứt lung tung”.  Câu 5: Các từ láy được sử dụng trong đoạn văn: lung tung, hừng hực, ào ào.  **Phần d:**  Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn văn là: biểu cảm.  Câu 2: Thành phần biệt lập trong đoạn văn là cảm thán: Huống chi.  Câu 3: Từ tượng thanh: toe toe  - Một câu có thành phần khởi ngữ trong đoạn trích trên là: Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?  Câu 4: Lời tâm sự trên là của anh thanh niên, nói với ông họa sĩ, về suy nghĩ của anh về công việc, về nỗi "thèm người". |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học: GV gọi 4 em hs lên hoàn thành từng nhánh của sơ đồ tư duy sau:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 18: ÔN TẬP TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

**VĂN BẢN “*CHIẾC LƯỢC NGÀ*” CỦA NGUYỄN QUANG SÁNG**

**A. Mục tiêu cần đạt:** *Giúp HS ôn tập về:*

**1. Kiến thức:** Giúp HS cảm nhận được tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của cha con ông Sáu trong truyện ngắn; nắm được nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên của tác giả.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng lực đọc hiểu văn bản, kỹ năng lực cảm thụ và phân tích nhân vật, các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong tác phẩm truyện hiện đại.

**3. Phẩm chất:** Yêu thích văn học hiện đại và Giáo dục tình cảm cha con, tình cảm yêu nước ở HS.

**4. Năng lực:** HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - Nhóm 1 : Thuyết trình về tác giả ,?  - Nhóm 2 : Hoàn cảnh sáng tác văn bản ? Bố cục, chủ đề ?  - Nhóm 3 : Tóm tắt văn bản?  - Nhóm 4: Thuyết trình về tình huống, tác dụng của tình huống?  **Bước 2 : Đại diện HS trả lời**  **Bước 3 : HS các nhóm nhận xét về phần trả lời**  **Bước 4 : GV nhận xét, chiếu kết quả trên bảng** . | **1.Tác giả:**  - Nguyễn Quang Sáng, sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới,tỉnh An Giang.  - Trong kháng chiến chống Pháp,ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.  - Từ sau năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn..  - Những năm chống Mĩ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học.  - Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng có nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.  - Năm 2000, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.  **2.Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966–khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ những năm kháng chiến chống Mĩ và được đưa vào tập truyện cùng tên.  - Nói về hoàn cảnh viết truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, Nguyễn Quang Sáng tâm sự:  “Năm 1966, tôi từ miền Bắc trở về miền Nam. Vùng Đồng Tháp Mười mênh mông nước trắng. Tôi đi ghe vào sâu trong rừng và sống ở một nhà sàn treo trên ngọn cây.Lúc đó, đoàn giao liên dẫn đường toàn là nữ. Tôi rất có ấn tượng với câu chuyện của một cô gái giao liên có chiếc lược ngà trắng. Sau khi nghe cô kể chuyện, tôi ngồi viết một ngày, một đêm là hoàn thành tác phẩm này”.  - Văn bản trong sách giáo khoa là đoạn trích phần giữa của truyện.  **b. Bố cục: 2 đoạn:**  - Đoạn 1: Từ đến…đến…”Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống”. -> Tình cảm cha con của bé Thu và ông Sáu trong ba ngày ông được nghỉ phép.  - Đoạn 2: Còn lại -> Ở khu căn cứ, ông Sáu làm chiếc lược ngà tặng con.  **c.Chủ đề:** Diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.  **d. Tóm tắt văn bản:**  Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến.Mãi đến khi con gái lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không nhận ra cha vì vết sẹo trên mặt làm ba em không giống với người cha trong bức ảnh mà em biết. Em đối xử với ba như người xa lạ. Đến khi Thu nhận ra cha,tình cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường trở về khu căn cứ. Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tình cảm yêu quý, nhớ thương đứa con vào việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng con. Trong một trận càn, ông Sáu hi sinh. Trước lúc ra đi mãi mãi, ông đã kịp trao cây lược cho bác Ba, nhờ bạn chuyển cho con gái.  **e. Tình huống truyện:** Truyện được xây dựng trên hai tình huống cơ bản:  - Tình huống 1: Đó là cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải lên đường.  - Tình huống 2: Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và lòng mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.  => Như vậy, nếu ở tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha, thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc, thắm thiết của ông Sáu với con. Tình huống truyện ở đây mang đầy kịch tính chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ. Đó là những tình huống ngẫu nhiên song lại rất phổ biến, những tình huống đầy éo le mà chúng ta thường gặp trong chiến tranh. Song đặt các nhân vật của mình vào các tình huống ấy, nhà văn muốn khẳng định và ngợi ca:tình cha con thiêng liêng, sâu nặng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng cao đẹp trong hoàn cảnh chiến tranh |

***B. Luyện tập: Dạng đề đọc hiểu văn bản:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Đọc đề, câu hỏi -> Cho hs thảo luận nhanh -> GV gợi ý và chốt nội dung.    Đọc đề, câu hỏi -> Cho hs thảo luận nhanh -> GV gợi ý và chốt nội dung.  **ĐỀ 3: GV giao đề cho HS về nhà làm** | **ĐỀ 1:** Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau:      “*Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông thõng xuống như bị gãy*.”                                     (*Ngữ văn 9*, tập 1, NXB Giáo dục 2009, tr.196)  **a.** Đoạn văn trên được rút từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích.  **b.** Xác định thành phần khởi ngữ trong câu: “*Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông thõng xuống như bị gãy.*”  **c.** Chỉ ra và phân tích giá trị của phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích.  **Gợi ý:**  **a.** Đoạn văn trên được rút từ tác phẩm “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng        Hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích là anh Sáu và bé Thu.  **b.** Xác định thành phần khởi ngữ trong câu: *Còn anh.*  **c.** Phép tu từ so sánh “hai tay buông xuống như bị gãy” nhằm diễn tả nỗi đau đớn tột cùng và sự hụt hẫng, thất vọng nặng nề của ông Sáu khi bé Thu không nhận ra ông. So sánh khiến cho sự vật được miêu tả trở nên cụ thể, sinh động, giàu cảm xúc.  **ĐỀ 2:** Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau:  “*Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng võ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng “ba” của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:*  *- Thì má cứ kêu đi.*  *Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng:*  *- Vô ăn cơm!*  *Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:*  *- Cơm chín rồi!*  *Anh cũng quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi*”  **a.** Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?  **b.** Trong đoạn trích, bé Thu đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Hãy chỉ rõ câu văn nào thể hiện điều đó?  **c.** Chỉ ra nghĩa tường minh và hàm ý trong câu *“Cơm chín rồi!”.*  **d.** Xác định thành phần biệt lập trong câu: *Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.*  **Gợi ý:**  **a.** Đoạn trích trên trích từ văn bản “Chiếc lược ngà” của tác giả Nguyễn Quang Sáng.  **b.** Trong đoạn trích, bé Thu đã vi phạm phương châm lịch sự: nói trống không với ba: “Vô ăn cơm!”, “Cơm chín rồi!”  **c.** Câu “Cơm chín rồi!”  Nghĩa tường minh: thông báo cơm đã chín.  Nghĩa hàm ý: bảo ông Sáu vào ăn cơm.  **d.** Thành phần biệt lập: Thành phần tình thái: “Có lẽ”.  **ĐỀ 3: Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau:**  *Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì bỗng nó kêu thét lên:*  *- Ba…a…a…ba!*  *Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc sau ót nó như dựng đứng lên.*  (*Ngữ văn 9*, Tập một, NXB Giáo dục, 2018, tr. 198)  a) Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?  b) Xác định thành phần biệt lập được dùng trong câu: *“Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi”.*  c) Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ từ vựng trong câu:*“Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”.*  **a.** Đoạn trích trên trích từ văn bản “Chiếc lược ngà” của tác giả Nguyễn Quang Sáng.  **b.** Thành phần biệt lập trong câu (thành phần phụ chú): kể cả anh.  **c. Biện pháp tu từ:**  - So sánh: *tiếng kêu của nó như tiếng xé*: Giúp đoạn văn sinh động, khắc họa chân thực và có sức truyền cảm. Tiếng gọi "ba!" của bé Thu đã thực sự phá vỡ bầu không khí yên lặng, lay động đến tâm can của những người xung quanh để rồi ai cũng phải ngậm ngùi, xót xa trước tình cha con cao đẹp của anh Sáu và bé Thu.  - Nói quá: *xé cả ruột gan mọi người*:Nhấn mạnh tình cảm mãnh liệt của bé Thu dành cho ba; đồng thời bộc lộ niềm xúc động của người kể chuyện và mọi người xung quanh khi chứng kiến cảnh chia tay giữa hai cha con.  - Điệp ngữ: *xé*:Thể hiện tình cảm mãnh liệt của bé Thu, tình yêu và nỗi nhớ người cha xa cách bấy lâu nay bùng lên thật mạnh mẽ. |

**Tiết 2, 3: Luyện tập (tiếp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Rèn luyện kỹ năng làm bài văn: Phân tích nhân vật bé Thu, ông Sáu**  ? Nêu yêu cầu của đề bài? Dạng nghị luận? Yêu cầu về phạm vi tư liệu?  ? Phần mở bài nêu vấn đề gì?  ? Nhiệm vụ phần thân bài ?  **Hoàn cảnh của nhân vật?**  **Tính cách và phẩm chất nhân vật: thông qua diễn biến tâm lý:**  ***+ Khi gặp con ở bờ sông?***  ***+ Những ngày ông Sáu ở nhà?***  **Lúc chia tay**?  **Những ngày ở chiến trường?**  Đặc sắc trong NTXD nhân vật?  ? Nhiệm vụ phần kết bài?  ? Nêu yêu cầu của đề bài? Dạng nghị luận? Yêu cầu về phạm vi tư liệu?  ? Phần mở bài nêu vấn đề gì?  ? Nhiệm vụ phần thân bài ?  **Hoàn cảnh của nhân vật?**  **Tính cách và phẩm chất nhân vật: thông qua diễn biến tâm lý:**  ***+ Khi bé Thu lúc mới gặp cha?***  ***+ Những ngày ông Sáu ở nhà?***  *+ Khi nhận ra ba?*  Đặc sắc trong NTXD nhân vật?  ? Nhiệm vụ phần kết bài?  *Lưu ý:* Ở Dạng đề văn tự sự: Đóng vai nhân vật trong tác phẩm để kể lại nội dung câu chuyện: GV chỉ cần hướng dẫn dàn ý chung. Sau đó, cho đề cụ thể, hướng dẫn HS, yêu cầu HS về nhà viết, nộp và GV dành thời gian sửa bài cho các em. | **I. Dạng đề Phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện:**  **ĐỀ 1: Phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng**  **-** Yêu cầu của đề bài: Phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện: **Nhân vật ông Sáu**  - Yêu cầu về thao tác lập luận: Phân tích, chứng minh, bình luận.  - Yêu cầu về phạm vi tư liệu: **truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng**  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Quang Sáng, tác phẩm “Chiếc lược ngà”;  - Nêu nhiệm vụ nghị luận: Phân tích nhân vật ông Sáu.  **b. Thân bài:**  **\* Phân tích/cảm nhận về nhân vật:**  **- Hoàn cảnh của nhân vật:** Yêu quê hương, đất nước, ông sẵn sàng xa gia đình ra đi chiên đấu để bảo vệ quê hương. Ngày ra đi, đứa con gái bé bỏng thân yêu của ông mới chưa đầy một tuổi. Ngày về thì con bé đã tám tuổi. Ông khao khát được trở lại quê hương, được gặp lại vợ con -> Ông Sáu là người có tình yêu quê hương, [đất nước](https://thuvientho.com/dat-nuoc-trich-doan-nguyen-khoa-diem-12036.html).  **- Tính cách và phẩm chất nhân vật: Phân tí**ch **diễn biến tâm lý nhân vật để khẳng định:** Ông Sáu là người có tình yêu con tha thiết:  ***+*** Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh; không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra; Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to: Thu! con. Giọng lặp bặp run run: ba đây con!  ->đã khắc họa rõ nét nỗi lòng khao khát, mong mỏi gặp con của người cha. Tiếng gọi “con” như vỡ oà trong tình yêu quá lớn bị dồn nén bao năm. Ông đau đớn bội phần khi đứa con gái không đáp lại sự vồ vập của ông, “mặt nó tái đi, rồi vụt chạy”. Niềm đau, sự hụt hẫng bóp nghẹt trái tim ông.  + Tình yêu con tha thiết thể hiện qua **những ngày ông ở nhà:** Ông Sáu luôn tìm cách gần gũi con: Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Ông ân cần, nhẹ nhàng chăm chút con bé. Trước sự cự tuyệt, bướng bỉnh của cô con gái, người cha ấy vẫn hết sức bền bỉ, nhẫn nại. Và rồi, khi tình cảm quá lớn lại gặp phải sự cự tuyệt kiên quyết của bé Thu, nó như bị thúc ép, khiến ông không giữ được bình tĩnh. Ông Sáu đánh con vì tức giận, đau đớn và bất lực. Thời gian ông có thể ở bên con không còn nhiều, vậy mà con bé vẫn không chịu thừa nhận ông. Hành động đánh con của ông là một sự kìm nén của nỗi lòng mong mỏi quá lớn. Nhưng cũng chính điều đó đã giày vò tâm trí ông, trở thành mối khổ tâm suốt những năm tháng sau này khi phải xa con.  + **Lúc chia tay,** ông Sáu cố nén lòng, kìm giữ cảm xúc của mình. Ông muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chí đứng nhìn nó. Anh nhìn nó với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. **Khi con gái cất tiếng gọi Ba** và ôm chặt lấy ông - Tiếng gọi ông Sáu khao khát, trông chờ, tưởng chùng mòn mỏi bao lâu đã vang lên, khiến tim ông như muốn vỡ ra vì hạnh phúc. Ông Sáu “*không ghìm được xúc động*”, “*một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt*”. Những dòng nước mắt tuôn trào từ trái tim yêu thương cháy bỏng của người cha.  **+ Những ngày ở chiến trường,** tình yêu con được ông Sáu dồn vào việc làm cây lược tặng con. Dõi theo quá trình làm chiếc lược của ông Sáu, từ vẻ mặt “hớn hở” khi nhặt được khúc ngà đến khi tỉ mỉ ngồi giũa cây lược “*như người thợ bạc*”, ta có thể cảm nhận được tình yêu sâu nặng của ông. Dòng chữ khắc trên cây lược “*yêu nhớ tặng Thu con của ba*‘’ thể hiện trọn vẹn nỗi lòng người cha đối với cô con gái ngàn lần dấu yêu nơi quê nhà. Chiếc lược ngà ấy đã “*gỡ rối đi phần nào tâm trạng*” của ông. Lời hứa của ông đối với con đã thành hiện thực. Chiếc lược là chỗ dựa tinh thần mỗi khi ông nhớ con. Đó là kỉ vật cuối cùng lưu giữ tình yêu sâu nặng của ông Sáu dành cho con, ông khao khát được tận tay trao cho con gái. Sự khốc liệt của cuộc chiến tranh đã khiến nguyện ước của ông không thành nhưng cây lược sẽ là minh chứng cho tình yêu con của ông.  **\* NTXD nhân vật:** cách xây dựng tình huống truyện éo le, cảm động để nhân vật bộc lộ rõ nét cá tính và tình cảm của mình, nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.  c. **Kết bài:**  - Đánh giá nhân vật đối với sự thành công của tác phẩm, của văn học dân tộc.  - Cảm nhận của bản thân về nhân vật đó  **ĐỀ 2: Phân tích nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng?**  **-** Yêu cầu của đề bài: Phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện: **Nhân vật bé Thu.**  - Yêu cầu về thao tác lập luận: Phân tích, chứng minh, bình luận  - Yêu cầu về phạm vi tư liệu: **Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.**  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Quang Sáng, tác phẩm “Chiếc lược ngà”;  - Nêu nhiệm vụ nghị luận: nhân vật bé Thu.  **b. Thân bài:**  **\* Phân tích/cảm nhận về nhân vật:**  **- Hoàn cảnh của nhân vật:** Thu là cô bé khoảng tám tuổi là con gái duy nhất của ông Sáu. Khi ba đi vào chiến trường Thu mới một tuổi và tám năm sau ba em trở về nhưng lại có vết thẹo trên mặt khiến Thu không nhận ra ba của mình. Đến khi em nhận ra và tình cảm cha con thức dậy trong em mãnh liệt cũng là lúc ông Sáu phải trở về chiến khu, chính trong hoàn cảnh đó bé Thu đã bộc lộ rõ nét cá tính và tình cảm đáng yêu đáng mến.  **- Tính cách và phẩm chất nhân vật: thông qua diễn biến tâm lý:**  ***+ Khi bé Thu mới gặp cha***  . Bé giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác và thật lạ lùng.  . Mặt bé Thu như tái đi, vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”.  -> Bé Thu hồn nhiên, ngây thơ, ngạc nhiên xen lẫn sợ hãi.  ***+ Những ngày ông Sáu ở nhà:*** **bé Thu là một em bé có cá tính mạnh mẽ cứng cỏi** **nhưng đồng thời cũng mang nét hồn nhiên ngây thơ của con trẻ:** xưng hô trống không khi nhờ ba chắt nước nồi cơm to đang sôi; mời ba vào ăn cơm; hất cái trứng làm cơm văng tung tóe.  *+ Khi nhận ra ba:*  . Được bà ngoại giải thích về vết thẹo trên khuôn mặt của ba nó, sự nghi ngờ bấy lâu được giải tỏa. Thu rất ân hận, hối tiếc.  . Vì vậy, trước lúc ông Sáu phải lên đường, **thái độ và hành động của bé Thu thay đổi đột ngột**. Nhất là sau lời từ biệt của ông Sáu,” thôi ba đi nghe con” thì tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra mạnh mẽ hối hả và cuống quýt…  **\* NTXD nhân vật:** cách xây dựng tình huống truyện éo le, cảm động để nhân vật bộc lộ rõ nét cá tính và tình cảm của mình, nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.  **c.** **Kết bài:**  - Đánh giá nhân vật đối với sự thành công của tác phẩm, của văn học dân tộc.  - Cảm nhận của bản thân về nhân vật đó  **II. Dạng đề văn tự sự: Đóng vai nhân vật trong tác phẩm để kể lại nội dung câu chuyện:**  **Dàn ý:**  **a. Mở bài:**  Dẫn dắt, giới thiệu nhân vật là người kể chuyện và câu chuyện được kể theo yêu cầu của đề.  **b. Thân bài:**  \* Hoàn cảnh gặp gỡ để kể lại  \* Diễn biến câu chuyện: Bám sát các sự việc chính trong tác phẩm  \* Kết thúc câu chuyện  **c. Kết bài**  Suy nghĩ của người kể về câu chuyện đó. |

**3.3. Hoạt động vận dụng:** Viết bài văn ở tiết 2, 3 thành bài văn hoàn thiện.

**3.4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng**

- Tìm đọc các bài văn nghị luận về nhân vật trong tác phẩm “Chiếc lược ngà”; Các dạng đề văn tự sự Đóng vai nhân vật trong tác phẩm để kể lại nội dung câu chuyện “Chiếc lược ngà”.

- Nắm chắc kỹ năng làm bài các dạng đề đã hướng dẫn trong bài.

- Chuẩn bị:

***Ngày soạn***

***Ngày dạy:***

**BUỔI 19: ÔN TẬP HỌC KÌ 1**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

*1. Kiến thức*: Giúp hs

Củng cố, khắc sâu hơn những kiến thức đã học ở 3 phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn ở Ngữ văn 9, kì 1.

*2. Kỹ năng*

- Rèn kĩ năng tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá kiến thức

- Kĩ năng đọc-hiểu, phân tích, cảm thụ văn bản cũng như các chi tiết, hình ảnh đặc sắc

*3. Thái độ, phẩm chất*:

- Yêu mến thơ văn dân tộc.

- Sống có trách nhiệm, yêu quê hương đất nước.

- Tự giác, hứng thú trong học tập

*4. Năng lực:*

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực cảm thụ hẩm mĩ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

**II, CHUẨN BỊ**

1. *Giáo viên*:

* Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức VH, TV và TLV của HKI
* Tích hợp với các văn bản đã học.

1. *Học sinh:*

Chuẩn bị trước các câu hỏi

**III, PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

1.PP **:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi, trả lời một phút

**IV.** **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**Tiết 1: ÔN TẬP PHẦN VĂN BẢN**

**I, Hệ thống lại kiến thức:**

**\* Phương pháp: Thảo luận nhóm:**

- GV chia lớp làm 4 nhóm thảo luận 4 nội dung dưới đây trong thời gian 5-7 phút.

- Các nhóm trình bày vào phiếu học tập. GV quan sát, hỗ trợ hs.Hết thời gian cử đại diện nhóm trình bày.

- Các nhóm khác góp ý, bổ sung

- GV chốt kiến thức như sau (GV chiếu nội dung. HS chỉ cần ghi chép ngắn gọn theo hệ thống)

1. **Phần văn bản nhật dụng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Tác giả** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| ***1.Phong cách Hồ Chí Minh***  \* Chủ đề : Lối sống giản dị của Bác Hồ | Lê Anh Trà | Vẻ đẹp của phong cách HCM là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa nhân loại , giữa thanh cao và giản dị | - Kết hợp đan xen giữa thuyết minh với kể chuyện và bình luận.  - Lập luận chặt chẽ , sắc bén  - Các biện pháp liệt kê , so sánh |
| ***2.******Đấu tranh cho một thế giới hòa bình****.*  \* Chủ đề : chống chiến tranh và bảo vệ hòa bình. | - Ga-bri-en . Gác-xi-a. Mác-két (Nhà văn Cô-lôm-bi-a.) | Nguy cơ chiến tranh đang đe doạ toàn thể loài người và sự sống trên trái đất.Đấu tranh cho hoà bình, ngăn chặn và xoá bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ thiết thân và cấp bách của toàn thể loài người. | - Bố cục chặt chẽ , rõ ràng .  - Cách lập luận chặt chẽ , sắc bén dựa trên luận cứ tiêu biểu , xác thực  - Giọng văn nhiệt tình lôi cuốn  - Kết hợp giữa phương thức NL + TM  - Sử dụng phép so sánh , điệp ngữ , liệt kê …thích hợp , có hiệu quả |
| ***3. Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.***  \*Chủ đề : Sự sống còn và quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em (quyền trẻ em) | ***\**** Xuất xứ : tại Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em (New York 30/9/1990) | Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu. | - Nghị luận chính trị - xã hội mạch lạc rõ ràng .  - Luận cứ đầy đủ và toàn diện.  - Phương pháp nêu số liệu và phân tích khoa học  - Lời văn dứt khoát |

1. **Phần văn học Trung đại.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Nội dung chủ yếu** | **Nghệ thuậtchủ yếu** |
| 1 | **Chuyện người con gái Nam Xương** | **Nguyễn Dữ** | Niềm cảm thương số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. | - Truyện truyền kỳ viết bằng chữ Hán.  - Kết hợp những yếu tố hiện thực và yếu tố kỳ ảo. |
| 2 | **Hồi thứ 14 của Hoàng Lê nhất thống chí** | **Ngô Gia Văn Phái** (Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du) | - Hình ảnh anh hùng dân tộc Quang Trung Nguyễn Huệ với chiến công thần tốc đại phá quân Thanh 1789.  - Sự thảm hại của quân tướng Tôn Sĩ Nghị và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | - Tiểu thuyết lịch sử chương hồi viết bằng chữ Hán.  - Kể chuyện nhanh gọn, chọn lọc sự việc, khắc hoạ nhân vật qua hành động và lời nói. |
| 3 | **Chị em Thuý Kiều** | **Nguyễn Du** | Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều. Qua đó dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh.  Thể hiện cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du | Nghệ thuật ước lệ cổ điển , lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người. |
| 4 | **Kiều ở lầu Ngưng Bích** | **Nguyễn Du** | Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo rất đáng thương, đáng trân trọng của Thuý Kiều | - Miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất.  - Bút pháp tả cảnh ngụ tình. |
| 5 | **Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** | **Nguyễn Đình Chiểu** | -Khắc hoạ những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật : LVT tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa, khinh tài ; KNN hiền hậu, nết na, ân tình.  - Khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả | - Là truyện thơ Nôm.  - Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả rất giản dị, mộc mạc, giàu màu sắc Nam Bộ. |

**3 . Phần thơ hiện đại Việt Nam (lớp 9, kì 1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Tác giả** | **Thể thơ** | **Tóm tắt nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| **1** | **Đồng Chí**  **(1948)** | Chính Hữu | Tự do | Tình đồng chí của những người lính dự trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu, được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc trong mọi hoàn cảnh, nó góp phần tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng. | Chi tiết, hình ảnh tự nhiên, giản dị cô đọng, gợi cảm |
| **2** | **Bài thơ về tiểu đội xe không kính**  **(1969)** | Phạm Tiến Duật | Tự do | Qua hình ảnh độc đáo – những chiếc xe không kính, khắc họa nổi bật hình ảnh những người lái xe trên tuyến dường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ với tư thế hiên ngang, tinh thần dững cảm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam. | Chất liệu hiện thực sinh động, hình ảnh độc đáo; giọng điệu tự nhiên, khỏe khoắn, giàu tính khẩu ngữ. |
| **2** | **Đoàn thuyền đánh cá**  **(1958)** | Huy Cận | Bảy chữ | Khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống mới. | Nhiều hình ảnh đẹp, rộng lớn, được sáng tạo bằng liên tưởng và tưởng tượng; âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, lạc quan. |
| **4** | **Bếp lửa**  **(1963)** | Bằng Việt | Kết hợp bảy chữ và tám chữ | Gợi lại những kỉ niệm xúc động về người bà và tình bà cháu. Đồng thời thể hiện lòng yêu thương, kính trọng và biết ơn bà. | Hồi tưởng kết hợp với cảm xúc, tự sự, bình luận  Sáng tạo hình ảnh giàu ý nghĩa |
| **5** | **Ánh trăng**  **(1978)** | Nguyễn Duy | Năm chữ | Gợi nhớ những năm tháng gian lao của người lính, nhắc nhở thái độ“ uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thuỷ chung. | Giọng tâm tình, hình ảnh giàu tính biểu cảm. Sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ. |

1. **Phần truyện hiện đại.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác phẩm - Tác giả** | **Thể loại** | **Năm sáng tác** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **Làng** (*Kim Lân)* | Truyện ngắn | 1948. | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân. | Xây dựng cốt truyện tâm lí, tình huống truyện đặc sắc; miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, tinh tế; ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ; cách trần thuật linh hoạt, tự nhiên. |
| **Lặng lẽ Sa Pa** *(Nguyễn Thành Long*) | Truyện ngắn | 1970 | Khắc hoạ thành công hình ảnh những người lao động bình thường mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên. Qua đó khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nhĩa của những công việc thầm lặng. | Truyện xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên; miêu tả nhân vật từ nhiều điểm nhìn; ngôn ngữ chân thực giàu chất thơ và chất hoạ; có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận. |
| **Chiếc lược ngà**  (*Nguyễn Quang Sáng)* | Truyện ngắn. | 1966 | Truyện thể hiện chân thật và cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. | Nghệ thuật miêu tả tâm lí, tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em; xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên. |

**II, Bài tập:**

***Câu 1***: Nêu vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” và các trích đoạn trong “Truyện Kiều”.

Gợi ý:

Hình ảnh người phụ nữ qua “*Chuyện người con gái Nam Xương*” và các trích đoạn trong “Truyện Kiều”:  
*\*Vẻ đẹp người phụ nữ* :  
- Nhan sắc, tài năng : chị em Thúy Kiều nghiêng nước nghiêng thành, Kiều thì thông minh thiên bẩm, giỏi về cầm kì thi họa. Vũ Nương tư dung tốt đẹp.  
- Tâm hồn, tình cảm:  
+ Hiếu thảo, thủy chung : Thúy Kiều luôn nhớ thương Kim Trọng, bán mình cứu cha và em. Vũ Nương thủy chung , luôn giữ khuôn phép, chăm sóc mẹ chồng.  
+ Khát vọng tự do, chính nghĩa: Vũ Nương lấy cái chết bày tỏ trong sạch, nhờ Phan Lang nói với chồng lập đàn giải oan.  
*\* Bi kịch số phận* :  
- Chịu đau khổ, oan khuất : Vũ Nương bị nghi oan, không minh oan được, phải gieo mình xuống dòng Hoàng Giang. Kiều phải trải qua bao dâu bể cuộc đời.  
- Tình yêu tan vỡ : Tình yêu Thúy Kiều với Kim Trọng tan vỡ.  
- Nhân phẩm bị chà đạp : Vũ Nương bị chồng nghi oan.Thúy Kiều bị giam hãm trong nỗi cô đơn tuyệt vọng.

***Câu 2***: Nhận xét về hình ảnh người lính và tình đồng đội của họ trong các văn bản thơ “Đồng chí”, “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” và “Ánh trăng”

**Gợi ý**

- Giống nhau: Đều viết về người lính cách mạng với những vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn.

- Khác nhau:

+ *Đồng chí* là hình ảnh của những người lính ở thời kì đầu cuộc kháng Pháp. Họ xuất thân từ nông dân, nơi những làng quê nghèo khó, đã tự nguyện và hăng hái lên đường chiến đấu. Tình đồng chí của những người đồng đội dựa trên cơ sở cùng một cảnh ngộ, cùng chia sẻ gian lao, thiếu thốn và nhất là cùng một lí tưởng chiến đấu. Bài thơ thể hiện đặc sắc vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí ở người lính cách mạng.

+ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* là hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ. Họ rất dũng cảm, bất chấp khó khăn, nguy hiểm, hiên ngang tiến tới với niềm lạc quan và ý chí kiên cường. Một hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mĩ.

+ *Ánh trăng* nói về nghĩ suy của người lính khi đã đi qua rồi cuộc chiến tranh nay sống êm ấm trong thành phố, trong hòa bình. Bài thơ này gợi lại bao kỉ niệm đã qua gắn bó người lính với đồng đội, với đất nước trong những ngày tháng cũ gian lao để từ đó nhắc nhớ về đạo lí nghĩa tình thủy chung sau trước.

***Câu 3***: Trong các văn bản truyện ở lớp 9, kì 1 em ấn tượng (yêu thích) nhân vật nào nhất. Hãy nêu cảm nhận của em về nhân vật ấy.

Gợi ý

- BT này GV nên cho hs phát biểu bằng văn bản nói trên lớp( vì không có nhiều thời gian để viết bài). Các em nêu được nhân vật mà mình ấn tượng là nhân vật nào? Vì sao lại yêu thích nhân vật đó? Những cảm nhận, đánh giá về nhân vật cũng như giá trị của tác phẩm?...

- Sau đó GV hướng dẫn HS về nhà viết bài văn nêu cảm nhận về nhân vật theo gợi ý sau (cũng là chuẩn bị tâm thế cho phần NLVH sẽ học ở kì 2):

\*Mở bài : + Giới thiệu tác giả tác phẩm, nhân vật

+ Cảm nhận, đánh giá chung về nhân vật (ấn tượng, yêu thích, khâm phục, thương cảm hay căm ghét, …)

\*Thân bài :

1, Ý khái quát : Vài nét về hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính của tác phẩm

2, Cảm nhận nhân vật theo các luận điểm :

+ Cuộc đời, số phận, hoàn cảnh gia đình

+ Ngoại hình

+ Tài năng

+ Tính cách, quan điểm sống,..

+ Phẩm chất

+ Diễn biến tâm trạng.

+ Hành động, lời nói

+ Mối quan hệ với cộng đồng, xã hội

+…

*Mỗi nhân vật được nhà văn xây dựng theo một phương thức riêng. Có nhân vật thiên về hành động (ví dụ: vua Quang Trung- Hồi thứ 14, Hoàng Lê nhất thống chí ) , có nhân vật thiên về diễn biến tâm trạng và hành động ( Bé Thu- Chiếc lược ngà ), hoặc có nhân vật lại thiên về diễn biến tâm trạng ( ông Hai- Làng, Thuý Kiều- Kiều ở lầu Ngưng Bích ), có nhân vật lại hiện lên qua lời nói, cử chỉ (Lục Vân Tiên, anh thanh niên),... Bởi vậy khi phân tích nhân vật, chúng ta không nhất thiết phải phân tích hết những luận điểm trên. Phân tích nhân vật phải đặt trong mối tương quan với các nhân vật khác, với toàn bộ tác phẩm.*

3, Đánh giá về nhân vật:

+ Ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng tác phẩm.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: thành công ở mặt nào: tâm lí, số phận, tính cách phẩm chất, tư tưởng; những thủ pháp và hình ảnh chi tiết đi gắn liền, làm nên nhân vật; ngôn ngữ nhân vật; cách kể về nhân vật…

+ Đánh giá về tài năng của tác giả trong việc xây dựng thành công nhân vật.

\*Kết bài: Có thể đánh giá chung về nhân vật đó, khẳng định giá trị của tác phẩm.

***Tiết 2*: ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I, Hệ thống lại kiến thức:** *(Ghi chép ngắn gọn theo phương pháp sơ đồ)*

1. ***Các phương châm hội thoại:***

|  |
| --- |
| **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương châm**  **về lượng** | **Phương châm về chất** | **Phương hâm quan hệ** | **Phương châm cách thức** | **Phương châm lịch sự** |
| yêu cầu khi giao tiếp, cần nói có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.  VD: *Trâu là loài gia súc nuôi ở nhà.* | yêu cầu khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng và không có bằng chứng xác thực.  VD: *Nói có sách, mách có chứng.* | yêu cầu khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.  VD: *Ông nói gà, bà nói vịt.* | yêu cầu khi giao tiếp cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ.  VD: *Nói dây cà ra dây muống*. | yêu cầu khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác.  VD: *Kim vàng ai nỡ uốn câu/ Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.* |

*Lưu ý:*

* Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với tình huống giao tiếp.
* Việc không tuân thủ phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:

+ Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.

+ Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.

+ Người nói muốn gây một sự chú ý để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.

***2. Xưng hô trong hội thoại:***

- Từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt có các từ chỉ quan hệ gia đình, một số từ chỉ nghề nghiệp.

- Hệ thống từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.

- Người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.

***3. Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp***

*\* Dẫn trực tiếp* là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật. Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép

*\* Dẫn gián tiếp* là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho phù hợp. Lời dẫn gián tiếp không được đặt trong dấu ngoặc kép.

*\* Cần lưu ý khi chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp:*

- Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

- Thay đổi đại từ xưng hô cho phù hợp.

- Lược bỏ các từ chỉ tình thái.

- Thêm từ rằng hoặc là trước lời dẫn.

- Không nhất thiết phải chính xác từng từ nhưng phải dẫn đúng về ý

*\* Cần lưu ý khi chuyển lời dẫn gián tiếp thành lời dẫn trực tiếp:*

- Khôi phục lại nguyên văn lời dẫn (thay đổi đại từ xưng hô, thêm bớt các từ ngữ cần thiết ,…).

- Sử dụng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

1. ***Sự phát triển của từ vựng:***

***Các cách phát triển từ vựng***

**Phát triển số lượng từ ngữ**

**Phát triển nghĩa của từ**

**Mươn từ**

**Tạo từ mới**

**Hoán dụ**

**Ẩn dụ**

***5. Thuật ngữ:***

*\* Khái niệm:* Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.

*Ví dụ: ẩn dụ, lực, véctơ, …*

*\* Đặc điểm của thuật ngữ:*

- Về nguyên tắc, trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng với một khái niệm.

- Thuật ngữ không có tính biểu cảm.

***6. Trau dồi vốn từ:*** Hai định hướng chính để trau dồi vốn từ:

- Hiểu đầy đủ và chính xác nghĩa của từ trong những văn cảnh cụ thể. Biết cách dùng từ cho đúng nghĩa và phù hợp với văn cảnh.

- Tích lũy thêm những yếu tố cấu tạo từ chưa biết, làm phong phú vốn từ của bản thân.

**II, Bài tập:**

**Câu 1**: *Các từ ngữ: nói trạng; nói nhăng; nói cuội; nói có sách, mách có chứng; nói dối; nói mò; nói hươu, nói vượn; các cách nói liên quan đến phương châm hội thoại nào? Vì sao?*

Trả lời: Phương châm về chất 🡒 Vì phương châm về chất yêu cầu nội dung nói phải đúng và phải xác thực.

**Câu 2**: *Giải thích nghĩa các cách xưng hô của Tố Hữu với Lượm trong bài thơ “Lượm”: “Cháu” (Cháu cười híp mí), “Lượm” ( Thôi rồi, Lượm ơi!), “Chú đồng chí nhỏ” (Chú đồng chí nhỏ- Bỏ thư vào bao), “Chú bé” (Ca lô chú bé- Nhấp nhô trên đồng).*

Trả lời:

Tố Hữu xưng hô với Lượm theo các từ ngữ xưng hô với nhau:

+ *Cháu*: xưng hô theo tuổi tác và quan hệ giữa hai người.

+ *Lượm*: là cách gọi trực tiếp và thân mật.

*+ Chú đồng chí nhỏ*: là xưng hô thân mật nhưng tôn trọng vì Lượm đã thành chiến sĩ liên lạc.

+ *Chú bé*: là cách xưng hô trung tính, chỉ Lượm là một chú bé.

**Câu3**: *Phân tích sự thay đổi cách xưng hô của chị Dậu với cai lệ từ “cháu” với “ông” (cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh) chuyển qua “tôi” với “ông” (Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ) và sau cùng là “mày” và “bà” (Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem).*

Trả lời:

- Chị Dậu xưng hô “ông”-“cháu” là tôn trọng cai lệ, tự xếp mình vào bậc dưới cai lệ để mong y thương tình.

- Chị Dậu xưng “tôi”-“ông”: vẫn tôn trọng cai lệ nhưng vị trí chị Dậu đã nâng lên, không phải hàng dưới mà đã ngang hàng, bình đẳng.

- Chị Dậu xưng “mày”-“bà” là khi không kìm nén được cơn tức giận, coi cai lệ là loại tầm thường, ở vai dưới => Cho thấy sự vùng dậy phản kháng mạnh mẽ của người phụ nữ nông dân.

**Câu 4**: “*Chợt đứa con nói rằng:*

*-Cha Đản đến kia kìa.”*

*Đó là lời nói dẫn trực tiếp hay gián tiếp? Dẫn lời nói hay ý nghĩ?*

Trả lời:

- Đứa con nói rằng: “Cha Đản đến kia kìa” đó là trường hợp dẫn trực tiếp lời của Đản. Đây là dẫn lời nói chứ không phải ý nghĩ nhân vật.

**Câu 5**: *“Nhưng khi nhận được chiếc thoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói:*

*-“Đây quả là vật dùng mà vợ tôi mang lúc ra đi’’.*

*Hãy chuyển lời nói trực tiếp của Trương Sinh thành lời dẫn gián tiếp.*

Trả lời:

Chuyển lời trực tiếp của Trương Sinh sang lời dẫn gián tiếp:

“Nhưng khi nhận được chiếc thoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói rằng đó chính là vật mà vợ chàng đã mang đi”.

***Tiết 3*: ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**I, Hệ thống lại kiến thức :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu văn bản (PTBĐ)** | **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **VĂN THUYẾT MINH** | Khái niệm | Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giải thích, giới thiệu. |
| Vai trò và đặc điểm của văn thuyết minh. | - Văn bản thuyết minh có tính chất tri thức khách quan, thực dụng, là loại văn bản có khả năng cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người.  - Văn bản thuyết minh hay là một văn bản trình bày rõ ràng hấp dẫn đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.  - Văn bản thuyết minh sử dụng ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động. |
| Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh. | Kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức vè, diễn ca  =>Góp phần làm nổi bật được đặc điểm của văn bản thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc. |
| Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh. | Làm cho đối tượng thuyết minh thêm cụ thể, sinh động, hấp dẫn; đối tượng thuyết minh thêm nổi bật, gây ấn tượng. |
| **VĂN TỰ SỰ** | Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự. | Miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật, nhân vật và sự việc làm cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn, gợi cảm. |
| Sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm trong văn tự sự. | Miêu tả nội tâm là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng nhân vật.  + Miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách diễn tả những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật (có thể dùng độc thoại nội tâm).  + Miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật… |
| Sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự. | Nghị luận là nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ và dẫn chứng. Nội dung đó thường diễn đạt bằng hình thức lập luận làm cho câu chuyện thêm phần triết lí. |
| Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự. | \**Đối thoại*: là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người. Trong vb tự sự, đối thoại được thể hiện bằng các gạch đầu dòng ở đầu mỗi lời trao và lời đáp.  *\*Độc thoại*: là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc nói với một ai đó trong tưởng tượng. Khi người độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có gạch đầu dòng;  *\* Độc thoại nội tâm*: là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc nói với một ai đó trong tưởng tượng nhưng không phát ra thành lời, thành tiếng (Khi viết thì không có gạch đầu dòng). |

**II, Bài tập:**

**Câu 1:** Hãy so sánh hai đoạn văn sau và rút ra nhận xét.

***Đoạn 1***: Mùa xuân, chè ra búp, những người trồng chè tươi không bao giờ hái búp mà phải chăm sóc cho tới khi búp nở thành lá và lá chè già mới hái. Đầu mùa hạ là bắt đầu thu hoạch chè tươi. Người ta hái chè bằng ghế cao, vít cành xuống là hái nhưng không được làm gãy. Chè tươi Cam Lâm rất đặc biệt, không thể lẫn với các thứ chè khác. Đó là đặc sản của một vùng đất mà ai đã biết thì không thể quên.

***Đoạn 2***: Mùa xuân, búp chè đâm ra tua tủa, người trồng chè tươi không bao giờ hái búp mà chăm sóc tới khi búp xoè như bàn tay, đợi cho lá chè già mới hái. Khi nắng hạ chói chang, lúa chiêm vào chắc hạt là lúc cây chè bắt đầu thu hoạch. Người ta hái chè bằng ghế cao, vít cành xuống mà hái nhưng không được làm gãy. Chè tươi Cam Lâm rất đặc biệt, cho dù trộn lẫn với bao thứ chè khác, người ta vẫn dễ dàng nhận ra. Phải chăng đó là cái duyên của một vùng đất neo giữ tình cảm con người:

Nhất trong là giếng nước Nghè

Nhất ngon là bát nước chè Cam Lâm.

**Gợi ý**

Đoạn 1 và đoạn 2 đều là thuyết minh về một đối tượng: Chè Cam Lâm với những đặc điểm cụ thể nhất định trong cả 2 đoạn.

- Đoạn 1: Chủ yếu thuyết minh bằng cách liệt kê các đặc điểm, cách thức hái chè, thời gian thu hoạch, không dùng miêu tả, các BPNT.

- Đoạn 2: Vừa thuyết minh kết hợp với miêu tả, vừa dùng một số BPNT như so sánh, nhân hoá (neo giữ tình cảm), sử dụng thêm ca dao làm cho đối tượng thuyết minh thêm cụ thể, gây ấn tượng, đoạn văn TM sinh động hấp dẫn.

**Câu 2:** Dựa vào đoạn trích *"Cảnh ngày xuân*" (Trích “Truyện Kiều”, Nguyễn Du), em hãy viết một đoạn văn kể về việc chị em Thuý Kiều đi chơi trong tiết thanh minh. Trong khi kể chú ý vận dụng các yêu tố miêu tả để tả cảnh ngày xuân.

***Gợi ý***

- Chọn ngôi kể: Ngôi thứ 3

- Lựa chọn các sự việc:

+ Chị em Thuý Kiều đi du xuân

+ Lễ tảo mộ (quét tước, dọn dẹp, đốt vàng hương, cầu khấn,..)

+ Hội đạp thanh, (hội chơi xuân, người ta ra đồng đi chơi dẫm chân trên cỏ xanh)

+ Cảnh ra về bịn rịn, lưu luyến

Miêu tả: Cảnh thiên nhiên: Trời xanh, hoa trắng, cỏ xanh,…

Cảnh sinh hoạt: tưng bừng, nhộn nhịp

VD: *“Một buổi chiều xuân trong tiết Thanh minh,* ***những cánh chim én rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời trong sáng, thảm cỏ non như trải rộng tới chân trời, trên cành lê điểm một vài bông hoa trắng****. Chị em Thúy Kiều hòa vào dòng người* ***nhộn nhịp*** *đi chơi xuân. Tiết Thanh minh mọi người sắm sửa lễ vật đi tảo mộ và vui hội đạp thanh.* ***Quang cảnh thật******rộn ràng, tấp nập****. Khi* ***mặt trời ngả bóng về tây****,* ***không khí******lặng dần****, chị em Kiều ra về trong tâm trạng bâng khuâng”.*

***Câu 3:*** Lập dàn ý cho đề bài sau:

*Hãy tưởng tượng và ghi lại cuộc gặp gỡ, trò chuyện của em với người chiến sỹ lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.*

**Gợi ý**

- Kiểu bài: Tự sự kết hợp với miêu tả, miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận.

- Nhân vật: Em và người chiến sỹ lái xe

*a. Mở bài:*

Trong cuộc sống, có những người ta chỉ gặp một lần, chỉ trò chuyện chốc lát nhưng cũng đã để lại nhiều dấu ấn, tác động sâu sắc đến cuộc sống chúng ta. Thật may mắn và tình cờ, tôi đã được gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Cuộc gặp gỡ và trò chuyện ấy đã tác động rất nhiều đến suy nghĩ và tình cảm của tôi.

*b. Thân bài:*

\* Kể lại tình huống được gặp gỡ, trò chuyện với người lính lái xe (Nhà trường tổ chức cho lớp đi thăm nghĩa trang Trường Sơn ngày 27-7. Ở đó, tôi được biết người quản trang chính là người lính Trường Sơn năm xưa…). Miêu tả người lính đó (ngoại hình, tuổi tác, …)

\* Kể lại diễn biến cuộc gặp gỡ và trò chuyện:

- Tôi hỏi bác về những năm tháng chống Mỹ khi bác lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

- Người lính kể lại những gian khổ mà bác và đồng đội phải chịu đựng: Sự khốc liệt của chiến tranh, bom đạn của kẻ thù là xe bị vỡ kính, mất đèn, không mui.

- Người lính kể về tinh thần dũng cảm, về tư thế hiên ngang, niềm lạc quan sôi nổi của tuổi trẻ trước bom đạn kẻ thù, trước khó khăn, gian khổ -> Những suy nghĩ của bản thân (xen miêu tả nội tâm + nghị luận)

*c. Kết bài:*

- Chia tay người lính lái xe.

- Suy nghĩ về cuộc gặp gỡ, trò chuyện.

- Những câu chuyện người lính kể cho tôi nghe tác động rất nhiều đến suy nghĩ và tình cảm của tôi. Tôi khâm phục và tự hào về thế hệ cha ông anh dũng, kiên cường đánh giặc và làm nên chiến thắng vẻ vang.

- Tôi thấm thía hơn giá trị thiêng liêng của chủ quyền tự do, độc lập mà dân tộc ta đã đổ bao xương máu mới giành được.

- Liên hệ với bản thân: phấn đấu học tập, tu dưỡng.

**V. CỦNG CỐ & DẶN DÒ**

HS về nhà hoàn thành bài tập 3 phần Ôn tập Tập làm văn (viết thành bài văn)

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 20: LUYỆN ĐỀ**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1**. Kiến thức:**

* Nhận biết được tác giả, tác phẩm.
* Chỉ ra được biện pháp tu từ tiêu biểu và giá trị của biện pháp tu từ đó.
* Xác định được nội dung của đoạn thơ. Vận dụng được những hiểu biết của bản thân về thiên nhiên, đất nước, con người bằng một đoạn văn.
* Nhận ra được lỗi vi phạm các phương châm hội thoại trong quá trình giao tiếp.
* Nắm được cách viết một bài văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại,…

**2. Kỹ năng:**

* Học sinh có kĩ năng Đọc – hiểu văn bản nghệ thuật, biết nhận diện tác giả, tác phẩm, các biện pháp tu từ và hiểu được nội dung của đoạn thơ.
* Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không sai lỗi chính tả, lỗi dùng từ, ngữ pháp.
* Học sinh có kĩ năng làm một bài văn tự sự chuyển từ một tác phẩm trữ tình. Bố cục rõ ràng, kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại,…
* Văn viết trong sáng, lưu loát, giàu hình ảnh, cảm xúc, không mắc lỗi hành văn.

**3. Thái** độ, phẩm chất: Lòng yêu mến môn Văn.

4. Năng lực: Học sinh rèn năng lực tự học, tích cực, chủ động.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: Hệ thống lại nhanh kiến thức lý thuyết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV chiếu đề thi 1 số năm trước.  ? Em có nhận xét gì về cấu trúc bài thi học kì các năm trước?  HS trả lời cá nhân: Cấu trúc đề thi thường gồm 2 phần:  1. Đọc hiểu văn bản  2. Tạo lập văn bản  GV: Để hiểu thêm cấu trúc đề thi và cách làm các dạng bài chúng ta đi ôn tập lần lượt các phần.  ? Kiến thức phần đọc hiểu có liên quan đến phân môn nào của bộ môn Ngữ văn? (cả 3 phân môn).  GV chia học sinh thành 3 nhóm thảo luận và cho học sinh lên bảng khái quát lại kiến thức của 3 phân môn trong HK1.  - Nhóm 1: Kiến thức về văn bản  - Nhóm 2: Kiến thức về tiếng Việt  - Nhóm 3:Kiến thức về Tập làm văn.  HS hoạt động nhóm, lên báo cáo  GV cho các nhóm nhận xét bài của nhau  🡪GV chiếu đáp án, chốt và cho điểm.  GV khái quát và nhắc lại nhanh những đơn vị kiến thức mà các nhóm HS vừa hệ thống lại được (dùng máy chiếu)  Lưu ý: Chiếu đến kiến thức nào, GV sẽ dừng lại giảng kĩ về cách làm từng phận, từng dạng bài. | **I. Những nội dung cơ bản cần lưu ý**  **1.Phần kiến thức đọc-hiểu văn bản:**  **a.Văn bản:**  - Truyện trung đại  - Truyện hiện đại  - Thơ hiện đại  - Văn bản nhật dụng  **b.Tiếng Việt**: 2 nội dung  - Tổng kết kiến thức từ vựng đã học ở lớp dưới: Từ và cấu tạo từ, nghĩa của từ, từ mượn, một số phép tu từ từ vựng…  - Tiếp tục cung cấp 1 số kiến thức chưa được học ở các lớp dưới như: các phương châm hội thoại, cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, thuật ngữ, sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ…  **c.Tập làm văn:** 2 nội dung lớn  - Tiếp tục học về văn bản thuyết minh với yêu cầu kết hợp các biện pháp nghệ thuật, thuyết minh kết hợp với miêu tả.  - Văn tự sự với các nội dung phát triển cao hơn so với các lớp dưới: kết hợp tự sự với miêu tả nội tâm; kết hợp tự sự với nghị luận; về đối thoại và độc thoại trong văn bản tự sự, về người kể chuyện trong văn bản tự sự…  **2. Các yêu cầu cần đạt về kiến thức:**  **a.Văn bản:**  - Kiến thức về tác giả, tác phẩm:  + Hoàn cảnh sáng tác  + Phương thức biểu đạt  + Nội dung văn bản (có thể là nội dung của một đoạn)  + Văn bản ca ngợi hay phê phán điều gì?  - Học thuộc những câu, đoạn đặc sắc trong các văn bản đó.  - Phân tích vai trò, tác dụng của các yếu tố nghệ thuật ngôn từ trong việc thể hiện nội dung của văn bản.  **b.Tiếng Việt**:  - Nhận diện được các đơn vị tiếng Việt trong văn bản  - Nêu được vai trò và tác dụng của các đơn vị tiếng Việt đó.  - Biết vận dụng các đơn vị này trong thực hành nói và viết.  **c.Tập làm văn:**  **-** Biết vận dụng để viết một kiểu văn bản đã đuộc củng cố về kiến thức và kĩ năng |
| ? Theo em, đối với dạng bài đọc hiểu nói riêng và các dạng bài môn Văn nói chung thì sau khi đọc đề, chúng ta cần làm gì?  HS trả lời theo ý kiến cá nhân  GV nhận xét, chốt. | **II. Cách làm dạng bài đọc hiểu**  **-** Đọc kĩ đề, gạch chân dưới những từ ngữ quan trọng của đề  - Trả lời vào đúng trọng tâm của đề, tránh lan man dài dòng.  - Cần trả lời đủ ý, tránh thiếu ý, bỏ sót ý. |

**Tiết 2:**

***Luyện tập :*** GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn:

HS có thể tham khảo đề kiểm tra cuối kì trong SGK (224-228) nhưng đây là đề có cấu trúc cũ nên GV sẽ đưa dạng bài tập khác:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm- HS thực hiện  **Bài tập 1: GV tổ chức trò chơi Game “Ai là triệu phú”.**  GV sẽ chia lớp ra làm các nhóm (VD 3 nhóm, mỗi nhóm 10 câu. Các câu hỏi sẽ xoay quanh kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. HS sẽ chọn đáp án đúng nhất của câu hỏi đó. Nhóm nào trả lời được nhiều câu hỏi 🡪nhóm đó chiến thắng)  **🡪 Bài tập nhằm mục đích củng cố kiến thức về phần tác giả tác phẩm**  **( Lưu ý: GV có thể dùng phần mềm game gọi tên để chọn HS chơi. Khoảng 3 HS, mỗi HS 10 câu hỏi. Các em HS phía dưới sẽ lắng nghe và theo dõi)** | - GV chốt kiến thức  (Đáp án) |

Câu 1: Vấn đề chủ yếu được nói tới trong văn bản ***Phong cách Hồ Chí Minh*** là gì ?

1. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh
2. Phong cách làm việc và nếp sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh
3. Tình cảm của người dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh
4. Trí tuệ tuyệt vời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 2: Thế nào là phương châm về chất trong hội thoại ?

1. Khi giao tiếp, cần chú ý nói rành mạch, rõ ràng, tránh nói mơ hồ.
2. Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.
3. Khi giao tiếp, cần nói đúng đề tài giao tiếp, không lạc sang đề tài giao tiếp khác.
4. Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

Câu 3: ***Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*** của Mác – két được viết theo phương thức nào là chính ?

1. Tự sự
2. Biểu cảm
3. Thuyết minh
4. Nghị luận.

Câu 4: Miêu tả trong văn thuyết minh có vai trò gì ?

1. Làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ hiểu
2. Làm cho đối tượng thuyết minh có tính cách và cá tính riêng.
3. Làm cho bài văn thuyết minh giàu sức biểu cảm
4. Làm cho bài văn thuyết minh giàu tính logic và màu sắc triết lí.

Câu 5: Dòng nào **không** nêu đúng xu thế phát triển vốn từ vựng tiếng Việt trong những năm gần đây?

A. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ vựng

B. Cấu tạo từ ngữ mới

C. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài

D. Mượn các điển cố Hán học trong các bài thơ Đường

Câu 6. Thuật ngữ gồm các loại từ ngữ nào?

A. Từ ngữ biểu thị các khái niệm khoa học

B. Từ ngữ biểu thị các thái độ, tình cảm

C. Từ ngữ biểu thị các tính chất

D. Từ ngữ biểu thị các hành động

Câu 7: Nhận định nào nói đúng nhất về văn bản “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em”?

1. Là một văn bản biểu cảm.
2. Là một văn bản tự sự.
3. Là một văn bản thuyết minh.
4. Là một văn bản nhật dụng.

Câu 8: Truyền kì mạn lục có nghĩa là gì?

1. Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền.
2. Ghi chép tản mạn những điều có thật xảy ra trong xã hội phong kiến.
3. Ghi chép tản mạn những câu chuyện lịch sử của nước ta từ xưa đến nay.
4. Ghi chép tản mạn cuộc đời của những nhân vật kì lạ từ trước đến nay.

Câu 9: Câu văn nào khái quát được vẻ đẹp toàn diện của nhân vật Vũ Nương?

1. Vũ Thị Thiết, ngườì con gái quê ở Nam Xương, tính đã thuỳ mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp.
2. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật lấy lời ngon ngọt khôn khéo khuyên lơn.
3. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ của mình.

Câu 10: Các từ “***hoa***” trong những câu thơ sau, từ nào được dùng theo nghĩa gốc?

1. Năng lòng xót liễu vì hoa

Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa.

1. Cỏ non xanh rơn chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

1. Đừng điều nguyệt nọ hoa kia

Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.

1. Cửa sài vừa ngỏ then hoa

Gia đồng vào giử thư nhà mới sang.

*(Nguyễn Du - Truyện Kiều)*

Câu 11: Tên tác phẩm “***Hoàng Lê nhất thống chí***” có nghĩa là gì?

1. Vua Lê nhất định thống nhất đất nước.
2. Ý chí thống nhất đất nước của vua Lê.
3. Ghi chép lại việc vua Lê thống nhất đất nước.
4. Ý chí trứơc sau như một của vua Lê.

Câu 12: Chi tiết nào nói lên sự sáng suốt của vua Quan Trung trong việc xét đoán và dùng người?

1. Cách xử trí với các tướng sĩ tại Tam Điệp.
2. Phủ dụ quân lính tại Nghệ An.
3. Thân chinh cầm quân ra trận.
4. Sai mở tiệc khao quân.

Câu 13: Dòng nào nói không đúng về nghệ thuật của Truyện Kiều?

1. Sử dụng ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát một cách điêu luyện.
2. Trình bày diễn biến sự việc theo chương hồi.
3. Có nghệ thuật dẫn chyện hấp dẫn.
4. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên tài tình.

Câu 14: Câu thơ “***Làn thu thuỷ nét xuân sơn***” miêu tả vẻ đẹp nào của Thuý Kiều?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vẻ đẹp của đôi mắt. | B. Vẻ đẹp của làn da |
| C. Vẻ đẹp của mái tóc. | D. Vẻ đẹp của dáng đi. |

Câu 15: Cụm từ “***Nghề riêng***” nói về cái tài nào của Thuý Kiều?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tài chơi cờ | B. Tài làm thơ. |
| C. Tài đánh đàn. | D. Tài vẽ. |

Câu 16: Qua cung đàn mà Kiều sáng tác, em hiểu thêm điều gì về nhân vật này?

1. Là người luôn vui vẻ, tươi tắn.
2. Là người có trái tim đa sầu đa cảm.
3. Là người gắn bó với gia đình.
4. Là người có tình yêu chung thuỷ.

Câu 17. Nội dung chính của đoạn trích “***Cảnh ngày xuân***” là gì?

1. Tả lại vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều.
2. Tả lại cảnh chị em Thúy Kiều đi chơi xuân.
3. Tả cảnh mọi người đi lễ hội trong tiết thanh minh.
4. Tả lại cảnh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ.

Câu 18: Trong các câu sau, câu nào sai về lỗi dùng từ?

1. Khủng long là loài động vật đã bị tuyệt tự.
2. Truyện Kiều là một tuyệt tác văn học bằng chữ Nôm của Nguyễn Du.
3. Ba tôi là người chuyên nghiên cứu những hồ sơ tuyệt mật.
4. Cô ấy có vẻ đẹp tuyệt trần**.**

Câu 19: Nhận định nào nói đúng nguồn gốc của từ “***Đồng chí***”

1. Là những người cùng một giống nòi.
2. Là những người sống cùng một thời đại.
3. Là những người bạn thân thiết.
4. Là những người cùng một chí hướng chính trị.

Câu 20: Cụm từ “***súng bên súng***” nói lên điều gì?

1. Những người lính cùng chung nhiệm vụ chiến đấu.
2. Tả thực những khẩu súng nằm cạnh bên nhau.
3. Nói lên sự đụng độ giữa quân ta và quân địch.
4. Những người lính đang canh gác trên chiến hào.

Câu 21: Từ “***đầu***” trong dòng nào sau đây được dùng theo nghĩa gốc?

1. Đầu bạc răng long.
2. Đầu súng trăng treo.
3. Đầu non cuối bể.
4. Đầu sóng ngọn gió.

Câu 22: Giọng điệu của “***Bài thơ về tiểu đội xe không kính***” là:

1. Ngang tàng, phóng khoáng, pha chút nghịch ngợm, phù hợp với đối tượng được miêu tả.
2. Trữ tình, nhẹ nhàng, phù hợp với đối tượng được miêu tả.
3. Sâu lắng, nhẹ nhàng, phù hợp với đối tượng được miêu tả.
4. Hào hứng, hoành tráng, phù hợp với đối tượng được miêu tả.

Câu 23: Tác giả đã đặt ông Hai vào tình huống như thế nào để ông tự bộc lộ tính cách của mình?

1. Ông Hai không biết chữ, phải đi nghe nhờ người khác đọc.
2. Tin làng ông theo giặc mà tình cờ ông nghe được từ những người tản cư.
3. Bà chủ nhà hay dòm ngó, nói bóng, nói gió vợ chồng ông Hai.
4. Ông Hai lúc nào cũng nhớ da diết cái làng Chợ Dầu của mình.

Câu 24: Câu nào sau đây là lời đối thoại?

1. - Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó.
2. - Hà, nắng gớm, về nào …
3. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?
4. Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng.

Câu 25: Truyện “***Chiếc lược ngà***” của tác giả nào?

1. Kim Lân.
2. Nguyễn Thành Long

C. Nguyễn Quang Sáng

D. Nguyễn Minh Châu.

Câu 26: Người kể chuyện trong đoạn trích trên là ai?

1. Ông Sáu.
2. Bé Thu.
3. Bạn ông Sáu.
4. Mẹ bé Thu.

Câu 27: Tại sao người đọc biết được truyện “***Chiếc lược ngà***” viết về vùng đất Nam Bộ?

1. Nhờ tên tác giả.
2. Nhờ tên tác phẩm.
3. Nhờ tên các địa danh trong truyện
4. Nhờ tên các nhân vật chính trong truyện.

Câu 28: Nội dung của 2 khổ thơ đầu bài ***Đoàn thuyền đánh cá*** là gì ?

1. Miêu tả sự phong phú của các loài cá biển
2. Miêu tả cảnh lên đường và tâm trạng náo nức của con người..
3. Miêu tả cảnh hoàng hôn trên biển
4. Miêu tả cảnh lao động kéo lưới trên biển.

Câu 29: Nội dung các câu hát trong bài thơ ***Đoàn thuyền đánh cá*** có ý nghĩa như thế nào?

1. Biểu hiện niềm vui, sự phấn chấn của người lao động
2. Biểu hiện sức sống căng tràn của thiên nhiên
3. Thể hiện sức mạnh vô địch của con người.
4. Thể hiện sự bao la, hùng vĩ của biển cả.

Câu 30: Nhân vật trữ tình trong bài ***Bếp lửa*** là ai ?

1. Người bà
2. Người mẹ
3. Người bố
4. Người cháu.

Câu 31: Nội dung chính của bài thơ ***Bếp lửa*** là gì ?

1. Miêu tả vẻ đẹp của hình ảnh bếp lửa trong mỗi buổi sớm mai.
2. Nói về tình cảm sâu nặng, thiêng liêng của người cháu đối với bà
3. Nói về tình cảm thương yêu của người bà dành cho cháu con
4. Nói về tình cảm nhớ thương của người con dành cho cha mẹ đang chiến đấu ở xa.

Câu 32: Câu thơ “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi - Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

1. Hoán dụ
2. Ẩn dụ
3. So sánh
4. Nhân hoá.

Câu 33: Biện pháp nghệ thuật đó có tác dụng gì ?

1. Cho thấy tác dụng to lớn của đứa con với buôn làng
2. Cho thấy tác dụng to lớn của đứa con với kháng chiến
3. Cho thấy đứa con là nguồn hạnh phúc ấm áp và thiêng liêng của đời mẹ.
4. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 34: ***Ánh trăng*** được viết cùng thể loại với bài nào sau đây ?

1. Cảnh khuya
2. Đập đá ở Côn Lôn
3. Lượm
4. Đêm nay Bác không ngủ.

Câu 35: Truyện ***Lặng lẽ Sa Pa*** có mấy nhân vật ?

1. Một
2. Hai
3. Ba
4. Bốn

**Đáp án câu hỏi trắc nghiệm Ngữ Văn 9:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| Trả lời | *B* | *B* | *D* | *A* | *D* | *A* | *D* | *A* | *A* | *B* | *C* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
| Trả lời | *A* | *B* | *A* | *C* | *B* | *B* | *A* | *D* | *A* | *A* | *A* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 |
| Trả lời | *B* | *A* | *C* | *C* | *C* | *B* | *A* | *D* | *B* | *A* | *C* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Câu* | 34 | 35 |
| Trả lời | *D* | *D* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện  **Bài tập 2**: **Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*  *Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*  *Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*  *Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh*  *“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,*  *Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,*  *Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*  *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*  *Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*  *Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*  (***Bếp lửa***, Bằng Việt, Ngữ văn 9, Tập một, Tr 144, NXB Giáo dục - 2015)  **a.** Chỉ ra và gọi tên hai biện pháp tu từ được sử dụng trong ba câu cuối của đoạn thơ.  **b.** Từ “*nhà*” trong câu thơ *“Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Trong trường hợp này, từ *“nhà”* có nghĩa là gì?  **c.** Trong đoạn thơ, lời dặn dò của người bà với người cháu đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào? Vì sao?  **d.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ. | - GV chốt kiến thức  (Đáp án)  **Bài tập 2**  **a.** - Chỉ ra biện pháp tu từ: “*Một ngọn lửa*”. Gọi tên: Điệp ngữ.  - Chỉ ra biện pháp tu từ: *“ngọn lửa*”. Gọi tên: Ẩn dụ.  b- Nghĩa chuyển.  - “*nhà*” trong câu thơ có nghĩa là *gia đình*.  \* Học sinh có thể trả lời: *làng xóm, quê hương* vẫn được chấp nhận.  c. - Phương châm về chất.  - Người bà nói không đúng sự thật về tình hình gia đình. Vì: giặc đốt làng, mất hết nhà cửa, dân làng đói khổ...  d. Học sinh có thể viết thành đoạn văn hoặc dùng các dấu hiệu để trình bày theo các gợi ý sau:  - Đoạn thơ là dòng hồi tưởng của người cháu về một thời chiến tranh gian khổ; về sự lo lắng, yêu thương của người bà.  - Đoạn thơ còn là những suy ngẫm về vẻ đẹp tâm hồn của người bà: Qua bao mưa nắng, sớm chiều, bà luôn là người giữ và truyền ngọn lửa của sự sống niềm tin cho cháu con và các thế hệ nối tiếp. |
| **Bài tập 3:** Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới.  *[…] Anh hạ giọng nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:  - Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác ? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc ? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hằng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”*  (Trích *Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long,* Ngữ văn 9 - Tập một, NXBGD)  **a.** Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên.  **b.** Tìm từ ngữ xưng hô có trong đoạn trích.  **c.** Nhân vật anh thanh niên đang nói với ai? Hãy chuyển lời thoại sau thành lời dẫn gián tiếp:  *Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì ?”*  **d.** Qua tâm sự,“công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”, em cảm nhận được vẻ đẹp gì ở nhân vật “cháu" ?  **GV giao bài trắc nghiệm trong SGK cho HS về nhà làm.** | **Bài tập 3:**  a.Phương thức biểu đạt trong đoạn trích : tự sự kết hợp với nghị luận  **b.** Các từ xưng hô có trong đoạn trích : "cháu", "bác"  c. - Nhân vật anh thanh niên đang nói với bác họa sĩ.  - Chuyển lời thoại thành lời dẫn gián tiếp: *Cháu nói rằng bác ấy cũng rất thèm người*.  d. Qua tâm sự đó, em cảm nhận được vẻ đẹp của anh thanh niên: Anh là người yêu công việc, trách nhiệm cao với công việc, cởi mở, chân thành. |

**Tiết 3:**

***Luyện tập tạo lập văn bản (chủ yếu phần tập làm văn):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Đề 1**: **Nhập vai Vũ Nương hãy kể lại quãng đời của mình từ khi kết duyên với chàng Trương đến sự việc nhảy xuống sông tự vẫn**  a.Lập dàn ý cho đề văn sau  b.Viết đoạn mở bài, 1 sự việc phần thân bài và kết bài.  GV cho HS suy nghĩ làm ra vở cá nhân, gọi HS đọc hoặc lên bảng làm  🡪Chốt  Sau khi xong phần dàn bài. Phần viết đoạn văn GV lưu ý HS cần có các yếu tố kết hợp trong văn tự sự.  -HS lên bảng viết hoặc nộp vở, GV chiếu vở của HS để nhận xét.  🡪GV luyện cho HS viết từng phần | - GV chốt kiến thức  (Đáp án)  a. **\*Dàn ý:**   1. **MB:**   - Lý do kể chuyện:  + Có thể bắt đầu bằng việc gặp Phan Lan (Giới thiệu bản thân =>gặp Phan Lang => kể)  (hoặc)  + GT bản thân  + Được sống ở thủy cung => nghĩ lại ngày ở trần thế=> kể   1. **TB:** 2. ***SV1:*** Câu chuyện kết duyên và những ngày đầu sống ở nhà chồng (Tôi kể về cuộc hôn nhân của mình)  * Lý do (hoàn cảnh dẫn đến cuộc hôn nhân) * Cuộc sống những ngày mới kết duyên (trước khi TS đi lính)  1. ***SV2***: Chồng tôi đi lính  * Lý do chồng tôi đi lính * Cuộc tiễn đưa: * Kể tóm tắt (dẫn gián tiếp) * MT * BC * Những ngày tháng TS vắng nhà * Sinh con * Nỗi nhớ chồng * Chăm lo mẹ già  1. ***SV3***: Chồng tôi trở về:  * Lý do: giặc tan * Chàng ngờ oan cho tôi: * Chàng dẫn con đi thăm mộ mẹ * Ở nhà con trai đã có thái độ dùng dằng không muốn đi nhưng tôi đã mắng nó → Nó phải miễn cưỡng đi (Có lẽ do thằng bé lạ). * Từ khi ở mộ về, thái độ của chồng tôi khác hẳn (Lúc đầu… sau đó) * Tôi hết lời thanh minh: Tôi giãi bày nói với chàng → Thái độ TS, cxuc, snghi. * Tôi muốn hàn gắn gia đình => Tóm tắt lời thoại.   => Tôi cảm thấy mình bất hạnh hơn cả người phụ nữ hóa đá chờ chồng   * Tôi nhảy xuống sông tự vẫn: * HĐ: Ngửa mặt lên thề với trời đất   **III. KB:**   * Lý do được cứu * Suy nghĩ của mình về gia đình khi nghĩ về chuyện này * (Mọi sự cũng đã qua rồi, có trách chàng thì mọi việc cũng đã xảy ra. Chàng đáng trách nhưng cũng đáng thương. * Mong được gặp chồng con, nhìn lại quê hương và được minh oan). |

**Tham khảo sự việc “Khi Trương Sinh trở về”:**

Giặc tan, chồng tôi trở về, tôi vô cùng phấn khởi. Bao nhiêu những thấp thỏm, lo âu tan biến trong lòng. Chàng từ cõi chết trở về, đó là điều may mắn mà không phải gia đình nào cũng có được. Tôi thầm cảm ơn trời đất, tổ tiên đã ban may mắn cho gia đình nhà mình. Tôi kể lại cho chàng nghe những lời dặn dò của mẹ trước khi qua đời. Rồi chàng đưa con lên thăm mộ mẹ. Kể từ khi ở mộ trở về, tôi nhận thấy thái độ của chàng bỗng nhiên lạnh lùng, khó hiểu. Lúc đầu, chàng nói những lời bóng gió xa xôi. Sau thì nói với tôi những lời hồ nghi rằng những năm tháng xa chàng, tôi đã không giữ trọn đạo làm vợ. Nhưng khi tôi hỏi thì chàng không nói rõ cụ thể mà chỉ là những lời bóng gió, rồi nặng lời, chửi mắng. Trước thái độ đó của chàng, tôi đã hết lời giãi bày, thanh minh rằng tôi vốn là con kẻ khó, được nương nhờ nhà giàu với tôi đã là phúc lớn. Trong những tháng ngày xa chàng, dù cách biệt ba năm nhưng tôi vẫn giữ gìn một tiết. Chuyện phấn son hay những thú vui nghi gia nghi thất, tôi chưa từng nghĩ đến. Không thể có chuyện mất nết hư thân như lời chàng nói và mong chàng đừng nghi oan cho tôi. Nhưng chàng nhất mực không thèm để ý những lời tôi nói khiến tôi vô cùng đau khổ. Trong lòng tôi không còn biết bấu víu vào đâu và thấy rất tuyệt vọng. Vậy là tình nghĩa vợ chồng, gia đình chẳng lẽ đến đây là tan vỡ? Nên tôi đã nói với chàng những lời thật sự từ tận đáy lòng. Tôi lấy chuyện gia đình để níu kéo hạnh phúc đang tuột khỏi tay. Tôi nói rằng: “Tôi sở dĩ…”. Tôi thấy bản thân còn bất hạnh hơn người phụ nữ chờ chồng đến hóa đá trong truyện cổ tích bởi vì với tôi, cái hạnh phúc được chờ chồng cũng không có mà thay vào đó là chồng tôi hiểu oan cho tôi. Mặc những lời can ngăn của họ hàng làng xóm, chàng còn đánh và đuổi tôi ra khỏi nhà.

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà:

**Đề thi tham khảo**

**Câu 1.(3 điểm)** Đọc đoạn thơ sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu*

*Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*

*(Ngữ văn 9 - tập I)*

a. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b. Xác định biện pháp tu từ em cho là hay nhất và giá trị của biện pháp tu từ đó.

c. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

**Câu 2**. **(2 điểm)** Giải thích nghĩa các thành ngữ sau và cho biết mỗi thành ngữ liên quan đến phương châm hội thoại nào:

- Ông nói sấm, bà nói chớp

- Đi thưa, về trình

**Câu 3. (5 điểm)**

Em hãy đóng vai người lính chuyển bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu thành một câu chuyện kể.

**GỢI Ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Hướng dẫn chấm** | | **Điểm** |
|  | **I. ĐỌC- HIỂU ( 3,0 điểm)** | | |
| **I** | **1a** | Tác giả: Bằng Việt  Tác phẩm: Bếp lửa | *0.5*  *0.5* |
| **1b** | - Biện pháp tu từ tiêu biểu nhất được sử dụng trong đoạn thơ: điệp từ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ. (Chọn một biện pháp)  - Tác dụng của biện pháp nghệ thuật vừa nêu | *0.25*  *1* |
| **1c** | Nội dung chính của đoạn thơ: Người cháu giờ đã đi xa, đến những phương trời rộng mở với đầy đủ tiện nghi (khói trăm tàu, lửa trăm nhà) nhưng vẫn không lúc nào thôi thương nhớ về bà, về bếp lửa của bà, thương nhớ vế quê hương đất nước . | *0.75* |
| **2** | Học sinh xác định được nghĩa của từng thành ngữ và mỗi thành ngữ liên quan đến phương châm hội thoại:   * *Ông nói sấm, bà nói chớp:* mỗi người nói một đề tài không liên quan với nhau   -> phương châm quan hệ   * *Đi thưa, về trình:* phải biết thưa gửi người lớn khi đi, khi về thì phải trình -> phương châm lịch sự | *1*  *1* |
|  | *II. LÀM VĂN ( 5,0 điểm)* | | |
| **II** | **2** | Em hãy đóng vai người lính chuyển bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu thành một câu chuyện kể. | *5.0* |
| a. HS chọn ngôi kể phù hợp: ngôi kể thứ nhất  Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự: có đầy đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài.  Mở bài: giới thiệu được vài nét về tình đồng chí và những kỉ niệm của người lính về tình đồng chí.  Thân bài: triển khai diễn biến của câu chuyện  Kết bài: kết thúc câu chuyện và rút ra bài học. | *0.5* |
| b. Xác định đúng nội dung câu chuyện: câu chuyện của người lính về cơ sở hình thành của tình đồng chí, những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí và biểu tượng đẹp về tình đồng chí. | *0.5* |
| c. Triển khai hợp lí nội dung trình tự của câu chuyện; kết hợp tốt các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.  - Xác định đúng ngôi kể chuyện: Ngôi thứ nhất | *3.0* |
| Học sinh có thể trình bày các chi tiết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những ý cơ bản sau:  **1. Cơ sở của tình đồng chí:**  - Giới thiệu về làng quê của người lính: nghèo khó, xuất thân từ nông dân.  - Cùng chung lí tưởng, cùng chung nhiệm vụ chiến đấu chống giặc ngoại xâm nên họ đã gặp nhau trong hàng ngũ cách mạng và trở thành đồng chí, tri kỉ của nhau.  **2. Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí:**  - Họ sẵn sàng gác lại tình cảm riêng: gia đình, quê hương,... vì nghĩa lớn.  - Mặc dù dứt khoát ra đi nhưng trong lòng người lính vẫn không nguôi thương nhớ về gia đình, nhớ về quê nhà.  - Họ cùng nhau trải qua những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính: sốt rét rừng, thiếu thốn vật chất, thuốc men, thời tiết khắc nghiệt,...  - Tình đồng chí, đồng đội giúp người lính vượt qua mọi khó khăn.  **3. Biểu tượng đẹp của tình đồng chí:**  - Đêm đông, giữa cảnh rừng hoang sương muối, người lính đứng phục kích trong tư thế chủ động, họ luôn sát cánh bên nhau trong một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt.  - Trong khung cảnh đó, người lính còn có thêm một người bạn nữa, đó là trăng. Trên trời, vầng trăng tròn đang tỏa sáng, người lính cảm nhận như trăng treo đầu súng. Hình ảnh đầu súng trăng treo mang nhiều ý nghĩa, hài hòa bổ sung cho nhau, trở thảnh biểu tượng đẹp của tình đồng chí.  **-** Suy nghĩ về người lính trong thời kì kháng chiến và liên hệ, rút ra bài học cho bản thân. | *1.0*  *0.5*  *0.5*  *1.0*  *0.25*  *0.25*  *0.25*  *0.25*  *0.25* |
| d. Sáng tạo: trong cách kể chuyện, kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm. Lời kể mạch lạc, trong sáng | *0.5* |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, chuẩn ngữ pháp của câu, ngữ nghĩa của từ | *0.5* |
|  |  | **Tổng điểm** | *10.0* |